

**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH LAI CHÂU**

**LỊCH SỬ**  
**NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**  
**TỈNH LAI CHÂU (1963 - 2023)**

**NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG**

**BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

<b>PHẠM NGỌC PHƯƠNG</b>	Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Trưởng ban
<b>HOÀNG THỊ NGUYỄN</b>	Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Phó Trưởng ban
<b>LÊ CHÍ CÔNG</b>	Phó Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy - Phó Trưởng ban
<b>NGUYỄN ĐÌNH HÙNG</b>	Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Thành viên
<b>NGUYỄN VĂN QUỲNH</b>	Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư - Thành viên
<b>NGUYỄN VĂN CHIẾN</b>	Chánh Văn phòng - Thành viên - Kiểm thư ký

**TỔ BIÊN SOẠN**

**LÊ CHÍ CÔNG**  
**ĐỖ THU PHƯƠNG**  
**NGUYỄN THỊ TRẦN HẢI HÀ**

**VŨ THỊ THÙY DƯƠNG**  
**NGUYỄN THỊ THÚY**

## LỜI GIỚI THIỆU

**N**gành Kế hoạch và Đầu tư là một trong những ngành quan trọng trong hệ thống quản lý và phát triển của một quốc gia; đóng vai trò quyết định trong việc xác định và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế và xã hội, đảm bảo sự tăng trưởng bền vững, cân đối và phát triển toàn diện trong các lĩnh vực khác nhau. Là một phần trong hệ thống ngành Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đóng vai trò quan trọng trong tham mưu xác định và thực hiện chiến lược phát triển tỉnh, đảm bảo kinh tế và xã hội được phát triển một cách bền vững và hiệu quả qua các thời kỳ cách mạng. Trải qua 60 năm xây dựng và trưởng thành, ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu không ngừng lớn mạnh và phát triển về mọi mặt, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển của xã hội. Nhân dịp chào mừng các sự kiện lịch sử của tỉnh trong năm 2024: 115 năm thành lập tỉnh, 75 năm thành lập Đảng bộ tỉnh và 20 năm chia tách, thành lập tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu tổ chức nghiên cứu, biên soạn và xuất bản cuốn sách **“Lịch sử ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu (1963 - 2023)”**. Đồng thời là dịp để ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu ôn lại chặng đường lịch sử truyền thống vẻ vang 60 năm, tri ân sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, của tỉnh đối với ngành, tri ân những công lao, cống hiến của các thế hệ cán bộ ngành Kế hoạch và Đầu tư đối với sự lớn mạnh, trưởng thành và phát triển của ngành.

Đây là công trình khoa học có tính khái quát cao, tái hiện trung thực, sinh động hoạt động của ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu qua các thời kỳ lịch sử, đồng thời tổng kết, rút ra những bài học kinh nghiệm quý báu cho những chặng đường phát triển tiếp theo. Qua đó, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng của ngành, khơi dậy niềm tự hào, cổ vũ, động viên đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang công tác trong ngành phát huy truyền thống cách mạng, không ngừng phấn đấu vươn lên, vượt qua mọi

*khó khăn, thử thách, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh giao phó, góp phần xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển nhanh và bền vững.*

*Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song do tài liệu lưu trữ không được đầy đủ, chất lượng bảo quản thấp, nhiều tư liệu bị thất lạc nên cuốn sách không tránh khỏi hạn chế. Rất mong các đồng chí và bạn đọc tiếp tục đóng góp ý kiến để cuốn sách có chất lượng tốt hơn trong lần tái bản sau.*

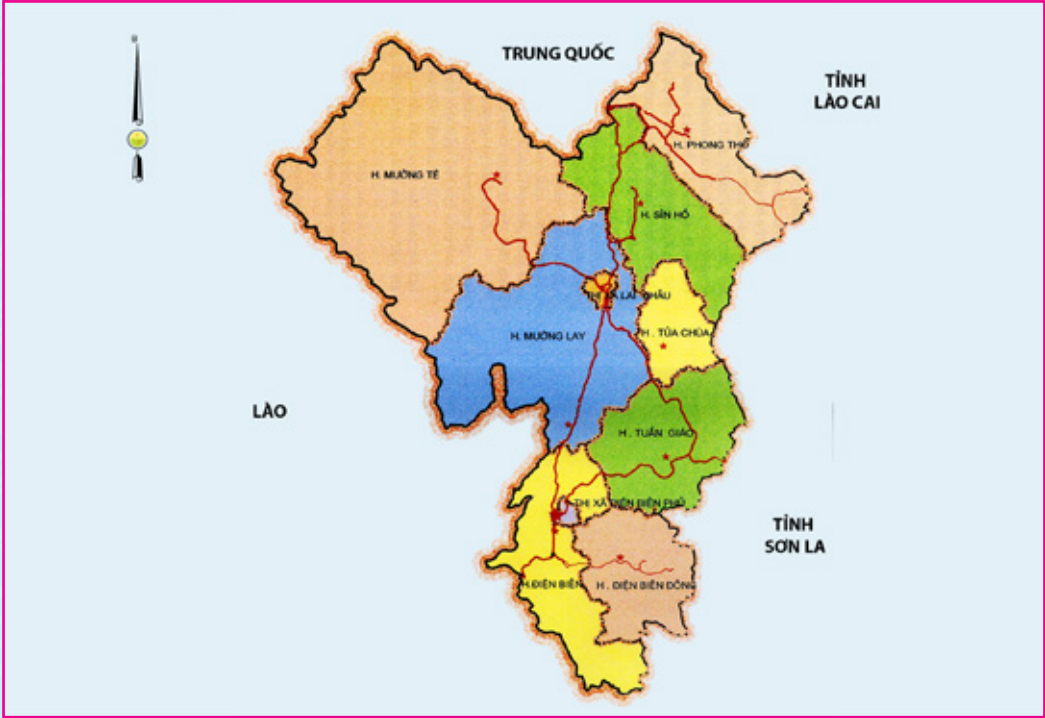
*Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách đến các đồng chí và bạn đọc.*

**BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN**

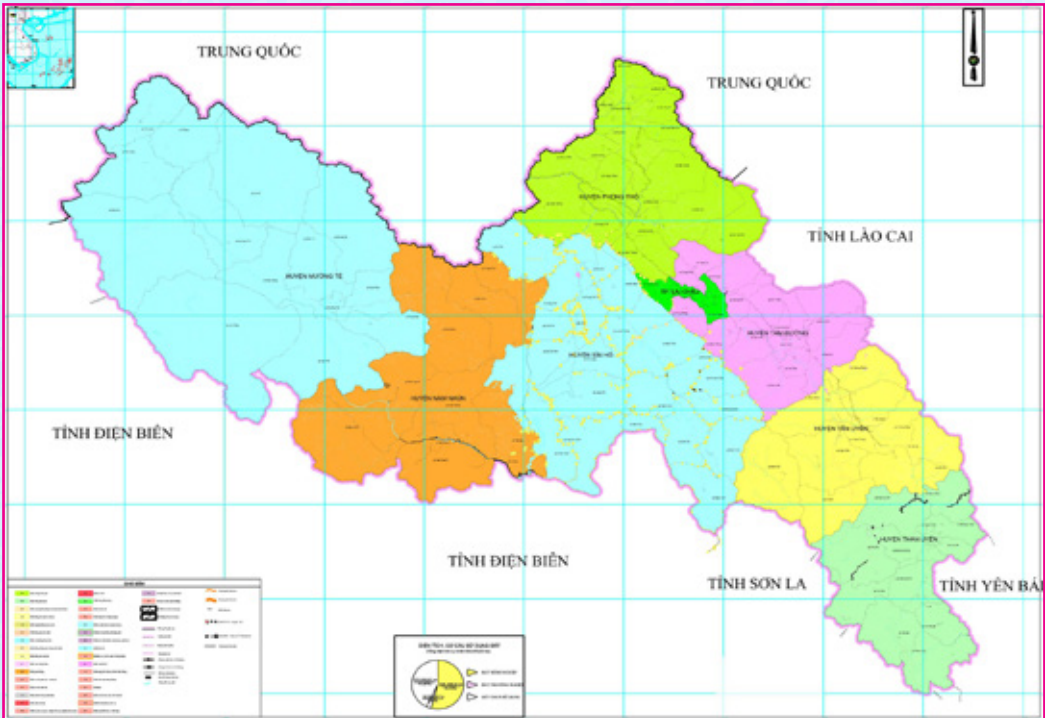


## **CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH**

Người sáng lập và đứng đầu  
Ủy ban Nghiên cứu Kế hoạch Kiến thiết  
tiên thân của ngành Kế hoạch và Đầu tư ngày nay



Bản đồ hành chính tỉnh Lai Châu cũ



Bản đồ hành chính tỉnh Lai Châu mới



PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA NGÀNH

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Tặng*



**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH LAI CHÂU  
ĐƠN VỊ XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA**

**NĂM 2004**

**CỜ THI ĐUA CỦA CHÍNH PHỦ**

**TẶNG**



**ĐƠN VỊ DẪN ĐẦU PHONG TRÀO THI ĐUA**

**NĂM 2005**

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

*Tặng*



**SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU  
ĐƠN VỊ XUẤT SẮC TRONG PHONG TRÀO THI ĐUA**

**Năm 2011**



Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2017 đến năm 2021, góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc



# Chương I

## KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH LAI CHÂU

### I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, MỘT SỐ YẾU TỐ TỰ NHIÊN CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Tỉnh Lai Châu (cũ) nằm ở phía Tây Bắc Việt Nam, được định vị từ  $20^{\circ}52'$  đến  $22^{\circ}49'$  vĩ độ Bắc, từ  $102^{\circ}08'$  đến  $103^{\circ}46'$  kinh độ Đông, có diện tích tự nhiên  $16.919,22\text{km}^2$ , lớn thứ hai toàn quốc. Phía Đông Bắc giáp tỉnh Lào Cai, phía Đông Nam giáp tỉnh Sơn La; phía Tây Nam và Tây Bắc giáp hai tỉnh Luông-pha-bang và Phông-sa-lỳ của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với đường biên giới dài  $363\text{km}$ ; phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa với đường biên giới dài  $311\text{km}$ .

Sau khi chia tách năm 2004, tỉnh Lai Châu mới là tỉnh miền núi phía Tây Bắc của Tổ quốc, cách Thủ đô Hà Nội khoảng  $400\text{km}$ , có tọa độ địa lý từ  $21^{\circ}51'$  đến  $22^{\circ}49'$  vĩ độ Bắc và  $102^{\circ}19'$  đến  $103^{\circ}59'$  kinh độ Đông. Phía Bắc và Tây Bắc giáp tỉnh Vân Nam của Trung Quốc, phía Tây giáp tỉnh Điện Biên, phía Đông và phía Đông Nam tiếp giáp với hai tỉnh Lào Cai và Yên Bái, phía Nam tiếp giáp với tỉnh Sơn La. Diện tích tự nhiên của tỉnh là  $9.068,78\text{km}^2$ , đứng thứ 10 trong 63 tỉnh, thành cả nước. Chiều dài đường biên giới là  $265,165\text{km}$ , có cửa khẩu quốc tế Ma Lù Thàng, được gắn với khu vực tam giác tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh bằng các tuyến Quốc lộ 4D, 70, 32 và đường thủy sông Đà, tiềm năng phát triển dịch vụ, thương mại, xuất nhập khẩu và du lịch.

Địa hình Lai Châu phức tạp, hiểm trở, nét nổi bật địa hình là các dải núi, nhánh núi có độ cao chủ yếu trên  $1.500\text{m}$ , các đỉnh núi cao trên  $3.000\text{m}$ , thuộc nhóm các đỉnh núi cao nhất Việt Nam đa phần đều nằm tại Lai Châu, cao nhất là đỉnh Phan Xi Păng  $3.143\text{m}$ . Các dãy núi cao đều chạy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam. Đất đai có cấu trúc chủ yếu là núi đất, xen kẽ là các dãy núi đá vôi có dạng địa chất caster tạo nên các hang động và sông, suối ngầm. Xen kẽ giữa các dãy núi cao là các thung lũng hoặc các lòng chảo có địa hình tương đối bằng phẳng, không

chỉ thuận lợi cho sản xuất lương thực mà còn tạo nên những quang cảnh đẹp như tranh vẽ. Cảnh đồng Mường Thanh (nay thuộc tỉnh Điện Biên) và cảnh đồng Mường Than (huyện Than Uyên) đã đi vào câu tục ngữ của nhân dân “Nhất Thanh, nhì Lò, tam Than, tứ Tấc”.

Toàn bộ diện tích Lai Châu thuộc lưu vực sông Đà, có ba hệ thống sông chính: Sông Đà, sông Nậm Na (chảy qua địa bàn các huyện Phong Thổ, Tam Đường, Sìn Hồ, Nậm Nhùn), sông Nậm Mu (chảy dọc thung lũng Bình Lư, Tân Uyên, Than Uyên). Với mạng lưới sông suối dày đặc (khoảng 500 suối lớn, nhỏ), mật độ khá cao (5,5 - 6 km/km<sup>2</sup>), nhiều thác ghềnh, nhiều dòng chảy lưu lượng lớn nên Lai Châu có nguồn tài nguyên mặt nước rất phong phú và có điều kiện phát triển hệ thống thủy điện lớn, vừa và nhỏ. Thủy điện Lai Châu - nhà máy thủy điện lớn thứ ba Đông Nam Á, được xây dựng tại xã Nậm Hàng, huyện Nậm Nhùn, bậc trên của thủy điện Sơn La, chính thức khánh thành vào ngày 20/12/2016, gồm 3 tổ máy với tổng công suất lắp đặt 1.200 MW, mỗi năm cung cấp lên lưới điện quốc gia khoảng 4,7 tỉ kWh.

Trên địa bàn tỉnh đã đăng ký được 169 mỏ và điểm quặng, thuộc 6 nhóm: Nhóm nguyên liệu cháy (Than đá có 4 điểm); nhóm kim loại (Sắt có 5 điểm, đồng có 14 điểm, chì - kẽm có 10 điểm, vàng có 53 điểm, molybden có 4 điểm, thiếc có 1 điểm; phóng xạ (U-Th) có 7 điểm; đất hiếm có 3 điểm); nhóm không kim loại (17 điểm); nhóm nguyên liệu hóa (3 điểm); nhóm vật liệu xây dựng (Đá ốp lát, đá vôi xi măng, đá phiến lợp, cuội sỏi, cát... có 27 điểm); nhóm nước nóng - nước khoáng (21 điểm). Là tiềm năng để phát triển công nghiệp mang lại giá trị kinh tế cao.

Tỉnh Lai Châu có đặc điểm khí hậu mang tính chất gió mùa chí tuyến, khí hậu điển hình của vùng nhiệt đới núi cao vùng Tây Bắc có ngày nóng, đêm lạnh, ít chịu ảnh hưởng của bão. Khí hậu trong năm chia hai mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa thường kéo dài từ tháng 4 đến tháng 10, nhiệt độ và độ ẩm không khí cao. Nhiệt độ mùa mưa ở mức 25 - 35°C, lượng mưa bình quân hàng năm dao động từ 1.600mm đến trên 3.000mm, trung bình từ 2.500 - 2.700mm. Lượng mưa phân bố không đều theo thời gian, không đều giữa các khu vực

của tỉnh. Vào mùa mưa, Lai Châu thường phải chịu nhiều thiên tai, các đợt lũ ống, lũ quét tàn phá nặng nề, nhiều đoạn đường sạt lở gây thiệt hại lớn. Mùa khô lạnh bắt đầu từ tháng 11 năm trước kéo dài đến tháng 3 năm sau. Có những tháng vào mùa này, lượng mưa chỉ đạt từ 5 - 20mm. Vào những đợt rét nhất, nhiều nơi, nhiệt độ trung bình xuống 4 - 5<sup>0</sup>C, kèm theo lạnh có sương mù dày đặc, gió bắc và sương muối; thậm chí ở vùng cao có nơi đóng băng hoặc có tuyết. Một số nơi ở vùng núi cao như cao nguyên Sìn Hồ, Sìn Hồ Chải, Sìn Hồ Suối Hồ... khí hậu trong lành, mát mẻ, có tiềm năng để phát triển du lịch và trồng cây dược liệu có giá trị cao.

Rừng ở Lai Châu thuộc loại rừng nhiệt đới, quần thể thực vật rất phong phú với hơn 2.432 loài thực vật, 209 họ. Có một số loài cây gỗ quý hiếm như: nghiến, lát hoa, gù hương, sến mật, chò chỉ, kim giao, pơ mu... Sau cây gỗ, rừng núi Lai Châu có nhiều loài thực vật dùng để đan lát đồ thủ công mỹ nghệ, xây dựng nhà cửa đó là các loài tre, nứa, luồng, trúc, giang, mây, song... Một số loài thực vật được dùng làm thuốc chữa bệnh: Chân chim 7 lá, tắc kè đá, hà thủ ô đỏ, đẳng sâm, râu hùm hoa tía... Một số loài cây thuốc có giá trị cao như: sâm, giảo cổ lam, đỗ trọng... Ngoài ra, Lai Châu còn có khu hệ động vật đa dạng và phong phú với 66 loài thú thuộc 29 họ và 9 bộ; 347 loài chim thuộc 48 họ và 14 bộ; 135 loài bò sát, ếch nhái thuộc 20 họ và 3 bộ<sup>1</sup>. Điều kiện tự nhiên về rừng, hệ thực vật, động vật là tiềm năng quan trọng để phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh.

Vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên của Lai Châu có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng của tỉnh, trong đó có nhiều tiềm năng, lợi thế, tạo ra nhiều cơ hội mang lại hiệu quả kinh tế cao. Đồng thời cũng tác động đến sự phát triển của ngành Kế hoạch và Đầu tư, đó là nghiên cứu, tham mưu giải pháp để phát huy các điều kiện thuận lợi (nguồn tài nguyên về khoáng sản, nước...) mang lại nguồn thu lớn cho tỉnh và tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các ngành liên quan; bên cạnh đó cũng đặt ra bài toán cần

---

1. Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, *Địa chí Lai Châu*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2020, tr.93.

quan tâm giải quyết như: địa hình của một khu vực có thể ảnh hưởng đến khả năng phát triển các dự án cụ thể, các vùng núi cao và đồi núi có thể gặp khó khăn trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và ảnh hưởng đến chi phí xây dựng và quản lý dự án; hoặc rủi ro thảm họa tự nhiên, lũ lụt, động đất, hạn hán đặt ra các yêu cầu đối với quy hoạch và xây dựng hạ tầng để đảm bảo sự an toàn và ổn định... Ngành Kế hoạch và Đầu tư cần nghiên cứu, xem xét cẩn thận các yếu tố này khi tham mưu về các dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

## II. ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH TỈNH LAI CHÂU

Ngày 28/6/1909, Toàn quyền Đông Dương Klobukowski ra Nghị định thành lập tỉnh Lai Châu (gồm Đạo Lai và châu Điện Biên). Ngày 27/3/1916, thực dân Pháp quyết định nhập tỉnh Lai Châu vào đạo Quan binh thứ tư, thực hiện quản lý hành chính theo chế độ quân quản, kéo dài đến ngày 04/9/1943.

Sau chiến dịch Điện Biên Phủ, Lai Châu được hoàn toàn giải phóng. Ngày 29/4/1955, Chủ tịch nước ký Sắc lệnh về việc thành lập Khu tự trị Thái - Mèo, 6 châu của tỉnh Lai Châu (Mường Tè, Mường Lay, Sinh Hồ, Điện Biên, Quỳnh Nhai, Tuần Giáo) trực thuộc Khu tự trị Thái - Mèo<sup>1</sup>. Ngày 27/10/1962, kỳ họp thứ năm Quốc hội khóa II đã ra Nghị quyết đổi tên Khu tự trị Thái - Mèo thành Khu tự trị Tây Bắc, đồng thời tái lập lại hai tỉnh Lai Châu, Sơn La và thành lập tỉnh mới Nghĩa Lộ trực thuộc Khu tự trị Tây Bắc. Tỉnh Lai Châu gồm 7 huyện: Điện Biên, Tuần Giáo, Tủa Chùa, Mường Tè, Mường Lay, Phong Thổ, Sinh Hồ. Thực hiện Nghị quyết số 22/2003/QH11, ngày 26/11/2003 của Quốc hội khóa XI nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh, tỉnh Lai Châu (cũ) được chia tách thành tỉnh Lai Châu (mới) và tỉnh Điện Biên. Tỉnh Lai Châu (mới) gồm 4 huyện của tỉnh cũ (Mường Tè, Sinh Hồ, Phong Thổ, Tam Đường) và sáp nhập thêm huyện Than Uyên của tỉnh Lào Cai, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2004. Ngày 10/10/2004, thị xã Lai Châu được thành lập theo

---

1. Theo Sắc lệnh số 230-SL của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về thành lập Khu tự trị Thái - Mèo (Công báo nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, số 8, năm 1955).

Nghị định số 176/2004/NĐ-CP của Chính phủ. Ngày 30/10/2008, Chính phủ ban hành Nghị định số 04/2008/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Than Uyên để thành lập huyện Tân Uyên. Ngày 02/11/2012, huyện Nậm Nhùn được thành lập theo Nghị quyết số 71/NQ-CP của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập đơn vị hành chính cấp xã, huyện thuộc tỉnh Lai Châu. Ngày 27/12/2013, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 131/NQ-CP về việc thành lập thành phố Lai Châu thuộc tỉnh Lai Châu trên cơ sở 7 đơn vị hành chính xã, phường của thị xã Lai Châu. Đến năm 2023, tỉnh Lai Châu có 8 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm thành phố Lai Châu và các huyện: Mường Tè, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Tam Đường, Phong Thổ, Tân Uyên, Than Uyên; 106 đơn vị hành chính cấp xã.

### **III. ĐẶC ĐIỂM VỀ VĂN HÓA, KINH TẾ**

Lai Châu có 20 dân tộc cùng sinh sống, trong đó: dân tộc Thái chiếm 32,08%; dân tộc Mông chiếm 23,94%; dân tộc Kinh chiếm 15,1%; dân tộc Dao chiếm 12,50%; dân tộc Hà Nhì chiếm 3,54%, còn lại là các dân tộc khác<sup>1</sup>. Trong đó, có 4 dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Si La, Lự) và có 3 dân tộc thiểu số cơ bản chỉ cư trú tập trung tại Lai Châu (La Hủ, Si La, Mảng). Mỗi dân tộc có bản sắc văn hóa tốt đẹp đặc trưng về lễ hội, dân ca dân vũ, trang phục, phong tục tập quán trong sản xuất, tâm linh... tất cả tạo nên bức tranh rực rỡ sắc màu, cuốn hút. Tỉnh Lai Châu được công nhận 4 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia (trò chơi Kéo co trong nghi lễ dân tộc Thái; lễ Tủ cải dân tộc Dao; lễ hội Gầu Tào dân tộc Mông; Nghề dệt thổ cẩm dân tộc Lự); 2 di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại (Nghệ thuật Múa xòe, Then dân tộc Thái). Tinh thần đoàn kết, đức tính cần cù lao động và bản sắc tốt đẹp của đồng bào các dân tộc là mục tiêu và là động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thời phong kiến, kinh tế Lai Châu rất lạc hậu, sản xuất nông nghiệp tự cung, tự cấp. Đời sống của người dân phụ thuộc nhiều vào tự nhiên, do đó, cuộc sống của đồng bào không ổn định, thiếu đói thường

---

1. Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, *Địa chí Lai Châu*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2020, tr.167.



xuyên xẻ ra. Dưới sự bóc lột của thực dân Pháp, nhiều cuộc càn quét, phá hoại ruộng nương, giết gia súc làm cho kinh tế Lai Châu càng trì trệ, kém phát triển. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần đoàn kết, vượt khó vươn lên của nhân dân các dân tộc, kinh tế Lai Châu chuyển mình, không những đáp ứng nhu cầu của Nhân dân mà phục vụ đắc lực cho các chiến trường trong hai cuộc kháng chiến lâu dài và anh dũng của dân tộc. Sau đó, nền kinh tế tự cung, tự cấp chuyển dịch sang phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, đầu tư tập trung vào một số vùng kinh tế trọng điểm nhằm khai thác lợi thế và tiềm năng tại chỗ. Đặc biệt, từ khi chia tách, thành lập tỉnh đến nay, quy mô kinh tế của tỉnh tăng nhanh, tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao; cơ cấu kinh tế theo ngành chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; thu ngân sách trên địa bàn tăng nhanh; một số công trình lớn, trọng điểm đã hoàn thành đưa vào sử dụng, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và bộ mặt đô thị, nông thôn có sự thay đổi tích cực, rõ nét, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện.

## **Chương II**

# **NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU**

# **THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

# **VÀ CHỐNG CHIẾN TRANH PHÁ HOẠI CỦA ĐẾ QUỐC MỸ**

### **(1963 - 1975)**

## **I. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH LẬP VÀ KIẾN TOÀN, TÍCH CỰC THAM MƯU GÓP PHẦN HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1963 - 1965)**

### **1. Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản tỉnh Lai Châu (tiền thân của Sở Kế hoạch và Đầu tư) được thành lập**

Từ năm 1949 - 1955, bộ máy chính quyền của tỉnh chưa hoàn thiện, chưa thành lập cơ quan chuyên trách tham mưu các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội nên việc tham mưu các chủ trương, kế hoạch do Ủy ban hành chính các cấp thực hiện. Giai đoạn này, trên địa bàn Lai Châu triển khai một số chủ trương lớn: thực hiện chính sách dân tộc thiểu số; tập trung sản xuất và chống đói; mở rộng giao thông vận tải; nhân dân góp sức người, sức của phục vụ tiền tuyến; từ sau giải phóng, tập trung phục hồi kinh tế, giáo dục, y tế và văn nghệ ở vùng đồng bằng và cả đến những vùng cao; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng lực lượng cán bộ ở các cấp... Tuy nhiên, do đội ngũ cán bộ còn yếu và thiếu, vẫn còn cán bộ không biết chữ nên chất lượng triển khai thực hiện có mặt còn hạn chế.

Từ khi thành lập Khu tự trị Thái - Mèo (ngày 29/4/1955), các châu (huyện trước đây) trực thuộc Khu, không có cấp hành chính tỉnh. Ban Kế hoạch Khu ủy là một ngành chuyên môn trong Ủy ban hành chính Khu, công tác dần đi vào nền nếp, giúp Ủy ban hành chính xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng. Đối với châu, một số cán bộ trong Văn phòng Ủy ban châu thực hiện nhiệm vụ tham mưu kế hoạch. Trong giai đoạn này, Ban Kế hoạch Khu ủy đã tham mưu với Ủy ban hành chính, Ban Cán sự Khu ủy ban hành và triển khai nhiều nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp thiết như: Kế hoạch khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa năm 1956 của Khu ủy; Kế hoạch huy động dân công

trong năm 1956; phương hướng kế hoạch 3 năm (1957 - 1959); Kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa Khu tự trị Thái - Mèo; Kế hoạch hợp tác hóa và đẩy mạnh sản xuất... Các kế hoạch, phong trào đã thu được nhiều kết quả quan trọng, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được kiến lập, cuộc vận động hợp tác hóa kết hợp hoàn thành cải cách dân chủ đã cơ bản hoàn thành, quan hệ sản xuất nông nghiệp đã có thay đổi lớn.

Bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961 - 1965), sự nghiệp cách mạng trên cả hai miền Nam, Bắc đều có bước tiến quan trọng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng thông qua kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất nhằm mục tiêu phấn đấu xây dựng bước đầu cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, thực hiện một bước công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, tiếp tục đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội.

Trước yêu cầu của nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc Tây Bắc, ngày 27/10/1962, Quốc hội khóa II, kỳ họp thứ 5 ra quyết nghị thành lập lại hai tỉnh Lai Châu, Sơn La và thành lập tỉnh mới Nghĩa Lộ thuộc Khu tự trị Tây Bắc. Ngày 24/12/1962, Thủ tướng Chính phủ ban hành văn bản số 3451/NC về việc thành lập 3 tỉnh: Lai Châu, Sơn La, Nghĩa Lộ và cơ cấu tổ chức của 3 tỉnh đó. Theo đó, ngày 01/01/1963, Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản tỉnh Lai Châu được thành lập<sup>1</sup>, cơ cấu tổ chức bộ máy gồm: Ban lãnh đạo, bộ phận kế hoạch, bộ phận thống kê, bộ phận quản lý kiến thiết cơ bản, bộ phận hành chính tổ chức, phân vùng kinh tế. Ông Lê Xuân Cẩn được bổ nhiệm chức vụ Chủ nhiệm từ tháng 01/1963; Ủy ban kế hoạch có mặt 19 biên chế trong tổng số 45 biên chế được giao.

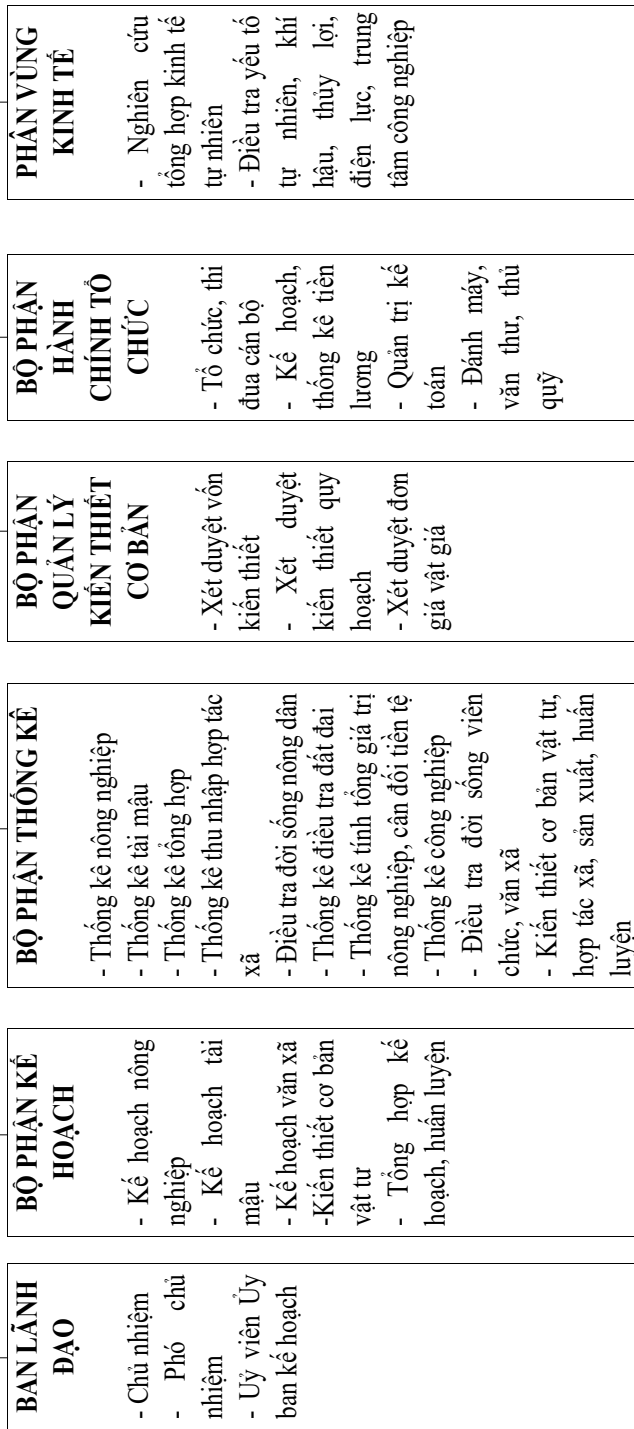
---

1. Trong các văn bản của Ủy ban hành chính hay viết tắt tên “Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản” là Ủy ban kế hoạch.

## Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy

### Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản tỉnh Lai Châu

#### ỦY BAN KẾ HOẠCH, THỐNG KÊ, KIẾN THIẾT CƠ BẢN TỈNH LAI CHÂU



## **2. Kiện toàn tổ chức bộ máy Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản**

Ngày 06/01/1964, Ủy ban hành chính tỉnh ban hành Quyết định số 15-QĐ/TC về việc chuyển nhiệm vụ công tác xây dựng quy hoạch của Ty Kiến trúc sang Ủy ban kế hoạch tỉnh quản lý. Chuyển 4 đồng chí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch, trắc đạc và công nhân, toàn bộ dụng cụ, phụ tùng, bàn ghế, giường tủ của bộ phận này bàn giao cho Ủy ban kế hoạch quản lý.

Ngày 14/5/1964, Ủy ban hành chính tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số 34/QĐTC về việc tách cơ quan Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản thành 3 cơ quan riêng biệt. Ủy ban kế hoạch là cơ quan hành chính sự nghiệp, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính tỉnh, có con dấu và tài khoản riêng. Về cán bộ, nhân viên trên cơ sở công tác nghiệp vụ nào, chia theo nghiệp vụ ấy. Ông Lê Xuân Cẩn tiếp tục giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch; Ủy ban kế hoạch có 12 đồng chí cán bộ chuyên môn.

Tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan kế hoạch các cấp thực hiện theo Nghị định số 190-CP, ngày 29/12/1964 của Hội đồng Chính phủ. Ủy ban kế hoạch tỉnh là cơ quan của Ủy ban hành chính tỉnh, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính tỉnh và sự chỉ đạo về nghiệp vụ của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Ủy ban kế hoạch tỉnh có trách nhiệm giúp Ủy ban hành chính tỉnh:

- Xây dựng dự án kế hoạch ngắn hạn và dự án kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế và văn hóa trong địa phương, trình Ủy ban hành chính duyệt và gửi lên Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch ở các cấp, các ngành trong địa phương, kịp thời kiến nghị những biện pháp nhằm đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch.

- Lập dự án kế hoạch động viên kinh tế của địa phương trong trường hợp cần thiết.

- Nghiên cứu các vấn đề trọng yếu có liên quan đến kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa trong địa phương và đề ra những kiến nghị cần thiết.

- Nghiên cứu xây dựng các dự án phân vùng kinh tế theo ngành ở trong địa phương và góp ý kiến với cấp trên trong việc phân vùng kinh tế hành chính.



- Làm các báo cáo định kỳ và bất thường về tình hình thực hiện kế hoạch trong địa phương, đề ra những nhận xét và kiến nghị những biện pháp nhằm bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch.

- Chỉ đạo về nghiệp vụ đối với các tổ chức làm công tác kế hoạch của cơ quan, các ngành, các cấp trong địa phương; bồi dưỡng về nghiệp vụ, về phương pháp công tác cho cán bộ làm kế hoạch của các cơ quan, các ngành, các cấp trong địa phương.

Ủy ban kế hoạch tỉnh có quyền hạn:

- Theo sự hướng dẫn của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước nghiên cứu và cụ thể hóa những hệ thống biểu mẫu, các chỉ tiêu, những phương pháp xây dựng kế hoạch, trình tự và chế độ lập kế hoạch để phổ biến cho các cơ quan, các ngành, các cấp ở trong địa phương thi hành.

- Theo sự ủy nhiệm của Ủy ban hành chính cùng cấp, góp ý kiến vào việc xây dựng kế hoạch và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của những đơn vị sản xuất và sự nghiệp thuộc các ngành ở Trung ương hoạt động tại địa phương. Thông qua Ủy ban hành chính mà kiến nghị với thủ trưởng đơn vị, với ngành chủ quản ở Trung ương về những biện pháp cải tiến công tác quản lý và sản xuất nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch ở các đơn vị đó.

- Yêu cầu các cơ quan, các ngành, các đơn vị sản xuất và sự nghiệp thuộc địa phương lên kế hoạch của mình và gửi cho Ủy ban kế hoạch để làm dự án kế hoạch tổng hợp.

- Yêu cầu các cơ quan, các ngành, các cấp thuộc địa phương và những đơn vị sản xuất và sự nghiệp thuộc các ngành ở Trung ương hoạt động trong địa phương gửi cho Ủy ban kế hoạch những báo cáo định kỳ và tình hình thực hiện kế hoạch và những tài liệu cần thiết cho công tác kế hoạch.

- Sửa đổi những quyết định về nghiệp vụ của cơ quan kế hoạch cấp dưới xét ra không thích đáng; đề nghị Ủy ban hành chính sửa đổi những quyết định không thích đáng liên quan đến công tác kế hoạch của các ngành cùng cấp và của Ủy ban hành chính cấp dưới.

- Triệu tập hoặc đề nghị Ủy ban hành chính triệu tập cán bộ phụ trách của các cơ quan, các ngành, các cấp thuộc địa phương họp bàn về

công tác kế hoạch và có quyền tham dự các hội nghị ở địa phương có liên quan đến công tác kế hoạch.

Đối với các huyện, thị xã thuộc tỉnh thành lập phòng kế hoạch hoặc bộ phận kế hoạch trực thuộc Ủy ban hành chính. Các xã, thị trấn thành lập ban kế hoạch xã do chủ tịch hoặc phó chủ tịch Ủy ban hành chính làm trưởng ban và cán bộ chuyên môn làm công tác kế hoạch giúp việc. Ở các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp và các hợp tác xã sản xuất khác, công tác kế hoạch do ban quản trị hợp tác xã đảm nhiệm, giúp việc ban quản trị có cán bộ chuyên môn làm công tác kế hoạch. Ở những xã có hợp tác xã toàn xã thì không thành lập ban kế hoạch xã; công tác kế hoạch do ban quản trị hợp tác xã đảm nhiệm và dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Ủy ban hành chính xã.

Ông Lê Xuân Cẩn giữ chức vụ Chủ nhiệm từ tháng 01/1963 đến tháng 7/1964; ông Lâm Sung được bổ nhiệm chức vụ Chủ nhiệm từ tháng 8/1964 đến tháng 12/1964; ông Nguyễn Niệm được bổ nhiệm chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch từ năm 1965. Ông Trần Quang Minh giữ chức vụ Ủy viên, đến năm 1964, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Chủ nhiệm<sup>1</sup>. Đội ngũ cán bộ dần dần được bổ sung, đến cuối năm 1965 có 25 người (số biên chế được giao là 31 người). Cán bộ được bổ sung đến từ Trung ương, từ tỉnh và các ngành, tuy nhiên vẫn thiếu đội ngũ lãnh đạo.

### **3. Ngành Kế hoạch và Đầu tư tích cực tham mưu hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1963 - 1965)**

Năm 1963 là năm bản lề của kế hoạch 5 năm, là năm xây dựng kế hoạch đầu tiên của tỉnh và cũng là kế hoạch năm đầu của kế hoạch 3 năm, tỉnh phải hoàn thành nhiệm vụ của Trung ương và Khu giao, đồng thời phải giải quyết một số yêu cầu cấp thiết trước mắt về xây dựng cơ sở mới cho tỉnh, mặt khác phải giải quyết các khó khăn về đời sống, nhất là vùng cao, đẩy mạnh sản xuất nhằm cải thiện thêm một bước đời sống của nhân dân các dân tộc, làm cho việc thực hiện kế hoạch những năm sau được thuận lợi.

---

1. Theo văn bản ngày 04/3/1965 của Ủy ban kế hoạch về báo cáo danh sách đề nghị Ủy ban hành chính tỉnh khen thưởng năm 1964.

Trong giai đoạn này, dưới ánh sáng của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất đã động viên cán bộ, công nhân viên phấn khởi thúc đẩy phong trào thi đua yêu nước, học tập tinh thần chiến đấu bất khuất và anh dũng của anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi, mỗi người làm việc bằng hai vì chủ nghĩa xã hội, vì đấu tranh thống nhất để đền đáp cho đồng bào miền Nam đang ở trong tình trạng “nước sôi lửa bỏng”. Do được giáo dục liên tục nên ý thức cách mạng của cán bộ, công nhân viên cơ quan được nâng lên, tăng thêm sự tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, yên tâm, xác định cống hiến cho Tây Bắc, hầu hết cán bộ đã chuyển gia đình ở xuôi lên sinh sống ở Lai Châu, tạo điều kiện tốt nhất trong công tác. Tinh thần cách mạng thể hiện trong việc tích cực thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, bảo quản hồ sơ tài liệu, chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và công tác phòng không, phòng gian.

Mặc dù mới thành lập, bộ máy cơ quan dần được kiện toàn, biên chế thiếu, có cán bộ còn yếu về chuyên môn, công việc nhiều và mới, đa số cán bộ phải kiêm 2, 3 việc nhưng Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản đã kịp thời ổn định tổ chức bộ máy, tích cực động viên cán bộ, công nhân viên phát huy năng lực, do đó, đã đạt được nhiều thành tích trong xây dựng và triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Với tinh thần thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 1963 sẽ tăng thêm lòng tin tưởng và phấn khởi của cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tạo ra cơ sở tốt cho việc hoàn thành kế hoạch 3 năm. Quán triệt các nghị quyết: Đại hội lần thứ III, Hội nghị lần thứ 5 và 7 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hội nghị nông nghiệp miền núi và các nghị quyết về phát triển nông, lâm nghiệp, công nghiệp 5 năm, nghị quyết khai hoang của Khu, nhiệm vụ kế hoạch năm 1963 của Nhà nước, Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản tham mưu trình Ủy ban lâm thời phụ trách hành chính tỉnh trình Tỉnh ủy dự án về phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu của kế hoạch năm 1963.

Tỉnh ủy xác định phương hướng, nhiệm vụ năm 1963 của tỉnh là: “mọi mặt hoạt động của các cấp, các ngành phải xoay quanh 3 vấn đề lớn: tăng cường đoàn kết toàn dân tộc, tất cả phục vụ cho đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân và bảo vệ trật tự trị an, vấn đề then chốt và quyết định nhất là phải thực sự đi vào củng cố các cơ

sở nói chung và trọng tâm là củng cố hợp tác xã và đào tạo bồi dưỡng cán bộ”. Đồng thời, xác định những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch về giá trị tổng sản lượng công nghiệp, tỷ trọng giữa nông nghiệp và công nghiệp, đầu tư xây dựng cơ bản, mức lưu chuyển hàng hóa bán lẻ xã hội, khối lượng hàng hóa luân chuyển, thu - chi tài chính, chỉ tiêu về giáo dục, y tế.

Xác định một số nhiệm vụ lớn, về công nghiệp là làm các công trình: điện nước (2 công trình này làm trong 3 năm (1963 - 1965), xưởng cơ khí, mộc, thủy tinh, gốm, ép dầu, gạch ngói, in, thủy điện Nậm Cắn, Tam Đường, củng cố thủy điện Tuần Giáo, xưởng chế biến bột và xưởng nông cụ Tuần Giáo. Về nông, lâm nghiệp - thủy lợi: mở rộng và xây dựng 5 trại quốc doanh chăn nuôi ở 5 huyện<sup>1</sup>. Xây dựng hạ tầng phục vụ cho sản xuất<sup>2</sup>. Xây dựng trụ sở Điện Biên và Mường Lay (2 tầng), trụ sở Mường Tè, trại giam và đồn công an, dành một số tiền làm cơ quan các ngành của tỉnh. Ngoài ra còn các công trình của các ngành quốc doanh và các công trình do Trung ương quản lý (kho tàng thương nghiệp, lương thực, ngân hàng, bưu điện, đường số 6, Đại thủy nông Nậm Rốm...)<sup>3</sup>.

Trong năm đầu mới thành lập, Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản tham mưu nhiệm vụ quan trọng là nghiên cứu, đề xuất chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp có tính chiến lược cho sự phát triển của tỉnh và được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ nhất (Đại hội diễn ra từ ngày 15 - 21/10/1963) thông qua. Nghị quyết Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ chung 3 năm (1963 - 1965) của tỉnh: “Trên cơ sở nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tăng cường đoàn kết dân tộc, ra sức củng cố xây dựng quan hệ sản xuất mới trong nông nghiệp một cách toàn diện, trọng tâm là sản xuất lương thực, giải quyết một bước về công nghiệp và giao thông vận tải. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển mạng lưới thương nghiệp phục vụ nhân dân...”.

Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ

---

1. Tủa Chùa, Tuần Giáo, Mường Lay, Mường Tè, Điện Biên.

2. 5 công trình thủy nông Mường Ảng, Quyết Thắng, Bản Chăn, Hồ Thầu, tiếp tục củng cố hồ chứa nước Huổi Phạ, nghiên cứu xây dựng hồ và bể chứa nước Tủa Chùa, xây dựng 4 vườn ươm để bảo đảm số cây trồng cho các thị trấn Mường Lay, Điện Biên, Tuần Giáo và Tủa Chùa.

3. Dự án ngày 28/4/1963 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu của kế hoạch năm 1963.

nhất đề ra, Ủy ban kế hoạch phải tham mưu triển khai: “Tập trung sức phát triển nông nghiệp, không ngừng củng cố quan hệ sản xuất mới, cố gắng xây dựng một số cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp, trọng tâm là giải quyết một bước vững chắc về lương thực, phát triển mạnh chăn nuôi, cây công nghiệp, tích cực củng cố nghề rừng tăng thêm sản phẩm hàng hóa, tăng thêm nhân lực từ miền xuôi lên xây dựng kinh tế”.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban kế hoạch đã phát huy tinh thần trách nhiệm, tích cực tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh triển khai các nhiệm vụ, giải pháp của từng năm. Phối hợp chặt chẽ với các ngành để nắm tình hình triển khai thực hiện các chỉ tiêu. Tích cực nghiên cứu, thẩm định, tham mưu phê duyệt thiết kế kỹ thuật và kinh phí của các công trình giao thông, góp phần giải quyết một bước khá về giao thông, vận tải, quốc lộ được chú trọng củng cố, mở rộng (đường 6) khai thông (đường Tuần Giáo, Điện Biên), tiến hành mở rộng đường III và đẩy mạnh tốc độ thi công công trường đường Pa Tần - Trạm Tôn; việc mở mang đường dân sinh kinh tế được chú ý hơn.

Trong năm 1965, Ủy ban kế hoạch đã tham mưu Ủy ban hành chính nhiệm vụ quan trọng: hoàn thành việc lập dự án kế hoạch 2 năm (1966 - 1967) trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Kế hoạch 2 năm được chuẩn bị sớm dựa trên nhiệm vụ dự kiến kế hoạch 5 năm lần thứ hai.

Từ đầu năm 1965, đế quốc Mỹ bắn phá miền Bắc, chúng mở rộng chiến tranh ra cả nước ta (tuy mức độ 2 miền có khác nhau) nhưng để phù hợp với việc chuyển hướng kinh tế thời bình sang thời chiến nên Trung ương chỉ thị các cấp, các ngành tiến hành lập kế hoạch 2 năm. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Tỉnh ủy, việc xây dựng kế hoạch 2 năm chia thành 3 bước. Việc xây dựng chỉ tiêu đảm bảo dân chủ, khách quan, khoa học, trên cơ sở đề xuất của các ngành chuyên môn, Ủy ban kế hoạch tổng hợp trình Tỉnh ủy đề nghị Ban Bí thư, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Khu ủy tham gia; sau khi tổng hợp ý kiến của các cơ quan, Ủy ban kế hoạch trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thông qua vào tháng 9/1965 và triển khai thực hiện từ tháng 10/1965. Việc xây dựng kế hoạch 2 năm trong điều kiện có nhiều khó khăn, nhất là từ tháng 7 trở đi, các cơ quan phải di chuyển phân tán, cơ quan Ủy ban kế hoạch vừa sơ tán, xây dựng lán trại, vừa



tiến hành công việc trong khi địch bắn phá liên tục. Với sự nỗ lực, cố gắng của cán bộ trong cơ quan đã đáp ứng kịp thời yêu cầu của lãnh đạo, của tỉnh, của Trung ương. Đó là thành tích nổi bật trong công tác chuyên môn năm 1965.

Kế hoạch 2 năm (1966 - 1967), trên cơ sở phân tích tình hình của tỉnh về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, những thuận lợi, khó khăn, tiềm năng, thế mạnh tác động đến sự phát triển của tỉnh; kết quả đạt được và những hạn chế của tỉnh sau 3 năm thành lập, thực hiện nghiêm túc chủ trương, nghị quyết của Đảng, nhất là nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế miền núi, nghị quyết về nhiệm vụ mới của cách mạng trong cả nước chống Mỹ, cứu nước, từ đó đề ra các chỉ tiêu đối với từng lĩnh vực, để giải quyết vấn đề quan trọng, cấp thiết, có tầm nhìn dài hạn đối với sự phát triển của tỉnh. Một số chỉ tiêu lớn như: Phải đẩy mạnh sản xuất lương thực cả lúa, ngô và màu để giải quyết một bước vững chắc về lương thực, đảm bảo cung cấp cho Nhà nước đến năm 1967 tăng từ 5.000 - 6.000 tấn thóc để nuôi số người tăng thêm khoảng 4 vạn người. Về giao thông vận tải, trong 2 năm làm nhanh việc khai thông đường Lào Cai - Lai Châu và mở rộng đoạn Lai Châu - Tuần Giáo đảm bảo xe vận tải 4 tấn và nhiều tuyến đường khác để cố gắng trong vài ba năm tới Lai Châu sẽ có một hệ thống đường ô tô từ Bắc xuống Nam nối liền biên giới Trung Quốc với Lào, nối liền Lai Châu - Lào Cai - Sơn La, Lai Châu với các huyện vùng cao, biên giới đảm bảo sự giao lưu để phát triển kinh tế và bảo vệ quốc phòng, trị an trong tỉnh. Giáo dục tập trung đẩy mạnh phong trào xóa nạn mù chữ, vùng thấp hoàn thành, vùng cao căn bản thực hiện tốt kế hoạch bổ túc văn hóa, mỗi năm một lớp và giáo dục phổ thông đảm bảo 80 - 90% số em đến tuổi được đi học. Văn hóa tập trung khắc phục dần các tập tục xấu có hại cho sản xuất và đời sống. Y tế đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, xây dựng và mở rộng hệ thống bệnh viện của tỉnh và các huyện trên tuyến giao thông lớn.

Cùng với việc xây dựng kế hoạch 2 năm, Ủy ban kế hoạch tham mưu điều chỉnh một số kế hoạch năm 1965 do yêu cầu chuyển hướng kinh tế - văn hóa trong tình hình mới, các bộ phận kế hoạch xây dựng cơ bản, vật tư và một số ngành thương nghiệp, vận tải phải tiến hành điều chỉnh kịp thời với tình hình. Đồng thời, năm 1965, Ủy ban kế hoạch đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1966 trình Ban Thường

vụ Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh triển khai thực hiện trong năm 1966.

Thực hiện kế hoạch của Tổng cục Thống kê và Ủy ban hành chính tỉnh, tháng 12/1963, Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản tổ chức điều tra đời sống nông dân năm 1963 với 90 hộ ở 4 huyện và 4 dân tộc ở 2 vùng cao và thấp. Nhưng khi điều tra và đánh giá thấy có một số điểm mới chọn thêm ở 2 huyện Tủa Chùa và Tuần Giáo chưa sát và kém tính chất đại diện chung nên phải loại trừ và chỉ tổng hợp được 54 hộ<sup>1</sup>. Ủy ban kế hoạch tính toán một số thông tin về thu nhập thực tế, bình quân thu nhập, tỷ trọng nguồn thu của nông dân để cung cấp cho tỉnh.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về vận động đồng bào miền xuôi lên xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa miền núi, để có đủ nhân lực triển khai các nhiệm vụ về sản xuất nông, lâm nghiệp, nông trường khai hoang, xây dựng công trình thủy nông, thủy lợi, Ủy ban kế hoạch tiếp tục tham mưu thu hút đồng bào miền xuôi lên lao động và ổn định cuộc sống ở Lai Châu. Ngày 03/10/1963, công trường Đại thủy nông Nậm Rốm (tại huyện Điện Biên) chính thức được khởi công xây dựng. Đây là công trình lớn thứ hai sau công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải ở miền Bắc lúc bấy giờ, được Nhà nước đầu tư với số vốn 8 triệu đồng, theo thiết kế ban đầu sẽ cung cấp đủ nước tưới tiêu cho 3.700ha, phục vụ thâm canh tăng vụ ở lòng chảo Điện Biên. Hơn 2.000 cán bộ, đội viên, thanh niên của Hà Nội và các tỉnh<sup>2</sup> đã “chân đất, tay thô, xẻ dọc núi đồi” xung phong lên với Lai Châu, thực hiện sứ mệnh cao cả: Cùng quân và dân Lai Châu hoàn thành công trình Đại thủy nông Nậm Rốm trong thời gian sớm nhất để tạo nên “mạch sống” cho Lai Châu thoát khỏi tình trạng thiếu đói.

Ủy ban kế hoạch, thống kê, kiến thiết cơ bản tích cực tham mưu triển khai nhiệm vụ thương nghiệp để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới, nhất là sức mua của nhân dân ngày một tăng, phục vụ công tác sản xuất và công tác chính trị. Hoạt động mua vào tăng cả về lương thực, thực phẩm và hàng xuất khẩu; so với trước, tình hình thị trường đã có sự chuyển biến mới, việc khai thác, huy động các nguồn hàng đã được mở rộng đến các

---

1. Trong đó vùng cao 22 hộ, vùng thấp 32 hộ; về dân tộc: Thái 32 hộ, Mông 11 hộ, Dao 11 hộ; chia theo thành phần giai cấp: bản nông 23 hộ, trung nông 25 hộ, trung nông khá 6 hộ.

2. Hưng Yên, Thái Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Nam Định, Thanh Hóa, Hải Dương.

huyện, các vùng sâu, vùng xa mà trước đây huy động rất ít hoặc không huy động được. Về bán ra, phương hướng phục vụ nông thôn, phục vụ công trường có chuyển biến bước đầu, so với trước đã khá hơn nhiều. Bình quân một nhân khẩu năm 1962 được Nhà nước bán cho khoảng 70 đồng hàng công nghệ thì năm 1965 là 85 đồng. Ngành nội thương lương thực, ngoại thương và các huyện đã có nhiều cố gắng. Ngành lương thực giải quyết giống cho nhu cầu của các địa phương tương đối tốt. Đến cuối năm 1964, tổng giá trị hàng bán lẻ xã hội đạt 88,3% và đến năm 1965 vượt so với kế hoạch 3 năm. Tuy nhiên, vấn đề thực phẩm vẫn còn thiếu, nhất là trong thời gian sơ tán. Bộ máy còn yếu, tổ chức mạng lưới cơ sở chưa được củng cố vững chắc, trình độ nghiệp vụ thấp, phương thức kinh doanh chậm cải tiến; chất lượng hàng hóa có lúc không bảo đảm, việc chấp hành chế độ, chính sách còn tùy tiện, tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ của một số cán bộ và nhân viên chưa tốt.

Tổ chức xét duyệt kế hoạch các xí nghiệp, các trại chăn nuôi quốc doanh có phân phối kế hoạch lao động, vốn, vật tư cho các cơ sở, quản lý, phân phối vốn kiến thiết cơ bản, phân phối vật tư và quản lý kế hoạch lao động. Tuy nhiên, còn hiện tượng mất cân đối trong sản xuất như có lúc thiếu vốn, lúc thừa nguyên liệu, lao động, do đó không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất. Công tác phân phối, quản lý sử dụng vật tư còn có mặt yếu, các ngành chưa thực hiện tốt các định mức vật tư như xăng, dầu, gỗ... nên lãng phí khá lớn trong khi phải vận chuyển từ xuôi lên.

Để kịp thời xây dựng, kiến thiết cơ sở hạ tầng của các cơ quan, đơn vị, Ủy ban kế hoạch tham mưu duyệt quy hoạch thị trấn Lai Châu, phê duyệt thiết kế các công trình thủy nông, xưởng in, trường học... khẩn trương duyệt dự toán kinh phí xây dựng trụ sở cơ quan<sup>1</sup>, kinh phí phát triển trại chăn nuôi huyện Tuần Giáo, Tủa Chùa, kinh phí thành lập trại chăn nuôi huyện Mường Tè... để kịp thời thực hiện. Riêng năm 1964 đã xây dựng 12 công trình trung thủy nông, với số đầu tư 560 nghìn đồng, trong đó nhân dân đóng góp 150 nghìn đồng. Tiểu thủy nông cũng được quan tâm nên vụ chiêm đủ nước tưới cho 3.200ha.

---

1. Nhà tạm thời cho khối Dân vận tỉnh, phòng Kiến trúc tỉnh, Ty Tài chính, nhà ở hạnh phúc, kho bếp tạm thời của Ty Giao thông Vận tải, trụ sở huyện Mường Tè, nhà giam của Công an tỉnh.

Công tác phân vùng kinh tế bước đầu triển khai, trước mắt giúp tỉnh quy hoạch và xác định cụ thể phương hướng sản xuất vùng lòng chảo Điện Biên.

Có nhiều đồng chí đi sâu nghiên cứu, nắm chắc vấn đề như vật tư, thương nghiệp, nông nghiệp. Cán bộ thường xuyên đến cơ sở để thực hiện nhiệm vụ của tỉnh và giúp đỡ các huyện, cơ sở. Ủy ban kế hoạch quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Năm 1965, cử 2 đồng chí theo học hàm thụ đại học kinh tế kế hoạch, 1 đồng chí học bổ túc trung cấp giá thành, 1 đồng chí đi học văn hóa dài hạn tại trường bổ túc Khu. Ngoài ra, trong 2 năm (1964 - 1965), cử cán bộ xuống giúp 3 huyện Điện Biên, Tuần Giáo, Phong Thổ bồi dưỡng cho 357 lượt cán bộ cơ sở là cán bộ phụ trách kế hoạch xã, chủ nhiệm hợp tác xã và một số cán bộ phụ trách xã.

Tổ chức kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện của các đơn vị, năm 1965 kiểm tra một số công tác như thủy lợi ở Tuần Giáo, vận tải cơ giới, cung cấp xăng dầu... từ đó, kiến nghị Ủy ban hành chính và Tỉnh ủy về các biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo phù hợp. Trong điều kiện phương tiện làm việc thiếu thốn, thông tin liên lạc hạn chế, Ủy ban kế hoạch cố gắng theo dõi việc triển khai thực hiện kế hoạch ở các ngành, các cấp và báo cáo tình hình thực hiện theo định kỳ quý I, 6 tháng, 9 tháng và cả năm về tình hình thực hiện kế hoạch để giúp cấp trên chỉ đạo bổ khuyết những mặt còn yếu kém.

Thực hiện công tác phòng không sơ tán theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ban phòng không tỉnh. Cơ quan đã đào công sự, chuẩn bị hồ sơ gọn gàng sẵn sàng chờ lệnh. Từ tháng 6/1965, cơ quan thi hành lệnh phân tán trong khu vực thị trấn Lai Châu, làm xong 2 lán và đào công sự trong vòng 1 tuần đã ổn định và triển khai công tác. Trung tuần tháng 7/1965, cơ quan được lệnh di chuyển cách xa thị trấn trên 10km, với điều kiện cơ quan ít người, phải tổ chức di chuyển một khối lượng đồ đạc, tài liệu rất lớn, phương tiện được phân phối chỉ có 3 chuyến để chở người và của cải tư nhân, cơ quan đã dùng phương tiện thô sơ để chuyển toàn bộ tài sản tới địa điểm mới. Việc di chuyển nhanh gọn, không mất mát, hư hỏng. Giữa lúc địch bắn phá, mùa mưa, nguyên vật liệu thiếu thốn, nhân lực không thuê mượn được, đồng thời nhiệm vụ xây dựng kế hoạch 2 năm dồn dập theo yêu cầu tiến độ của cấp trên, cơ quan đã vận động toàn thể cán bộ,

công nhân viên kết hợp công tác chuyên môn với xây dựng nơi ăn ở, làm việc. Chỉ trong 2 tháng đã làm xong 18 gian nhà, 4 gian bếp thuộc khu vực ăn ở, làm việc bình thường và 5 lán làm việc cách xa chỗ ở 1km để sơ tán khi cần thiết. Trong khi vừa làm lán trại, mặc dù số lượng cán bộ ít nhưng trong vụ mùa, cán bộ, công nhân viên đã giúp đỡ hợp tác xã trên 300 công cày bừa và làm cỏ. Ở địa điểm mới, được hợp tác xã cho đất trồng rau, cán bộ tích cực tăng gia sản xuất cải thiện đời sống, trong 6 tháng, bình quân mỗi người đạt gần 50kg rau. Cơ quan tổ chức nhà ăn riêng, hằng tháng, mỗi người nộp bình quân 40 - 50kg củi. Do đó, mức ăn được cải thiện, sức khỏe cán bộ được đảm bảo.

Trong giai đoạn đầu mới thành lập, bộ máy tổ chức có biến động, lực lượng cán bộ thiếu, điều kiện công tác thiếu thốn, khó khăn, lại bị địch bắn phá nhưng đội ngũ cán bộ, công nhân viên của Ủy ban kế hoạch luôn đoàn kết, nhất trí, lạc quan, tích cực cống hiến, do đó hoàn thành tốt khối lượng công việc rất lớn được giao. Ghi nhận thành tích của các cá nhân trong các phong trào thi đua, cuối năm 1965, có 1 đồng chí là chiến sĩ thi đua, 3 đồng chí lao động tiên tiến cả năm, 1 đồng chí lao động tiên tiến 6 tháng cuối năm và 7 đồng chí khen thưởng từng mặt. Đó là động lực để cán bộ tiếp tục phấn khởi thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo.

## **II. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TÍCH CỰC THAM MƯU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GÓP PHẦN CÙNG QUÂN DÂN CẢ NƯỚC ĐÁNH THẮNG CUỘC CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC CỦA ĐẾ QUỐC MỸ (1966 - 1975)**

Sau thất bại của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam (1961 - 1965), đế quốc Mỹ chuyển sang chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, ồ ạt đưa 40 vạn quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam, mở rộng quy mô phá hoại bằng không quân và hải quân trên toàn miền Bắc.

Tháng 12/1965, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khẳng định: Trong khi đế quốc Mỹ ráo riết đưa thêm quân vào miền Nam nhằm tăng cường và mở rộng chiến tranh xâm lược, chúng ta phải động viên sức người, sức của để tăng cường chi viện cho miền Nam, thực hiện khẩu hiệu: “Tất cả cho tiền tuyến”, “Tất cả để chiến thắng giặc Mỹ xâm lược”. Nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc ta, của nhân dân ta.

Để đáp ứng yêu cầu của cách mạng trong giai đoạn mới, Tỉnh ủy xác định phương hướng, nhiệm vụ chung của kế hoạch 2 năm (1966 - 1967) là: “Phát huy cao độ lòng yêu nước và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ của cán bộ, bộ đội và nhân dân các dân tộc, ra sức củng cố và xây dựng lực lượng chính trị; trên cơ sở đó, đẩy mạnh các mặt phát triển kinh tế - văn hóa, xây dựng lực lượng võ trang, củng cố quốc phòng, đảm bảo công tác trị an trong tình hình mới, đảm bảo phương hướng phát triển lâu dài, xây dựng căn cứ địa vững chắc ở miền núi, làm cho mọi mặt công tác trong tỉnh tiến lên những bước thật mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu phục vụ cho sản xuất, phòng thủ chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu”.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban kế hoạch xây dựng dự thảo phương hướng sơ kiểm tra kế hoạch 2 năm (1966 - 1967)<sup>1</sup>, báo cáo đánh giá tình hình đặc điểm về điều kiện tự nhiên, xã hội của tỉnh, những lợi thế chưa được phát huy và kết quả 3 năm thực hiện kế hoạch dài hạn đầu tiên của tỉnh. Thuận lợi lớn của tỉnh: đến khoảng cuối năm 1966 sẽ khai thông đường Lai Châu - Lào Cai (cấp 5 miền núi) thành một trục giao thông dài 400km chạy từ phía Bắc đến phía Nam qua các huyện Phong Thổ, Sinh Hồ, Mường Lay, Tuần Giáo, Điện Biên, tạo cho Lai Châu có điều kiện phát triển công nghiệp, giao lưu hàng hóa với các tỉnh miền xuôi. Đến tháng 6/1966, công trình Đại thủy nông Nậm Rốm hoàn thành, tưới cho 3.000ha lúa 2 vụ ở Điện Biên, các công trình trung thủy nông của huyện Tuần Giáo, Phong Thổ được mở rộng, tạo điều kiện cho 3 vùng trọng điểm lúa của tỉnh sản xuất, giải quyết vững chắc vấn đề sản xuất lương thực của tỉnh. Tuy nhiên, tình hình sản xuất phát triển không đều, việc tổ chức hướng dẫn phân vùng, sử dụng hết lao động từng vùng, từng dân tộc chưa được chú ý nên còn chênh lệch đời sống của người dân giữa vùng thấp và vùng cao, vùng được đầu tư xây dựng cơ bản và vùng ít được đầu tư.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế miền núi, nghị quyết về nhiệm vụ mới của cách mạng trong giai đoạn chống Mỹ, cứu nước, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu phương hướng phát triển kinh tế trong những năm tới và cụ thể hóa hướng phấn đấu trên tất cả các lĩnh vực. Trong đó,

---

1. Ủy ban kế hoạch tỉnh, số 130/KH, ngày 01/6/1966.

xác định hình thành 4 khu vực công nghiệp của tỉnh: khu vực Lai Châu (tỉnh lỵ), khu vực Điện Biên, khu vực Tam Đường (Phong Thổ), khu vực Bản Bó thuộc Tuần Giáo<sup>1</sup>. Quy hoạch công nghiệp để đáp ứng cho đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, cung cấp hàng tiêu dùng cho nhân dân và trường hợp chiến tranh sẽ hình thành mạng lưới cơ khí của tỉnh phục vụ quốc phòng. Cần tăng cường vốn đầu tư, đảm bảo đủ nguyên, vật liệu cho sản xuất.

Để thực hiện thành công kế hoạch giai đoạn, Ủy ban kế hoạch có vai trò quan trọng trong việc phối hợp cùng các ngành xây dựng quy hoạch, kế hoạch thực hiện; chuẩn bị tốt kế hoạch vật tư thiết bị và nguyên vật liệu cần thiết đảm bảo cho sản xuất và dự trữ, đồng thời nghiên cứu chế độ, chính sách của Trung ương để đề nghị Trung ương bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh.

Đến cuối năm 1967, Ủy ban kế hoạch tổng hợp kết quả phát triển kinh tế - văn hóa từ ngày thành lập tỉnh, nhất là trong kế hoạch 2 năm (1966 - 1967). Đây là một báo cáo công phu, khái quát việc thực hiện các chỉ tiêu của tỉnh từ khi thành lập, so sánh kết quả thực hiện chỉ tiêu trong 2 giai đoạn 1963 - 1965 và 1966 - 1967, từ đó có những đánh giá, nhận định khách quan về tình hình, sự phát triển của tỉnh. Một số kết quả tiêu biểu: về lương thực, đảm bảo không phải xin Trung ương và còn dự trữ từ 2 đến 3 tháng; từ tỉnh nông nghiệp lạc hậu, không có công nghiệp, sau 5 năm với sự giúp đỡ của Trung ương, đã hình thành một số cơ sở công nghiệp... Nhìn chung, tình hình thực hiện kế hoạch

---

1. - Khu vực Lai Châu (tỉnh lỵ) có một số xí nghiệp: cơ khí cấp tỉnh, trùng tu ô tô, đường 100 tấn/năm, rượu 25.000 lít, bột 100 tấn/năm, chế biến được phẩm, xay sát 2 tấn/ngày, cơ sở gạch 4 triệu viên/năm, sản xuất đồ sành, sứ, cơ sở đóng thuyền, các cơ sở chế biến thực phẩm... Vì vậy, cần xây dựng một nhà máy thủy điện khoảng 1.000 kW phục vụ sản xuất công nghiệp và tưới nước cho cánh đồng Mường Lay và phục vụ sinh hoạt.

- Khu vực Điện Biên: có một số xí nghiệp cơ khí cấp huyện trùng tu máy kéo xí nghiệp gạch 3 triệu viên/năm, xưởng đường kính 200 tấn/năm; xay sát 5 tấn/ngày, xưởng chế biến bột và thức ăn gia súc... Vì vậy, cần xây dựng một nhà máy thủy điện từ 800 - 1200 kW để phục vụ sản xuất và hệ thống bơm nước vùng lòng chảo Điện Biên.

- Khu vực Tam Đường (Phong Thổ): xưởng nông cụ huyện, nhà máy đường 100 tấn/năm; xưởng chè, chế biến tinh dầu, chế biến bột, khai thác than... Cần làm 1 nhà máy thủy điện từ 400 - 500 kW phục vụ sản xuất và hệ thống bơm điện cho vùng ruộng Phong Thổ.

- Khu vực Bản Bó thuộc Tuần Giáo có cơ sở sản xuất vôi, đá nghiền bón ruộng; chế biến cánh kiến 200 tấn/năm, cơ sở ciment 5.000 tấn/năm, chế biến hàng xuất khẩu, ép dầu, gôm... Cần xây dựng nhà máy thủy điện từ 300 - 400 kW để phục vụ sản xuất và hệ thống bơm nước tưới cánh đồng Tuần Giáo.



2 năm (1966 - 1967) nhiều mặt quan trọng đạt kết quả chưa cao, chưa mạnh, chưa đều. Cây công nghiệp chưa đạt kế hoạch, phân tán, chưa theo hướng vùng tập trung; công nghiệp còn lúng túng về phương hướng bước đi, về quy hoạch sản xuất, giá thành cao, ít công nhân lành nghề; xây dựng cơ bản tiến bộ chậm...

Trên cơ sở tình hình thực tế của tỉnh, dự đoán bối cảnh trong giai đoạn tới, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 3 năm (1968 - 1970)<sup>1</sup>.

Năm 1968, tình hình biến đổi quan trọng, đế quốc Mỹ tăng cường phá hoại ác liệt, cuộc chiến đấu của nhân dân ta bước vào thời kỳ gay gắt nhất, phải huy động một lực lượng rất lớn để phục vụ cho tiền tuyến, đồng thời phải đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm và dự trữ tương đối khá. Năm 1968 cũng là năm bắt đầu thực hiện nhiệm vụ kinh tế 3 năm (1968 - 1970), nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, tăng cường quản lý kinh tế, đẩy mạnh phong trào quần chúng quyết tâm thực hiện kế hoạch, làm nền tảng vững chắc cho những năm sau. Ủy ban kế hoạch tham mưu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1968, kế hoạch xác định một số chỉ tiêu chủ yếu cần tập trung thực hiện và giao nhiệm vụ cụ thể cho các ngành<sup>2</sup>. Trong đó, nông nghiệp chia thành 4 vùng sản xuất, vùng I có 41 xã (32 xã vùng thấp và 9 xã vùng cao của Điện Biên), sản xuất chủ yếu là trồng lúa và nuôi lợn; vùng II có 22 xã (18 xã vùng cao của Tủa Chùa, Mường Lay, Tuần Giáo và 4 xã vùng thấp của Tuần Giáo) chủ yếu sản xuất đậu tương, giảm sản xuất lúa nương; vùng III có 52 xã (của 2 huyện Sìn Hồ, Phong Thổ) sản xuất lúa ở vùng thấp Sìn Hồ, đồng thời phát triển cây dược liệu, chăn nuôi ngựa; vùng IV có 20 xã của cả huyện Mường Tè và 3 xã của Mường Lay, chủ yếu sản xuất chăn nuôi, nhưng bước đầu cần giải quyết việc mở đường. Thủy

---

1. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1968 - 1970 là tối mật, chưa đến thời gian giải mật nên chưa khai thác được thông tin.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

- Giá trị tổng sản lượng công, nông nghiệp sẽ đạt 41.012 nghìn đồng, tăng 12,7% so với năm 1967. Trong đó, giá trị sản lượng nông nghiệp là 36.300 nghìn đồng, tăng 9,8% so với năm 1967; giá trị sản lượng công nghiệp và thủ công nghiệp là 4.712 nghìn đồng, tăng 42% so với năm 1967.

- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản là 6.700 nghìn đồng, tăng 67,5% so với năm 1967.

- Tổng khối lượng hàng hóa vận chuyển là 81 nghìn tấn, tăng 32,7% so với năm 1967...

lợi: hoàn thành các công trình từ năm 1967 chuyển sang, tiến hành khởi công công trình mới như thủy nông Nậm Lức và Phiêng Ổt (Sìn Hồ), đặc biệt phải xây dựng mạng lưới thủy văn phù hợp với yêu cầu xây dựng và phát triển kinh tế của tỉnh...

Ủy ban kế hoạch tham mưu một số giải pháp cơ bản như: công tác lập kế hoạch phải tiến hành từ cơ sở, đảm bảo tính chất dân chủ, riêng kế hoạch về xây dựng cơ bản cần được lập và phê duyệt sớm để kịp thời khởi công xây dựng vào mùa khô đầu năm; huyện phải lãnh đạo tốt các xã, hợp tác xã lập kế hoạch, các ngành chỉ đạo lập kế hoạch từ xí nghiệp, cửa hàng trở lên, đảm bảo tính chắc chắn, khả thi, sát với thực tiễn và định hướng của tỉnh. Tăng cường đội ngũ làm kế hoạch xây dựng cơ bản của Ủy ban kế hoạch, Ban Kiến thiết, Ty Tài chính và các ngành có vốn đầu tư cơ bản hàng năm trên 50.000 đồng. Ủy ban kế hoạch phải tập trung giải quyết các vấn đề thiết yếu, phân phối, cung cấp kịp thời nguyên, nhiên vật liệu cho sản xuất... Tăng cường bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ làm kế hoạch từ tỉnh đến huyện và hợp tác xã để nâng cao chất lượng kế hoạch, giúp cho sự chỉ đạo được thường xuyên, cân đối giải quyết các mặt vật tư, nhân lực, vận chuyển được kịp thời.

Chủ động tham mưu giao chỉ tiêu kế hoạch xây dựng cơ bản hàng năm. Căn cứ vào những chỉ tiêu kế hoạch năm 1967 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước giao cho Ủy ban hành chính tỉnh Lai Châu trong đó có chỉ tiêu xây dựng các công trình kinh tế - văn hóa, căn cứ vào nghị quyết phát triển kinh tế - văn hóa 2 năm của tỉnh (1966 - 1967) và dự án kế hoạch năm 1967, Ủy ban kế hoạch đề nghị Ủy ban hành chính tỉnh phân bổ chỉ tiêu vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 1967 cho các công trình thuộc ngân sách địa phương tự có. Ủy ban kế hoạch tỉnh có trách nhiệm thông báo vốn cho các ngành có công trình xây dựng và có nhiệm vụ nghiên cứu các tờ trình, trình Ủy ban xét duyệt nhiệm vụ thiết kế các công trình. Trong quá trình thực hiện, do yêu cầu của việc xây dựng và phát triển kinh tế địa phương, đáp ứng nhiệm vụ và yêu cầu trong giai đoạn cách mạng, từng bước tạo ra cho ngành công nghiệp địa phương có quy mô hợp lý, có thể giải quyết được nhiều mặt hàng thiết yếu cho nhân dân, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh đề nghị Trung ương điều chỉnh vốn xây dựng cơ bản. Năm 1967, đề nghị điều chỉnh lên 5.670 nghìn đồng và diễn giải đầy đủ nguồn điều chỉnh, công trình cần điều chỉnh.

Chủ động tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh giải quyết khó khăn, vướng mắc về vốn xây dựng cơ bản, quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn đảm bảo hợp lý, đúng quy định. Năm 1967, Nhà nước đầu tư vào xây dựng cơ bản cho tỉnh 4,1 triệu đồng, kể cả vốn Trung ương trợ cấp và vốn địa phương. Qua 10 tháng thực hiện mới đạt 2.948 nghìn đồng, tuy nhiên, các ngành đòi hỏi cấp thêm 600 nghìn đồng. Căn cứ vào thời gian để giải quyết vốn, khả năng thanh toán của các ngành, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban hành chính thành lập một bộ phận gồm có Ủy ban kế hoạch, Ban Kiến thiết cơ bản giúp Ủy ban kế hoạch chỉ đạo chặt chẽ việc sử dụng vốn cuối năm, nắm số liệu thực chi và khả năng chi tiếp theo để báo cáo với Ủy ban hành chính điều chỉnh, nếu công trình đã duyệt, đã cấp không có khả năng chi cũng thu hồi vốn, không được để ứ đọng. Tinh thần của Ủy ban hành chính tỉnh là chi hết số tiền được cấp, không xin thêm, nếu công trình thiếu vốn thì cấp thêm, thừa vốn thì kiên quyết rút để điều cho công trình khác<sup>1</sup>.

Thi hành Chỉ thị số 52, ngày 25/5/1968 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều tra lực lượng và hiệu quả vốn đầu tư xây dựng cơ bản, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh điều tra, tổng hợp số liệu trong toàn tỉnh về: tình hình công nhân viên thường xuyên của các đơn vị xây lắp chuyên nghiệp, công nhân viên thường xuyên của các tổ chức khảo sát thiết kế xây dựng cơ bản, lực lượng quản lý kiến thiết cơ bản, tình hình sử dụng thời gian lao động của công nhân, năng suất lao động của công nhân, tình hình thực hiện định mức lao động, tình hình thực hiện vốn đầu tư các công trình...

Việc phân phối và sử dụng xăng dầu những năm qua có một số hạn chế: phân phối không dựa vào sản lượng vận tải, không căn cứ vào đầu xe hoạt động; việc sử dụng còn lãng phí, hao hụt quá lớn so với định mức Nhà nước quy định<sup>2</sup>. Để chấm dứt tình trạng trên, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban hành chính ban hành Chỉ thị số 29/CT, ngày 30/12/1967 về tiết kiệm xăng dầu. Trong đó, Ủy ban hành chính giao cho Ủy ban kế hoạch

---

1. Ủy ban hành chính tỉnh Lai Châu, số 508/VP, ngày 14/11/1967 về quản lý chi vốn xây dựng cơ bản cuối năm.

2. Có ngành sử dụng cao gấp 2,3 lần như Ty Thủy lợi, Công ty tư liệu sản xuất và Ty Thương nghiệp, nhất là Công ty vận tải ô tô, trong 11 tháng để hao hụt tới 16.200kg xăng và nghiêm trọng hơn, trong 10 tháng số xăng sửa chữa lên tới 32.464kg, mà nhu cầu xăng cho sửa chữa cả năm là 2.700kg. Có ngành nhận xăng về không nhập kho mà giao thẳng cho lái xe sử dụng, thủ trưởng đơn vị không nắm được tình hình còn bao nhiêu...

tỉnh quản lý phân phối thật chặt chẽ, kiểm tra lại kế hoạch sử dụng xăng của các ngành. Khi phân phối kế hoạch xăng quý I/1968 phải quyết toán xong kế hoạch thực hiện trong năm 1967. Ủy ban kế hoạch tỉnh phải dựa vào sản lượng vận tải, hành trình đường sá mà điều hòa vận tải tỉnh để thanh toán và cung cấp xăng. Đồng thời, chỉ đạo các ngành phải thật sự quan tâm đến việc quản lý và sử dụng xăng, có biện pháp giáo dục ý thức cho lái xe biết tiết kiệm xăng, sử dụng xăng hợp lý, không sử dụng xăng vào việc khác.

Hằng năm, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban hành chính trình Hội đồng nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy thông qua báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm; báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế - văn hóa của năm và phương hướng, nhiệm vụ của năm tiếp theo. Kỳ họp thứ hai, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III (họp từ ngày 31/01 - 02/02/1969) thông qua báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 1968, nhiệm vụ chủ yếu trước mắt năm 1969. Kỳ họp thứ ba, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III (họp từ ngày 29/8 - 01/9/1969) thông qua báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 1969, quyết định về nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1969.

Năm 1969, Ủy ban kế hoạch tham mưu kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa tỉnh Lai Châu năm 1970 và mục tiêu lớn của tỉnh trong giai đoạn 1970 - 1972, được Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua trong kỳ họp từ ngày 30/7 đến ngày 01/8/1969. Trong đó, xác định mục tiêu quan trọng đối với ngành nông nghiệp là phải thực hiện bước nhảy vọt trong nông nghiệp, nhằm tích cực giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm, tạo cơ sở cho nông nghiệp phát triển toàn diện; tích cực xây dựng kinh tế địa phương bằng cách đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật trong kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, tăng cường quản lý kinh tế tài chính để tạo thêm sản phẩm hàng hóa, làm ăn có nghiên cứu, tính toán để có lợi, tăng thêm khả năng tích lũy xây dựng và phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết đời sống cho nhân dân; khôi phục và phát triển mạnh công nghiệp địa phương và thủ công nghiệp để phục vụ sản xuất, xây dựng, vận tải... Những nội dung tham mưu của Ủy ban kế hoạch phù hợp với tình hình thực tiễn, khắc phục khó khăn nền kinh tế của tỉnh, giành thế chủ động cho việc phát triển kinh tế những năm sau.

Nhiệm vụ của Ủy ban kế hoạch phải phối hợp với các ngành làm tốt công tác khảo sát thiết kế, quy hoạch vùng, quy hoạch cho sản xuất lâm nghiệp, nông nghiệp và công nghiệp địa phương. Phải quy hoạch xong 3 trọng điểm lúa và cánh đồng Mường Lay, một số nông trường quốc doanh, một số vùng kinh tế lâm nghiệp để phục vụ sản xuất nông nghiệp toàn diện. Đi đôi với quy hoạch nông nghiệp, cần đề nghị Trung ương giúp đỡ quy hoạch đô thị (thị xã Lai Châu, Điện Biên), quy hoạch cán bộ và đào tạo, thăm dò khoáng sản... nhằm từng bước triển khai các nhiệm vụ có cơ sở khoa học và thực tiễn mới mang lại hiệu quả cao.

Cụ thể hóa kế hoạch 3 năm (1970 - 1972), Ủy ban kế hoạch tham mưu xây dựng kế hoạch kinh tế - văn hóa năm 1970<sup>1</sup>. Kế hoạch năm 1970 là bước đầu đi vào khôi phục kinh tế và phát triển mạnh kinh tế địa phương với yêu cầu cấp bách và hiện thực. Nhiệm vụ quan trọng vẫn được nhấn mạnh đó là xây dựng quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp, quy hoạch và phân công sản xuất một số ngành sản xuất cơ khí, vật liệu xây dựng và chế biến lương thực, thực phẩm; xây dựng kế hoạch trang bị kỹ thuật cho các ngành, nghề. Riêng đối với công tác xây dựng cơ bản năm 1970, phải theo đúng thủ tục Nhà nước để tránh lãng phí và phát huy được hiệu quả kinh tế nhanh. Các cấp, các ngành có nhiệm vụ cần đầu tư, cần tiến hành khảo sát thiết kế và lập tờ trình nhiệm vụ công trình mới ghi vào chỉ tiêu kế hoạch chính thức năm 1970. Sau khi nhiệm vụ thiết kế được phê duyệt, phải thiết kế kỹ thuật và có kế hoạch tiến độ thi công, báo cáo tỉnh duyệt mới được khởi công nhằm chống lãng phí trong xây dựng cơ bản và đảm bảo tốc độ thi công.

Xuất phát từ vị trí, yêu cầu của kế hoạch năm 1970, là năm chuẩn bị bước nhảy cho các năm tới, Ủy ban hành chính tỉnh yêu cầu tất cả các cấp, các ngành phải quán triệt nhiệm vụ, quyết tâm cao và làm theo sự chỉ đạo chặt chẽ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh. Ủy ban kế hoạch có vai trò quan trọng trong triển khai kế hoạch năm 1970, được Ủy ban hành chính tỉnh giao cụ thể như sau:

Năm 1970 phải đạt tiến bộ mới trong việc xây dựng kế hoạch, kế hoạch phải đảm bảo dân chủ, phải được bàn bạc từ cơ sở. Các cấp, các ngành lập kế hoạch trong tháng 8 đến tháng 10, ngày 15/11 báo cáo lên

---

1. Ủy ban hành chính tỉnh, số 458/UB, ngày 11/8/1969 về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa năm 1970 của tỉnh Lai Châu.

Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh, đồng gửi Ủy ban kế hoạch tổng hợp trình Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban hành chính tỉnh thông qua và giao kế hoạch năm 1970 cho các cấp, các ngành vào ngày 15/12/1969.

Đến hết năm 1969 phải chuẩn bị khẩn trương về mặt chính sách và tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch năm 1970. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ủy ban kế hoạch, Ty Lao động, Ban tổ chức dân chính và Ban tổ chức Đảng nghiên cứu về tổ chức và lao động của các ngành, các cấp trên tinh thần cải tiến tổ chức, cải tiến quản lý, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy giải quyết vào tháng 11/1969. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao ông Nguyễn Niệm, Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch phụ trách công tác quy hoạch và phân vùng kinh tế của tỉnh, có kế hoạch nghiên cứu khảo sát các quy hoạch và phân vùng. Tỉnh lập Ban phân vùng quy hoạch, các ngành thủy lợi, lâm nghiệp, giao thông, kiến trúc và tổ chức đoàn quy hoạch cụ thể dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban phân vùng quy hoạch của tỉnh. Mặt khác, có kế hoạch đề nghị Trung ương giúp đỡ quy hoạch thị xã, điều tra khảo sát khoáng sản... để làm tài liệu cho các năm sau.

Đẩy mạnh công tác xây dựng cơ bản, Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công ông Nguyễn Niệm - Phó Chủ tịch phụ trách khối công nghiệp và là Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch trực tiếp phụ trách xây dựng 2 xưởng cơ khí và trùng tu ô tô do Ty Công nghiệp và Giao thông trực tiếp quản lý.

Ngoài ra, do yêu cầu mới, các cơ quan phải chuyển ra ngoài để tiện công tác cũng phải quy hoạch cho từng cơ quan đảm bảo phòng không sơ tán và quy định nơi ăn ở, làm việc.

Nghiên cứu phân cấp quản lý một số xí nghiệp công nghiệp cho các huyện và quy hoạch sắp xếp lại các cơ sở quốc doanh chăn nuôi, cá, trồng dược liệu... để phân công các ngành quản lý. Ban Thường vụ giao trách nhiệm cho Ủy ban kế hoạch cùng các ngành công nghiệp, nông trường quốc doanh, Ty Thương nghiệp, Ty Nông nghiệp, Ty Y tế, Ty Tài chính nghiên cứu có phương án trình Ủy ban hành chính tỉnh để quyết định trong tháng 10/1969 để làm cơ sở cho kế hoạch năm 1970.

Phải có quy hoạch đào tạo cán bộ, công nhân, nghiên cứu định mức lao động, giao cho Ủy ban kế hoạch tỉnh, Ty Lao động, Ban tổ chức nghiên cứu trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy thông qua vào tháng 11/1969.

Ngày 02/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh, lãnh tụ vĩ đại của dân tộc từ trần. Trước sự mất mát to lớn đó, cán bộ, công nhân viên Ủy ban kế hoạch quyết tâm cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy tinh thần đoàn kết, biến đau thương thành hành động, tiếp tục vươn lên, thực hiện sự nghiệp mà Người hằng mong muốn. Thực hiện nghiêm túc đợt sinh hoạt chính trị “Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, là động lực tinh thần to lớn để cán bộ, công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 1969.

Từ ngày 28/3 đến ngày 05/4/1970, Đảng bộ tỉnh đã tiến hành Đại hội đại biểu lần thứ hai, Đại hội thông qua Báo cáo chính trị, Nghị quyết Đại hội, Ủy ban kế hoạch có đóng góp rất lớn trong xây dựng báo cáo kết quả thực hiện kinh tế - văn hóa của nhiệm kỳ trước và phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ Đại hội II Đảng bộ tỉnh. Sau đó, quán triệt nhiệm vụ được giao, Ủy ban kế hoạch tích cực tham mưu nhiệm vụ chuyên môn trên tất cả các lĩnh vực và đạt được kết quả cao.

Với mong muốn phát huy những ưu thế và khả năng của một tỉnh miền núi biên giới có nhiều tiềm năng nhưng chưa được phát huy, lực lượng cán bộ và công nhân quá ít, thiết bị máy móc có năng suất cao còn thiếu... để nhanh chóng đưa nền kinh tế miền núi phát triển trong khoảng thời gian 10 - 20 năm tới, trước mắt trong kế hoạch 3 năm (1970 - 1972) cần có một chuyển biến mới về xây dựng và phát triển kinh tế, cần có nguồn lực và đội ngũ cán bộ, lực lượng lao động đáp ứng nhu cầu. Do đó, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban hành chính đề nghị Khu và Trung ương nghiên cứu, giúp đỡ đầu tư lao động và thiết bị cho tỉnh Lai Châu trong kế hoạch 3 năm (1970 - 1972). Với nhiệm vụ phân bổ nguồn nhân lực, năm 1970, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phân cho tỉnh Lai Châu 403 học sinh tốt nghiệp bậc trung học và 62 học sinh tốt nghiệp bậc đại học. Đến ngày 20/10/1970, tỉnh Lai Châu tiếp nhận thực tế 220 học sinh tốt nghiệp bậc trung học, 21 học sinh tốt nghiệp bậc đại học. Căn cứ vào nhu cầu xin bổ sung cán bộ khoa học kỹ thuật của các ty, ngành, cơ sở sản xuất, Ủy ban kế hoạch phối hợp với các ban, ngành tham mưu Ủy ban hành chính phân bổ tất cả số học sinh nhận được đến các đơn vị.

Căn cứ văn bản của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về giao vốn đầu tư xây dựng cơ bản và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa năm 1970 của tỉnh, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh



giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 1970 (thuộc vốn địa phương tự có) cho các ngành, các cấp có công trình được đầu tư vốn thực hiện và thông báo chỉ tiêu vốn đầu tư kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1970 thuộc vốn Trung ương trợ cấp công trình. Ủy ban kế hoạch có nhiệm vụ thông báo chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư cho các ngành, các cấp thực hiện<sup>1</sup>. Đến tháng 11/1970, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh điều chỉnh kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1970 (thuộc vốn địa phương tự có) để đảm bảo hoàn thành kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1970. Phát huy trách nhiệm, Ủy ban kế hoạch đã khẩn trương thẩm định hồ sơ thiết kế các công trình và đề nghị Ủy ban hành chính tỉnh phê duyệt hoặc trình Trung ương phê duyệt theo phân cấp. Đồng thời, kiểm tra thực tế các công trình, làm việc với các đơn vị để phản ánh những công trình xây dựng có mục thi công chưa đúng thiết kế để tăng cường công tác giám sát kỹ thuật, đảm bảo chất lượng. Đồng thời có căn cứ thực tiễn để phê duyệt bổ sung nhiệm vụ kỹ thuật cần thiết của công trình<sup>2</sup>. Riêng năm 1972, do tình hình chiến tranh nên không điều chỉnh kế hoạch năm, nhưng điều chỉnh một số kế hoạch kiến thiết cơ bản, vật tư, nông nghiệp, lương thực...

Căn cứ vào quyết định của Ủy ban hành chính tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước hằng năm cho các ty, ngành, huyện và cơ sở, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban hành chính giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp, lưu thông phân phối, vận tải hàng hóa và hành khách hằng năm cho các ty, ngành công nghiệp, nội thương, ngoại thương, giao thông vận tải, các huyện, thị xã, các cơ sở trọng điểm của tỉnh. Đồng thời, hằng quý, căn cứ vào tình hình thực hiện kế hoạch của quý trước để giao chỉ tiêu cho các quý còn lại trong năm.

Nắm chắc tiến độ thực hiện nhiệm vụ nông nghiệp, đảm bảo việc triển khai theo thời vụ, kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo, giải quyết kịp thời khó khăn ở cơ sở. Mặc dù bị ảnh hưởng bởi mưa lũ, hạn hán nhưng sản xuất nông nghiệp đảm bảo mục tiêu về lương thực; chăn nuôi ổn định và phát triển hơn. Sản xuất nông nghiệp cơ bản theo vùng chuyên canh đã quy hoạch.

---

1. Ủy ban hành chính tỉnh, số 10/QĐKH-XDCB, ngày 16/01/1970.

2. Một số văn bản của Ủy ban kế hoạch, số 196/KTCB, ngày 20/10/1970 về giải quyết bổ sung xây dựng công trình thủy nông Na Tùng (Mường Lay); số 81/KH-XDCB, ngày 15/3/1970 phúc đáp Công văn số 276-XDCB của Ty Giao thông Vận tải Lai Châu...

Đến năm 1971, ngoài các công trình về giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế... đã hoàn thành toàn bộ công trình thủy điện Ta Cơn, thủy điện Nậm Cắn và phát điện từ quý I/1971; thủy điện Tả Lèng (Phong Thổ), thủy nông Pa Phong (Tủa Chùa), Lùng Thàng (Sìn Hồ). Một số nương phai và trạm thủy nông khác được xây dựng kiên cố và tu sửa lại tăng thêm năng lực sử dụng. Hoàn thành căn bản và đưa vào sản xuất các công trình cơ khí trùng tu ô tô, xưởng bột Tuần Giáo, các xí nghiệp gạch Điện Biên, xưởng gạch 1/5, xưởng bê tông ngói xi măng, xưởng xẻ gỗ Điện Biên, đường dây điện thị xã bắt đầu phát huy năng lực sản xuất. Các cơ sở y tế, giáo dục, nhà ở và cơ quan làm việc cũng được chú ý xây dựng thêm. Sửa chữa khu nhà Đồi Cao dành cho bệnh viện tỉnh, mở rộng một số bệnh viện, bệnh xá các huyện. Mở rộng một số trường học, tăng thêm thiết bị, giáo cụ dạy và học. Phát triển thêm nhà ở và nhà làm việc trên 7.000m<sup>2</sup>, trong đó trên 2/3 là nhà gỗ. Tổng vốn mức đầu tư vào xây lắp chiếm 77%, mua thiết bị 22%.

Trong tham mưu phê duyệt nhiệm vụ thiết kế xây dựng về thủy nông, thủy lợi, cơ sở y tế, trường học, có một số công trình lớn tiêu biểu, mang lại giá trị cao cho cộng đồng, xã hội. Riêng năm 1972, phòng kiến thiết cơ bản đã tập trung xét duyệt nhiệm vụ thiết kế, giúp tỉnh duyệt 72 công trình, tham gia làm giúp 25 công trình cho huyện và cơ sở.

Công trình Đại thủy nông Nậm Rốm là công trình lớn được Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Ủy ban kế hoạch khẩn trương nghiên cứu hồ sơ, khảo sát thực tế và làm việc với Ty Thủy lợi, tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh phê duyệt thêm một số hạng mục ngay từ đầu năm, trong năm cơ bản hoàn thành, đưa vào phục vụ sản xuất<sup>1</sup>. Căn cứ chủ trương của Tỉnh ủy về quy hoạch thị xã Lai Châu trong năm 1971, nghiên cứu tờ trình đề nghị của Ủy ban hành chính huyện Mường Lay xin xây dựng nhà ở và làm việc ở địa điểm mới, Ủy ban kế hoạch nghiên cứu hồ sơ, thực địa và tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh phê chuẩn nhiệm vụ thiết kế xây dựng nhà ở và nhà làm việc của huyện, để huyện kịp chuyển đến địa điểm mới trong năm 1971<sup>2</sup>.

---

1. Ủy ban hành chính, số 21/KTCB, ngày 18/01/1971 về duyệt thiết kế kỹ thuật dự toán cống tiêu độc lập; số 229/KTCB, ngày 26/3/1971 về duyệt thiết kế dự toán các công trình trên kênh Nậm Rốm.

2. Ủy ban hành chính tỉnh, số 61-XDCB, ngày 18/12/1971.

Với khối lượng công việc rất nặng nề, đội ngũ cán bộ thiếu, cán bộ vừa làm việc, vừa phải thực hiện công tác phòng không sơ tán nhưng với tinh thần làm việc khẩn trương, thi đua sôi nổi trong cơ quan, làm ngày không hết, tranh thủ làm đêm, tập thể cán bộ, công nhân viên đã hoàn thành các nhiệm vụ mà Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh giao, càng ngày đưa công tác kế hoạch đi vào chất lượng. Riêng năm 1972, đã thực hiện dân chủ hóa kế hoạch với các ngành, các cơ sở. Từng bước tiến tới quản lý, bảo vệ kế hoạch tập trung vào các vùng, các ngành, các cơ sở trọng điểm như Điện Biên, Mường Ảng, Nậm Dìn, Bình Lư, Tam Đường và các điểm định canh, định cư. Giúp tỉnh giải quyết các vấn đề về tiền vốn vật tư thiết bị cung cấp cho các ngành, đồng thời chú trọng các mặt trong nền kinh tế quốc dân, tạo điều kiện cho các ngành, cơ sở thực hiện tốt kế hoạch được giao. Phối hợp cùng các ngành để xây dựng báo cáo về chuyên môn, tiêu biểu là xây dựng báo cáo tổng kết nông nghiệp 3 năm (1970 - 1972).

Tổ chức cho cán bộ đến các huyện để kiểm tra cơ sở, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch quý, năm và triển khai nhiệm vụ trong thời gian tới. Trong 6 tháng đầu năm 1972, phòng Kiến thiết cơ bản đã dành 274 công đi cơ sở chỉ đạo thi công, tiến hành in và phổ biến tập đơn giá định mức; phòng Vật tư dành 56,5 công đi kiểm tra tình hình vật tư ở cơ sở; phòng Công nghiệp cử nhiều cán bộ đi cơ sở, cùng các phòng trong Ủy ban tổ chức tổ công tác nghiên cứu giá thành và định mức kinh tế kế hoạch của xí nghiệp gạch Điện Biên và xưởng đường Chấn Nua; tổ kiến thiết đòi Chi Luông đã có nhiều cố gắng trong việc chỉ đạo thi công, phát hiện những mặt bất hợp lý để kịp thời uốn nắn. Đi đôi với công tác trên, Ủy ban kế hoạch còn về Trung ương, làm việc với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, với các bộ, tổng cục để xin vốn, vật tư thiết bị nhằm đảm bảo sự cân đối kế hoạch.

Để thực hiện chức năng cơ quan Ủy ban kế hoạch là cơ quan tham mưu kinh tế cho tỉnh, công tác đi nghiên cứu cơ sở là một nhiệm vụ rất quan trọng không thể thiếu được trong công tác chuyên môn. Vì vậy khẩu hiệu của cơ quan đề ra là dành 30% thời gian đi về cơ sở. Năm 1972, cử 2 tổ công tác phối hợp với Ủy ban nông nghiệp đi nghiên cứu kinh tế ở hai huyện Mường Tè, Sìn Hồ, tập trung vào 4 điểm Mường Nhé và dọc sông Đà, vùng Nậm Mạ, vùng cây dược liệu Tả Phìn để chuẩn bị cho việc xây dựng kế hoạch năm 1973 - 1975 và đến năm 1980. Cơ quan đã đạt được một số thành tích về công tác nghiên cứu kinh tế như sau:

Công tác đi nghiên cứu quy hoạch vùng Điện Biên, cơ quan có hai đồng chí lãnh đạo ban, hai cán bộ phụ trách trực tiếp tham gia. Xác định Điện Biên là một trong 20 điểm kinh tế mới của Trung ương, là một vùng có khả năng phát triển kinh tế toàn diện, lấy phát triển lương thực, thực phẩm là trung tâm. Vùng này có diện tích đất nông nghiệp gồm 7 vạn ha, gần 5.000ha ruộng nước với 16.000 lao động và có khả năng phát triển thủy điện, thủy lợi khá lớn. Quy hoạch được tỉnh thông qua, sau đó báo cáo Trung ương, được đánh giá chất lượng tốt.

Tổ nghiên cứu kinh tế huyện Mường Tè tập trung vào tiểu vùng Mường Nhé dọc sông Đà. Qua đi nghiên cứu đã xác định được vùng Mường Nhé có khả năng phát triển chăn nuôi lợn, trung tâm là trại Mường Nhé. Bằng ba phương án có thể phát triển được: một là nâng quy mô cho trại này bằng cách huy động một số lao động thuộc xã Mường Nhé, bổ sung cho trại; hai là sáp nhập ban Mường Nhé vào trại để thành nông trường; ba là đưa toàn bộ hợp tác xã và trại Mường Nhé thành một hợp tác xã chăn nuôi. Cũng qua nghiên cứu vùng dọc sông Đà nhận thấy rừng đã kiệt quệ, nếu công tác bảo vệ tu bổ tốt thì khoảng 10 năm sau mới khai thác được, trước mắt chỉ khai thác đoạn từ Nậm Hàng - Mường Mô, chủ yếu là tre.

Tổ đi nghiên cứu huyện Sìn Hồ đã cung cấp một số tình hình và tài liệu cơ bản khá quan trọng để phục vụ cho công tác nghiên cứu kinh tế sau này. Tài liệu gồm 21 xã trong huyện, trong đó có 9 xã vùng thấp mà trung tâm là Pa Há với dân số gần 1 vạn người, vùng cao có 9 xã với dân số gần 1 vạn và 3 xã biên giới: Pa Tần, Nậm Ban, Huổi Luông. Vùng Nậm Mạ có khả năng phát triển kinh tế tốt, nhất là về khả năng ruộng nước, nhưng biện pháp để thực hiện khả năng đó còn khó khăn. Vùng này còn có khả năng thả cánh kiến đỏ, trồng lạc, trồng bông. Tình hình sản xuất mấy năm nay về năng suất cây trồng, nhất là lúa ruộng có chiều hướng giảm sút. Vùng thấp nơi có nhiều ruộng lại đói hơn vùng cao. Hiện tượng chạy lên nương làm riêng phát triển ngày càng nhiều. Riêng vùng cao nguyên Tả Phình rừng không còn mấy, hướng phát triển trước mắt để có hàng hóa ở đây chủ yếu là chăn nuôi, về lâu dài thì vừa chăn nuôi vừa trồng được liệu ôn đới.

Nghiên cứu kinh tế cụ thể ở 2 điểm Mường Ảng và Tam Đường để có kế hoạch đầu tư trồng cây đen, trồng chè, phát triển chăn nuôi và trồng rừng tập trung trong những năm tới.

Như vậy, Nghị quyết Đại hội II Đảng bộ tỉnh chia ra 5 vùng 10 điểm, đến tháng 6/1972 cơ quan đã cử cán bộ đi về tất cả các vùng điểm ghi trong Nghị quyết. Tất nhiên mức độ, thời gian nghiên cứu mỗi vùng điểm khác nhau nên kết quả khác nhau.

Để từng bước cải tiến công tác quản lý kinh tế, trước hết là cải tiến công tác kế hoạch hóa, Ủy ban kế hoạch dần dần đi vào nghiên cứu các định mức kinh tế kỹ thuật trên cơ sở đó giúp tỉnh chỉ đạo và quản lý kinh tế tốt hơn. Tham gia duyệt giá thành xí nghiệp sửa chữa ô tô 25/3, kết quả đã giảm giá thành kế hoạch một xe đại tu được 1.200 đồng so với năm 1971. Ngoài ra, còn nghiên cứu giá thành sản phẩm 2 lâm trường Điện Biên và Mường Lay. Việc nghiên cứu định mức kinh tế kỹ thuật và xây dựng giá thành ở trại xí nghiệp gạch Điện Biên, xưởng đường Chăn Nưa đã giúp các ngành tổng hợp nắm được tình hình ở hai xí nghiệp về cách phân bố giá thành, về xây dựng định mức, năng suất lao động và tiêu hao vật chất trên cơ sở nghiên cứu mà điều chỉnh kế hoạch năm 1972 cho hợp lý và giúp hai xí nghiệp xây dựng kế hoạch năm 1973. Nghiên cứu chính sách thuế nông nghiệp và giá cả ở 2 huyện Điện Biên, Tuần Giáo phục vụ tổng kết nông nghiệp của tỉnh. Qua công tác này đã xây dựng được mối quan hệ thống nhất giữa cơ quan và các ngành tổng hợp và ở cơ sở, mặt khác làm cho cán bộ của Ủy ban kế hoạch trưởng thành hơn trong sự nghiệp<sup>1</sup>.

Tổ kiến thiết cơ bản đội Chi Luông đã giúp đỡ công trường hoàn thành xây dựng 2.000m<sup>2</sup> nhà ở và giúp đỡ cơ quan xây dựng và sửa chữa nhà cửa theo kế hoạch của tỉnh.

Tuy nhiên, công tác bồi dưỡng cán bộ kế hoạch cho các ngành và cơ sở chưa thực hiện được; cán bộ kế hoạch của các ty, ngành, huyện, thị xã thường kiêm nhiệm nhiều việc, lại hay thay đổi nên tham mưu chưa sâu.

Cuối năm 1972, Ủy ban kế hoạch hoàn thành nhiệm vụ quan trọng: tập trung trí tuệ để xây dựng xong sơ kiểm tra kế hoạch Nhà nước 3 năm (1973 - 1975), làm cơ sở để phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Đồng thời, tham mưu Ủy ban hành chính đánh giá kết quả thực hiện năm 1972 và xây dựng kế hoạch kinh tế - văn hóa năm 1973<sup>2</sup>.

---

1. Ủy ban kế hoạch tỉnh Lai Châu, số 184/VP/KH, ngày 18/8/1972, Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và thi đua nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 1972.

2. Văn bản ở chế độ tối mật, chưa được giải mật nên chưa có thông tin.

Kế hoạch năm 1973 được xây dựng trong hoàn cảnh chiến tranh nhưng khi bước vào thực hiện thì sự nghiệp cách mạng cả nước lại chuyển sang giai đoạn mới: Hiệp định Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết. Trước thắng lợi vô cùng to lớn đó, Trung ương Đảng và Hội đồng Chính phủ đã ra nghị quyết về nhiệm vụ kinh tế cấp bách trước mắt là “Chuyển nhanh, chuyển mạnh mọi hoạt động của miền Bắc từ thời chiến sang thời bình”. Ủy ban kế hoạch tỉnh khẩn trương tham mưu bổ sung kế hoạch năm 1973 theo tinh thần mới, nhiệm vụ chủ yếu là “Đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, tích cực phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, tăng cường công tác lưu thông phân phối, nhanh chóng ổn định sản xuất và đời sống; sử dụng tốt lao động xã hội; ra sức đào tạo công nhân kỹ thuật... tăng cường cải tiến quản lý kinh tế, đồng thời chuẩn bị điều kiện để mở rộng xây dựng và phát triển kinh tế trên quy mô lớn vào những năm sau...”.

Những ngày cuối năm 1972, tuy có bị địch bắn phá nhưng do có sự chuẩn bị đối phó từ trước nên thiệt hại không đáng kể. Tiếp đó, hòa bình lập lại tạo không khí phấn khởi cho nhân dân ta. Qua một năm chuyển hướng kinh tế từ thời chiến sang thời bình, tuy còn nhiều khó khăn, lúng túng, nhưng dưới sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, trực tiếp là sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính, các ngành, các cấp, các đơn vị và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã ra sức phát huy thuận lợi, khắc phục khó khăn vươn lên hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1973, nhất là giành được thắng lợi to lớn trên mặt trận sản xuất nông, lâm nghiệp và cải thiện đời sống cho nhân dân. Tuy nhiên vẫn còn nhiều tồn tại cần phải khắc phục, nhất là công tác tổ chức quản lý kinh tế, tài chính còn yếu, củng cố quan hệ sản xuất mới ở nông thôn và trong khu vực kinh tế quốc doanh làm chậm; thêm vào đó là nền kinh tế địa phương vốn đã mất cân đối khi có chuyển biến mới lại càng mất cân đối hơn, biểu hiện trực tiếp là công tác kế hoạch hóa non yếu. Kế hoạch xây dựng cơ bản đạt thấp, nguyên nhân từ các giai đoạn trước chưa được khắc phục triệt để là thiếu vật tư, vật liệu xây dựng, lao động kỹ thuật và có một số công trình mới đột xuất không nằm trong kế hoạch phải xây dựng gấp như: khách sạn Điện Biên, Lai Châu, cửa hàng tổng hợp Chi Luông... Cộng vào đó, một số ngành Trung ương ở

địa phương cũng được bổ sung nhiều như trại lợn Thẩm Pu, nhà cửa, kho tàng của ngành lương thực... vật tư đã thiếu lại bị phân tán, nên càng khó khăn hơn.

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1973, những đặc điểm kinh tế, tự nhiên, xã hội trong tỉnh và yêu cầu phát triển sản xuất, từng bước nâng cao đời sống của nhân dân trong thời gian tới. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết lần thứ 19, 20 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về phát triển sản xuất nông nghiệp và tăng cường cải tiến quản lý kinh tế. Quán triệt tinh thần và tư tưởng chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nhiệm vụ khôi phục và phát triển kinh tế sau chiến tranh, Nghị quyết số 11 của Tỉnh ủy về nhiệm vụ kinh tế 3 năm (1973 - 1975), Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh về phương hướng, nhiệm vụ chung của kế hoạch Nhà nước 2 năm (1974 - 1975) là: “Tiếp tục hoàn thành những nhiệm vụ của năm 1973 còn lại; đẩy mạnh phát triển nông, lâm nghiệp toàn diện theo hướng định canh, thâm canh, chuyên canh và theo vùng sản xuất nhằm giải quyết đến mức cao nhất về lương thực và thực phẩm tại chỗ, tạo điều kiện phát huy một bước 3 ưu thế, đi thẳng vào chăn nuôi, đưa chăn nuôi từng bước tiến lên ngành chính, tạo ra một số điểm tập trung về rừng, cây công nghiệp để từng bước phá vỡ tình trạng tự cung, tự cấp, tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa đi đôi với củng cố quan hệ sản xuất mới; ra sức củng cố và phát triển công nghiệp, thủ công nghiệp, tập trung trước nhất vào các ngành công nghiệp, tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến lâm sản, điện, cơ khí sửa chữa và cơ khí nông cụ; phát triển mạnh giao thông vận tải; đẩy nhanh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các ngành, nhất là lâm nghiệp, giao thông vận tải, thương nghiệp và cung cấp vật tư; chấn chỉnh việc cung ứng vật tư kỹ thuật và làm tốt công tác lưu thông phân phối phục vụ sản xuất, xây dựng và đời sống... Tiến hành công tác điều tra, quy hoạch, nghiên cứu khoa học, chuẩn bị các mặt cần thiết cho việc xây dựng và phát triển kinh tế theo quy mô lớn với tốc độ nhanh vào những năm sau; đồng thời tiếp tục đẩy mạnh phát triển sự nghiệp văn hóa - xã hội, nhất là sự nghiệp giáo dục, y tế, cải thiện một bước đời sống nhân dân; tăng cường củng cố quốc phòng và làm tốt hơn nữa nghĩa vụ quốc tế với cách mạng Lào”. Từ phương hướng, nhiệm vụ



chung, Ủy ban hành chính giao nhiệm vụ cụ thể cho từng ngành để triển khai thực hiện.

Để phát triển các chỉ tiêu về nông nghiệp, quy hoạch rõ vùng trồng cây công nghiệp; phải khẩn trương quy hoạch, phân rõ đất nông nghiệp và lâm nghiệp, ranh giới huyện, xã, bản. Trên cơ sở đó mà mạnh dạn giao rừng và đất rừng do xã quản lý, bảo vệ. Để giải quyết nhanh, có thể thành lập các tổ quy hoạch bao gồm đại biểu của các huyện, các xã, bản, hợp tác xã giáp ranh đi thực địa để xác định và phân rõ ranh giới tại chỗ. Rừng và đất rừng thuộc địa phận xã nào xã phải có trách nhiệm quản lý bảo vệ. Hoàn thành và trình duyệt phương án quy hoạch lâm trường quốc doanh Điện Biên, lên phương án quy hoạch vùng trụ mỏ Pa So (Phong Thổ), vùng cánh kiến đỏ (Sìn Hồ, Điện Biên) và lâm trường Mường Lay.

Để thực hiện được nhiệm vụ của tỉnh về xây dựng cơ bản, Ủy ban kế hoạch cùng các ngành xây dựng và tổng hợp nghiên cứu để điều chỉnh lại các định mức và đơn giá xây dựng cho thích hợp với tình hình của tỉnh, kể cả phân đơn giá thuê hợp đồng tự do. Mặt khác cần ban hành gấp một số nhà mẫu phổ thông đơn giản thích hợp với tình hình miền núi, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành xây dựng dân dụng không mất nhiều thời gian và kỹ thuật thiết kế dự toán không cần thiết. Đối với các công trình quan trọng, có kiến trúc đặc biệt thì các ngành cố gắng xin Trung ương thiết kế mẫu hoặc nhờ các bộ khảo sát thiết kế. Tăng cường công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch. Trong hai năm, phải hoàn thành xong quy hoạch thị xã Lai Châu, Điện Biên và giúp các huyện Tuần Giáo, Mường Lay, Phong Thổ làm quy hoạch thị trấn, huyện lỵ, hoàn thành khảo sát thiết kế đường Nà Pheo đi Mường Nhé và một số tuyến đường, vùng điểm kinh tế mới. Khảo sát, thiết kế xong thủy điện Nậm He, Pa Khoang, Tam Đường để chuẩn bị đưa vào xây dựng trong kế hoạch dài hạn 1976 - 1980. Xin Trung ương bổ sung cán bộ kỹ thuật cho điều tra khảo sát thiết kế, thi công và sản xuất vật liệu. Quản lý chặt chẽ các mặt vật tư, tiền vốn, lao động và các định mức kinh tế, kỹ thuật trong xây dựng cơ bản, chống tham ô lãng phí.

Phối hợp với ngành giáo dục để khẩn trương quy hoạch lại các trường. Cố gắng xây dựng lại một số trường đã mục nát, nhất là trường cấp II, cấp III tỉnh; cấp II, cấp III Điện Biên; khôi phục cấp III Tuần Giáo, Phong Thổ và một số trường phổ thông cấp I, II ở thị xã và các huyện.

Phối hợp với ngành giao thông tham mưu Ủy ban hành chính xin Trung ương bổ sung phương tiện vận tải, năm 1974 là 37 xe, năm 1975 là 24 xe tải. Đồng thời, đề nghị Trung ương giải quyết cấp sảm, lớp, phụ tùng các loại để thay thế, sửa chữa, đảm bảo xe được vận hành và hoạt động hiệu quả.

Thị hành Chỉ thị số 210, ngày 06/12/1967 của Thủ tướng Chính phủ về việc phát triển cây làm thuốc, đưa nhiệm vụ phát triển cây dược liệu vào vị trí cấp cao trong các cây công nghiệp, tiến tới tự túc về thuốc để phòng chữa bệnh cho nhân dân và giảm nhập dược liệu từ nước ngoài về. Nghị quyết của Tỉnh ủy Lai Châu vào tháng 3/1970 xác định vùng dược liệu: 8 xã vùng cao huyện Sìn Hồ và các xã vùng cao của huyện Phong Thổ. Với điều kiện về độ cao, khí hậu, địa hình, thời tiết cho phép phát triển nhiều cây dược liệu quý có giá trị kinh tế cao mà nhiều nơi trên miền Bắc không có, mặt khác, theo cán bộ điều tra của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Sìn Hồ còn có thuận lợi về đầu tư cơ giới, thủy lợi so với địa bàn Đồng Văn (Hà Giang) và Bắc Hà (Lào Cai). Xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ, điều kiện của tỉnh, Ủy ban kế hoạch tham mưu thiết kế nhiệm vụ nông trường dược liệu Sìn Hồ để trình Ủy ban hành chính tỉnh trình Chính phủ xét duyệt<sup>1</sup>.

Căn cứ vào phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa 3 năm (1973 - 1975) của tỉnh và chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1974 của Trung ương giao cho địa phương, theo đề nghị của Ủy ban kế hoạch tỉnh, Ủy ban hành chính tỉnh đã giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa năm 1974 và quý II, quý III năm 1974 cho các ty, ngành, huyện và thị xã, các đơn vị công, nông, lâm trường, xí nghiệp trọng điểm của tỉnh; giao chỉ tiêu kế hoạch thủy lợi nhỏ và kế hoạch giao thông nông thôn năm 1974 cho các huyện, thị xã, Ty Thủy lợi và Ty Giao thông; kế hoạch trồng rừng năm 1974 cho Ty Lâm nghiệp; chỉ tiêu kế hoạch vụ đông xuân về nông nghiệp năm 1974 - 1975 cho các huyện, thị xã, các nông trường quốc doanh của tỉnh...

Thực hiện Chỉ thị số 238-TTg, ngày 02/10/1974 của Phủ Thủ tướng về hướng dẫn việc tổ chức nghiên cứu lập kế hoạch dài hạn 5 năm lần thứ hai của các tỉnh và thành phố, năm 1975, Ủy ban kế hoạch đã tham mưu

---

1. Ủy ban hành chính tỉnh, số 13/NV-XDCB, ngày 08/02/1973.

dự thảo kế hoạch, phương hướng chung đến năm 1980 và phương hướng, nhiệm vụ 2 năm (1975 - 1976) và được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III (diễn ra từ ngày 26/4 - 01/5/1975) thông qua. Tư tưởng chỉ đạo chủ yếu của lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội:

- Quán triệt đường lối công nghiệp hóa và bước đi ban đầu lên chủ nghĩa xã hội của miền Bắc vận dụng vào Lai Châu. Kết hợp chặt chẽ nông nghiệp với lâm nghiệp, kết hợp nông nghiệp, lâm nghiệp với phong trào định canh, định cư, ra sức phát huy ba thế mạnh của kinh tế nông nghiệp miền núi (rừng, chăn nuôi, cây công nghiệp), trồng rừng, bảo vệ rừng, tu bổ rừng là nhiệm vụ kinh tế quan trọng hàng đầu của trung du, miền núi.

- Xây dựng kinh tế phải luôn gắn với quốc phòng, an ninh, nắm vững đường lối đối ngoại của Đảng. Kết hợp kế hoạch dài hạn với kế hoạch từng năm, đẩy mạnh sản xuất toàn diện, cố gắng giải quyết lương thực đủ ăn; dồn sức đẩy mạnh công tác quy hoạch, nghiên cứu khoa học, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất, làm rõ một số vùng đã định.

- Củng cố, mở rộng phát triển kinh tế, văn hóa ở vùng thấp, tập trung sức giải quyết công tác vùng cao biên giới, giải quyết đời sống khó khăn cho các dân tộc ít người, giữ vững lòng tin của dân, bảo đảm quân sự, trị an, chủ quyền quốc gia, giữ rừng, bảo vệ rừng.

Ngày 30/4/1975, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Thắng lợi vĩ đại đó đã cổ vũ Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lai Châu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ năm 1975. Cán bộ, công nhân viên ngành kế hoạch phấn khởi, quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao trong tình hình mới. Đến năm 1975, kinh tế - văn hóa của tỉnh tiến bộ hơn năm 1974; tổng giá trị sản lượng nông nghiệp năm 1975 tăng 27,48% so với năm 1965. Sản xuất công nghiệp tăng so với năm 1970, sản lượng công nghiệp tăng 61,2%...

Đến tháng 6/1972, bộ máy cơ quan Ủy ban kế hoạch tỉnh gồm 6 phòng và 2 tổ, cụ thể: phòng Hành chính, phòng Vật tư, phòng Công nghiệp tài mậu, phòng Kiến thiết cơ bản, phòng Lao động, phòng Nông nghiệp, tổ Kiến thiết đồi Chi Luông, tổ Tổng hợp. Tổng số cán bộ, công nhân viên là 53 đồng chí. Ông Nguyễn Niệm - Phó Chủ tịch Ủy ban hành chính

tỉnh (từ tháng 3/1972) tiếp tục giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch đến năm 1973. Năm 1974, ông Hoàng Tinh được bổ nhiệm chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch. Ông Nguyễn Thức là Ủy viên Ủy ban kế hoạch, đến tháng 02/1970, ông được bổ nhiệm chức vụ Phó Chủ nhiệm. Năm 1970, ông Nguyễn Thự là Ủy viên Ủy ban kế hoạch<sup>1</sup>. Cán bộ lãnh đạo các phòng thiếu: phòng Nông nghiệp, phòng Tổng hợp chưa có trưởng phòng; phòng Kiến thiết cơ bản, phòng Tổng hợp cán bộ nghiệp vụ còn thiếu, còn phải kiêm nhiệm. Nhân viên đánh máy có 2 đồng chí, đến tháng 6 còn 1 đồng chí (do 1 đồng chí chuyển vùng). Có 2/3 ngành ở tỉnh có phòng Kế hoạch tổng hợp. Ở cấp huyện có phòng Kế hoạch, thống kê, lao động thuộc Ủy ban hành chính huyện, thị xã.

Giai đoạn 1965 - 1975, hệ thống các cơ quan tham mưu kế hoạch phải hoạt động linh hoạt vừa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, vừa thực hiện nhiệm vụ phòng không, sơ tán. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, cán bộ, công nhân viên của ngành đã khắc phục tình trạng thiếu cán bộ, luôn tích cực, lạc quan, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phục vụ tốt sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính tỉnh. Trọng tâm là hoàn thành tốt các báo cáo đánh giá kết quả phát triển kinh tế - văn hóa và kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa giai đoạn, hằng năm được các kỳ đại hội Đảng bộ tỉnh, các kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Công tác xây dựng kế hoạch có chuyển biến tốt, giúp định hướng phát triển của tỉnh, của các ngành đến cơ sở; công tác quy hoạch có cơ sở khoa học khách quan; phê duyệt thiết kế các công trình được thực hiện nghiêm túc, công tác xây dựng cơ bản hoàn thành, đưa vào sử dụng đạt hiệu quả; phân phối hàng hóa, thiết bị tương đối phù hợp với nhu cầu sinh hoạt và sản xuất... Sự cố gắng, nỗ lực của tập thể, cá nhân Ủy ban kế hoạch tỉnh được ghi nhận, đánh giá là tập thể lao động tiên tiến, nhiều cá nhân lao động tiên tiến.

---

1. Chức danh và chữ ký của ông Thự trong văn bản số 121-UB/BC, ngày 20/10/1970 của Ủy ban kế hoạch tỉnh.

### **Chương III**

## **NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU TRONG GIAI ĐOẠN KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC VÀ CHUẨN BỊ TIỀN ĐỀ CHO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1976 - 1985)**

### **I. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU THAM MƯU KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, BẢO VỆ BIÊN GIỚI PHÍA BẮC CỦA TỔ QUỐC (1976 - 1980)**

Chiến thắng mùa Xuân năm 1975 với đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của cả dân tộc. Sự kiện vĩ đại đó đã tạo ra một bước ngoặt lịch sử của cả dân tộc ta, mở ra một giai đoạn mới của cách mạng Việt Nam. Cả nước cùng thực hiện nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hòa trong không khí phấn khởi của cả nước, cán bộ, công nhân viên Ủy ban kế hoạch luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, xây dựng tinh thần đoàn kết, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý chí tự lực tự cường, tích cực tham mưu với quy mô và phương pháp mới.

Ngay trong những năm chiến tranh, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã nghiên cứu chuẩn bị kế hoạch tái thiết kinh tế sau chiến tranh. Để xây dựng kế hoạch 5 năm đầu tiên của nước Việt Nam thống nhất (1976 - 1980), được sự chỉ đạo của Đảng, Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã cùng với các bộ, địa phương khẩn trương đánh giá, khảo sát tình hình đất nước, chuẩn bị các dự án và tổng hợp thành 25 phương án đầu tư phát triển, đưa ra thảo luận trong Ủy ban. Tháng 12/1976, Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã thông qua kế hoạch 5 năm (1976 - 1980). Quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương, nghiên cứu kỹ những chủ trương chung để vận dụng phù hợp vào điều kiện của tỉnh, Ủy ban kế hoạch tham mưu nhiệm vụ rất quan trọng trong giai đoạn cách mạng mới, đó là kế hoạch 5 năm (1976 - 1980).

Trên cơ sở kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, hàng năm, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân

dân tỉnh báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch hằng năm và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm tiếp theo, giai đoạn tiếp theo trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Năm 1976, trên cơ sở đánh giá sơ bộ kết quả 4 tháng thực hiện kế hoạch năm 1976 và chiều hướng thực hiện kế hoạch năm, dự báo khả năng thực hiện kế hoạch năm 1976, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh ban hành phương hướng, nhiệm vụ năm 1977. Trên cơ sở đó, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, các ngành để triển khai thực hiện. Nhiệm vụ của Ủy ban kế hoạch là: phối hợp với các ngành để tập trung sản xuất các loại nông cụ cầm tay, xe cải tiến, sửa chữa phương tiện vận tải, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng; phân phối xăng, dầu, xi măng, thép đảm bảo cho sản xuất và xây dựng. Đề nghị Trung ương tiếp tục trang bị cho địa phương một số tổ máy phát điện lớn và vừa, đồng thời có phương án xây dựng ngành điện lâu dài của tỉnh, tập trung vào xây dựng thủy điện, hỗ trợ về nhựa đường để mỗi năm có thể rải được từ 25 - 30km đường; tăng thêm phương tiện vận tải cho địa phương, nhất là xe có trọng tải lớn. Đối với xây dựng cơ bản, cần thực hiện tốt công tác quy hoạch, khảo sát thiết kế, phân bổ nguồn lực thực hiện. Phải tăng cường quản lý kế hoạch từ khâu xây dựng kế hoạch đến chỉ đạo thực hiện kế hoạch; thường xuyên, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc triển khai kế hoạch, giải quyết kịp thời khâu yếu, mất cân đối và nhu cầu chính đáng ở cơ sở. Tích cực tham gia phong trào thi đua lao động sản xuất của tỉnh “biến toàn tỉnh thành một công trường lớn - công trường xây dựng xã hội chủ nghĩa”.

Ủy ban kế hoạch chủ động tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các huyện, thị phát huy vai trò trách nhiệm để thực hiện các chỉ tiêu được giao. Tiêu biểu như năm 1976, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh ban hành Chỉ thị số 13/CT, ngày 07/4/1976 về kế hoạch triển khai một bước thực hiện Nghị quyết 19 của Hội đồng Chính phủ. Trong đó, chỉ đạo những việc có tính chất thời vụ cần làm ngay đối với trồng trọt, chăn nuôi trong sản xuất nông nghiệp; việc thực hiện các kế hoạch vận tải trước mùa mưa; sắp xếp thứ tự ưu tiên của các công trình xây dựng cơ bản để có phương án về cung cấp vật tư và bố trí lực lượng thi công. Chỉ đạo các ngành phải cử cán bộ

xuống kiểm tra cơ sở để tập trung nắm bắt những khó khăn, vướng mắc để giải quyết. Giải quyết tốt chính sách của Nhà nước đối với cán bộ, công nhân viên và nâng cao đời sống của nhân dân, công nhân trên các công trường. Xác định trọng điểm vùng, ngành và xí nghiệp để chỉ đạo có trọng tâm, trọng điểm, tạo chuyển biến rõ nét như vùng ngô (Điện Biên) và đậu tương (Pú Nhung), ngành: vật tư công nghiệp, vật tư nông nghiệp và công ty lâm sản, xí nghiệp: nông trường Điện Biên, Mường Ảng, công trường Pa Khoang, nhà máy cơ khí, công ty ô tô, công ty cầu đường, công trường kiến trúc Lai Châu.

Thực hiện Quyết định số 38-CP, năm 1976 của Chính phủ phê chuẩn phương án phân vùng quy hoạch của tỉnh, tháng 6/1977, tỉnh ban hành Chỉ thị số 18 về xúc tiến công tác quy hoạch huyện, Ủy ban kế hoạch đã khẩn trương tham mưu triển khai thực hiện đảm bảo toàn diện. Các tài liệu cơ bản, khoa học kỹ thuật được sưu tầm, tổng hợp cơ bản đầy đủ. Hệ thống tổ chức và cán bộ làm quy hoạch được các huyện, ngành hình thành. Nhưng so với đặc thù của Lai Châu còn có nhiều khó khăn, nhất là tài liệu điều tra cơ bản về đất nước, khí hậu, thực tiễn chưa tích lũy được nhiều, chưa hiểu hết quy luật diễn biến của nó<sup>1</sup>. Công tác quy hoạch đã xác định phương hướng chung cho các vùng điểm, trọng điểm, góp phần phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành trong công tác phát triển kinh tế, văn hóa trên địa bàn, đẩy mạnh việc xây dựng cơ sở vật chất và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp cũng như trong tiểu thủ công nghiệp.

Điện Biên là huyện trọng điểm về lương thực, thực phẩm của tỉnh, đồng thời là trọng điểm của Trung ương, do đó, công tác điều tra, khảo sát quy hoạch được tiến hành liên tục. Năm 1971, xây dựng quy hoạch cấp huyện theo tinh thần Thông báo số 6 của Ban Bí thư Trung ương Đảng, đến năm 1976 được Chính phủ phê chuẩn. Giai đoạn 1979 - 1980 được các bộ, ngành Trung ương giúp đỡ rà xét bổ sung và được Hội đồng Bộ trưởng thông qua. Kết quả đã đem lại nhiều đề tài có giá trị, 4.000ha đồng lúa, 1.275ha đồng ngô, 73 vạn ha cây có dầu, đồng cỏ chăn thả, ao hồ chăn nuôi cá, mạng lưới thủy nông, thủy điện, cải tạo đồng ruộng

---

1. Báo cáo ngày 10/4/1983 của Ủy ban kế hoạch tỉnh về tình hình công tác quy hoạch trong những năm qua - những biện pháp rà xét bổ sung quy hoạch năm 1983.



đều có luận chứng kinh tế kỹ thuật. Các ranh giới phương hướng, nhiệm vụ, quy mô, sản xuất các nông, lâm trường, trạm, trại, hợp tác xã trong lòng chảo Điện Biên đều được xác định và bổ sung.

Nhiều công trình được triển khai, thiết kế thi công như san ủi cải tạo 800ha đồng ruộng, các tuyến giao thông, các hồ đập tưới. Hệ thống cơ sở vật chất giống, sân phơi nhà kho, trung tâm chính trị văn hóa, quần cư trong các xã, hợp tác xã trong lòng chảo đã được sắp xếp lại theo quy hoạch. Tiếp nhận trên 1.000 hộ, 5.550 nhân khẩu và 2.000 lao động đồng bào miền xuôi tăng cường bổ sung xen ghép trong các hợp tác xã... Quy hoạch đã góp phần tăng thêm cơ sở vật chất - kỹ thuật, hoàn thiện thêm một bước về quan hệ sản xuất, sắp xếp, tổ chức, phân công lại lao động, mở rộng ngành nghề trong các hợp tác xã và trên địa bàn cấp huyện. Do đó, năng suất cây trồng được tăng lên, lúa mùa từ 18,5 tạ/ha (năm 1976) lên 28 tạ/ha, lúa đông xuân 16 tạ/ha lên 22 tạ/ha (năm 1978), điển hình có hợp tác xã đạt 55 tạ/ha vụ mùa và 37 tạ/ha vụ đông xuân.

Rút kinh nghiệm quy hoạch Điện Biên, tiến hành quy hoạch các huyện: Tuần Giáo, Phong Thổ, Mường Lay, Sìn Hồ, Tủa Chùa và Mường Tè (giai đoạn 1977 - 1978) đã điều tra, xác định rõ ranh giới, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phù hợp hơn, kết hợp giữa nông nghiệp, lâm nghiệp, định canh, định cư kinh tế mới trên các vùng điểm: Pú Nhung, Nậm Din (ngô, đỗ tương), Mường Ảng (nuôi trâu, trồng cây quả đen), Tam Đường (trồng chè, nuôi bò sữa), Bình Lư, Sính Phình, Trung Thu, Ba Chà (nuôi lợn, trồng lúa)... Các công trình trọng điểm được tiếp tục khảo sát thiết kế thi công như 1.000ha ngô, đỗ tương ở Pú Nhung, Nậm Din, Mường Báng; công trình thủy lợi Ảng Cang, Cốc Phong (Bình Lư, Nậm Xeo). Phục vụ khai hoang tăng vụ, nhiều nông, lâm trường, hợp tác xã đều được xác định ranh giới và phương hướng sản xuất. Tuần Giáo đã quy hoạch xong 6 xã trọng điểm lương thực cây có dầu, ngô, đỗ tương... các cụm quần cư lần lượt chuyển lên các triền đồi để giải phóng mặt bằng, tăng thêm diện tích cây trồng lương thực, các cánh đồng lúa chuyên canh. Quy hoạch thiết kế xây dựng bờ vùng, bờ thửa giữ nước, tăng độ phì cho đất, nhiều đường giao thông nông thôn được mở mang (Nậm Din - Nậm Mu, Duy Phong - Bản Giang, Mường Báng - Xá Nhè...).

Song song quy hoạch nông nghiệp, quy hoạch lâm nghiệp cũng được xúc tiến trên 1,25 triệu ha rừng, đất rừng được điều tra nghiên cứu phân bổ khoanh vùng và xác định phương hướng, nhiệm vụ cho các vùng trọng điểm như Điện Biên, Pha Đin... các lâm trường, trạm, trại bổ sung thêm nhiệm vụ và trách nhiệm làm trung tâm cho toàn vùng, hướng dẫn nhân dân khoanh nuôi, tu bổ và khai thác, gây vốn rừng để nuôi rừng<sup>1</sup>.

Tham mưu Ủy ban hành chính tỉnh duyệt thiết kế nhiều công trình xây dựng cơ bản. Trong điều kiện cơ sở vật chất còn lạc hậu, phương tiện thủ công nhưng đội ngũ cán bộ đã miệt mài nghiên cứu, phân tích, tính toán thông số kỹ thuật và xây dựng những bộ hồ sơ, bản vẽ kỹ thuật chính xác. Riêng năm 1976, tham mưu phê duyệt 9 nhiệm vụ thiết kế và thiết kế dự toán xây dựng các kho tàng, 20 công trình phục vụ công cộng, trường học, nhà khách, nhà trọ, triển lãm, thư viện, chiếu bóng, điện nước và nghĩa trang, nghĩa địa... Đồng thời, lập hồ sơ trình Ủy ban hành chính tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn nhiệm vụ thiết kế các xí nghiệp, dự án lớn theo phân cấp (xí nghiệp cá Pa Khoang, thủy điện Thác Bay...)<sup>2</sup>.

Năm 1977, Ủy ban kế hoạch tham mưu báo cáo đánh giá tình hình và kết quả thực hiện kinh tế - xã hội trong 2 năm (1975 - 1976) và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu 2 năm (1977 - 1978), được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ IV (vòng 2, diễn ra từ ngày 07 - 12/3/1977) thông qua. Qua đó, thể hiện tinh thần trách nhiệm của ngành với nhiệm vụ được giao, uy tín của ngành với cấp ủy, chính quyền địa phương ngày càng nâng lên.

Năm 1977, là năm thứ hai của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), là năm đầu thực hiện phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa 2 năm (1977 - 1978), Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 1977, phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1978 và kế hoạch 5 năm (1976 - 1980). Báo cáo đánh giá khách quan, thẳng thắn kết quả

---

1. Báo cáo ngày 10/4/1983 của Ủy ban kế hoạch tỉnh về tình hình công tác quy hoạch trong những năm qua - những biện pháp rà xét bổ sung quy hoạch năm 1983.

2. Phủ Thủ tướng, số 65/TTg, ngày 29/01/1976, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê chuẩn nhiệm vụ thiết kế xây dựng xí nghiệp cá Pa Khoang (Lai Châu); số 270/TTg, ngày 14/6/1976 về phê duyệt luận cứ kinh tế kỹ thuật thủy điện Thác Bay.

đạt được, so sánh kết quả so với năm 1976 (năm trước khi thực hiện kế hoạch 2 năm) để thấy được bước phát triển của từng ngành, tiến độ thực hiện so với chỉ tiêu của kế hoạch 2 năm, hạn chế, khó khăn của từng lĩnh vực, từng ngành để có biện pháp khắc phục. Phân tích tiềm năng, thế mạnh của tỉnh chưa được khai thác, phát huy; những thuận lợi về sản xuất nông nghiệp<sup>1</sup> là tiền đề quan trọng để xây dựng kế hoạch năm 1978. Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ, chỉ tiêu của từng ngành, trong đó, nhiệm vụ của Ủy ban kế hoạch là: Tiếp tục phối hợp cùng các ngành để thực hiện các chỉ tiêu, tập trung đánh giá đúng, nắm chắc khả năng, năng lực trong từng đơn vị, từng ngành, từng huyện và toàn bộ nền kinh tế để phân vùng quy hoạch, xây dựng kế hoạch nhằm khai thác tốt nhất lao động xã hội và đất đai, cơ sở vật chất - kỹ thuật. Việc xây dựng kế hoạch có ý nghĩa quan trọng, quyết định đối với việc thực hiện các chỉ tiêu, yêu cầu phải bảo đảm đúng hướng, đúng đường lối, tính toán bước đi phù hợp, giải quyết vấn đề mấu chốt, điểm nghẽn. Chuyển hướng công tác kế hoạch hóa và đổi mới phương pháp làm kế hoạch, thoát ra khỏi cách làm theo lối mòn từ nhiều năm nay. Phối hợp chặt chẽ với các ngành và các cấp trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch. Cố gắng cao nhất việc cung ứng vật tư, lương, bảo đảm cho lao động, sản xuất liên tục.

Thực hiện nhiệm vụ năm 1977 về xây dựng cơ bản, trọng tâm là đẩy nhanh tốc độ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế với nhịp độ nhanh theo quy mô ngày càng lớn hơn, để trong vòng 15 - 20 năm tới có thể hoàn thành cơ bản về xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội ở vùng dân tộc. Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 1977, trên cơ sở đề nghị của các ngành, Ủy ban kế hoạch tỉnh làm việc cụ thể với các cơ quan, đơn vị và thẩm tra hồ sơ thiết kế, tài chính, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt nhiệm vụ thiết kế, kinh phí các công trình phát triển văn hóa, giáo dục, y tế trên địa bàn tỉnh. Một số công trình tiêu biểu như: duyệt vốn xây dựng nhà tạm và trang thiết bị cho Đài Phát thanh Lai Châu ngay sau khi thành lập;

---

1. Như: được mùa 7 năm liên tiếp, đang hình thành các vùng điểm tập trung thâm canh, cơ giới hóa nông nghiệp với 100 đầu máy kéo đang phục vụ sản xuất; một số công trình thủy lợi đang khẩn trương hoàn thành...

nhệm vụ thiết kế nhà cǎng tin và bảo vệ của Công an tỉnh; nhệm vụ thiết kế trường cấp I, II Đoàn Kết; duyệt kinh phí nhà tạm cho trường Trung học Sư phạm cấp I tỉnh; nhệm vụ thiết kế bổ sung cho trại lúa cấp I Điện Biên và nhiều công trình khác... Các công trình khi đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả.

Phối hợp chặt chẽ với ngành nông nghiệp để triển khai các chỉ tiêu về lĩnh vực nông, lâm nghiệp. Hằng năm đều đánh giá kết quả thực hiện đồng thời giao chỉ tiêu, kế hoạch cho năm tiếp theo. Hoạt động tiêu biểu vào năm 1978, Ủy ban kế hoạch phối hợp cùng Ty Nông nghiệp xây dựng báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại hội nghị nông nghiệp toàn tỉnh, nhằm xác định vị trí của sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp trong thời kỳ mới, thống nhất chỉ đạo về nhệm vụ và giải pháp chỉ đạo sản xuất vụ đông xuân, quyết tâm hoàn thành thắng lợi vụ sản xuất đông xuân năm 1978 - 1979. Một trong những nhệm vụ Ủy ban kế hoạch cần thực hiện trong thời gian tới đó là tham mưu quy hoạch lại diện tích trồng cây lương thực, quy hoạch vùng sản xuất tập trung và giao chỉ tiêu phù hợp với từng địa phương.

Năm 1978, là năm bản lề của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), trong điều kiện nguồn viện trợ bị giảm, cùng với cả nước, Lai Châu cũng bị ảnh hưởng đến vốn thực hiện các công trình, dự án; đòi hỏi các cấp, các ngành phải phát huy ý chí tự lực tự cường, ý thức làm chủ tập thể để hoàn thành nhệm vụ. Ủy ban kế hoạch tích cực tham mưu cân đối các chỉ tiêu về sản xuất nông, lâm nghiệp, tự giải quyết vấn đề lương thực, thực phẩm và đặc biệt, tập trung đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, hoàn thành cơ bản các công trình trọng điểm: Hồ chứa nước Pa Khoang, khai thông đường Mường Tè, công trình Đại thủy nông Nậm Rốm... Từ ngày 14 đến ngày 16/02/1979, Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức kỳ họp thông qua báo cáo kế hoạch Nhà nước năm 1978, phương hướng, nhệm vụ năm 1979. Bên cạnh một số kết quả đạt được, còn một số hạn chế như tỉnh bỏ tiền, bỏ sức để khai hoang mỗi năm vài trăm ha, nhưng chưa có biện pháp tích cực để chống xói lở, để mất đi nhiều diện tích màu mỡ ven sông, ven suối; việc chuyển từ sản xuất ngói xi măng sang sản xuất ngói nung chậm gây tình trạng thiếu ngói nghiêm trọng; việc bố trí vốn còn dàn trải, không tập trung lực lượng để giải quyết dứt điểm từng công trình.

Năm 1979, là năm diễn ra những thử thách to lớn đối với cả nước nói chung và Lai Châu nói riêng. Ngày 17/02/1979, cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc nổ ra trên toàn tuyến biên giới Việt - Trung, sau 22 ngày chiến đấu, quân và dân ta đã giành thắng lợi vẻ vang. Trong những ngày chiến đấu vô cùng anh dũng và quyết liệt, quân và dân tỉnh ta đã vượt qua muôn vàn thử thách, khó khăn và bằng mồ hôi, xương máu của mình đã góp phần vào chiến thắng của cả nước. Trên mặt trận kinh tế, nhân dân tỉnh thực hiện kế hoạch nhà nước trong điều kiện đặc biệt khó khăn, nông nghiệp bị thiên tai, nắng hạn kéo dài. Trong điều kiện tập trung nguồn lực phục vụ cho cuộc chiến, Ủy ban kế hoạch đã tham mưu điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư cho phù hợp với yêu cầu mới. Đầu năm mùa khô là mùa để xây dựng các công trình nhưng lực lượng xây dựng, vật tư, phương tiện phải dành cho chiến đấu, sau khi kết thúc chiến sự phải tập trung khắc phục hậu quả cuộc chiến. Do đó, ảnh hưởng đến vốn đầu tư và tiến độ thi công các công trình, hầu hết các công trình đều không đạt kế hoạch. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp cũng bị ảnh hưởng, Ủy ban kế hoạch tham mưu điều chỉnh kế hoạch về nguồn vật tư, nguyên liệu, phụ tùng được cấp từ Trung ương đến những nơi cần thiết, cấp bách hơn. Đồng thời, tích cực tham mưu đề nghị Trung ương hỗ trợ, với sự cố gắng của ngành vận tải nên trong năm 1979 tỉnh đã tiếp nhận hơn 4,3 vạn tấn vật tư hàng hóa, nhiều nhất từ trước năm 1979, giúp tỉnh khôi phục kinh tế, giải quyết dần khó khăn trong đời sống của nhân dân, nhất là vùng bị ảnh hưởng của cuộc chiến.

Tháng 4/1979, thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về di chuyển thị trấn huyện lỵ Phong Thổ đến địa điểm mới, Ủy ban kế hoạch phối hợp với Ty Tài chính cân đối đầu tư, duyệt vốn khống chế để thi công và tổ chức quản lý, vừa đảm bảo thời gian theo yêu cầu, chất lượng tốt, giá thành hạ. Đồng thời, nghiên cứu điều cho huyện một máy bơm, một máy điện, một số ống nước cần thiết theo thiết kế. Cùng với các ngành, tích cực giúp đỡ huyện để di chuyển thị trấn huyện về địa điểm mới trước tháng 5/1979<sup>1</sup>. Tháng 11/1979, thực hiện kế hoạch xây dựng căn cứ của tỉnh,

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 19/TB, ngày 18/4/1979 về thông báo di chuyển thị trấn huyện lỵ Phong Thổ đến địa điểm mới.

xây dựng các công trình nhà làm việc, nhà ở của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy, Ủy ban kế hoạch có nhiệm vụ giải quyết các điều kiện vật tư đảm bảo tiến độ xây dựng và sớm đưa công trình vào sử dụng<sup>1</sup>.

Quán triệt Chỉ thị số 07 của Tỉnh ủy về việc tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Toàn tỉnh ra quân, Đông Xuân quyết thắng”. Ngày 25/02/1980, Ủy ban kế hoạch tỉnh ban hành Kế hoạch số 04/KH phát động đợt thi đua trong toàn cơ quan, tập trung phấn đấu những công tác sau đây:

1. Tổ chức học tập cho cán bộ, công nhân viên trong cơ quan về các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy như: Nghị quyết phát triển kinh tế và văn hóa năm 1980 của tỉnh, Chỉ thị số 81/CT đấu tranh khắc phục chống hiện tượng tiêu cực trong xã hội, học tập xây dựng Đảng và chuẩn bị phát thẻ đảng viên trong đợt 19/5.

2. Nắm chắc tình hình và khả năng sản xuất và xây dựng, tình hình cung ứng vật tư thiết bị của Trung ương cân đối phục vụ đặc lực cho các nhu cầu sản xuất - xây dựng và sẵn sàng chiến đấu, cụ thể làm các việc:

- Tiếp tục lập văn bản báo cáo với Trung ương xin thêm vốn, vật tư thiết bị còn thiếu chưa được Trung ương giải quyết.

- Thường xuyên bám sát Trung ương để tiếp nhận tốt nguồn hàng vật tư thiết bị và có kế hoạch phân phối kịp thời cho các ngành, huyện, thị.

- Nắm tiến độ sản xuất đông xuân và công tác chuẩn bị cho sản xuất vụ mùa, đi kiểm tra sản xuất cơ sở để có ý kiến báo cáo với Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo ngành và huyện, thị. Đồng thời, tập trung dứt điểm trong việc đầu tư vốn và vật tư phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp theo tư tưởng chỉ đạo của tỉnh.

3. Xây dựng sơ kiểm tra kế hoạch năm 1981 và một số mục tiêu chủ yếu kế hoạch năm 1985 để phục vụ đề án Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V (tháng 5/1980).

4. Tiếp tục hoàn thành chương trình giảng dạy và ôn thi tốt nghiệp lớp nghiệp vụ kế hoạch trong tháng 5/1980, trong đó đạt 80 - 85% loại giỏi.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 59/TB, ngày 29/11/1979.

5. Ngoài những công tác chủ yếu nói trên, cơ quan Ủy ban kế hoạch phấn đấu giải quyết tốt một số việc trong nội bộ cơ quan<sup>1</sup>.

Để thực hiện những nhiệm vụ trên, cần áp dụng những biện pháp sau đây:

- Mỗi cán bộ, đảng viên trong cơ quan phải xây dựng tinh thần đoàn kết thi đua, phát huy tinh thần làm chủ, ý chí tự lực tự cường, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành mọi công tác lao động sản xuất tốt, nắm vững những tư tưởng chỉ đạo của tỉnh mà tập trung dứt điểm việc đầu tư vốn thiết bị vật tư trong sản xuất và xây dựng.

- Mỗi phòng đều có chương trình hành động: phân công người gắn với việc, hưởng ứng tích cực đợt thi đua do Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh phát động.

- Phối hợp bộ tứ trong cơ quan để tập trung lãnh đạo và giáo dục động viên anh em phấn khởi thi đua hoàn thành nhiệm vụ chính trị xuất sắc.

- Trong ban lãnh đạo cơ quan có sự phân công từ nay đến ngày 19/5 chịu trách nhiệm các công tác như “Ông Hậu thường trực cơ quan và quan hệ với Trung ương để tiếp tục xin vốn và vật tư, ông Thái Hồng theo dõi tiến độ sản xuất, nông, lâm nghiệp và quan hệ với các huyện để tổng hợp báo cáo tỉnh những tồn tại cần giải quyết. Ông Nguyễn Quang Phụng tham gia tổ tổng hợp xây dựng đề án Đại hội Đảng bộ tỉnh”.

- Lập ban thi đua theo dõi và chỉ đạo đợt thi đua gồm ông Hậu, ông Hữu và ông Thành là Ủy viên thường trực thi đua.

Cán bộ, công nhân viên của Ủy ban kế hoạch rất phấn khởi, tích cực tham gia phong trào, kết thúc đợt thi đua, các chỉ tiêu đều đạt kế hoạch đặt ra. Từ đó, tạo thêm động lực để cán bộ, công nhân viên tiếp tục vượt qua khó khăn để cố gắng xây dựng cơ quan vững mạnh.

Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ được giao, cán bộ, công nhân viên của Ủy ban kế hoạch còn tích cực

---

1. Như: xây dựng và hoàn chỉnh xong nhà làm việc và công trình phụ, nhà tắm, tiêu để đưa vào sử dụng trong tháng 5/1980, giúp đỡ các phòng đăng ký tổ, đội lao động xã hội chủ nghĩa. Mua sắm thêm văn phòng phẩm, bàn ghế làm việc, kiểm kê và phân phối tài sản cho các phòng làm việc, lập sổ sách rõ ràng, lau chùi máy chữ, máy in, đánh máy ít sai sót, rõ ràng và kịp thời; công tác văn thư đi đến kịp thời, bảo mật an toàn. Dự trữ sớm kinh phí quý II cho cơ quan, hoàn thành diện tích trồng sắn, đảm bảo nghĩa vụ sản xuất tự túc lương thực 2 tháng.



tham gia các ban chỉ đạo của tỉnh về sản xuất nông, lâm nghiệp và triển khai các chính sách của Nhà nước mới ban hành<sup>1</sup>. Các đồng chí được cử tham gia tích cực nghiên cứu, nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ và phát huy được hiệu quả khi xuống giúp đỡ cơ sở. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện tại cấp huyện, cấp cơ sở.

Trên cơ sở phân tích những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ Đại hội IV Đảng bộ tỉnh, bối cảnh tình hình thế giới, trong nước và điều kiện thực tiễn của tỉnh, Ủy ban kế hoạch tham mưu xây dựng nội dung về kế hoạch Nhà nước trong dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội lần thứ V Đảng bộ tỉnh (Đại hội diễn ra từ ngày 27 - 29/10/1980) thông qua. Việc xây dựng dự thảo đảm bảo tính khách quan, dân chủ, xin ý kiến của các ngành, các cấp từ Trung ương đến cơ sở, có cơ sở khoa học để xây dựng định hướng phát triển tỉnh trong giai đoạn tiếp theo.

Kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) được thực hiện trong hoàn cảnh nền kinh tế chung cả nước có nhiều khó khăn, mất cân đối do thiên tai xảy ra liên tiếp, do sự phá hoại của 2 cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới đã ảnh hưởng đến nhiều mặt hoạt động của tỉnh ta. Từ một tỉnh hậu phương trở thành tuyến đầu phòng thủ biên giới. Nhưng dưới sự giúp đỡ tích cực của Trung ương về cơ sở vật chất, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, nhân dân các dân tộc nỗ lực vươn lên, đã dành được nhiều thành tích trên các hoạt động, đưa nền kinh tế - xã hội của tỉnh lên những bước trưởng thành mới. Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Ủy ban kế hoạch tích cực phối hợp với các ngành liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chỉ tiêu, nguồn lực, vật tư và triển khai thực hiện trong thực tiễn.

Phối hợp cùng ngành công nghiệp thẩm định các thiết kế kỹ thuật công trình, dự án, phân bổ nguồn lực trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua, do đó, công nghiệp địa phương từng bước được phát triển cả về giá trị và sản lượng, năm 1980, giá trị sản lượng tăng 21% so với năm 1976.

Nghiên cứu, cân đối nguồn lực đầu tư cho lĩnh vực xây dựng cơ bản. Trong 5 năm đã đầu tư 70 triệu đồng cho các ngành. Một số công trình

---

1. Thông báo số 51/TB-UB, ngày 02/11/1979, ông Thái Hồng tham gia bộ phận giúp tỉnh chỉ đạo phong trào sản xuất nông nghiệp; Thông báo số 55/TB-UB, ngày 09/11/1979, Ủy ban kế hoạch tỉnh cử 4 cán bộ có mức lương 64 đồng làm công tác chỉ đạo kế hoạch sản xuất đồng xuân năm 1979 - 1980.

xây dựng quan trọng đã cơ bản hoàn thành: Khai thông đường ô tô Lai Châu - Mường Tè, Phong Thổ - Đào San, Sìn Hồ - Nậm Loỏng. Hồ chứa nước Pa Khoang, khai hoang và đưa vào sử dụng trên 800ha, trong đó trồng mới 300ha cây công nghiệp dài ngày, 5.700ha rừng. Nhìn chung, công tác giao thông, thủy lợi được đẩy mạnh, nhiều công trình xây dựng được đưa vào sản xuất, sử dụng và bắt đầu phát huy hiệu quả.

Trên cơ sở điều kiện thực tế của tỉnh còn nhiều khó khăn, thiếu thốn, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị và được Trung ương hỗ trợ 500.000 tấn vật tư hàng hóa, giúp tỉnh có thêm điều kiện để ổn định đời sống nhân dân. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Phủ Thủ tướng và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cấp: xe vận tải hàng hóa và hành khách, máy ủi, máy kéo, tổ máy phát điện, thiết bị (máy tiện, máy khoan, máy hàn...); vật tư chủ yếu như xăng ô tô, than đá, gang đúc, xi măng, sắt thép ô tô... đồng thời phân phối dụng cụ, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống và củng cố quốc phòng<sup>1</sup>. Mạng lưới giao thông được chú trọng phát triển, số ki-lô-mét đường ô tô mở ra trong 5 năm tăng nhanh, đến năm 1980 toàn tỉnh có 868km đường ô tô, trong đó 530km quốc lộ, 318km đường lên các huyện vùng cao. Sự nghiệp giáo dục, văn hóa, y tế, đào tạo cán bộ nhìn chung phát triển. Nhất là mạng lưới y tế có cố gắng trong việc khám, chữa bệnh, kịp thời dập tắt các dịch bệnh phát sinh và phục vụ có hiệu quả chiến sự năm 1979.

Tuy nhiên, việc triển khai nhiệm vụ còn một số khó khăn, nhiều chỉ tiêu đạt thấp; vận tải còn hạn chế do thiếu phương tiện, sắt, thép, phụ tùng thay thế. Việc nghiên cứu, giải quyết những vướng mắc cụ thể còn chậm như chính sách lương thực, đầu tư vốn cấp bù chênh lệch giá trong xây dựng cơ bản, hàng 2 chiều, cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất công nghiệp, sản xuất chế biến màu, lương thực, quy hoạch, khảo sát thiết kế. Công tác xây dựng kế hoạch có mặt còn yếu cả về lực lượng cán bộ làm kế hoạch chuyên môn, nghiệp vụ, chỉ đạo chưa tập trung, chưa làm rõ kế hoạch, làm trung tâm, dân chủ hóa kế hoạch chưa cao, kế hoạch của các ty, ngành chưa rõ nét.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Báo cáo số 13/UB-KH, ngày 08/6/1982 tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980); phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch 5 năm (1981 - 1985); số 13/UB-VT, ngày 11/9/1980 về báo cáo kế hoạch thiết bị năm 1981; số 14/UB-VT, ngày 11/9/1980 về báo cáo kế hoạch vật tư năm 1981.

Trong giai đoạn này, đội ngũ lãnh đạo của Ủy ban kế hoạch tiếp tục được củng cố. Ông Điều Chính Tuệ được giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch từ năm 1977; thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy về công tác cán bộ, ngày 06/11/1979, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phân công lại các đồng chí Phó Chủ tịch trực tiếp phụ trách một số ngành, trong đó: ông Điều Chính Tuệ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thôi không trực tiếp làm Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch tỉnh để trực tiếp làm Trưởng ban miền Tây và Trưởng ban Chỉ đạo vùng kinh tế mới; ông Nguyễn Niệm, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp làm Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch tỉnh<sup>1</sup>. Giai đoạn này, ông Nguyễn Thái Hồng là Ủy viên Ủy ban kế hoạch tỉnh<sup>2</sup>.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và sự tích cực phối hợp của các ngành chuyên môn, trong giai đoạn 1976 - 1980, Ủy ban kế hoạch tỉnh đã tham mưu nhiều nội dung quan trọng, linh hoạt với điều kiện thực tiễn, từng bước khắc phục khó khăn, đưa nền kinh tế - xã hội của tỉnh lên những bước trưởng thành mới.

## **II. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU THAM MƯU CHUẨN BỊ TIỀN ĐỀ CHO VIỆC THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1981 - 1985)**

Năm 1981, năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ V, bám sát kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1981 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban kế hoạch cố gắng nâng cao chất lượng tham mưu các lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thiết kế và kinh phí xây dựng công trình của các ngành y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi, nhà làm việc... đề nghị Phủ Thủ tướng và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cấp xe vận tải hàng hóa và hành khách, tổ máy phát điện, thiết bị (máy tiện, máy khoan, máy hàn...); vật tư chủ yếu như xăng ô tô, than đá, gang đúc, xi măng, sắt thép ô tô... đồng thời phân phối dụng cụ, vật tư, thiết bị

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 53/TB, ngày 06/11/1979.

2. Ông Nguyễn Thái Hồng là Ủy viên Ủy ban kế hoạch theo chữ ký trong văn bản số 04-KH, ngày 25/02/1980 của Ủy ban kế hoạch tỉnh về Chương trình công tác từ ngày 25/02 đến ngày 19/5/1980.

phục vụ sản xuất, phục vụ đời sống và củng cố quốc phòng; giao chỉ tiêu kế hoạch lao động và tiền lương cho các ngành và điều chỉnh, bổ sung để đảm bảo nguồn lao động; tham mưu thực hiện công tác quy hoạch, đối với công trình lớn, mời Trung ương tham gia quy hoạch giúp tỉnh<sup>1</sup>.

Bước vào thời kỳ kế hoạch 5 năm lần thứ 3 (1981 - 1985) nền kinh tế nước ta ở giai đoạn khó khăn. Kinh tế phát triển chậm, những chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1976 - 1980) đạt được rất thấp, đời sống nhân dân ngày càng khó khăn, tạo tiền đề cho những hiện tượng tiêu cực, tệ nạn xã hội phát triển, một bộ phận nhân dân mất lòng tin, hoang mang trước những khó khăn của đất nước. Những yếu tố đó đặt ra yêu cầu rất cao trong việc tổ chức nghiên cứu xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ 3 (1981 - 1985) với mục tiêu nhanh chóng đưa nền kinh tế thoát ra khỏi những khó khăn rất gay gắt lúc bấy giờ.

Ngày 20/8/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 297-CP về việc tổ chức xây dựng kế hoạch 5 năm lần thứ 3 (1981 - 1985), đây là công tác cấp bách nhằm chuẩn bị tốt một nội dung quan trọng của Đại hội Đảng lần thứ V; đồng thời làm cơ sở cho việc hợp tác kinh tế với các nước và nhất là phối hợp kế hoạch và hợp tác với các nước trong Hội đồng Tương trợ kinh tế. Kế hoạch 5 năm lần thứ 3 (1981 - 1985) có một vị trí rất quan trọng, phải tiếp tục hoàn thành những nhiệm vụ còn lại của kế hoạch 5 năm trước và xúc tiến mạnh mẽ quá trình cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta để đưa nền kinh tế phát triển lên một bước mới. Trong đó, quán triệt sâu sắc đường lối xây dựng và phát triển kinh tế của Đảng, tiếp tục tập trung cao độ phát triển nông nghiệp, ra sức phát triển lâm nghiệp, ngư nghiệp và công nghiệp hàng tiêu dùng; đồng thời xây dựng có trọng điểm một số ngành công nghiệp nặng và cơ sở vật chất hạ tầng nhằm giải quyết một cách cơ bản và vững chắc vấn đề lương thực, thực phẩm, ổn định và cải thiện một bước đời

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 267/KH-XDCB, ngày 14/12/1981 về duyệt nhiệm vụ xây dựng Đài Phát thanh Lai Châu; số 13/UB-VT, ngày 11/9/1980 về báo cáo kế hoạch thiết bị năm 1981; số 14/UB-VT, ngày 11/9/1980 về báo cáo kế hoạch vật tư năm 1981; số 262/UB-KH, ngày 04/12/1981 về duyệt cấp bổ sung sẫm lớp ô tô; số 87-KH/LĐTL, ngày 13/5/1981 về bổ sung chỉ tiêu kế hoạch lao động, tiền lương ngành thương nghiệp; số 163/UB-QH, ngày 22/8/1981, biên bản thông qua lập phương hướng, nhiệm vụ quy hoạch thị xã Lai Châu lần thứ nhất; số 266/KH-XDCB, ngày 14/12/1981 về duyệt xây dựng hội trường và nhà ở, làm việc Ban Công nghiệp huyện Phong Thổ...

sống của nhân dân, đáp ứng yêu cầu tăng cường quốc phòng, tăng nhanh xuất khẩu, tăng cường một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật và chuẩn bị tốt điều kiện để triển khai xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, trên quy mô lớn trong kế hoạch sau. Đó cũng là phương hướng cơ bản để xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý trong thời kỳ 1981 - 1985. Để bảo đảm cho kế hoạch 1981 - 1985 có chất lượng tốt, vừa tích cực, vừa vững chắc, phải đổi mới phương pháp xây dựng kế hoạch, Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ban hành nhiều văn bản để hướng dẫn thi hành.

Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 12/TC-KH, ngày 08/6/1982 về việc xây dựng kế hoạch của địa phương 5 năm (1981 - 1985). Chỉ thị tiếp tục khẳng định kế hoạch 5 năm (1981 - 1985) có vị trí rất quan trọng, phải được tổ chức xây dựng chặt chẽ để cụ thể hóa đường lối chung và đường lối kinh tế của Đảng sát với điều kiện của tỉnh ta, nhằm ổn định và cải thiện một bước đời sống nhân dân các dân tộc, đóng góp tích cực với Trung ương trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Để đáp ứng yêu cầu đó, công tác kế hoạch hóa cần quán triệt một số điểm lớn sau:

*Một là*, phải thực hiện việc đổi mới nội dung và phương pháp kế hoạch hóa, khâu mấu chốt là:

Thực hiện 3 cấp cơ bản làm kế hoạch (Trung ương, địa phương và cơ sở). Kế hoạch phải được tiến hành xây dựng và tổng hợp từ cơ sở và huyện, có như vậy mới mở rộng quyền chủ động của cơ sở, địa phương, ngành và bảo đảm sự quản lý tập trung, thống nhất của Trung ương.

+ Ở tỉnh, Ủy ban kế hoạch tỉnh có trách nhiệm xây dựng và tổng hợp kế hoạch 5 năm của địa phương từ cơ sở và huyện lên. Kế hoạch địa phương phải thể hiện đầy đủ tiềm năng, thế mạnh của địa phương, mở rộng quan hệ trao đổi với các ngành, các địa phương khác, thông qua đó tự cân đối các nhu cầu sản xuất, xây dựng, đời sống, tích lũy... Đồng thời có sự đóng góp thích đáng với Trung ương.

+ Ở cấp huyện: huyện là một địa bàn quan trọng nơi thực hiện sự phân công lao động, mở rộng ngành nghề, xây dựng lực lượng quốc phòng, bảo đảm đời sống của nhân dân và đóng góp cho Nhà nước. Vì vậy nội dung kế hoạch của huyện, xây dựng kế hoạch toàn diện về phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng. Trong 5 năm này, các huyện, thị làm tốt các kế hoạch chủ yếu sau:

- Sản xuất nông, lâm nghiệp, trong đó trọng tâm là sản xuất lương thực.

- Thu mua, giao nộp và xuất khẩu

- Phân công lại lao động, đầu tư xây dựng cơ bản cung ứng vật tư, giao thông vận tải, chú trọng các cân đối: lương thực, lao động, vật tư hàng hóa, xuất và nhập.

+ Ở đơn vị cơ sở: Đối với các cơ sở quốc doanh: cần tiến hành việc phân loại để có chủ trương sắp xếp, củng cố và phát triển thích hợp trên nguyên tắc: ưu tiên bảo đảm các điều kiện sản xuất cho các cơ sở quốc doanh sản xuất các sản phẩm thiết yếu. Trước hết là các cơ sở làm ăn có hiệu quả kinh tế. Các xí nghiệp căn cứ điều kiện được cấp trên thông báo để tiến hành kế hoạch 5 năm. Trước hết chú trọng xây dựng tốt kế hoạch sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, kế hoạch tổ chức lao động, ứng dụng kỹ thuật nhằm nâng cao chất lượng, năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, nâng cao công suất máy móc, thiết bị, hạ giá thành và nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm nghĩa vụ giao nộp sản phẩm cho Nhà nước. Đối với các hợp tác xã, nhất là hợp tác xã nông nghiệp: Nhà nước thông qua công tác phân vùng, quy hoạch, xác định phương hướng chung về sản xuất, đầu tư một số công trình quan trọng, cung cấp một số loại vật tư kỹ thuật và hàng tiêu dùng chủ yếu để thúc đẩy sản xuất, thu mua nguồn hàng. Trên cơ sở xác định nghĩa vụ của hợp tác xã đối với Nhà nước và xác định đúng đắn khoán sản phẩm, hợp tác xã tự xác định phương hướng kế hoạch 5 năm và chủ động xây dựng kế hoạch hàng năm, tự quyết định kế hoạch sản xuất và phân phối, phân chia trong nội bộ. Đối với các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp: từ hướng dẫn của các cơ quan quản lý ngành để xác định phương hướng sản xuất và đầu tư trong kế hoạch 5 năm; làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch hàng năm.

Hai là, kết hợp chặt chẽ kế hoạch kinh tế với kế hoạch tiến bộ khoa học và kỹ thuật. Từng bước xây dựng các căn cứ khoa học của kế hoạch, làm cho kế hoạch khoa học kỹ thuật thực sự trở thành một bộ phận hữu cơ của kế hoạch kinh tế - xã hội và là biện pháp quan trọng góp phần bảo đảm thực hiện những chỉ tiêu cụ thể chủ yếu của kế hoạch kinh tế quốc dân. Trong kế hoạch 5 năm này, kế hoạch khoa học kỹ thuật tập trung giải quyết những vấn đề cụ thể, cấp thiết nhất là lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng và xuất khẩu. Áp dụng các giống cây, con mới, thâm

canh tăng năng suất đi đôi với mở rộng diện tích canh tác, chống xói mòn trên nương, phòng chống bệnh dịch trên cây trồng và gia súc, gia cầm. Trồng rừng, phát triển và giữ vững mạng lưới giao thông, sử dụng hợp lý, tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, thiết bị phụ tùng, bố trí sử dụng có hiệu quả lực lượng lao động hiện có. Để nâng cao chất lượng, kế hoạch kinh tế phải từng bước xây dựng cho được các căn cứ khoa học: các định mức kinh tế kỹ thuật, các tài liệu điều tra cơ bản đã được xác nhận, cấp dự án phân vùng, quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

*Ba là*, kế hoạch phải được xây dựng trên tinh thần kinh tế - xã hội chủ nghĩa và hạch toán kinh tế. Phải lấy năng suất, chất lượng, hiệu quả là mục tiêu của kế hoạch, muốn vậy phải sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế, gắn kế hoạch với thị trường trong và ngoài địa phương với phương châm: với số tiền vốn và vật tư nhất định, từng địa phương, đơn vị cơ sở phải biết tổ chức sản xuất, kinh doanh tạo thêm nguồn vốn, khai thác thêm vật tư để đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao, bù đắp được chi phí sản xuất và có lãi. Trong kế hoạch xây dựng cơ bản đối với các công trình sản xuất, kinh doanh, bảo đảm chế độ hoàn vốn. Các ngành, địa phương và cơ sở khi đề ra nhu cầu cung cấp vật tư, thiết bị cho mình, thì đồng thời phải tính toán cân đối với kế hoạch xuất khẩu của mình. Trong khi xây dựng dự án kế hoạch phải tính toán toàn diện giữa kế hoạch hiện vật với kế hoạch giá trị, giữa kế hoạch kinh tế với kế hoạch tài chính, tiền tệ, giữa sản xuất với phân phối lưu thông, tăng cường vai trò của hợp đồng kinh tế.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo một số công tác cần thiết phục vụ cho việc lập kế hoạch 5 năm: Từng ngành, từng cấp chuẩn bị tổng kết việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980). Đánh giá sát thực kết quả của ngành, địa phương, đơn vị mình, làm rõ chỗ mạnh, yếu, khó khăn, thuận lợi, phân tích sâu sắc nguyên nhân của tình hình, qua đó rút ra những kinh nghiệm cần thiết. Đồng thời hệ thống hóa các số liệu thực hiện thời kỳ 1976 - 1980 và năm 1981 làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch 5 năm (1981 - 1985). Các ngành, các cấp phải thực hiện nghiêm chỉnh Nghị định số 201-CP, ngày 02/5/1981 của Hội đồng Chính phủ về quản lý định mức kinh tế kỹ thuật nhằm đáp ứng kịp thời cho việc xây dựng kế hoạch 5 năm.



Việc xây dựng kế hoạch phải đảm bảo tính dân chủ, đối với cấp tỉnh, Ủy ban kế hoạch tỉnh tổng hợp dự án kế hoạch của các ty, ngành, huyện, thị thành kế hoạch của tỉnh (kể cả phần kế hoạch của đơn vị kinh tế Trung ương tại tỉnh) để Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định và đưa ra Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và báo cáo với các bộ, tổng cục những vấn đề liên quan, sau đó báo cáo lên Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước. Đồng thời với việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch 5 năm, cần tiến hành điều chỉnh kế hoạch năm 1982.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế hoạch 5 năm (1981 - 1985), các cơ quan, các ngành khẩn trương triển khai nhiệm vụ theo tiến độ, đảm bảo khách quan, dân chủ, đầy đủ nội dung theo chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban kế hoạch tỉnh tổng hợp thông tin từ các địa phương, ngành cùng với việc phân tích tình hình của tỉnh, những thuận lợi, khó khăn, tiềm năng... thực hiện các chính sách mới của Trung ương, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch 5 năm (1981 - 1985), trong đó xác định phương hướng, chỉ tiêu lớn của từng ngành, lĩnh vực<sup>1</sup>.

Kế hoạch 5 năm (1981 - 1985), có liên quan chặt chẽ đến kế hoạch năm 1982, do đó, để tạo đà cho thực hiện kế hoạch các năm sau, phải tập trung làm tốt các nhiệm vụ quan trọng của năm 1982 như: thu hoạch nhanh, gọn vụ chiêm xuân, đồng thời chuẩn bị, triển khai tốt vụ mùa, chú trọng toàn diện dưới ruộng và trên nương, dồn mọi sức lực phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu 135 nghìn tấn lương thực quy thóc. Tiếp tục giữ vững và đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhanh chóng đưa các công trình vào sản xuất... Mỗi ngành, mỗi cấp phải tạo ra các phong trào và hành động cách mạng cụ thể trong ngành mình, tạo thành sức mạnh to lớn để triển khai thành công các nhiệm vụ.

Triển khai nhiệm vụ năm 1982, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cấp vật tư<sup>2</sup>; thuyết minh phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 1982 trình Trung ương xét duyệt; vật tư, lao động, tiền

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 13/UB-KH, ngày 08/6/1982, Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (1981 - 1985).

2. Xăng ô tô 2.426 tấn, Đielzel 1.893 tấn, than mỏ 11.000 tấn, xi măng 4.400 tấn, săm lốp ô tô 2.000 bộ, săm lốp máy kéo 50 bộ, vải bạt 5.500m...

vốn được đầu tư, kiểm tra cân đối định mức, kịp thời. Đồng thời, triển khai toàn diện nhiệm vụ chuyên môn, góp phần vào kết quả chung của toàn tỉnh.

Cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới phía Bắc kết thúc nhưng tình hình biên giới vẫn phức tạp, ngày 29/6/1981, Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 112-CT/TW, đến ngày 15/10/1984, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị quyết số 133-HĐBT về củng cố toàn diện các tỉnh biên giới phía Bắc. Thực hiện các chủ trương của Đảng, Nhà nước, ngày 23/11/1984, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 13-CT/TU về “Tăng cường chỉ đạo củng cố các xã biên giới Việt - Trung”, ngày 22/7/1985, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU về thực hiện Chỉ thị 112 của Trung ương và Nghị quyết số 133-HĐBT. Ủy ban kế hoạch tham gia vào ban chỉ đạo biên giới, nghiên cứu, khảo sát về tình hình chính trị, tư tưởng, bộ máy, sản xuất và đời sống nhân dân để đề xuất các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp.

Trong giai đoạn năm 1983 - 1985, hằng năm, Ủy ban kế hoạch tham mưu báo cáo kết quả phát triển kinh tế - văn hóa 6 tháng, báo cáo kết quả thực hiện của năm và dự thảo kế hoạch phát triển của năm tiếp theo trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua; đồng thời, căn cứ vào tình hình thực tiễn để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp, đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm. Cùng với đó, Ủy ban kế hoạch tham mưu nhiệm vụ quan trọng: báo cáo tình hình kinh tế - văn hóa nhiệm kỳ V và phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 3 năm (1983 - 1985) được Đại hội lần thứ VI của Đảng bộ tỉnh (vòng 2: diễn ra từ ngày 20 - 24/01/1983) thông qua.

Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch 3 năm (1983 - 1985):

1. Ra sức xây dựng kinh tế, xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng, các lực lượng vũ trang thật sự trong sạch, vững mạnh nhằm tạo điều kiện cơ bản để đánh bại kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, kiên quyết đánh thắng mọi kẻ thù trong bất kỳ tình huống nào.

2. Cố gắng tự giải quyết vấn đề lương thực và một phần nhu cầu mặc tại chỗ. Giải quyết một bước việc đi lại, chữa bệnh, học hành, nhà ở; tiếp tục ổn định, từng bước cải thiện đời sống cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức và nhân dân các dân tộc.

3. Đẩy mạnh khai thác, mở rộng trồng cây công nghiệp, sản xuất hàng xuất khẩu, xây dựng có trọng điểm một số cơ sở vật chất - kỹ thuật của tỉnh.

4. Tăng cường công tác xây dựng, củng cố cơ sở về mọi mặt, nhất là ở vùng cao, biên giới, những địa bàn xung yếu, tăng cường đoàn kết dân tộc, đoàn kết quân dân, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân các dân tộc. Cải tạo, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa.

Ủy ban kế hoạch phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chuyên môn để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ đã xác định.

Xây dựng báo cáo dự án kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1984, báo cáo kế hoạch vật tư thiết bị năm 1984<sup>1</sup>; xin ứng trước chỉ tiêu về thiết bị năm 1984 vào quý IV/1983 để kịp thời thi công các công trình có khối lượng lớn như sân vận động, đài truyền thanh và phát sóng ngắn, nhà khách cao cấp 30 giường, nhà bảo tàng... xin bổ sung vật tư cho xây dựng cơ bản và thiết bị vận tải, thi công năm 1985<sup>2</sup>; xin bổ sung chỉ tiêu đào tạo năm 1985 - 1986; dự án kế hoạch quỹ tiền lương thuộc khu vực không sản xuất vật chất năm 1985 và dự án kế hoạch năm 1986 trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phê duyệt để triển khai thực hiện. Đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt cấp chỉ tiêu thiết bị năm 1985; duyệt cấp lương thực cho thợ hợp đồng năm 1985 để đảm bảo đủ lao động trong điều kiện thiếu lao động kỹ thuật. Thực hiện tốt công tác thẩm định thiết kế kỹ thuật và kinh tế các công trình<sup>3</sup>.

Thực hiện Quyết định số 38-CP, năm 1976 của Hội đồng Chính phủ phê chuẩn phương án phân vùng quy hoạch của tỉnh và Chỉ thị số

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 205/VT-KH, ngày 30/9/1983 về báo cáo dự án kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1984; số 207/VT-KH, ngày 03/10/1983 về báo cáo kế hoạch vật tư thiết bị năm 1984.

2. Thực hiện Nghị quyết 135 của Hội đồng Bộ trưởng về việc các tỉnh phía Nam giúp đỡ tỉnh biên giới, tỉnh Lai Châu được các tỉnh bạn giúp đỡ số vốn 45 triệu đồng để xây các công trình phục vụ sản xuất, đời sống, chiến đấu như thủy điện Thác Báy, bệnh viện tỉnh, làm đường biên giới... Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Trung ương cấp bổ sung kinh phí để có vật tư cân đối cho nhu cầu đột xuất của tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 225/KH-XDCB, ngày 21/6/1984 về phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật trụ sở thuế - tài chính giá cả.

18-CT/TU, tháng 6/1977 của tỉnh về xúc tiến công tác quy hoạch huyện, Ủy ban kế hoạch tỉnh đã cố gắng tham mưu, trong 5 năm (1976 - 1982) đã cơ bản hoàn thành quy hoạch các huyện, thị và các vùng đệm chuyên canh trên địa bàn tỉnh.

Giai đoạn 1983 - 1985, rà soát, bổ sung quy hoạch, các ngành, ban xây dựng đề tài, phân công đồng chí trưởng hoặc phó ban làm chủ đề tài; phân công cán bộ đến giúp đỡ huyện, lâm trường, nông trường, hợp tác xã xây dựng kế hoạch. Ban kế hoạch quy hoạch huyện tham mưu tổng hợp chung, thông tin khoa học kỹ thuật, chuẩn bị hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân huyện thông qua, báo cáo Tỉnh ủy phê chuẩn. Ủy ban Kế hoạch tỉnh có trách nhiệm tổng hợp chung các phương án trong toàn tỉnh, giúp đỡ các huyện về chuyên môn kỹ thuật, bảo đảm thủ tục hành chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Trung ương phê chuẩn. Phân cấp phê duyệt quy hoạch: Tỉnh phê duyệt quy hoạch sản xuất và phương án kinh tế kỹ thuật cho các huyện trong tỉnh (trừ huyện trọng điểm) và các nông, lâm trường, trạm, trại của tỉnh đóng trên địa bàn huyện, phương án quy hoạch huyện, ngành dọc, Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt quy hoạch và phương hướng sản xuất cho các hợp tác xã trong huyện. Ủy ban kế hoạch và các Sở Nông nghiệp, Lâm nghiệp, Giao thông, Thủy lợi tham mưu nghiên cứu, đề xuất ý kiến các đề án trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Năm 1983, tập trung thực hiện đối với 3 huyện: Điện Biên, Tuần Giáo, Phong Thổ và 5 trọng điểm lòng chảo Điện Biên, Mường Ảng, Pú Nhung, Nậm Dìn, chè Tam Đường, lúa Bình Lư. Chuẩn bị cơ sở xây dựng kế hoạch năm 1984 - 1985 của tỉnh. Tỉnh đã chính thức duyệt quy hoạch của 7 trong 8 huyện, thị. Đợt quy hoạch này đã làm rõ cơ cấu kinh tế của mỗi huyện, có 5 huyện theo cơ cấu kinh tế nông - lâm - công nghiệp, 2 huyện theo cơ cấu kinh tế: lâm - nông - công nghiệp, 1 thị xã theo cơ cấu kinh tế: công - nông - lâm nghiệp, làm rõ bước đi, xác định được thế mạnh của tỉnh về cây, con, ngành nghề, hướng đi lên bằng khai thác tiềm năng lao động, đất đai, đồng thời thấy được những khó khăn để từng bước có hướng khắc phục<sup>1</sup>.

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu (1945 - 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.409.

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch để có giải pháp đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, phát huy khai thác tiềm năng, lợi thế của địa phương về trồng trọt, chăn nuôi, sản xuất công nghiệp, góp phần tạo ra nhiều sản phẩm, từ đó nâng cao đời sống nhân dân. Năm 1983, Ủy ban kế hoạch phối hợp với các ngành liên quan xây dựng các tờ trình: quy hoạch vùng kinh tế mới Tam Đường; luận chứng tiểu vùng kinh tế mới chuyên canh cây lương thực Bình Lư (Phong Thổ), luận chứng vùng kinh tế mới Mường Ảng huyện Tuần Giáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng Bộ trưởng, Ban chỉ đạo phân bổ điều hòa lao động dân cư Trung ương, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ngân hàng kiến thiết Trung ương và các bộ liên quan phê duyệt<sup>1</sup>. Đồng thời, nhận thấy phương án quy hoạch tổng thể Điện Biên Phủ chưa đáp ứng với tình hình, nhiệm vụ mới và chưa phù hợp với tiềm năng và tầm vóc của địa phương, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng Bộ trưởng giao cho các ủy ban Trung ương, các bộ giúp tỉnh hoàn thành quy hoạch tổng thể Điện Biên Phủ, trình Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt. Tiếp tục hoàn chỉnh việc khảo sát, thiết kế xây dựng cơ bản khu vực huyện Mường Mây cả thiết bị bên trong gồm các công trình trụ sở Huyện ủy, Ủy ban, nhà khách, đường nước tiêu dùng; hoàn thành đường nước cho bệnh viện tỉnh ở Mường Khoa; thiết kế lại và xây dựng hội trường tỉnh. Ngoài ra, Ủy ban kế hoạch thực hiện tốt trách nhiệm giúp đỡ tỉnh Phong-sa-lỳ, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Với sự nỗ lực, quyết tâm của Ủy ban kế hoạch đã góp phần giúp Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch hằng năm. Đến năm 1985 là năm kết thúc kế hoạch 5 năm (1981 - 1985), là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, cũng là năm mở đầu của thời kỳ chuyển hẳn từ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh tế và kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương. Kết quả đạt được trên một số lĩnh vực như sau: trong 2 năm (1983 - 1984) sản xuất nông nghiệp của tỉnh liên tục được mùa, tuy chưa

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 182, ngày 16/9/1983 về quy hoạch vùng kinh tế mới Tam Đường; số 183, ngày 16/9/1983 về tờ trình luận chứng tiểu vùng kinh tế mới chuyên canh cây lương thực Bình Lư (Phong Thổ); số 184, ngày 16/9/1983 luận chứng vùng kinh tế mới Mường Ảng huyện Tuần Giáo.

đạt kế hoạch nhưng sản lượng lương thực và mức huy động tăng khá; lần đầu tiên sản xuất lương thực đủ cung cấp cho nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh.

Các loại cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày như: bông, lanh, chè, trấu, thầu dầu tiếp tục được mở rộng diện tích trồng và sản lượng. Bước đầu đã hình thành một số vùng cây công nghiệp tập trung, xác định rõ hiệu quả kinh tế phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh<sup>1</sup>. Giai đoạn 1980 - 1985, sản lượng công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển bình quân hàng năm tăng 3,5%. Năm 1985, sản xuất công nghiệp, thủ công nghiệp tăng so với năm 1983; sản xuất vật liệu tăng 2 lần, có thêm một số cơ sở, mặt hàng mới như: Sành sứ, gạch men hoa, tinh dầu, bột giấy, thuốc lá, mây, tre xuất khẩu... cơ cấu nông - công nghiệp bắt đầu hình thành ở một số vùng điểm, hợp tác xã. Trong 3 năm (1983 - 1985), giá trị hàng xuất khẩu tăng nhanh, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm tăng 36,6%, đạt 80 đồng/người. Thu ngân sách địa phương tăng 10% so với năm 1983<sup>2</sup>.

Sau 5 năm thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “khoán sản phẩm trong nông nghiệp”, trong điều kiện nền kinh tế đất nước còn mất cân đối nghiêm trọng, là một tỉnh miền núi còn nhiều khó khăn, sự đầu tư của Nhà nước có hạn, lại gặp thiên tai nhiều năm liên tiếp, các cấp, các ngành đã quán triệt chỉ đạo thực hiện cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động. Trong quá trình tiến hành, tỉnh đã từng bước cải tiến chế độ quản lý, đổi mới nội dung, phương pháp kế hoạch hóa cơ sở, đưa nông nghiệp đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ngày càng phát triển. Nhờ cơ chế khoán mới nên lợi ích của người lao động được giải quyết thỏa đáng; khối lượng nông sản Nhà nước huy động được từ 14,138 nghìn tấn năm 1980 tăng lên 16 nghìn tấn năm 1985; giá trị lâm - nông sản xuất khẩu tăng nhanh.

Đội ngũ lãnh đạo của Ủy ban kế hoạch được kiện toàn; năm 1983: ông Nguyễn Văn Chải được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ nhiệm; ông Nguyễn

---

1. Cây đen (Mường Ảng), cây chè (Tam Đường), cây trấu (Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Lay, Pa Tần), cây làm thuốc, rau giống (Sìn Hồ), cây chủ thả cánh kiến (Mường Lay). Các huyện Điện Biên, Tuần Giáo, Mường Lay, Phong Thổ đẩy mạnh trồng lạc xuất khẩu, cho năng suất cao.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu (1945 - 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia, tr.413.

Thái Hồng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm; ông Cao Thềm giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch<sup>1</sup>.

Trong giai đoạn 1975 - 1985, Lai Châu gặp muôn vàn khó khăn, thách thức nhưng cán bộ, công nhân viên ngành kế hoạch cùng với nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã thể hiện rõ bản lĩnh chính trị, sự năng động, sáng tạo của mình, đoàn kết, quyết tâm vươn lên và đạt được nhiều kết quả quan trọng, tiêu biểu là công tác xây dựng kế hoạch, quy hoạch của từng vùng, từng ngành; công tác khắc phục hậu quả chiến tranh, từng bước ổn định kinh tế - xã hội; xây dựng cơ sở hạ tầng... các nhiệm vụ có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau cùng phát triển, làm tiền đề vững chắc để bước vào giai đoạn cách mạng mới.

---

1. Chữ ký trong Báo cáo ngày 10/4/1983 của Ủy ban kế hoạch tỉnh về tình hình công tác quy hoạch trong những năm qua - những biện pháp rà xét bổ sung quy hoạch năm 1983.



## **Chương IV**

# **NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU TÍCH CỰC THAM MƯU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GÓP PHẦN QUAN TRỌNG THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986 - 2003)**

### **I. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU TÍCH CỰC THAM MƯU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI CỦA ĐẢNG (1986 - 1995)**

Năm 1986, toàn Đảng bước vào đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn là tổ chức đại hội đảng các cấp; nhiều chính sách mới và đồng bộ được ban hành. Tỉnh có nhiều điều kiện thuận lợi, luôn được sự quan tâm, giúp đỡ của Trung ương và các tỉnh bạn, đồng thời những kết quả tích cực đạt được qua việc thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ 3 (1981 - 1985) là tiền đề quan trọng để tỉnh vững vàng bước vào giai đoạn mới. Tuy nhiên, là một tỉnh miền núi biên giới, vẫn còn một số khó khăn như kinh tế chậm phát triển, mất cân đối trên nhiều lĩnh vực, nhất là vật tư, tiền vốn và hàng tiêu dùng, mất mùa lúa nương năm 1985 và những khuyết điểm trong quá trình thực hiện giá - lương; các thế lực thù địch thực hiện âm mưu phá hoại trên nhiều mặt. Trong bối cảnh đó, các cơ quan tham mưu công tác kế hoạch từ tỉnh đến cơ sở bước vào giai đoạn mới với nhiều nhiệm vụ quan trọng, phải cố gắng tham mưu xác định phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp để khắc phục hạn chế và đưa nền kinh tế - văn hóa phát triển, nâng cao đời sống của nhân dân.

Kế hoạch 5 năm lần thứ 4 (1986 - 1990) được Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tổ chức nghiên cứu ngay từ năm 1982 bằng việc thành lập và tổ chức lại công tác kế hoạch hóa dài hạn trong nội bộ cơ quan. Tháng 4/1986, trước Đại hội Đảng lần thứ VI, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã trình Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng báo cáo “Tư tưởng chỉ đạo xây dựng kế hoạch 5 năm (1986 - 1990)”. Báo cáo đã đánh giá toàn diện việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1981 - 1985), đồng thời xác định những nội dung, nhiệm vụ chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1986 - 1990) là: ổn định và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân; đồng bộ hóa sản xuất và tăng cường một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật; xây

dựng và củng cố quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa, sử dụng tốt các thành phần kinh tế khác, hình thành cơ chế quản lý mới và bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

Từ ngày 15 đến ngày 18/12/1986, diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, Đại hội đánh giá tình hình và tìm biện pháp tháo gỡ một cách căn bản, có hiệu quả cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm nước ta. Chấm dứt sự trì trệ về sản xuất, những khó khăn trong đời sống nhân dân, những biểu hiện tiêu cực trong xã hội. Đại hội thông qua chương trình đổi mới kinh tế toàn diện theo ba hướng chính: Một là, chuyển đổi từ chính sách đơn thành phần sở hữu sang nền kinh tế nhiều thành phần với sự tồn tại của nhiều hình thức sở hữu nhằm phát triển sản xuất và nâng cao hiệu quả của nền kinh tế; hai là, chuyển từ cơ chế Nhà nước trực tiếp điều khiển các hoạt động của nền kinh tế bằng kế hoạch pháp lệnh, gắn với cơ chế bao cấp, sang cơ chế kinh tế thị trường với sự quản lý của Nhà nước ở tầm vĩ mô, bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh của từng doanh nghiệp; ba là, chuyển từ kinh tế mang nặng tính tự cung, tự cấp sang kinh tế mở cửa với thế giới bên ngoài. Đại hội VI đã đánh dấu sự đổi mới về tư duy, đáp ứng được đòi hỏi bức thiết của đất nước.

Quán triệt các quan điểm đổi mới của Đại hội Đảng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đã triển khai cụ thể hóa thành các kế hoạch và chương trình hành động, trong đó nổi bật là ba chương trình kinh tế lớn: lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, coi đó là cốt lõi của mọi hoạt động kinh tế - xã hội, đòi hỏi phải tập trung sức người, sức của vào việc tổ chức thực hiện trong những năm trước mắt.

Ủy ban kế hoạch các cấp tham mưu một số nhiệm vụ trọng tâm năm 1986 như: tham mưu kế hoạch kinh tế - văn hóa của hợp tác xã, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân huyện, các ty, ngành và cơ sở sản xuất kinh doanh năm 1986; trong đó, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1986 cho các ngành, huyện, thị xã và một số cơ quan sản xuất để triển khai thực hiện<sup>1</sup>. Đồng thời, tham mưu đánh giá kết quả thực hiện tình

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 305-QĐ-KH, ngày 19/12/1985 và số 85/QĐ-KH, ngày 06/5/1986.

hình kinh tế - văn hóa của nhiệm kỳ trước, xác định phương hướng, nhiệm vụ của nhiệm kỳ tiếp theo trong Báo cáo chính trị trình đại hội đảng các cấp; Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu các nội dung trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VII. Một nhiệm vụ có vai trò hết sức quan trọng đến định hướng phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới, đó là tham mưu kế hoạch 5 năm (1986 - 1990).

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ VII được tiến hành từ ngày 08 đến ngày 14/10/1986, Đại hội đề ra phương hướng, nhiệm vụ và những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch 5 năm (1986 - 1990). Trên cơ sở nắm vững đường lối, chủ trương của Đảng, nhận rõ vị trí, đặc điểm, vận dụng vào tình hình thực tế của tỉnh, Tỉnh ủy phát động phong trào quần chúng trong toàn tỉnh, tự lực, tự cường, tiến hành đồng thời 3 cuộc cách mạng, sát với từng cơ sở, có bước tiến rõ nét trong việc triển khai và sử dụng hợp lý đất đai, lao động và cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có; đẩy mạnh sản xuất lương thực, hàng tiêu dùng, tăng nhanh hàng xuất khẩu; từng bước hình thành cơ cấu công - nông - lâm nghiệp. Đồng thời, phấn đấu thực hiện mục tiêu lớn trong lĩnh vực phát triển kinh tế là: “Xác định rõ cơ cấu của từng huyện, từng cơ sở để bố trí, sắp xếp lại lao động quốc doanh, tập thể, nhân dân, sắp xếp lại sản xuất theo hướng phát huy thế mạnh từng vùng, nhằm phát triển sản xuất, từng bước ổn định đời sống nhân dân, tạo ra sự chuyển biến rõ nét về mặt văn hóa, xã hội”.

Triển khai quyết định của Hội đồng Bộ trưởng về giao các bộ, Ủy ban Nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương các chỉ tiêu pháp lệnh kế hoạch Nhà nước hằng năm, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ VII và kế hoạch 5 năm (1986 - 1990) vào thực tiễn. Hằng năm, Ủy ban kế hoạch cấp tỉnh, cấp huyện đều tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp trình cấp ủy, Hội đồng nhân dân thông qua kế hoạch, sau khi được phê duyệt, Ủy ban nhân dân ban hành kế hoạch, trong đó xác định phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu và chỉ tiêu của các ngành, lĩnh vực để thực hiện; định kỳ vào giữa năm, trình báo cáo đánh giá 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, qua đó, quyết tâm hoàn thành

nhiệm vụ, góp phần thực hiện thắng lợi chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm (1986 - 1990)<sup>1</sup>.

Để tạo phong trào thi đua rộng khắp trong cấp ủy, chính quyền các cấp và cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân tin tưởng, phấn khởi, tích cực tham gia thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 - 1990) và nghị quyết đại hội đảng các cấp, ngày 19/8/1987, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 08-CT/TU về “Tăng cường lãnh đạo tổ chức phong trào thi đua yêu nước xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn cách mạng mới” nhằm tập trung thực hiện bằng được “3 chương trình kinh tế”. Ủy ban nhân dân tỉnh phát động thi đua hàng năm từ năm 1986<sup>2</sup>. Hưởng ứng các phong trào thi đua, Ủy ban kế hoạch tỉnh cùng với các ban, ngành tổng hợp tham mưu giúp Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai các chỉ thị, nghị quyết, các chủ trương, chính sách, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và củng cố an ninh, quốc phòng của Đảng và Nhà nước xuống cơ sở. Ủy ban kế hoạch có chuyển biến và đổi mới về lề lối làm việc, về phương pháp công tác, đi sâu và bám sát cơ sở, giúp cơ sở, triển khai thực hiện nhiệm vụ và tháo gỡ những khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở vươn lên. Trong quá trình chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ đã gắn với phong trào thi đua làm động lực thúc đẩy, lấy tiêu chuẩn thi đua làm thước đo cho sự phấn đấu của mỗi cá nhân, nên phát huy được trí tuệ và năng lực của từng cán bộ. Đánh giá kết quả thi đua năm 1986, Ủy ban kế hoạch là một trong 6 ngành được Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá có phong trào thi đua đạt khá.

Chủ động phối hợp với các ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Tỉnh ủy tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các chương trình trọng điểm của tỉnh. Ngày 13/5/1987, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 03-NQ/TU về “Thực hiện 3 chương trình kinh tế” về lương thực, thực phẩm; hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Căn cứ vào điều

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 02/BC-UB, ngày 23/01/1988 về Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1987 và phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1988 (Báo cáo trước Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII kỳ họp thứ 5); số 01/BC-UB, ngày 26/02/1989 về Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 1988 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 1989 (trình bày trước Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 8).

2. Khẩu hiệu hành động: “Tất cả để giữ biên giới”; “Tất cả để sản xuất phát triển”; “Tất cả để ổn định và cải thiện đời sống nhân dân”.

kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh, xây dựng một số biện pháp, chính sách đồng bộ, tập trung tháo gỡ những vấn đề chính đối với một vài loại cây, con, mặt hàng chủ yếu nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân. Cụ thể:

- Hướng giải quyết lương thực của tỉnh từ năm 1987 đến năm 1990 và những năm sau là đẩy mạnh sản xuất lương thực tại chỗ bằng cách tập trung đầu tư thâm canh, tăng vụ đối với lúa ruộng, màu (nhất là cây ngô) luân canh trên nương theo kế hoạch. Phát triển các thế mạnh mũi nhọn của miền núi là lâm sản, đặc sản rừng, cây công nghiệp, chăn nuôi để đổi lương thực và các loại vật tư hàng hóa cần thiết. Phấn đấu đến năm 1990 có 5.000ha lúa chiêm xuân, 15.000ha lúa mùa. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 16 - 17 vạn tấn, tăng 2 - 3 vạn tấn so với năm 1986, sản lượng lúa ruộng chiếm 40 - 45%. Nhà nước huy động 1,6 - 1,8 vạn tấn lương thực quy thóc.

- Chương trình xuất khẩu của tỉnh, ngoài việc tổ chức khai thác thu gom một số mặt hàng, cần hình thành dần các vùng sản xuất tập trung nhằm tạo ra một số mặt hàng chủ lực có khối lượng lớn, phát triển cây trấu, cánh kiến, dược liệu, chè theo phương châm lấy ngắn nuôi dài, tập trung tăng nhanh khối lượng hàng hóa các mặt hàng: chè, song, mây, lạc, đậu tương, rau giống, nghệ, gừng... Phấn đấu đến năm 1990 đạt 1 triệu rúp - đô la, giải quyết 1.000 tấn lương thực bằng con đường xuất khẩu. Tập trung vào các mặt hàng nông - lâm sản như: chè búp khô, cánh kiến đỏ, hạt trấu, sa nhân... và các mặt hàng xuất khẩu chính của các huyện<sup>1</sup>.

- Phương hướng phát triển hàng tiêu dùng của tỉnh là khai thác, tận dụng hết tiềm năng về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trong tỉnh, bằng nguồn nguyên liệu tại chỗ, tổ chức phát triển hàng tiêu dùng rộng rãi với quy mô, trình độ từ thấp đến cao, cố gắng sản xuất nhiều loại mặt hàng phù hợp với nhu cầu tiêu dùng, thị hiếu của từng dân tộc, vừa tăng nhanh số lượng vừa đảm bảo chất lượng, nhằm đáp ứng một phần nhu cầu thiết yếu, cấp bách của nhân dân, tạo nguồn tích lũy và

---

1. Mặt hàng xuất khẩu chính của các huyện gồm: Huyện Phong Thổ: chè, lạc, thảo quả. Huyện Sin Hồ: dược liệu, rau giống. Huyện Mường Lay: trấu, cánh kiến đỏ, sa nhân. Huyện Tuần Giáo: trấu, lạc, đậu tương. Huyện Điện Biên: trấu, cánh kiến, lạc, mạy trá. Huyện Tủa Chùa: cánh kiến, đậu tương. Huyện Mường Tè: song, mây, sa nhân. Thị xã Lai Châu: trấu.

tận dụng hết khả năng lao động của tỉnh. Phấn đấu đến năm 1990, tập trung tổ chức sản xuất một số mặt hàng chủ yếu, bảo đảm 20 - 30% nhu cầu tiêu dùng trong tỉnh như: vải mặc, đường, giấy, sành sứ, nước giải khát, đá, gạch men...

Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chọn huyện điểm xây dựng dự án phát triển kinh tế vùng cao, sau khi nghiên cứu nhận thấy Tủa Chùa là huyện nghèo, cơ sở hạ tầng thiếu thốn, đời sống của đồng bào còn nhiều khó khăn, nên cần sự đầu tư, hỗ trợ vốn, kỹ thuật của tỉnh và Trung ương. Đây là yếu tố quan trọng có tính quyết định tạo đà cho huyện vươn lên. Ủy ban kế hoạch tỉnh giúp đỡ huyện Tủa Chùa lập dự án phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 1996 - 2000 và những năm sau, trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Chính phủ xem xét.

Đến ngày 01/3/1986, tỉnh có 154 xe vận tải hàng hóa (ngoài dây chuyền sản xuất), bằng 729 tấn trọng tải, số lượng xe này bố trí phân tán ở một số xí nghiệp vận tải hàng hóa do ngành giao thông vận tải quản lý và 7 đội xe vận tải chủ lực của các ngành trong tỉnh. Một mặt do phương tiện cũ nát nhiều, phụ tùng thay thế thiếu, đường sá ngày một xấu; mặt khác, do bố trí phương tiện phân tán tản mạn, quản lý yếu, dẫn đến hiệu quả vận tải đạt thấp, một số xí nghiệp và đội xe hoạch toán riêng luôn bị thua lỗ. Thi hành Công điện số 147/UB-GTVT, ngày 03/3/1986 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về việc sắp xếp lại lượng ô tô hiện có và phân phối ô tô năm 1986. Căn cứ vào nhu cầu vận tải hàng hóa của tỉnh trong năm 1986 và khả năng phương tiện của tỉnh, Ủy ban kế hoạch phối hợp với ngành giao thông vận tải tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng phương án bố trí sắp xếp lại vận tải ô tô trong năm 1986, đưa hoạt động vận tải ô tô vào nền nếp, mang lại hiệu quả kinh tế ngày càng cao. Từ năm 1986 trở đi, địa phương sẽ củng cố và phát triển vận tải công cộng, dần đến xóa bỏ vận tải chủ lực và thu hẹp vận tải chuyên dùng. Do địa bàn của tỉnh rộng, các huyện và tiểu vùng kinh tế lại ở xa tỉnh nên việc thực hiện tốt sự phân công, phân cấp trong vận tải là một vấn đề rất quan trọng, bởi vậy từ năm 1986 trở đi, những nhu cầu vận tải đường ngắn và ở nơi địa hình cho phép, địa phương bố trí lực lượng vận tải thô sơ đảm nhiệm, những nhu cầu vận tải đường dài từ 40km trở lên, địa phương sẽ căn cứ vào công năng vận tải công cộng và lực lượng vận tải nhỏ của các xí nghiệp mà phân công vận tải theo luồng đường, sự phân công như vậy sẽ tránh được vận tải trùng lặp.

Hạn chế việc đưa xe về xuôi lấy hàng, vấn đề này chỉ đặt ra khi các lực lượng vận tải của Bộ Giao thông Vận tải từ chối vận chuyển. Song song với đó, tinh thần chỉnh tổ chức và quản lý, đưa công tác hạch toán kinh tế vận tải vào nền nếp<sup>1</sup>.

Tiếp tục nâng cao chất lượng việc tham mưu phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán các công trình xây dựng, riêng năm 1986 tham mưu phê duyệt 104 công trình xây dựng cơ bản. Một số công trình lớn như: xây dựng trạm phát lại truyền hình ở thị xã Lai Châu (năm 1986); năm 1987, duyệt điều chỉnh kế hoạch thủy lợi vừa và nhỏ để kịp thời phục vụ sản xuất vụ đông xuân (1987 - 1988), giải quyết vấn đề cấp bách lương thực<sup>2</sup>; cải tạo điện thị xã và các huyện kinh tế mới (vùng Phong Thổ, Mường Lay, Tuần Giáo, Điện Biên - năm 1990)... Đồng thời, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh nhất trí với đề xuất hợp lý của các cơ quan ngành dọc về xây dựng cơ sở vật chất cho đơn vị tại tỉnh<sup>3</sup>.

Nghiên cứu, tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các ngành hữu quan xem xét, hỗ trợ vốn xây dựng năm 1988 nói chung và vốn xây dựng công trình thủy điện Thác Báy nói riêng, để hoàn thành việc xây dựng các công trình trong năm<sup>4</sup>. Chủ trì, phối hợp cùng các ngành Ủy ban xây dựng cơ bản, Sở Tài chính, Ngân hàng đầu tư xây dựng tham mưu giải quyết, xử lý thanh toán vốn xây dựng cơ bản hằng năm đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Phối hợp tham mưu quyết toán ngân sách địa phương hằng năm<sup>5</sup>.

Để quản lý, sử dụng ruộng đất được chặt chẽ, hợp lý, có hiệu quả, ngày 19/01/1987, Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 03-CT/TU về “Tăng cường công tác quản lý và sử dụng ruộng đất”, yêu cầu các cấp ủy đảng, chính

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 89/UB-KH, ngày 02/4/1986 về sắp xếp lại lực lượng ô tô hiện có và đề nghị phân phối ô tô năm 1986.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 349/KH-TL, ngày 05/11/1987 về duyệt điều chỉnh kế hoạch thủy lợi nhỏ năm 1987.

3. Công văn số 174/CV-UB, ngày 28/3/1993 về xây dựng nhà văn hóa thanh niên tỉnh Lai Châu.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 41/KH-XDCB, ngày 12/12/1987 về báo cáo kế hoạch đầu tư Thác Báy năm 1988.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 08/UB-BC, ngày 26/5/1988 về báo cáo tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 1987.



quyền, các ban, ngành, đoàn thể kiểm tra toàn bộ công tác quản lý, sử dụng ruộng đất ở đơn vị mình, ngành mình, đồng thời có kế hoạch, biện pháp tích cực thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 201/CP của Chính phủ, Nghị quyết số 339 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tạm thời việc cấp đất, giao đất, bồi thường đất nông, lâm nghiệp đã sử dụng vào việc xây dựng cơ bản. Các cơ quan trong hệ thống ngành kế hoạch nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, đồng thời, cán bộ, công nhân viên ở cơ quan cấp trên đến giúp đỡ việc thực hiện của cơ quan cấp dưới.

Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) bàn về giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông, xác định phương hướng vừa cơ bản vừa cấp bách để giải quyết tình hình này là xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn hoạt động của nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho toàn bộ hệ thống sản xuất, lưu thông hoạt động theo quy luật khách quan, tăng nhanh sản phẩm xã hội. Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghị quyết Trung ương với nhiều biện pháp tích cực: tiếp nhận hàng hóa Trung ương, thu mua nắm nguồn hàng, quản lý thị trường, giải tỏa lưu thông, cải tiến phương thức phục vụ theo nhu cầu thiết thực của từng vùng, hạn chế bao cấp, cung cấp bình quân, chuyển một số mặt hàng sang cơ chế một giá, một số hoạt động sang hạch toán kinh doanh... Với cách làm trên, tỉnh đã hạn chế được mức độ tăng giá của các mặt hàng. Để giải quyết nhu cầu về lương thực, tỉnh đã nhập kho lương thực 10.668 tấn, đạt 66% kế hoạch, nhập kho lương thực Trung ương đạt 95% kế hoạch, nhập hàng thương khẩu đạt 98% kế hoạch, thu mua lợn hơi đạt 937 tấn, xuất khẩu đạt 340 nghìn rúp - đô la; thu mua công trái đợt I năm 1987 - 1988 đạt 23 triệu đồng, vận động tiết kiệm vượt chỉ tiêu kế hoạch, đảm bảo nhu cầu chi tiêu của địa phương. Riêng hàng xuất khẩu, hàng nội thương đạt kế hoạch thấp, doanh số ngoại thương đạt 270/500 nghìn rúp - đô la, nội thương mua vào đạt 84% kế hoạch, bán ra đạt 88% kế hoạch, nguyên nhân do nguồn hàng quá nghèo, phụ thuộc vào tự nhiên. Sản xuất hàng hóa kém phát triển, manh mún, không tạo được sản phẩm chủ lực, mũi nhọn. Hoạt động thương nghiệp, cung ứng vật tư chuyển sang kinh doanh gặp nhiều khó khăn, trở ngại do thói quen bao cấp, cơ chế giá

cả chậm đổi mới. Hàng hóa trên thị trường khan hiếm, giá cả quá đắt, gây thiệt thòi cho người tiêu dùng. Tỉnh chưa có chính sách hấp dẫn để khuyến khích hoạt động thương nghiệp.

Tiếp tục triển khai nhiệm vụ về củng cố toàn diện các tỉnh biên giới phía Bắc. Dưới sự chỉ đạo của tỉnh, Ban Chỉ đạo biên giới tỉnh đã lần lượt xuống các xã và 3 huyện biên giới Phong Thổ, Sìn Hồ, Mường Tè nắm tình hình, khảo sát thực địa, xây dựng phương án củng cố 21 xã biên giới ở 3 huyện về quân sự, trị an, văn hóa, xã hội. Năm 1987, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo sơ kết thực hiện Chỉ thị số 112-CT/TW, Nghị quyết số 133-HĐBT giai đoạn 1981 - 1987, đánh giá thực trạng tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quân sự, an ninh, việc làm của các cấp, các ngành để củng cố biên giới vững mạnh. Thực hiện nhiệm vụ được phân công, Ủy ban kế hoạch đã tham mưu phân bổ các chỉ tiêu, kế hoạch đối với các ngành, lĩnh vực để triển khai thực hiện; thẩm định thiết kế các công trình xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, phúc lợi công cộng, giao thông, thủy lợi, bệnh viện, trường học, trụ sở... mạnh dạn đề xuất giải pháp giải quyết khó khăn như đề nghị Trung ương hỗ trợ máy bay để vận tải hàng cho biên giới... Đồng thời nhận được sự hỗ trợ của các tỉnh tuyến sau như Thái Bình, Hà Sơn Bình, Sơn La, Phú Khánh, Long An, Đồng Tháp giúp đỡ tỉnh Lai Châu xây dựng phòng tuyến biên giới vững mạnh... Góp phần cơ bản thực hiện các nhiệm vụ đặt ra trước mắt như củng cố cơ sở chính trị trong sạch vững mạnh, tăng cường khả năng chiến đấu, tổ chức tốt hậu cần tại chỗ, ổn định đời sống nhân dân... sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ trên tuyến đầu. Ủy ban nhân dân tỉnh cũng đề ra nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn 1987 - 1990, trong đó, giao nhiệm vụ cho Ủy ban kế hoạch cùng với Sở Giao thông Vận tải, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nông nghiệp, Sở Y tế... có trách nhiệm nghiên cứu xây dựng phương án sản xuất nông nghiệp, giải quyết các yêu cầu về đi lại, ăn mặc, học hành, chữa bệnh, nâng cao đời sống cho đồng bào một số dân tộc quá khó khăn như La Hủ, Mảng Ủ, Xá ở các xã biên giới.

Sau 20 năm tiến hành công tác vận động định canh, định cư, Ủy ban kế hoạch phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 21/01/1988, đề ra nhiệm vụ từ năm 1988 - 1990, xác định phương hướng, nhiệm vụ

định canh, định cư là cần phải đầu tư tạo ra mỗi lao động có từ 0,2 - 0,3ha ruộng nước và 0,8ha nương định canh để giải quyết lương thực cho người và chăn nuôi. Trên cơ sở đó hướng dẫn từng bước tổ chức khai thác 3 thế mạnh như: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, kinh doanh rừng, lấy việc trồng cây công nghiệp dài ngày là chủ yếu... dần dần tạo ra nhiều hàng hóa bằng sản phẩm thế mạnh từng vùng và nộp thuế bằng những sản phẩm đó. Phải đầu tư đến năm 1990 phải chuyển một bước nền kinh tế tự nhiên, tự cung, tự cấp của tỉnh sang nền kinh tế hàng hóa; đến năm 1995 hoàn thành cơ bản cuộc vận động định canh, định cư.

Ngày 05/4/1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TW về đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp. Nghị quyết thể hiện sự tiếp tục đổi mới và cụ thể hóa các Hội nghị lần thứ 2, lần thứ 3 và lần thứ 4 của Ban Chấp hành Trung ương, là sự bổ sung, hoàn thiện Chỉ thị 100, đề ra một số cơ chế mới trong hợp tác xã nông nghiệp thay thế cho cơ chế Khoán 100, xác định hợp tác xã là đơn vị kinh doanh tự chủ, tự quản, hộ gia đình xã viên là đơn vị nhận khoán đối với hợp tác xã, nông dân thường gọi là “Khoán 10” hoặc “khoán hộ”. Ủy ban kế hoạch sát cánh cùng Sở Nông nghiệp để tham mưu triển khai thực hiện. Khoán 10 đã đáp ứng yêu cầu cấp bách của sản xuất và đời sống, hợp với lòng dân hơn, trước hết là nông dân, được nông dân hoan nghênh và hưởng ứng. Nó đánh dấu bước tiến quan trọng về đổi mới tư duy kinh tế, đổi mới tư duy về mô hình kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội theo quan điểm giải phóng sức sản xuất trong cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, gắn liền với củng cố quan hệ sản xuất với xây dựng nông thôn mới.

Ngày 02/5/1988, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 11-NQ/TW về “Các biện pháp chống lạm phát”. Nghị quyết được ban hành trong tình hình phân phối lưu thông, đặc biệt là giá cả, tiền tệ diễn biến xấu rất nhanh, lạm phát cao chưa từng có... do đó, chống lạm phát là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân và Nhà nước, phải được giải quyết một cách toàn diện, phải sử dụng một số biện pháp cấp bách để giảm tốc độ, không để tiếp tục diễn biến xấu hơn nữa, tiến tới ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội. Ủy ban kế hoạch tích cực tham mưu triển khai thực hiện.

Ngày 21/5/1988, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU về một số vấn đề vận dụng Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về “đổi mới quản lý kinh tế trong nông nghiệp” trong những năm tới, xác định rõ phương hướng phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, tập trung làm rõ một số điểm sản xuất hàng hóa của tỉnh. Ủy ban kế hoạch phối hợp cùng các ngành cùng các huyện, thị ưu tiên đầu tư vốn, vật tư, lao động từ năm 1988 đến năm 1990, làm rõ các điểm sản xuất hàng hóa ở lòng chảo Điện Biên, nông trường Điện Biên, nông trường Tam Đường, nông trường Mường Ảng, lâm trường Điện Biên, lâm trường Phong Thổ, lâm trường Tuần Giáo, công ty lâm đặc sản.

Ngày 12/6/1989, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Chỉ thị số 65-HĐBT về giải quyết một số vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội đối với các tỉnh miền núi biên giới phía Bắc. Ủy ban kế hoạch tỉnh nghiên cứu, tham mưu triển khai những chủ trương, định hướng của Hội đồng Bộ trưởng phù hợp với tình hình của tỉnh. Lồng ghép các nguồn lực, chính sách để thực hiện các nhiệm vụ về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, hạ tầng giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục... nhằm phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.

Xây dựng các vùng kinh tế trong tỉnh nhằm phân bố lại lực lượng lao động và dân cư là một nhiệm vụ quan trọng cấp bách giữa kinh tế gắn liền với quốc phòng, tận dụng hết đất đai, tài nguyên sẵn có của các địa phương trên cơ sở thực tế của từng huyện để phát triển ngành nghề, mở rộng diện tích thâm canh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi cần sử dụng hợp lý lao động trên từng địa bàn. Căn cứ vào hướng dẫn của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Lao động giao chỉ tiêu kế hoạch điều động lao động và dân cư năm 1987 cho tỉnh, chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - văn hóa năm 1987 của tỉnh, Ủy ban kế hoạch phối hợp với ngành lao động, thương binh và xã hội tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch điều động lao động và dân cư năm 1987. Trong đó, chuyển dân biên giới: 400 lao động, 1.000 nhân khẩu; chuyển dân theo vùng kinh tế mới: 1.405 lao động, 3.685 nhân khẩu. Đồng thời dự kiến kế hoạch kinh phí, kế hoạch lương thực, kế hoạch trang cấp đồ dùng thiết yếu<sup>1</sup>. Đồng bộ với nhiệm vụ điều động dân cư nội tỉnh, Ủy ban kế

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 02/KH-UB, ngày 03/01/1987 chỉ tiêu kế hoạch điều động lao động và dân cư năm 1987.

hoạch tỉnh xây dựng kế hoạch quy hoạch địa bàn sản xuất điểm Si Pa Phìn (huyện Mường Lay), trong đó, quy hoạch 1 xí nghiệp nông nghiệp điểm Si Pa Phìn thuộc vùng kinh tế mới Ba Chà với quy mô từ 500 - 600 lao động và trên 1 vạn nhân khẩu, bảo đảm được cuộc sống lâu dài. Để thực hiện tốt quy hoạch, Ủy ban kế hoạch, Sở Tài chính, Ngân hàng đầu tư có kế hoạch đảm bảo đủ vốn chi phí thực hiện.

Tăng cường hướng dẫn cơ sở về việc xây dựng kế hoạch hằng năm, ngày 23/6/1987, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ban hành Thông tư số 02/UB-TH về việc xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1988. Yêu cầu chung của kế hoạch năm 1988 là tạo ra sự chuyển biến rõ nét về ổn định tình hình kinh tế - xã hội, trước hết là ổn định một bước tình hình giá, lương, tiền và đời sống của nhân dân, trên cơ sở đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư và cơ chế quản lý. Thông tư quát triệt một số vấn đề về nhận thức: Thấu suốt tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch năm 1988 là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng của địa phương, cơ sở, sử dụng có hiệu quả nguồn lực trong nước cũng như nguồn lực ngoài nước, để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất đi đôi với củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt ba chương trình kinh tế lớn là nhiệm vụ trung tâm của kế hoạch... Trong kế hoạch năm 1988, sẽ đổi mới hệ thống chỉ tiêu giao kế hoạch và phương pháp giao kế hoạch đối với một số ngành và địa phương. Để đảm bảo việc xây dựng và tổng hợp kế hoạch từ cơ sở lên được kịp thời và có chất lượng, thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, tháng 7 - 8/1987, Ủy ban kế hoạch tỉnh hướng dẫn cấp huyện và cơ sở xây dựng kế hoạch năm 1988.

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị lần 2, 3, 4 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI) về đổi mới cơ chế quản lý và kế hoạch hóa, để cải tiến một bước hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh cho phù hợp với tình hình thực tiễn, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tham mưu Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 02-HĐBT, ngày 05/01/1988 về ban hành hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh trong kế hoạch Nhà nước năm 1988. Từ năm 1988, việc giao chỉ tiêu kế hoạch hằng năm được Trung ương phân cấp rõ thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố theo danh mục của Quyết định.

Thực hiện Chỉ thị số 65-CT, ngày 12/3/1988 và Chỉ thị số 118-CT, ngày 23/4/1988 của Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban kế hoạch tham mưu

Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị triển khai tới các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị và đơn vị kinh tế quốc doanh trong toàn tỉnh về kế hoạch và biện pháp thực hiện đợt vận động cơ sở kinh tế quốc doanh tổ chức lại sản xuất kinh doanh và thực hiện hạch toán kinh tế theo yêu cầu mới. Đồng thời, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 110/QĐ-UB, ngày 03/5/1988 về thành lập tổ công tác của tỉnh để tổ chức triển khai thực hiện và chọn 5 xí nghiệp làm điểm để rút kinh nghiệm chung. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện ở cấp sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã chưa tập trung cao, một số ngành, huyện thiếu chu đáo và chưa nghiêm túc. Các xí nghiệp là đơn vị chủ thể thực hiện cuộc vận động nhưng nhận thức chưa đầy đủ, nên thực hiện các bước không đạt được yêu cầu về chất lượng, tiến độ, kể cả các đơn vị chọn điểm của tỉnh. Nguyên nhân chủ yếu do công tác quản lý kinh tế của các xí nghiệp quốc doanh chưa được quan tâm đúng mức, thậm chí một số xí nghiệp nhiều năm không lập được quyết toán quý, năm, hạch toán kinh tế yếu; các đơn vị cơ sở có xu hướng đối phó với cấp trên để bảo vệ quyền lợi của mình về tiền lương và các khoản thu nhập; bản thân xí nghiệp chưa nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật của đơn vị mình để có biện pháp giải quyết kịp thời và thiết thực. Các cơ quan cấp trên xí nghiệp chưa làm tròn trách nhiệm chỉ đạo đối với cơ sở, thậm chí còn bao che hoặc cùng xí nghiệp lợi dụng những sơ hở của Nhà nước trong quản lý để cùng ăn chia lẫn nhau. Đợt vận động tiến hành trong thời gian ngắn, trong khi cơ sở có nhiều việc phải làm, các chế độ chính sách, cơ chế quản lý của Nhà nước chưa đồng bộ. Công tác kế hoạch chưa rõ ràng, có những đơn vị đến hết tháng 5/1988 vẫn chưa có kế hoạch tài chính. Để hoàn thành tốt cuộc vận động, các cấp, các ngành và đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh cần phải nhanh chóng khắc phục những tồn tại nêu trên, đồng thời đánh giá đúng thực trạng, xác định biện pháp sửa chữa những sai sót trong quản lý và phương hướng sản xuất, đảm bảo dân chủ, minh bạch. Giám đốc Sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xác nhận kết quả số liệu cũng như đề án mới của xí nghiệp trực thuộc, để có căn cứ chắc chắn xử lý các công việc đối với các bước tiếp theo ở từng xí nghiệp.

Ngày 12/6/1987, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Chỉ thị số 199-CT về việc ban hành danh mục những vật tư, hàng hóa mà Nhà nước độc

quyền kinh doanh, cấm tư nhân buôn bán. Căn cứ vào Thông tư số 12/QLTT-TT, ngày 18/7/1987 của Ban Quản lý thị trường Trung ương, Ủy ban kế hoạch tỉnh phối hợp với cơ quan chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy và ban hành hướng dẫn thực hiện trong toàn tỉnh. Hướng dẫn quy định những loại vật tư hàng hóa mà Nhà nước độc quyền kinh doanh, cấm tư nhân buôn bán và quy định những mặt hàng mà các tổ chức kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế gia đình và tư nhân được phép kinh doanh. Đồng thời, ban hành hướng dẫn riêng đối với các đơn vị công an và lực lượng vũ trang địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh để đảm bảo theo nguyên tắc quản lý của Nhà nước và thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch của tỉnh được giao nhận, tạo điều kiện cho các đơn vị công an và lực lượng vũ trang kết hợp làm kinh tế với quốc phòng, an ninh và ngược lại. Các đơn vị công an và lực lượng vũ trang địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh không được tự ý thu mua, chuyên chở các loại hàng nông sản, lâm sản, đặc sản, dược liệu do Nhà nước độc quyền quản lý đem về xuôi liên kết kinh doanh hoặc nộp lên cấp trên; đơn vị nào có điều kiện cư trú và có phương tiện vận chuyển, sau khi được các cơ quan chức năng nhất trí thỏa thuận và Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thì mới được thu mua và giao nộp cho cơ quan kinh doanh mặt hàng đó theo chế độ hợp đồng kinh tế với nhau. Nếu đơn vị được tỉnh giao đất làm kinh tế, ngoài những quy định chung của Nhà nước thì những mặt hàng do Nhà nước độc quyền quản lý mà do đơn vị làm ra cũng đều nộp lại cho tỉnh trên cơ sở chế độ hợp đồng kinh tế. Những đơn vị tận dụng đất cư trú sản xuất được mặt hàng Nhà nước độc quyền quản lý với số lượng không đáng kể thì được giữ lại sử dụng trong đơn vị. Nếu không dùng thì mang bán cho Nhà nước, không để tư nhân tự đến mua bán trái phép<sup>1</sup>.

Xuất phát từ yêu cầu và khả năng thực tế của địa phương, những quan điểm đổi mới trong các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Hội đồng Bộ trưởng về kinh tế - xã hội, ngày 25/02/1989, Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 12-NQ/TU, trong đó đề ra các mục tiêu cơ bản về tập trung giải quyết những vấn đề bức thiết, sản xuất lương thực, thực phẩm, ổn định tình hình tài chính - tiền tệ - giá cả và ổn định

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 315/CV-UB, ngày 06/10/1987 về Nhà nước độc quyền quản lý kinh doanh một số vật tư hàng hóa của tỉnh.



đời sống của nhân dân; đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh hàng hóa, phát triển mạnh nhiều thành phần kinh tế, mở rộng giao lưu, liên doanh liên kết trong và ngoài tỉnh; quan tâm đến các lĩnh vực văn hóa - xã hội; từng bước chuyển sang hạch toán kinh doanh, chống tư tưởng bảo thủ trì trệ, mạnh dạn tổ chức sản xuất, kinh doanh, lấy hiệu quả, chất lượng sản phẩm, chất lượng công tác làm thước đo hoạt động của các đơn vị và mức tăng trưởng của nền kinh tế.

Tỉnh ủy ban hành Chỉ thị số 21-CT/TU về “Sơ kết thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW và Quyết định số 217-QĐ/HĐBT về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong nông nghiệp” nhằm đánh giá đúng đắn tình hình kinh tế nông nghiệp của tỉnh trong 2 năm (1987 - 1988), những kết quả và tồn tại trong việc vận dụng thực hiện Nghị quyết, Quyết định vào hoàn cảnh thực tế của địa phương, làm căn cứ để tỉnh đề xuất với Trung ương và xác định chủ trương, chính sách sát với tình hình của tỉnh trong những năm sau. Ủy ban kế hoạch phối hợp với ngành nông nghiệp xây dựng báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất nhiệm vụ trong giai đoạn tiếp theo.

Ngày 16/5/1989, Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị nghiên cứu Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 của Ban Chấp hành Trung ương; sau khi quán triệt những quan điểm đổi mới của Trung ương, vận dụng vào tình hình đặc điểm của tỉnh, Tỉnh ủy đã thống nhất đề ra chương trình hành động của tỉnh từ năm 1989 đến năm 1990, tập trung vào 3 vấn đề chính:

- Một là, làm rõ chính sách phát triển nông nghiệp, nhất là lương thực, thực phẩm với nền kinh tế nhiều thành phần.

- Hai là, nhanh chóng chuyển dần các hoạt động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh sang cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

- Ba là, củng cố và đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống chính trị, đủ sức đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu nhiệm vụ mới.

Sau khi được học tập, quán triệt, Ủy ban kế hoạch nghiên cứu, vận dụng để cụ thể hóa trong việc tham mưu các chỉ tiêu, nhiệm vụ của lĩnh vực nông nghiệp trong kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện.

Do mưa lũ kéo dài ở khu vực đầu nguồn suối Nậm Lay, ngày 27 và ngày 29/6/1990 đã xảy ra hai trận lũ ống dồn dập. Đặc biệt là trận lũ ống ngày 27/6/1990 lớn nhất chưa từng thấy trong vòng 70 - 80 năm qua.

Ba phường của thị xã Lai Châu, thị trấn Mường Lay và 2 xã Lay Nưa, Mường Tùng bị lũ lớn, bất ngờ, gây thiệt hại nặng nề về người, nhà cửa, tài sản, giao thông, thông tin liên lạc, điện... Ngày 28/6/1990, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị số 10/CT-UB về việc khắc phục hậu quả trận lũ ống ngày 27/6/1990 ở khu vực thị xã và Mường Lay. Cán bộ, công nhân viên trong ngành kế hoạch cùng chung tay với đồng bào giải quyết các công việc trước mắt như tổ chức cấp cứu, tìm kiếm người bị lũ cuốn, bố trí chỗ ăn, ở, chia sẻ đồ dùng thiết yếu với người bị nạn.

Ngày 11/7/1990, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp để đánh giá tình hình thiệt hại do lũ gây ra ở thị xã Lai Châu và huyện Mường Lay, bàn những chủ trương, biện pháp để khắc phục hậu quả, yêu cầu các cấp, các ngành tập trung thực hiện một số việc: sớm ổn định đời sống nhân dân trong khu vực bị lũ; tiếp tục giải quyết cứu trợ kịp thời cho những người bị nạn, bảo đảm có chỗ ở tạm thời, có đủ lương thực và một số đồ dùng thiết yếu cho sinh hoạt gia đình, bảo đảm đủ lương thực cho những người bị nạn ở khu vực thị xã; tổ chức các biện pháp phòng chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe. Khẩn trương làm lại cầu Bản Xá, sửa chữa bảo vệ cầu Bản Bó. Tập trung mọi lực lượng để bảo dưỡng đường, dọn đất đá sạt lở, bảo đảm đi lại bình thường trong thị xã và hai tuyến Lai Châu - Phó Lu, Lai Châu - Điện Biên. Có phương án tổ chức tu sửa ngay trường Phổ thông cơ sở Chi Luông, trường Đoàn Kết, bảo đảm học sinh có trường để kịp năm học mới. Đẩy mạnh sản xuất vụ mùa và vụ đông xuân. Trước mắt là cấp đủ giống, phân đạm, thuốc trừ sâu và vật liệu cho các công trình mương, phai thủy lợi; cải tạo cánh đồng thị xã và thị trấn Mường Lay... Ủy ban kế hoạch khẩn trương triển khai các nhiệm vụ để nhanh chóng khắc phục hậu quả như tham mưu phê duyệt thiết kế và dự toán các công trình, sát cánh cùng ngành nông nghiệp để khôi phục sản xuất vụ mùa và vụ đông xuân, bổ sung kinh phí... góp phần ổn định đời sống nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết số 22 của Bộ Chính trị và Quyết định số 72 của Hội đồng Bộ trưởng, ngày 02/10/1990, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 20-NQ/TU về “Các chủ trương trước mắt thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng”, xác định cơ cấu kinh tế của tỉnh là nông - lâm - công nghiệp chế biến - xuất khẩu và du lịch. Phấn đấu năm 1990 hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung

quy hoạch tổng thể và quy hoạch vùng sản xuất trên địa bàn tỉnh, trọng tâm là quy hoạch sản xuất nông, lâm nghiệp. Trong quy hoạch vùng, chú trọng quy hoạch toàn diện khai thác vùng Si Pa Phìn (Mường Lay). Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Quyết định 176 của Hội đồng Bộ trưởng về tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại bộ máy các ngành, các đơn vị, xí nghiệp. Đầu tư giúp đỡ tích cực cho các đơn vị, các tổ chức làm ăn có hiệu quả, có triển vọng. Đồng thời, kiên quyết chuyển các đơn vị hoạt động không có hiệu quả, thua lỗ kéo dài sang các hình thức thích hợp, hoàn thành việc tổ chức sắp xếp lại lao động.

Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, kinh doanh nhằm tạo thêm sản phẩm, việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, tích lũy cho ngân sách. Các tổ chức quốc doanh tiếp tục xác định rõ phương thức sản xuất, kinh doanh để phát triển; nhanh chóng củng cố lại tổ chức sản xuất, kinh doanh và bộ máy quản lý, chuyển sang hạch toán kinh doanh tổng hợp, kết hợp sản xuất với dịch vụ, đẩy mạnh liên kết liên doanh. Duy trì các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp; tiến hành khẩn trương sơ kết thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị để chỉ đạo thực hiện phù hợp với tình hình mới. Chuyển bộ máy quản lý hợp tác xã sang làm dịch vụ, sản xuất, lấy hộ xã viên làm đơn vị sản xuất cơ bản. Khuyến khích xây dựng hợp tác xã ngành nghề, gắn với hợp tác xã nông nghiệp theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, đúng pháp luật. Nhà nước hỗ trợ hợp tác xã bằng vốn đầu tư, liên doanh liên kết. Tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế (kể cả người nước ngoài) đầu tư phát triển ngành nghề sản xuất, kinh doanh trong tỉnh, đặc biệt là các ngành: Trồng cây công nghiệp, chăn nuôi, chế biến nông - lâm sản xuất khẩu, vận chuyển, buôn bán lên vùng cao, khai thác tài nguyên khoáng sản.

Phối hợp với các ngành để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ cho tỉnh Phong-sa-lỳ. Năm 1987, Ủy ban kế hoạch hoàn thiện các thủ tục về chỉ tiêu vật tư (5 tấn xăng ô tô, 5 tấn dầu, 10 tấn thuốc nổ, 1 máy ủi DT 75, 1 máy xay xát 1,5 tấn, 20 bộ đồ làm mộc) giao cho Ban Hợp tác kinh tế - văn hóa với Lào và Sở Giao thông, trạm cơ khí huyện Điện Biên để viện trợ cho tỉnh bạn. Đối với các đường nhánh hệ thống đường nước huyện Mường Mày, Ủy ban kế hoạch căn cứ vào thiết kế cũ, tạm ứng của địa phương 5 tấn ống kẽm từ phi 15, 20, 25 giao cho Ban Hợp tác kinh tế - văn hóa với Lào.

Giai đoạn 1986 - 1990, với tinh thần “Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Tỉnh ủy đã quyết tâm thực hiện xóa bỏ quan liêu bao cấp, chuyển nền kinh tế của tỉnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; chủ động áp dụng, thực hiện các mô hình kinh tế mới phù hợp với điều kiện của một tỉnh miền núi; đồng thời tiến hành tích cực các biện pháp quản lý kinh tế trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, phân phối lưu thông; từng bước điều chỉnh hệ thống bộ máy nhà nước phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới; tăng cường giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên; phát huy năng lực sáng tạo của nhân dân trong công cuộc đổi mới. Cán bộ, công nhân viên trong ngành kế hoạch từ tỉnh đến cơ sở cũng tích cực đổi mới, cố gắng tham mưu, góp phần cơ bản thực hiện thành công các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm.

Sản xuất nông, lâm nghiệp có nhiều chuyển biến, do tích cực đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sản lượng lương thực năm cao nhất (năm 1989) đạt 151 nghìn tấn, vượt lên đảm bảo nhu cầu tiêu dùng về lương thực và bước đầu tìm ra hướng để giải quyết vấn đề lương thực. Triển khai chương trình Nhà nước bảo vệ rừng sông Đà, tận thu khai thác lâm sản để xuất khẩu, tăng thu cho ngân sách, tăng thu nhập cho nhân dân. Thực hiện đổi mới cơ cấu kinh tế và công tác quản lý kinh tế; tập trung cho chương trình sản xuất lương thực, thực phẩm; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản đúng hướng; các ngành kinh tế - xã hội đã tổ chức lại sản xuất, sắp xếp lại các đơn vị, xí nghiệp, chuyển hoạt động để phù hợp với cơ chế quản lý kinh tế mới và cơ chế thị trường... Tập trung cho vùng lòng chảo Điện Biên và bước đầu chú ý đến một số vùng khác như vùng Bình Lư - Tam Đường (huyện Phong Thổ), vùng Si Pa Phìn (huyện Mường Lay)... Công tác giáo dục và đào tạo đã duy trì được hệ thống trường lớp, nhất là ở vùng thấp, thị xã, thị trấn. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều cố gắng, triển khai các mục tiêu chương trình y tế quốc gia, tập trung củng cố mạng lưới y tế cơ sở, y tế khu vực. Do đó, bầu không khí dân chủ, niềm tin trong nhân dân ngày càng được nâng cao. Đời sống một bộ phận nhân dân lao động được cải thiện, bộ mặt xã hội có những đổi mới.

Năm 1991 - năm đánh dấu sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu; phong trào cộng sản và công nhân quốc tế khủng

hoảng trầm trọng, nhiều Đảng Cộng sản mất vị thế lãnh đạo. Cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang phát triển nhanh chóng như vũ bão; xu thế toàn cầu hóa, khu vực hóa đang tạo ra những thời cơ và thách thức gay gắt cho tất cả các nước trên thế giới, nhất là những nước đang phát triển, đồng thời làm nảy sinh nhiều vấn đề lớn có tính toàn cầu như xung đột tôn giáo, sắc tộc, ô nhiễm môi trường, đói nghèo, bệnh tật... Diễn biến phức tạp của đời sống chính trị - xã hội thế giới đã tác động rất lớn đến công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và đối với tỉnh Lai Châu.

Thi hành Quyết định số 81-HĐBT, ngày 28/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1991, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn thực hiện thêm một số điểm cụ thể để phù hợp với đặc điểm của tình hình mới: chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; bảo đảm tính định hướng của kế hoạch; khắc phục tình hình buông lỏng trong quản lý; bảo đảm các chỉ tiêu tài chính khớp với nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch đã đề ra; bố trí kế hoạch và điều hành tập trung trong một số ngành và lĩnh vực then chốt; đồng thời khuyến khích các ngành, địa phương chủ động bố trí kế hoạch tự cân đối... hoàn thiện dần hệ thống chỉ tiêu giao kế hoạch Nhà nước. Những chỉ tiêu Hội đồng Bộ trưởng giao cho các cho tỉnh gồm có xuất nhập khẩu, đầu tư cơ bản, tài chính<sup>1</sup>. Ủy ban kế hoạch đã tham mưu dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1991, sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua, tiếp tục tham mưu giao chỉ tiêu cho các ngành, đơn vị triển khai thực hiện.

Trong bối cảnh tình hình có nhiều khó khăn, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (diễn ra từ ngày 24 - 27/6/1991) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội cũng thông qua Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (1991 - 2000); mục tiêu tổng quát của chiến lược đến năm 2000 là: ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế - xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, cải thiện đời sống của nhân dân, củng cố quốc phòng, an ninh, tạo điều kiện

---

1. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, số 02-UB/KHH, ngày 10/4/1991, Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 81-HĐBT, ngày 28/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1991.

cho đất nước phát triển nhanh hơn vào đầu thế kỷ XXI. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) đến năm 2000 tăng khoảng gấp đôi so với năm 1990.

Tiếp đó, Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) đề ra phương hướng, nhiệm vụ ổn định phát triển kinh tế - xã hội trong những năm 1992 - 1995, trước mắt tập trung toàn lực cho năm 1992 là tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới nhằm phát huy cao độ các tiềm năng về lao động và trí tuệ, ruộng đất và tài nguyên, vốn và tài sản trong mọi gia đình, mọi tập thể và trong toàn xã hội, động viên mọi người ra sức cần kiệm với ý chí tự lực, tự cường để xây dựng đất nước, đồng thời mở rộng kinh tế đối ngoại thu hút vốn và công nghệ từ bên ngoài, tạo thế đứng trên thị trường quốc tế, không chủ quan mất cảnh giác, hoặc bi quan, dao động, không ỷ lại trông chờ, cũng không tự co mình lại... Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) là sự cụ thể hóa đồng bộ, kịp thời Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng, mở ra thời kỳ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội trong cả nước.

Trong bối cảnh quốc tế có nhiều phức tạp và tình hình khó khăn trong nước đã tác động trực tiếp đến công cuộc đổi mới của Lai Châu. Nằm trên tuyến biên giới và ở một địa bàn xung yếu, núi rừng hiểm trở, nhiều dân tộc, Lai Châu phải đối phó với những âm mưu và thủ đoạn chống phá mới của địch, nhất là âm mưu “diễn biến hòa bình”, chiến tranh tâm lý hòng phá hoại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Tình hình kinh tế - xã hội diễn biến phức tạp, phải đương đầu với nhiều khó khăn, nhất là hậu quả lũ lụt lớn năm 1990 chưa khắc phục được, lại xảy ra tiếp trong năm 1991, mất mùa và nạn đói diện rộng trong nhân dân, nạn phá rừng, nghiện hút vẫn tiếp diễn. Tình hình sản xuất, phân phối lưu thông còn nhiều khó khăn, sản xuất kém phát triển, thị trường hạn hẹp, nguồn thu nhỏ bé, cơ chế chính sách mới chưa đồng bộ.

Tuy nhiên, tỉnh có những thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội: Nhà nước triển khai một số chương trình kinh tế - xã hội với miền núi và Tây Bắc, nhất là chương trình phòng hộ sông Đà mở ra hướng đầu tư lớn về lâm nghiệp và định canh, định cư; việc bình thường hóa quan hệ Việt - Trung, chính sách mở cửa hội nhập quốc tế cũng tạo ra những điều kiện tốt giúp tỉnh phát triển. Sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, tỉnh Lai Châu đã đạt được những kết quả và những kinh

nghiệm nhất định, bước đầu định hướng được một số lĩnh vực hoạt động hiệu quả, được các ngành Trung ương quan tâm, tạo điều kiện giúp đỡ thông qua đầu tư.

Trong giai đoạn này, Nhà nước có nhiều chương trình đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội miền núi, tháng 10/1991, tổ chức lược kinh tế - xã hội vùng núi phía Bắc xây dựng định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 của vùng núi phía Bắc. Đây là một bộ phận của chiến lược chung cả nước, nhằm khai thác có hiệu quả các thế mạnh về tài nguyên, xây dựng cơ cấu kinh tế - xã hội phù hợp với đặc điểm của vùng, sắp xếp lại sản xuất hợp lý nhằm từng bước chuyển nền kinh tế tự nhiên, tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân trong vùng. Tạo điều kiện tham gia và sự phân công lao động trong nước và quốc tế. Mục tiêu chiến lược chung là tập trung mọi khả năng vào khai thác, kinh doanh, phát huy thế mạnh của vùng bằng nghề rừng, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, chế biến nông - lâm sản, khai thác chế biến khoáng sản để giải quyết việc làm, tăng thu nhập và làm giàu cho từng gia đình, làng bản, xã và cả vùng nhằm ổn định đời sống nhân dân; khôi phục một bước tài nguyên rừng và môi trường, sinh thái; giải quyết cơ bản vấn đề định canh, định cư; mở rộng giao lưu hàng hóa với miền xuôi; đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng trước hết là mạng lưới giao thông vận tải; thu hút phần lớn con em đồng bào các dân tộc đến tuổi đi học, xóa nạn mù chữ cho nhân dân trong độ tuổi bằng chương trình giáo dục phù hợp; chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân... Qua đó, rút ngắn một bước sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc, các vùng, nhất là giữa vùng cao và vùng thấp, thực hiện bình đẳng đoàn kết dân tộc, củng cố quốc phòng, an ninh cho Tổ quốc.

Trước những chủ trương, quyết sách, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước, Ủy ban kế hoạch tỉnh đã chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa thành các nghị quyết, chương trình, đề án, kế hoạch và hệ thống chỉ tiêu để tăng cường triển khai thực hiện. Hệ thống chỉ tiêu có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch để Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh có thể điều hành trực tiếp những khâu đặc biệt quan trọng của nền kinh tế, đảm bảo những cân đối lớn của nền kinh tế quốc dân theo đúng định hướng đã đề ra. Trên cơ



sở các chỉ tiêu được giao, các đơn vị trực thuộc bố trí kế hoạch sản xuất, kinh doanh và các hoạt động khác để tổ chức thực hiện. Trường hợp cần thay đổi, phải báo cáo với Ủy ban kế hoạch để báo cáo, xin ý kiến các cấp trên xem xét, quyết định.

Thực hiện sự phân công của Tỉnh ủy, nhận thức được tầm quan trọng, tinh thần đổi mới của Đại hội lần thứ VIII Đảng bộ tỉnh (vòng II, diễn ra từ ngày 23 - 27/9/1991), Ủy ban kế hoạch đã tham mưu nội dung về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong báo cáo chính trị, đánh giá khách quan quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng trong nhiệm kỳ qua và cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đề ra phương hướng, nhiệm vụ, các mục tiêu và những giải pháp lớn trong thời gian từ năm 1991 - 1995 và đến năm 2000.

Năm 1993, năm đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, Ủy ban kế hoạch tỉnh dự thảo báo cáo đánh giá tình hình kinh tế - xã hội giai đoạn 1991 - 1993 và xây dựng dự án kế hoạch kinh tế - xã hội giai đoạn 1993 - 1995, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước thông qua. Báo cáo đề xuất những nhiệm vụ, giải pháp để phát huy kết quả đã đạt được và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo để giải quyết các chỉ tiêu đạt thấp, phấn đấu đến cuối nhiệm kỳ hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã đề ra.

Căn cứ Quyết định số 130/HĐBT, ngày 18/4/1992 của Hội đồng Bộ trưởng về việc thành lập thị xã Điện Biên Phủ và di chuyển tỉnh lỵ về thị xã Điện Biên Phủ, tháng 6/1991, Ủy ban kế hoạch đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng nhiệm vụ thiết kế quy hoạch tổng thể thị xã Điện Biên Phủ; năm 1992, Ủy ban kế hoạch đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Dự án số 399/UB-KH, ngày 15/10/1992 trình Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính phê duyệt. Đây là nhiệm vụ rất lớn, có tầm quan trọng đặc biệt, là nhiệm vụ trung tâm của tỉnh trong thời kỳ kế hoạch năm 1993 - 1995 và kéo dài đến năm 2000. Thực hiện việc di chuyển nhằm ổn định và tăng cường năng lực chỉ đạo, điều hành của các cơ quan tỉnh, từng bước hình thành đô thị miền núi thực sự là trung tâm kinh tế - chính trị, văn hóa của tỉnh và phát huy vai trò khu bảo tồn di tích lịch sử của cả nước.

Trong khi chờ việc thông qua chính thức phương án xây dựng thị xã, để đảm bảo tiến độ xây dựng thị xã và di chuyển các cơ quan của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng Bộ trưởng, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính bố trí kinh phí cho địa phương trong kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 1993 để giải quyết nhu cầu trước mắt trong năm 1993.

Thực hiện chủ trương của Trung ương về việc chia tách huyện Điện Biên, Ủy ban kế hoạch phối hợp cùng các ban, ngành tham mưu xây dựng Đề án trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy và Trung ương thông qua. Ngày 07/10/1995, Chính phủ ban hành Nghị định số 59/CP về việc chia huyện Điện Biên tỉnh Lai Châu, theo đó, huyện Điện Biên chia thành hai huyện Điện Biên và Điện Biên Đông.

Hệ thống các đơn vị trong ngành kế hoạch thường xuyên phối hợp cùng các cấp, các ngành để theo dõi, đôn đốc và nắm tình hình triển khai thực hiện các chỉ tiêu của từng lĩnh vực, kịp thời tham mưu giải quyết khó khăn, vướng mắc để việc triển khai thực hiện thuận lợi nhất<sup>1</sup>. Tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả định kỳ 6 tháng, cả năm, trên cơ sở quán triệt sự chỉ đạo trong các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phân tích đặc điểm tình hình, kết quả đạt được đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, chỉ tiêu trong thời gian tiếp theo, trình Ủy ban nhân dân các cấp trình cấp trên và Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua<sup>2</sup>.

Ủy ban kế hoạch thường xuyên bám sát kế hoạch giai đoạn 1991 - 1995 và kế hoạch hằng năm để triển khai nhiệm vụ chuyên môn. Với khối lượng công việc rất lớn, trên nhiều lĩnh vực: thủy lợi, giao thông, trường học, y tế, nhà ở... đòi hỏi nghiên cứu chuyên sâu, tính toán kỹ lưỡng đồng thời phải khảo sát thực tiễn nhưng việc tham mưu thẩm định thiết kế, dự toán kinh phí các công trình luôn được thực hiện đảm

---

1. Có biên bản làm việc liên ngành Ủy ban kế hoạch và Sở Giao thông Vận tải về kế hoạch đầu tư cho mạng lưới giao thông năm 1994.

2. Ủy ban kế hoạch tỉnh Lai Châu, số 225/BC-TH, ngày 25/12/1993 về việc báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 1993 và kế hoạch năm 1994.

Căn cứ Quyết định số 830/TTg, ngày 30/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 191/UB-TH, ngày 31/12/1994 của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1995, ngày 04/3/1995, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số 63/QĐ-UB giao chỉ tiêu kế hoạch năm 1995.

bảo tiến độ, chất lượng, kịp thời triển khai xây dựng để đảm bảo kế hoạch năm<sup>1</sup>.

Ngày 15/9/1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 327/CT về một số chủ trương, chính sách sử dụng đất trống, đồi núi trọc, rừng, bãi bồi ven biển và mặt nước. Đây là một chủ trương, chính sách lớn được đặt ra thành một chương trình quốc gia (gọi tắt là chương trình 327), mục tiêu tổng quát của chương trình 327 là trong 10 - 15 năm tới, cơ bản phủ xanh đất đồi núi trọc, bảo vệ được rừng và môi trường sinh thái, sử dụng tiềm năng đất trống, đồi núi trọc ở miền núi, trung du, bãi bồi ven biển và mặt nước nhằm tăng thêm sản phẩm hàng hóa và nguyên liệu cho công nghiệp, hoàn thành cơ bản công tác định canh, định cư, gắn kinh tế với xã hội, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào vùng kinh tế mới, đồng bào các dân tộc, góp phần tích lũy cho Nhà nước và củng cố quốc phòng, an ninh.

Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã nhận thấy chương trình 327 là điều kiện hết sức thuận lợi để tỉnh gắn công tác định canh, định cư với bảo vệ và phát triển vốn rừng, tiến hành xóa đói giảm nghèo, khai thác tiềm năng đất đai, khí hậu chuyển đổi cơ cấu kinh tế trong nông thôn, đặc biệt là những vùng đang gặp nhiều khó khăn. Ngày 21/4/1993, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 38/QĐ-UB về thành lập Ban Chỉ đạo của tỉnh do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách khối nông, lâm nghiệp làm Trưởng ban, thành viên của Ban Chỉ đạo gồm 6 đồng chí lãnh đạo của 6 ngành: Ủy ban kế hoạch, Sở Tài chính, Chi cục kho bạc, Sở Nông nghiệp, Sở Lâm nghiệp, Ban Định canh, định cư - Kinh tế mới tỉnh, đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch tỉnh là Phó Trưởng ban thường trực.

Trong 3 năm (1993 - 1995) đã thực hiện 35.290 tỷ đồng, triển khai 96 dự án trên địa bàn 8 huyện, thị (lâm nghiệp 29 dự án, nông nghiệp 14 dự án, định canh, định cư 53 dự án). Đưa vào bảo vệ có hiệu quả

---

1. Một số nội dung Ủy ban kế hoạch trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt: Năm 1992: Duyệt kinh phí mua phương tiện công tác; duyệt lại luận chứng kinh tế kỹ thuật đầu tư mua sắm thiết bị Đài Phát thanh và Truyền hình; duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật xây dựng trường cấp II Tam Đường - Phong Thổ; duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật công trình thủy lợi Nậm Khẩu; duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật công trình thủy nông Na Ngắm; duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật các cửa hàng thương nghiệp; duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật xây dựng chợ vùng cao; năm 1995, tham mưu phê duyệt dự án đầu tư và dự toán công trình tưới tiêu nước Thanh Minh... và nhiều công trình khác.

26.294ha rừng hiện còn; khoanh nuôi tái sinh được 19.958ha; chăm sóc rừng trồng 1.603ha, trồng rừng 4.157ha, trồng cây công nghiệp 1.672ha; phát triển được 383ha kinh tế vườn; 423 con trâu, bò giống; chuyển được 1.865 hộ dân trong các vùng dự án; xây dựng được một số cơ sở hạ tầng như đường giao thông, thủy lợi, thủy điện, trường học, trạm y tế cho các vùng dự án, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế, nâng cao đời sống văn hóa và mở mang dân trí cho đồng bào trong vùng. Nhìn chung ở những nơi được đầu tư, tình trạng chặt phá rừng đã giảm hẳn. Nhiều nơi rừng tái sinh nhanh và có hiệu quả rõ rệt như khu vực phòng hộ hồ Pa Khoang, Nà Tấu, thị trấn Tuần Giáo. Các dự án do các lâm, nông trường làm chủ dự án việc quản lý, điều hành tương đối rõ và có hiệu quả như lâm trường Tuần Giáo, lâm trường Điện Biên, lâm trường Phong Thổ. Đồng bào trong vùng dự án bước đầu có ý thức về công tác bảo vệ và phát triển vốn rừng, phát triển sản xuất theo hướng nông, lâm nghiệp kết hợp. Gợi mở nhiều mô hình phong phú cần được tổng kết, rút kinh nghiệm để nhân ra diện rộng.

Tuy nhiên trong 2 năm đầu, chương trình còn một số tồn tại như chậm xác định chiến lược của chương trình, chậm xây dựng đề án tổng quan, các dự án xây dựng trong một thời gian ngắn mà chất lượng chưa cao, nhiều dự án chồng chéo dẫn đến tư tưởng cục bộ giữa các ngành, gây lộn xộn trong công tác quản lý và điều hành dự án; việc đầu tư không tập trung dứt điểm, hiệu quả đầu tư thấp. Việc tổ chức điều hành còn lúng túng và yếu, chưa có bộ phận chuyên trách của ngành, việc điều hành còn phân tán, thiếu đồng bộ, mục tiêu của các dự án bị méo mó kém hiệu quả. Việc nắm bắt chủ trương, chế độ chính sách của các chủ dự án còn yếu, trì trệ trong công tác quản lý và điều hành. Tuy trong 2 năm có trồng được một số rừng nhưng phân tán, đơn điệu, kém hiệu quả cả về phòng hộ và kinh tế.

Để khắc phục tình trạng trên, từ năm 1995, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các lâm trường hoặc các đơn vị sự nghiệp làm chủ dự án và ban quản lý do Ủy ban nhân dân các huyện, thị quản lý. Giao cho các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm về việc rà soát, bổ sung dự án cũ và phê duyệt dự án mới. Xác định hộ gia đình là động lực phát triển, chủ dự án là người tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về hiệu quả đầu tư của Nhà nước. Kết thúc dự án phải tạo ra cho mỗi hộ gia đình trong vùng dự

án 1 trang trại nhỏ theo mô hình R - V - A - C (rừng - vườn - ao - chăn nuôi), có nguồn thu nhập ổn định.

Thực hiện Công văn số 21, ngày 13/12/1994 của Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang và huyện Mường Tè về việc quy hoạch tổng thể huyện Mường Tè đến năm 2000; căn cứ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè đến năm 2000, ngày 23/5/1995, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp hội đồng thẩm định dự án trên. Căn cứ vào kết luận của hội đồng thẩm định, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè, giai đoạn 1996 - 2000. Việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè mang tính toàn diện và hết sức cần thiết, vì lợi ích an ninh chính trị, quốc phòng, môi trường sinh thái và kinh tế của khu vực.

Căn cứ Thông báo số 62/TB-UB, ngày 12/7/1995 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về cuộc họp bàn việc xây dựng dự án chuyển cư huyện Mường Tè, Ủy ban nhân dân tỉnh giao Ủy ban kế hoạch tỉnh xây dựng dự án chuyển cư huyện Mường Tè trước ngày 15/8/1995 để Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, trình Chính phủ.

Phát triển giao thông vận tải là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển kết cấu hạ tầng đường - trường - trạm - trại, một trong những điều kiện tiên quyết nhằm ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Các dự án đầu tư huy động được nhiều nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương và địa phương kết hợp với nhân dân cùng làm; đường sá, cầu cống trên địa bàn của Lai Châu ngày càng được hoàn thiện hơn; nhanh chóng thu hẹp xã trắng về giao thông (năm 1994 còn 52 xã, năm 1995 còn 48 xã). Tuy nhiên, Lai Châu vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc phát triển giao thông vận tải, quốc lộ vẫn chưa được nhựa hóa hết, hệ thống đường tỉnh lộ vẫn còn nhiều tuyến chưa đi được hai mùa. Mạng lưới giao thông nông thôn chưa được nối đến hết các xã. Ủy ban kế hoạch phối hợp với Sở Giao thông Vận tải tham mưu kế hoạch đầu tư vốn cho phát triển giao thông vận tải năm 1995, trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Nhà nước quan tâm đến vấn đề đầu tư vốn và cấp phát vốn đầu tư cho công tác phát triển giao thông năm 1996 của tỉnh<sup>1</sup>.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 765/CV-UB-CN, ngày 12/12/1995 về việc đầu tư cho phát triển giao thông năm 1996.

Đồng bào ở Lai Châu có tập quán sử dụng nước sinh hoạt từ tự nhiên, ở vùng cao, chủ yếu dùng nước ở khe núi chảy ra, không qua lắng lọc; ở vùng thấp, chủ yếu dùng nước ở sông, suối nên có nơi nước không đảm bảo vệ sinh. Nhà nước có sự quan tâm đến việc khai thác, cấp nước sinh hoạt cho nhân dân, đồng thời có thêm viện trợ của nước ngoài, nên đáp ứng nhu cầu nước cho một số nơi nhất định. Trên cơ sở phân tích dữ liệu về điều kiện tự nhiên, dân cư, tình hình thực tiễn và nhu cầu sử dụng nước sạch, Ủy ban kế hoạch phối hợp cùng các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 460/UB-KH, ngày 10/10/1994 về tổng thể cấp nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Lai Châu giai đoạn 1995 - 2000.

Trong quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2005 và các định hướng kinh tế - xã hội trong những năm 1995 - 2000 gắn liền với 17 xã (11 xã thuộc vùng lòng chảo Điện Biên Phủ nằm bao quanh khu vực tỉnh Điện Biên, thị xã Điện Biên và 6 xã còn lại thuộc huyện vùng cao biên giới Việt - Trung) đã có đường điện 35 kV quốc gia đi qua. Tỉnh Lai Châu đã đầu tư một số đường hạ thế 0,4 kV cho một số vùng trọng điểm, song tỷ trọng đầu tư hàng năm không đáng kể, chỉ đạt được 3 - 5% theo luận chứng xây dựng, trong khi đó nhu cầu về điện của các xã là rất cấp bách. Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư có kế hoạch và đầu tư cho tỉnh nguồn vốn để xây dựng cấp điện hạ thế cho 17 xã theo luận chứng kinh tế kỹ thuật đã được tỉnh phê duyệt, tổng kinh phí 37 tỷ đồng.

Tháng 10/1995, huyện Điện Biên tách thành 2 huyện Điện Biên và Điện Biên Đông theo Nghị định số 59/CP. Thị trấn huyện lỵ Điện Biên Đông được xây dựng mới từ đầu, để có hệ thống điện phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt và hoạt động của cơ quan trung tâm huyện, Ủy ban kế hoạch tỉnh phối hợp cùng Điện lực tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư giúp đỡ, sớm đầu tư trạm điện cho huyện. Đồng thời, để có đường giao thông thuận lợi đến trung tâm huyện mới, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Văn phòng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí vốn đầu tư đường vào huyện Điện Biên Đông trong 2 năm (1996 - 1997) là 33 tỷ đồng, riêng năm 1996 là 20 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị định giao nhiệm vụ số 321, ngày 19/5/1995 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp về việc xây dựng Dự án tiền khả thi rừng phòng hộ sông Mã. Căn cứ vào Quyết định số 1016/QĐ, ngày 06/10/1995 của Bộ Lâm nghiệp về phê duyệt đề cương và dự toán vốn chuẩn bị đầu tư công trình rừng phòng hộ đầu nguồn sông Mã. Viện Điều tra Quy hoạch rừng hoàn thành việc xây dựng “Dự án tiền khả thi xây dựng hệ thống rừng phòng hộ lưu vực sông Mã” và đã được thông qua trong hội nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh gồm các ngành chuyên môn và lãnh đạo Ủy ban nhân dân các huyện trên lưu vực sông Mã (Tuần Giáo, Điện Biên). Thời gian thực hiện trong 5 năm (1996 - 2000). Sau khi dự án được thông qua cấp tỉnh, Ủy ban kế hoạch tỉnh phối hợp cùng các ngành chuyên môn tham mưu Tờ trình đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án để sớm triển khai thực hiện<sup>1</sup>.

Thực hiện Nghị quyết số 22 của Bộ Chính trị, Quyết định số 72 của Hội đồng Bộ trưởng, Nghị quyết 05 của Ban Chấp hành Trung ương về vấn đề nông thôn, nông nghiệp và Chỉ thị 525 của Thủ tướng Chính phủ về một số chủ trương, biện pháp tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội miền núi, Ủy ban kế hoạch tỉnh được giao là cơ quan chủ trì tham mưu cụ thể hóa các chủ trương vào thực tiễn của tỉnh. Tháng 11/1995, Ủy ban kế hoạch tham mưu dự thảo chương trình ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vùng cao của tỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến tham gia của các ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị trước khi trình Tỉnh ủy, huy động trí tuệ của các cơ quan liên quan để đảm bảo tính dân chủ, phù hợp với thực tiễn.

Trong các nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 22 của Bộ Chính trị thì việc giải quyết nước sinh hoạt vùng cao là nhiệm vụ rất quan trọng và cấp bách. Căn cứ Dự án “nước sinh hoạt vùng cao tỉnh Lai Châu từ năm 1994 - 2000” do Sở Thủy lợi Lai Châu lập, trình duyệt và kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định dự án tỉnh Lai Châu, Ủy ban kế hoạch tỉnh phối hợp cùng Sở Thủy lợi tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Thủy lợi, Bộ Tài chính thẩm định dự án để triển khai có hiệu quả.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 829/TT-UB, ngày 16/12/1995.



Hàng năm, Lai Châu được Trung ương trợ giá cước vận tải cho các mặt hàng thiết yếu, trong đó có than. Nhu cầu hàng năm về loại vật tư này ngày càng lớn, năm 1993, nhu cầu cần 6.000 tấn, Trung ương cấp 3.740 tấn; năm 1994 nhu cầu cần để phục vụ sản xuất và sinh hoạt 10.000 tấn. Để đảm bảo nhu cầu trên, ngoài việc tích cực đề nghị Trung ương cấp, nhân dân Lai Châu còn tự cân đối bằng cách khai thác nhỏ và lấy củi. Để giúp cho phát triển sản xuất bằng chính tiềm năng sẵn có của địa phương, giảm bớt dân phá rừng lấy củi, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị với Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ giúp đỡ cấp tiền trợ giá cước vận tải để đầu tư chiều sâu, khuyến khích sản xuất. Năm 1994, công ty Than Lai Châu xin đảm nhận khai thác 5.000 tấn nếu được đầu tư như luận chứng kinh tế kỹ thuật đã được tỉnh phê duyệt. Do đó, đề nghị Tổng Công ty Than Trung ương giảm 5.000 tấn than cấp cho địa phương và bù giá cước vận tải cho công ty Than Lai Châu, giúp Lai Châu sớm có điều kiện phát triển sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân.

Các nông trường quốc doanh trên địa bàn tỉnh có thời gian thành lập và hoạt động dài, trên dưới 30 năm, quản lý diện tích đất đai rộng, xen canh xen cư trên địa bàn nhiều xã. Qua khảo sát 3 nông trường quốc doanh: Tam Đường, Điện Biên, Mường Ảng trong giai đoạn 1990 - 1992 nhận thấy, phương hướng sản xuất của 3 nông trường quốc doanh thời kỳ đầu được chỉ rõ là: trồng cây công nghiệp, chăn nuôi đại gia súc, xây dựng trung tâm công nghiệp chế biến cho toàn vùng. Quá trình tổ chức lại sản xuất kinh doanh, nông trường đã nhiều lần thay đổi phương hướng, nhiệm vụ. Giảm bớt quy mô, một số diện tích đất đai cây công nghiệp chuyển giao cho huyện (nông trường Tam Đường giao huyện Phong Thổ 37ha, nông trường Điện Biên giao huyện Điện Biên trên 300ha cà phê, nông trường Mường Ảng giao huyện Tuần Giáo 250ha trâu, trên 200ha mắc ten); xóa bỏ đàn gia súc; các cơ sở nông nghiệp chế biến thay đổi nhiều lần. Các nông trường thiết lập trong cơ chế bao cấp, việc xây dựng cơ sở vật chất có nội dung không phù hợp như chuồng trại, nhà kho, sân phơi, máy móc thiết bị... nhưng vẫn phải tính khấu hao, do đó ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm. Thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng, một số chính sách đối với miền núi như cước vận tải, điện, khu vực, thâm niên, thu

hút... và cả chính sách khuyến nông, các nông trường đều không được Nhà nước trợ cấp mà phải gánh vác trong giá sản phẩm. Từ khi chuyển đổi cơ chế sang hạch toán kinh tế, tự chủ trong sản xuất kinh doanh, nông trường Tam Đường, Điện Biên luôn tìm tòi đổi mới trong quản lý sản xuất kinh doanh; thực hiện khoán, đi đôi với quản lý, sử dụng tốt các đòn bẩy kinh tế trong nội bộ, kích thích sản xuất phát triển, đi sâu tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm, kích hoạt ứng phó với biến động của thị trường giá cả, vì vậy sản xuất sản xuất kinh doanh có bước phát triển, hiệu quả kinh tế ngày càng rõ nét. Tuy nhiên, nông trường Mường Ảng có tình hình sản xuất kinh doanh vẫn còn nhiều khó khăn. Từ thực trạng đó, Ủy ban kế hoạch đề xuất phương hướng hoạt động, các hạng mục cần đầu tư, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động của các nông trường và đề nghị giải thể nông trường Mường Ảng<sup>1</sup>.

Căn cứ Thông tư số 15/TT-LB của liên bộ Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1991 - 1995) của tỉnh, hàng năm, Ủy ban kế hoạch tỉnh đều tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư vốn tín dụng năm thực hiện và kế hoạch đầu tư vốn tín dụng của năm tiếp theo, đề nghị Trung ương quan tâm, bố trí vốn để tỉnh mở rộng sản xuất, phát triển kinh tế. Bám sát các chỉ tiêu, kế hoạch hàng năm, Ủy ban kế hoạch chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký vốn với Trung ương và đề nghị các cơ quan Trung ương quan tâm, bố trí vốn đầu tư theo nhu cầu của địa phương.

Căn cứ vào Dự án số 151/QH-DA, ngày 08/9/1992 đầu tư hỗ trợ cho dân tộc ít người đặc biệt khó khăn (dân tộc La Hủ và Si La) và Tờ trình số 326/UB-TT, ngày 11/9/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, để kịp thời triển khai dự án tại tỉnh, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch triển khai thực hiện trong năm 1992, trình Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Văn phòng miền núi và dân tộc phê duyệt. Hỗ trợ dân tộc La Hủ, tổng kinh phí 1.955 triệu đồng để làm nhà, đồ dùng gia đình, sản xuất (khai hoang, cây giống) và mở

---

1. Ủy ban kế hoạch tỉnh Lai Châu, số 115/BC-KH-NN, tháng 7/1993 về kết quả khảo sát kinh doanh và đổi mới công tác quản lý kinh tế của 3 nông trường quốc doanh từ năm 1990 đến năm 1992. Đoàn khảo sát liên ngành gồm: Ủy ban kế hoạch, Sở Tài chính, Ban Kinh tế Tỉnh ủy, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Nông nghiệp.

đường từ trung tâm huyện đến trung tâm vùng cư trú của người La Hủ. Hỗ trợ dân tộc Si La, tổng kinh phí 327 triệu đồng, gồm: hỗ trợ sản xuất (khai hoang, giống cây trồng), đầu tư cơ sở hạ tầng (xây dựng trường Phổ thông cơ sở Can Hồ). Hỗ trợ dân tộc Mảng (tổng số 2.228 người trên địa bàn 3 huyện Mường Tè, Sìn Hồ, Mường Lay) về xây dựng thủy lợi, khai hoang ruộng nước, chuyển dân, hỗ trợ đời sống và sản xuất, giao thông nông thôn...

Lai Châu là một tỉnh miền núi rộng, địa hình phức tạp, giao thông đi lại giữa các vùng dân cư từ xã lên huyện, lên tỉnh rất xa và mất nhiều thời gian. Cơ sở vật chất hạ tầng y tế còn ít, chưa đảm bảo được yêu cầu chữa bệnh, thường xuyên xảy ra dịch bệnh. Trình độ dân trí còn thấp, nhận thức về y học, vệ sinh còn lạc hậu nên hằng năm số lượng người mắc bệnh ở tỉnh chiếm tỷ lệ cao, tỷ lệ người mắc bệnh hiểm nghèo và tỷ lệ tử vong còn lớn, nhất là bệnh sốt rét, lỵ tả, các bệnh về gan, phổi... Mạng lưới y tế chưa được xây dựng đầy đủ, chưa phối hợp chặt chẽ giữa các vùng, các tuyến điều trị cho nên chữa trị chưa kịp thời, nhiều bệnh nhân bị tử vong trên đường tới bệnh viện... Để khắc phục tình trạng trên, mô hình xây dựng các phòng khám đa khoa khu vực liên xã rất cần thiết và thực tế; sẽ có điều kiện chữa trị kịp thời đối với người bệnh, từng bước tiến tới việc giáo dục toàn dân về chương trình y tế, bảo vệ sức khỏe và chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình. Có đủ khả năng phát hiện các ổ dịch, bệnh và dập tắt, ngăn chặn dịch bệnh. Do đó, Ủy ban kế hoạch tỉnh phối hợp cùng ngành y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chương trình đầu tư xây dựng mạng lưới phòng khám đa khoa khu vực trình Trung ương phê duyệt<sup>1</sup>.

Là tỉnh có điều kiện tự nhiên rất đặc biệt, độ cao giữa các vùng chênh lệch lớn. Việc phủ sóng bằng các đài truyền hình, FM công suất mạnh không phù hợp mà lãng phí. Trong các phương tiện thông tin đại chúng thì việc xây dựng các trạm phát lại truyền hình qua vệ tinh là một phương pháp thiết thực có hiệu quả để tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng. Bộ Văn hóa - Thông tin đã có chủ trương, kế hoạch phủ sóng truyền hình toàn quốc, đây là một chủ trương đúng, đáp ứng được sự mong mỏi của người dân vùng cao và phù

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 316/KH-DA, ngày 04/9/1992 về lập chương trình đầu tư xây dựng mạng lưới phòng khám đa khoa.

hợp với hoàn cảnh địa lý của miền núi. Ủy ban kế hoạch phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh dự án phủ sóng truyền hình tỉnh Lai Châu, đề nghị Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Văn phòng miền núi và dân tộc phê duyệt<sup>1</sup>.

Quan tâm tham mưu phát triển các dự án thủy điện để đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Thủy điện Thác Bay được sự hỗ trợ của các ngành Trung ương và chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban nhân dân tỉnh, trong 2 năm (1991 - 1992) đã lắp đặt xong 3 tổ máy phát, đưa 2 tổ máy vào hoạt động phát điện. Căn cứ văn bản số 5670/ĐP, ngày 12/10/1994 của Chính phủ về việc xây dựng thủy điện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và hồ sơ “Xác định dự án đầu tư và đề cương lập báo cáo nghiên cứu khả thi công trình thủy điện Nậm Si Lường” do Công ty Khảo sát thiết kế điện I - Bộ Năng lượng lập tháng 12/1994 và kết quả thẩm định, thông qua phương án đầu tư thủy điện Nậm Si Lường của Hội đồng thẩm định tỉnh Lai Châu họp ngày 10/6/1995, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các bộ xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định ghi vốn chuẩn bị đầu tư cho công trình để Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các bước tiếp theo.

Với diện tích tự nhiên rộng, dân cư phân bố thưa thớt, học sinh phải đi đường xa mới đến trường học, nếu không tổ chức trường học tập trung, có một phần học sinh nội trú thì sẽ không tới trường. Trong 172 trường phổ thông cơ sở cấp I, có 129 trường dạng nhà tạm, cần được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh để đảm bảo yêu cầu dạy và học. Trước yêu cầu cấp thiết đó, Ủy ban kế hoạch phối hợp cùng Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng kế hoạch về lập chương trình phát triển giáo dục từ năm 1992 - 2000, trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua để trình Ủy ban Kế hoạch Nhà nước phê duyệt.

Căn cứ các công văn, hướng dẫn của Ban Định canh, định cư Trung ương và các cơ quan liên quan, năm 1992, Ủy ban kế hoạch phối hợp cùng Ban Định canh, định cư - Kinh tế mới của tỉnh xây dựng dự thảo kế hoạch định canh, định cư - kinh tế mới năm 1993, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình các cơ quan ở Trung ương phê duyệt. Căn cứ Quyết định

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 315/KH-DA, ngày 04/9/1992 về lập dự án phủ sóng truyền hình tỉnh Lai Châu.

số 77/KH-ĐCĐC, ngày 17/9/1993 của Bộ trưởng Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi về việc giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư vốn dự án định canh, định cư năm 1993 cho tỉnh Lai Châu; thực hiện Công điện số 10, ngày 24/3/1994 của Cục Định canh, định cư Trung ương về việc gửi gấp hồ sơ khối lượng kế hoạch xây dựng cơ bản đã được ghi trong Kế hoạch số 77/KH-ĐCĐC nhưng còn nợ chưa có vốn thanh toán theo kế hoạch nói trên, Ủy ban kế hoạch cùng các cơ quan liên quan tổng hợp số tiền không có vốn để cấp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Ủy ban Dân tộc và Miền núi và các cơ quan liên quan để giải quyết cấp vốn, để tỉnh có vốn đầu tư tiếp và thanh toán cho các công trình.

Lai Châu là một tỉnh miền núi có tiềm năng về lâm đặc sản và nông sản. Tuy nhiên do sản phẩm làm ra không có nơi tiêu thụ ổn định, nên sản xuất chậm phát triển, đời sống vật chất, văn hóa đồng bào các dân tộc gặp nhiều khó khăn. Để giúp tỉnh thực hiện phát triển kinh tế hàng hóa, hạn chế nạn phá rừng trồng thuốc phiện, giúp đỡ đồng bào định canh, định cư trên cơ sở sản lượng hàng hóa và khả năng chế biến hiện tại của tỉnh, Ủy ban kế hoạch phối hợp với Sở Nông nghiệp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Thương mại, Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm giao chỉ tiêu xuất khẩu hàng trả nợ cho tỉnh, đó là chè đen 1.000 tấn, cà phê 500 tấn.

Chuẩn bị thực hiện chủ trương di chuyển tỉnh lỵ về thị xã Điện Biên Phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tập trung các ngành khẩn trương đầu tư cơ sở hạ tầng nhanh chóng ổn định để đáp ứng chỉ đạo sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó, chủ trương xây dựng thủy điện Nà Lơi đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về việc đầu tư, xây dựng công trình. Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét cho đầu tư xây dựng thủy điện Nà Lơi từ năm 1996 nhằm đáp ứng, cung cấp điện giai đoạn 1996 - 2000.

Thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ và thông báo của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng trong việc di chuyển các cơ quan tỉnh về Điện Biên Phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tổ chức di chuyển các cơ quan tỉnh về thị xã Điện Biên Phủ trong 6 tháng đầu năm 1995. Trong quá trình thực hiện phát sinh nhiều khó khăn đó là: việc giải tỏa, quy hoạch, cấp đất đến cuối năm 1994 đầu năm 1995

mới cơ bản xong, làm ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan và trường học cho học sinh từ thị xã Lai Châu chuyển về. Đến hết quý II/1995 mới hoàn thành được 9/52 công trình xây dựng phục vụ cho di chuyển, 25 công trình đang trong quá trình thi công nhưng phải quý IV/1995 và quý I/1996 mới hoàn thành đưa vào sử dụng. Các công trình khác chưa khởi công được do chưa hoàn tất các thủ tục về xây dựng cơ bản. Trước tình hình đó, tỉnh bố trí các cơ quan làm việc xen ghép với các đơn vị đã có trụ sở và xen ghép với các đơn vị thuộc huyện Điện Biên, việc di chuyển cơ bản hoàn thành theo kế hoạch. Tuy nhiên, việc bố trí làm việc xen ghép giữa các cơ quan với nhau chỉ là giải pháp tạm thời không thể kéo dài nhiều tháng vì đã quá chật chội, không đủ chỗ ngồi làm việc. Việc bố trí tăng lượng học sinh cho các lớp cũng chỉ có giới hạn, vì học sinh Lai Châu chưa về thì các trường ở Điện Biên Phủ đã phải học 3 ca. Để giúp Lai Châu khắc phục những khó khăn nêu trên, Ủy ban kế hoạch phối hợp cùng Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cho phép và hỗ trợ tỉnh áp dụng giải pháp tạm thời là các cơ quan chưa được khởi công xây dựng trụ sở được làm trụ sở tạm để giảm bớt lượng cán bộ, công nhân viên phải làm việc xen ghép; xây dựng một số lớp học tạm để chuẩn bị cho học sinh vào năm học mới<sup>1</sup>.

Năm 1992, thị xã Điện Biên Phủ thành lập, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của tỉnh Lai Châu. Nhưng thị xã chưa có nhà máy cấp nước, nhân dân dùng nước giếng, nước ao hồ, nước sông Nậm Rốm, nước mặt tự nhiên để sinh hoạt, chất lượng không đảm bảo. Tháng 10/1993, Công ty Cấp thoát nước số 1 Bộ Xây dựng được sự nhất trí của Bộ Xây dựng đã cùng đoàn chuyên gia của hãng BETURE - SETUME (thuộc nước Cộng hòa Pháp) tới khảo sát đầu tư công trình cấp nước tại thị xã Điện Biên Phủ và đoàn đã ký bản ghi nhớ với Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Từ tháng 12/1993 - 3/1994, hai bên đã ký hợp đồng về lập dự án cấp nước. Thực hiện văn bản của Chính phủ về việc thực hiện viện trợ của Pháp tài khóa năm 1994 và văn bản của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về triển khai sử dụng viện trợ Pháp, công văn của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế quản lý và sử dụng viện trợ năm 1994, Ủy ban kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Trung ương hoàn

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 174/CV-UB, ngày 12/5/1995.

thành thủ tục thực hiện vốn viện trợ của Pháp năm 1994 đối với dự án cấp nước thị xã Điện Biên Phủ<sup>1</sup>. Đồng thời với tổng số vốn đối ứng của dự án là 12,48 tỷ đồng, trong đó địa phương tự cân đối 1 tỷ đồng, phần còn thiếu 11,48 tỷ đồng không đáp ứng được. Để giúp địa phương đẩy nhanh tiến độ đầu tư, trong điều kiện nguồn ngân sách rất hạn hẹp, Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính cân đối bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản cho dự án cấp nước thị xã Điện Biên Phủ theo phân kỳ đầu tư của luận chứng kinh tế kỹ thuật được duyệt năm 1995, vốn bổ sung là 4 tỷ đồng, gồm các hạng mục: sửa chữa hồ Huổi Phạ 2,3 tỷ đồng; công trình thu và trạm bơm cấp I là 0,6 tỷ đồng; giải phóng mặt bằng 0,5 tỷ đồng; mỗi công trình: đường lên nhà máy trạm biến thế nâng cấp 320 KVA, lán trại, kho tàng để vật liệu là 0,2 tỷ đồng.

Thực hiện chương trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và được sự thỏa thuận của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Xây dựng, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng nhà máy gạch Điện Biên (Quyết định số 381/QĐ-UB, ngày 19/11/1994) với công suất 15 triệu viên gạch tiêu chuẩn/năm, kinh phí 9,374 tỷ đồng (bằng nguồn vốn tín dụng đầu tư theo kế hoạch của Nhà nước 9 tỷ đồng). Trong khi chờ thông báo kế hoạch tín dụng của Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép công trình nhà máy gạch vay vốn ngân sách và tiến hành khởi công theo tiến độ. Đến tháng 5/1995 đã hoàn thành cơ bản một số hạng mục: nhà chứa đất và đặt máy cấp liệu, phân xưởng tạo hình, nhà bao lò nung, lò sấy, nhà kính phơi gạch mộc, nhà chứa than, đường giao thông nội bộ, bãi thành phẩm. Để nhà máy gạch tiếp tục được xây dựng và hoàn thành, đưa vào sử dụng cuối năm 1995, phục vụ kịp thời công tác xây dựng tỉnh lỵ tại địa điểm mới, Ủy ban kế hoạch phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính quan tâm, bố trí đủ vốn tín dụng đầu tư cho công trình<sup>2</sup>.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 196/UB-CN, ngày 19/5/1995 về xin hoàn thành thủ tục thực hiện vốn viện trợ của Pháp năm 1994.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 171/UB-KH, ngày 12/5/1995 về xin vốn tín dụng đầu tư nhà máy gạch Điện Biên.



Căn cứ Quyết định số 830/TTg, ngày 30/12/1994 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 191/UB-TH, ngày 31/12/1994 của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về việc giao chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1995, ngày 04/3/1995, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quyết định số 63/QĐ-UB giao chỉ tiêu kế hoạch năm 1995, trong đó giao kế hoạch đầu tư hỗ trợ người dân tộc ít người cho các huyện Mường Tè, Sin Hồ, Mường Lay với các đối tượng đầu tư bao gồm xây dựng một số công trình cơ sở hạ tầng, hỗ trợ sản xuất và đời sống. Được giao chỉ tiêu kế hoạch, các huyện đã triển khai thực hiện ngay từ quý I/1995. Đến tháng 7/1995, đã chi 1.700 triệu đồng, các công trình hoàn thành từ 40 - 60% khối lượng. Tuy nhiên, ngày 08/7/1995, tỉnh nhận được thông tư liên Bộ Tài chính - Ủy ban Dân tộc và Miền núi hướng dẫn quản lý, cấp phát, sử dụng nguồn vốn hỗ trợ cho dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn. Đối chiếu với văn bản đó, việc sử dụng vốn dân tộc đặc biệt khó khăn của tỉnh có nội dung chưa đúng quy định, song do tỉnh triển khai trước khi nhận văn bản nên công việc đã được triển khai từ đầu năm. Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tạm dừng việc triển khai các công trình, chờ ý kiến chỉ đạo của Ủy ban Dân tộc và Miền núi và các bộ, ngành Trung ương, đồng thời nghiên cứu cách khắc phục.

Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu năm 1994 - 1995 và văn bản số 1298/UB-KTĐN-ĐF, ngày 04/6/1994 của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về sử dụng khoản vốn vay của Trung Quốc, Ủy ban kế hoạch tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch đầu tư các công trình nước ăn vùng cao và thủy lợi nhỏ trên địa bàn tỉnh với tổng số vốn xin đầu tư là 8.435 triệu đồng, đề nghị Văn phòng Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính quan tâm, duyệt cho tỉnh được đầu tư từ khoản vốn vay của Trung Quốc.

Ủy ban kế hoạch thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, công nhân viên nắm vững đường lối đổi mới của Đảng, đoàn kết, phát huy tinh thần trách nhiệm, vượt qua khó khăn để nâng cao chất lượng tham mưu, đóng góp vào thành tích chung của tỉnh. Thường xuyên phối hợp với các ngành trong hệ thống kế hoạch từ Trung ương đến cơ sở, đồng thời thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện. Tăng cường bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán

bộ, công nhân viên. Sự cống hiến của ngành góp phần vào thành tích chung của tỉnh, 5 năm qua kinh tế - xã hội của tỉnh có sự phát triển đúng hướng, có nhiều chuyển biến tích cực, tạo được những tiền đề cho sự phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn sau. Một số kết quả tiêu biểu của tỉnh: Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng đều bình quân 4,4%/năm. Từng bước hình thành các vùng cây công nghiệp tập trung như: Chè Tam Đường 1.000ha, cà phê Mường Ảng - Điện Biên 500ha. Chăn nuôi phát triển ổn định, bình quân mỗi năm tăng 2,5 - 2,6%. Tập trung vào công tác khoanh nuôi bảo vệ rừng hiện còn và nâng cao diện tích rừng, nâng độ che phủ rừng từ 12% năm 1993 lên 14,8% năm 1995. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 1995 đạt 24,3 tỷ đồng, bình quân hằng năm tăng 17,9%. Một số ngành phát triển nhanh như điện, than, vật liệu xây dựng. Trong giai đoạn này, mặc dù mưa lũ thường xuyên gây nhiều thiệt hại cho hệ thống đường sá, song công tác đảm bảo giao thông vẫn được giữ vững; từng bước mở các tuyến đường đến các xã vùng cao, vùng xa. Trong 5 năm tổng vốn đầu tư là 637,49 tỷ đồng. Nhiều dự án quan trọng có quy mô lớn được tập trung đầu tư: Dự án cấp nước, dự án Mường Tè, dự án sản xuất gạch tuynel, thủy điện Nà Lơi... Việc phát triển giao thông, thủy lợi và các công trình phúc lợi công cộng đã bước đầu làm thay đổi bộ mặt một số điểm vùng cao, đời sống nhân dân các dân tộc được cải thiện một phần. củng cố các doanh nghiệp nhà nước, đảm bảo cung cấp hàng hóa thiết yếu đến nhân dân và kinh doanh có lãi. Phát triển mạnh thương nghiệp ngoài quốc doanh đi đôi với tăng cường công tác quản lý chống hàng giả, chống lậu thuế... Đáp ứng nhu cầu đa dạng phong phú các loại hàng phục vụ đời sống và sản xuất. Phát triển mạnh các hoạt động dịch vụ, xây dựng thêm các chợ, các trung tâm thương mại, các tụ điểm trao đổi hàng hóa, mở rộng giao lưu giữa các vùng và với tỉnh lân cận. Năm 1995, tổng thu là 250 tỷ đồng, trong đó thu ngân sách địa phương là 35 tỷ đồng. Số học sinh tới trường hằng năm tăng bình quân 5%; hình thành được 17 trường phổ thông dân lập nội trú, là mô hình phù hợp với vùng sâu, vùng xa, xây dựng theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Mạng lưới y tế đã được củng cố và phát triển từ tỉnh tới cơ sở. Hoạt động văn hóa, phát thanh, truyền hình đã thực hiện được chức năng tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng và đáp ứng được một phần trong việc nâng cao mức hưởng thụ

văn hóa tinh thần cho nhân dân. Các hoạt động nghệ thuật, thư viện, bảo tồn bảo tàng, thể dục thể thao đều được duy trì trong điều kiện khó khăn về ngân sách. Cơ cấu thành phần kinh tế: Tỷ trọng kinh tế quốc doanh giảm từ 28% năm 1990 xuống còn 26% năm 1995 nhưng vẫn giữ vị trí quan trọng ở các ngành then chốt: công nghiệp 32%, thương mại 30%. Đời sống cán bộ và nhân dân vùng thấp được cải thiện, một bộ phận nhân dân vùng cao đã có mức sống khá hơn. Tuy nhiên, sự tăng trưởng kinh tế chưa có cơ sở vững chắc, còn phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, công nghiệp phát triển không đều. Nguồn thu tại địa phương thấp, ngân sách chủ yếu vẫn do Trung ương tài trợ (chiếm hơn 80%). Kết cấu hạ tầng cơ sở rất thấp, chưa đảm bảo yêu cầu phục vụ đời sống của nhân dân và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong những giai đoạn sau. Thu nhập bình quân đầu người thấp và không đồng đều.

Trong giai đoạn này, đội ngũ lãnh đạo của Ủy ban kế hoạch tiếp tục được kiện toàn. Năm 1986, ông Điều Chính Tuệ giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch; ông Nguyễn Quang Phụng giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban kế hoạch. Tháng 4/1987, ông Nguyễn Thế Nghĩa được bổ nhiệm chức vụ Phó Chủ nhiệm<sup>1</sup>. Năm 1989, ông Nguyễn Quang Phụng được bổ nhiệm giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban kế hoạch; ông Cao Thêm vẫn giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm<sup>2</sup>.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, cán bộ, công nhân viên của ngành Kế hoạch và Đầu tư cũng có nhiều đổi mới về tư duy, chất lượng tham mưu ngày càng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội, của thời kỳ mở cửa. Tập trung tham mưu giải quyết những vấn đề khó, điểm nghẽn của tỉnh, công tác quy hoạch, kế hoạch sát với thực tế và có giải pháp hiệu quả hơn, những vấn đề kinh tế - xã hội vùng cao được tập trung nguồn lực thực hiện, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển công nghiệp, giao thông tiếp tục được đầu tư... nông thôn bắt đầu có chuyển biến tích cực, đời sống nhân dân ngày càng ổn định, nâng lên.

---

1. Thông tin do Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu cung cấp.

2. Thông tin trong *Thông báo số 21/TB-UB*, ngày 06/4/1987.

## **II. SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU THÀNH LẬP, NHANH CHÓNG ỔN ĐỊNH TỔ CHỨC VÀ TÍCH CỰC HOẠT ĐỘNG, GÓP PHẦN ĐẨY MẠNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA - HIỆN ĐẠI HÓA (1996 - 2003)**

Qua 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, với cố gắng nỗ lực của Đảng, Nhà nước và nhân dân, nền kinh tế nước ta không những đứng vững trước những thử thách gay gắt mà còn đạt được nhiều thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1991 - 1995). Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tuy nhiên, nước ta vẫn đang ở trình độ phát triển thấp về kinh tế và công nghệ. Các mặt văn hóa, xã hội vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bức xúc. Những thành tựu trong 5 năm qua có sự huy động kết quả đầu tư xây dựng cơ sở vật chất từ những năm trước, song nhân tố quyết định là đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước đã tạo động lực thúc đẩy hàng vạn doanh nghiệp, hàng chục triệu lao động ở nông thôn và thành thị chủ động khai thác các nguồn lực, phát triển sản xuất kinh doanh. Chặng đường đổi mới tiếp theo có phạm vi sâu rộng hơn, có nhiều khó khăn hơn, phải tiếp cận và giải quyết nhiều vấn đề phức tạp của kinh tế thị trường và sự hội nhập quốc tế.

Tháng 6/1996, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (1991 - 1995), xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1996 - 2000. Mục tiêu tổng quát của kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) là khai thác và sử dụng tốt các nguồn lực phát triển để đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn thời kỳ 1991 - 1995, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết những vấn đề bức xúc về mặt xã hội; chuẩn bị tích cực các tiền đề cần thiết cho giai đoạn phát triển cao hơn sau năm 2000.

Cùng với những thắng lợi đã đạt được trong 10 năm đổi mới, thế và lực của tỉnh mạnh lên nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế được tăng cường; đã tích lũy được kinh nghiệm, xác định được hướng đi và bước đầu thích ứng được với cơ chế mới. Tỉnh còn nhiều tiềm năng về đất rừng, khoáng sản. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh có phẩm chất tốt

đẹp, đoàn kết, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Đảng và Nhà nước tiếp tục dành cho miền núi nói chung và tỉnh nói riêng sự quan tâm, ưu tiên bằng hệ thống cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy phát triển nhanh hơn, thu hẹp dần khoảng cách với các địa phương khác.

Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh cũng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Sự lạc hậu về nhiều mặt, nhất là trình độ phát triển kinh tế - xã hội; điểm xuất phát quá thấp, cộng với sự chậm trễ, lúng túng trong thời kỳ qua, tỉnh có nguy cơ càng kém phát triển so với các tỉnh bạn. Với một địa bàn rộng, núi rừng hiểm trở, biên giới dài, nhiều dân tộc cùng chung sống... Lai Châu vẫn tiềm ẩn một nguy cơ lớn dễ bị kẻ thù phá hoại.

Thực hiện Chỉ thị số 51, ngày 09/3/1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chỉ đạo đại hội các cấp, tiếp thu và vận dụng định hướng chiến lược của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương, từ đầu năm 1995, Đảng bộ tỉnh đã tập trung trí tuệ, gắp rút hoàn thành mọi mặt về tổ chức và nội dung cho Đại hội Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ IX. Ủy ban kế hoạch tích cực tham mưu đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, trọng tâm là kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991 - 1995, trên cơ sở phân tích bối cảnh tình hình tác động đến tỉnh, điều kiện thực tiễn của tỉnh và tiếp thu các chủ trương của Đảng, xây dựng dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (1996 - 2000). Các nội dung tham mưu được Đại hội Đảng bộ tỉnh thông qua với 6 mục tiêu tổng quát trong thời kỳ 1996 - 2000: (1) Đẩy mạnh phát triển sản xuất, hình thành rõ nét cơ cấu kinh tế đã xác định. (2) Bảo đảm nhu cầu lương thực, thực phẩm, xóa bỏ nạn đói lưu niên. Có sản phẩm hàng hóa, sản phẩm xuất khẩu với khối lượng đáng kể. (3) Tăng nhanh sản phẩm quốc nội (GDP); giảm dần số hộ nghèo. (4) Có bước tiến đáng kể về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là về giao thông, điện, thông tin liên lạc... (5) Cải thiện và nâng cao một bước đời sống vật chất và văn hóa, môi trường sống của các tầng lớp nhân dân, nhất là các dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa. (6) Tiếp tục giữ vững ổn định chính trị.

Căn cứ Điều 43 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành ngày 05/7/1994 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp; Quyết định số 852/TTg, ngày 28/12/1995 của Thủ

tướng Chính phủ về việc thành lập một số tổ chức ở địa phương; Thông tư liên bộ số 01/KH-TCCP-TTLB, ngày 02/01/1996 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan kế hoạch đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân địa phương. Ngày 08/5/1996, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 321/QĐ-UB-TC, thành lập Sở Kế hoạch và Đầu tư và phòng Kế hoạch và Đầu tư các huyện trong tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, có tư cách pháp nhân được sử dụng con dấu riêng và có tài khoản tại Kho bạc Nhà nước. Tổ chức, bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư: Sở được bố trí giám đốc, từ 1 - 2 phó giám đốc. Cơ cấu tổ chức của Sở gồm: phòng Tổng hợp, phòng Sản xuất, phòng Văn xã, phòng Đăng ký kinh doanh, phòng Hành chính - Tổ chức, tổ Chuyên viên theo dõi hợp tác và kinh tế đối ngoại.

Thành lập phòng Kế hoạch và Đầu tư các huyện: Điện Biên, Tuần Giáo, Sìn Hồ, Mường Tè, Mường Lay, Phong Thổ, Điện Biên Đông trên cơ sở sáp nhập và tổ chức lại các tổ chức - quản lý nhà nước hiện có về kế hoạch và đầu tư. Phòng Kế hoạch và Đầu tư huyện là đơn vị dự toán cấp 3, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng và được bố trí từ 5 - 7 người (trước mắt sử dụng biên chế hiện có của phòng Kế hoạch huyện).

Ngày 10/6/1996, Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Quyết định số 408/QĐ-UB-TC về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu.

Vị trí, chức năng: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh, có chức năng tham mưu tổng hợp về quy hoạch - kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đề ra các chủ trương, biện pháp quản lý đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại địa phương, làm đầu mối phối hợp giữa các sở, ngành, huyện, thị thuộc tỉnh dưới sự chỉ đạo về nghiệp vụ chuyên môn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có những nhiệm vụ sau:

- Trên cơ sở chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và các quy hoạch kinh tế vùng, lãnh thổ, tổ chức nghiên cứu xây dựng chiến lược, quy hoạch kinh tế - xã hội của tỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Tổ chức nghiên cứu tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh các kế hoạch trung, ngắn hạn; lựa chọn các chương trình, dự án ưu tiên các danh mục công trình về phát triển kinh tế - xã hội, các cân đối chủ yếu: Tài chính, ngân sách, vốn đầu tư phát triển, các nguồn vốn viện trợ và hợp tác đầu tư với nước ngoài, lựa chọn các đối tác ký kết đàm phán hợp đồng, kế hoạch xuất nhập khẩu của địa phương một cách thiết thực và hiệu quả.

- Phối hợp với Sở Tài chính vật giá xây dựng dự toán ngân sách tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo dõi nắm tình hình hoạt động của các ngành, các đơn vị kinh tế trên địa bàn để gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo dõi và đề xuất các biện pháp quản lý để thực hiện các chương trình, dự án quốc gia trên địa bàn.

Hướng dẫn cơ quan các cấp trong tỉnh xây dựng quy hoạch, kế hoạch các chương trình dự án có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Phổ biến và hướng dẫn thực hiện pháp luật Nhà nước về hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài trên địa bàn tỉnh, trực tiếp nhận hồ sơ dự án của chủ đầu tư trong và ngoài nước muốn đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch, các chương trình dự án phát triển. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh các chủ trương, biện pháp nhằm đảm bảo thực hiện mục tiêu, kế hoạch của địa phương. Trực tiếp điều hành thực hiện kế hoạch một số lĩnh vực theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tham gia nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế của toàn quốc, kiến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và vận dụng cơ chế chính sách cho phù hợp với đặc điểm của tỉnh.

- Làm nhiệm vụ thường trực hội đồng về xét duyệt các định mức kinh tế kỹ thuật, thẩm định dự án đầu tư, thẩm định xét thầu. Thành lập các doanh nghiệp, làm đầu mối quản lý việc sử dụng các nguồn vốn ODA và các nguồn viện trợ khác.

- Làm đầu mối về chức năng quản lý hành chính của tỉnh đối với các doanh nghiệp, quản lý và cấp đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Xem xét trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư.

- Soạn thảo báo cáo kinh tế - xã hội hằng quý, sáu tháng, hằng năm cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Kiến nghị việc bồi



dưỡng nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác kế hoạch và đầu tư trong tỉnh.

- Quản lý về chuyên môn nghiệp vụ các phòng Kế hoạch và Đầu tư các huyện, thị. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị và các ngành trong tỉnh trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ làm kế hoạch và đầu tư.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

Ngành Kế hoạch và Đầu tư kịp thời ổn định tổ chức, bộ máy, luôn bám sát chủ trương, nghị quyết của Đảng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao để nâng cao chất lượng tham mưu.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, trong giai đoạn 1996 - 2000, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tích cực tham mưu nhiều nhiệm vụ lớn đối với tỉnh, định hướng phát triển kinh tế - văn hóa, đảm bảo cân đối giữa các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Năm 1997, khẩn trương hoàn thành quy hoạch tổng thể giai đoạn 1996 - 2000 - 2010 của tỉnh, tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành Trung ương, hoàn thiện, tham mưu trình Chính phủ phê duyệt; tham mưu triển khai Quyết định số 960/TTg, ngày 24/12/1996 của Thủ tướng Chính phủ về định hướng dài hạn và kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc; xây dựng, tổng hợp, bảo vệ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng quý, năm với Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và Trung ương. Tập trung xây dựng các quy hoạch vùng kinh tế, trên cơ sở đó xây dựng các chương trình, các dự án tập trung chỉ đạo điều hành theo quy hoạch, kế hoạch đã được xác định. Tiến hành xây dựng quy hoạch vùng kinh tế gồm: Quy hoạch vùng trồng cây công nghiệp chè ở Phong Thổ và cà phê ở Mường Ảng (Tuần Giáo) và Điện Biên; quy hoạch vùng chăn nuôi đại gia súc; quy hoạch thủy lợi phục vụ tưới vùng lúa tập trung; quy hoạch khu du lịch Pa Khoang và một số điểm khác của Điện Biên, Phong Thổ, Tuần Giáo; quy hoạch vùng tái định cư và di dân ra khỏi vùng lũ lụt, vùng ngập lòng hồ sông Đà; quy hoạch hệ thống nguồn và lưới điện; quy hoạch phát triển thủy lợi 5 năm (1995 - 2000) của tỉnh Lai Châu; quy hoạch phát triển giao thông vận tải tỉnh Lai Châu giai đoạn 1996 - 2000; Dự án khả thi phát triển cà phê, chè thời kỳ 1997 - 2001 tỉnh Lai Châu.

Năm 1998, năm đánh giá sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng bộ tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu báo cáo

tình hình phát triển kinh tế - xã hội 2 năm (1996 - 1997) và chủ trương, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 3 năm (1998 - 2000)<sup>1</sup>.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng và thực hiện chương trình vùng cao - vùng sâu - vùng xa giai đoạn 1997 - 2010 và giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì xây dựng dự án. Năm 1998, Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng dự thảo và tiếp thu ý kiến qua 3 lần xin ý kiến của các cơ quan chuyên môn, Ban Chỉ đạo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phê duyệt dự án “Chương trình tổng thể định canh, định cư, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội vùng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 1998 - 2010” (Nghị quyết số 01/NQ-TU).

Do trận lũ quét tháng 8/1996 vào khu vực thị trấn huyện lỵ Mường Lay làm thiệt hại lớn về người và tài sản, để di dân ra khỏi vùng lũ quét, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ phương án di chuyển thị trấn Mường Lay, ngày 17/12/1996, Chính phủ đã có Chỉ thị số 938/TTg về quy hoạch, kế hoạch tổ chức di chuyển thị trấn Mường Lay, thị xã Lai Châu và tái định cư hộ dân khỏi vùng lũ quét.

Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chọn huyện điểm xây dựng dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng cao, năm 1996, Sở Kế hoạch và Đầu tư giúp đỡ huyện Tủa Chùa xây dựng dự án “Phát triển kinh tế - xã hội vùng cao huyện Tủa Chùa tỉnh Lai Châu” và dự án ổn định dân di cư, phát triển kinh tế - xã hội xã Chà Cang, huyện Mường Lay trình Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua và trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Thông báo số 35/TB-TU, ngày 04/12/1996 về việc chia tỉnh Lai Châu. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu kế hoạch xây dựng phương án chia tách tỉnh Lai Châu thành 2 tỉnh, trong đó phân tích lý do cơ bản của việc chia tỉnh vừa là giải pháp trước mắt, vừa là giải pháp lâu dài, hoàn toàn phù hợp với thực tế khách quan và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội; dự kiến

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 46/BC-KH, ngày 02/4/1998, Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 2 năm (1996 - 1997) và chủ trương, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 3 năm (1998 - 2000).

phương án chia tách tỉnh; xác định lộ trình, hồ sơ, thủ tục thực hiện từ cấp xã đến cấp tỉnh để việc triển khai đảm bảo chặt chẽ, khách quan và nhận được sự đồng tình của nhân dân<sup>1</sup>.

Thực hiện chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy về việc đầu tư cơ sở vật chất trường Chính trị tỉnh, ngày 29/11/1997, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh đã cùng lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra thực tế hiện trạng cơ sở vật chất của trường, cùng với đề nghị của trường, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho các sở, ngành và nhà trường để xây dựng trường phù hợp với quy mô đào tạo về lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên, học viên, đoàn viên, hội viên trong tương lai, phục vụ tốt cho công tác chính trị, tư tưởng của tỉnh. Trong đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện và cân đối bố trí vốn cho các danh mục công trình năm 1998 trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng sâu, vùng xa, vùng cao hẻo lánh, vùng có nhiều đồng bào các dân tộc đặc biệt khó khăn sinh sống tuy được Đảng, Nhà nước quan tâm, song do cơ sở hạ tầng còn hạn chế, trình độ dân trí thấp nên tạo ra sự cách biệt giữa các vùng và hình thành ba khu vực mà khu vực III của tỉnh Lai Châu chiếm tới 93 xã với 144 bản. Để hiểu sâu thêm thực trạng đời sống của đồng bào, trên cơ sở đó có những chính sách, giải pháp phù hợp giúp đồng bào vượt qua khó khăn chuyển đổi từ khu vực III sang các khu vực I và II, đồng thời nhằm chuẩn bị phục vụ Hội nghị Trung ương 7 bàn về công tác dân tộc và miền núi. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu lập “Dự án điều tra thực trạng kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số khu vực III tỉnh Lai Châu”. Điều tra cơ bản để nắm được thực trạng đời sống kinh tế - xã hội và văn hóa của các dân tộc đặc biệt khó khăn đang sinh sống trên địa bàn khu vực III tỉnh Lai Châu, đồng thời biết được tâm tư, nguyện vọng của đồng bào, quan tâm nhiều hơn đến các dân tộc đặc biệt khó khăn. Trên cơ sở các số liệu thu thập được để hệ thống và xây dựng thành những tư liệu chung, giúp cho các cấp đảng và chính quyền cũng như các nhà quản lý hoạch định chính sách phù hợp với đồng bào các dân tộc đặc biệt khó khăn, nhằm thúc đẩy sự phát triển đồng đều giữa các dân tộc cùng sinh

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 18/KH-UB, ngày 09/01/1997 về kế hoạch xây dựng phương án chia tách tỉnh Lai Châu thành 2 tỉnh.

sống trên địa bàn tỉnh<sup>1</sup>. Ủy ban nhân dân tỉnh là cơ quan chủ quản, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp cùng Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thực hiện. Dự án được tiến hành trong 2 năm (1999 - 2000).

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg, ngày 05/7/1999 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chuẩn định mức sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp; Quyết định số 20/1999/QĐ-BTC, ngày 25/02/1999 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy chế quản lý, sử dụng trụ sở làm việc tại các cơ quan hành chính sự nghiệp; văn bản số 1598-BKH/CSHT, ngày 16/3/1999 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đầu tư xây dựng trụ sở làm việc; thực tiễn nhu cầu đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan vẫn còn rất lớn, nhất là các cơ quan thuộc diện di chuyển tỉnh, các huyện di chuyển địa điểm, chia tách, các trụ sở đã có nhưng hết niên hạn sử dụng quá lâu, hiện đã xuống cấp, hư hỏng nặng không an toàn cho người sử dụng, cần nâng cấp hoặc xây dựng lại. Trong điều kiện Chính phủ có chủ trương hạn chế xây dựng trụ sở mới và tiết kiệm trong việc mua sắm thiết bị đất tiền cho trụ sở làm việc, để có căn cứ xem xét việc đầu tư xây dựng trụ sở theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, các huyện, thị, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập quy hoạch đầu tư xây dựng hệ thống trụ sở làm việc của các cơ quan trực thuộc tỉnh quản lý giai đoạn 1999 - 2001 trình Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký với Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Sở chủ động phối hợp cùng các ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Trung ương đầu tư cho tỉnh trên các lĩnh vực, nhất là các vấn đề cấp thiết của tỉnh. Thể hiện trên các mặt:

Để nhanh chóng ổn định và phát triển sản xuất nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng chuyên môn hóa, hiện đại hóa, khâu đột phá đối với Lai Châu là đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng vào sản xuất. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan chuyên môn tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ có liên quan dự án đầu tư xây dựng củng cố, cải tạo, nâng cấp các cơ sở nghiên

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 255/VP-UB, ngày 18/7/1998, Dự án điều tra thực trạng kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số khu vực III tỉnh Lai Châu.

cứ sản xuất, cung ứng giống nông nghiệp của tỉnh. Việc đầu tư cải tạo, nâng cấp, sản xuất, cung ứng giống của Công ty giống Nông nghiệp tỉnh Lai Châu nhằm chọn lọc những loại giống tốt cho năng suất cao, chất lượng tốt thích hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của địa phương.

Phát triển giao thông vận tải là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển kết cấu hạ tầng. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu quy hoạch phát triển hệ thống giao thông tỉnh Lai Châu giai đoạn 1996 - 2000. Lai Châu được sự giúp đỡ tận tình của nhiều bộ, đặc biệt là sự giúp đỡ của Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và cùng với sự nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân Lai Châu, đường sá, cầu cống trên địa bàn ngày càng được hoàn thiện hơn, tạo điều kiện cho Lai Châu thu được nhiều thành tích trong công cuộc mới. Tuy nhiên, Lai Châu còn gặp khó khăn, đường bộ chưa được nhựa hóa hết, hệ thống đường tỉnh lộ vẫn còn nhiều tuyến chưa đi được hai mùa. Mạng lưới giao thông nông thôn chưa được nâng cấp... Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở liên quan đề nghị Trung ương cấp kinh phí phát triển giao thông hằng năm, đồng thời, xây dựng dự án kinh tế kỹ thuật các công trình đường trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt<sup>1</sup>.

Với khối lượng công trình xây dựng cơ bản rất lớn, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ động phối hợp với các sở, ngành liên quan để thẩm định thiết kế kỹ thuật và kinh phí, giúp việc triển khai dự án được kịp thời<sup>2</sup>. Tổng số vốn đầu tư xã hội thực hiện trong 4 năm (1996 - 1999) đạt 1.774,311 tỷ đồng, thực hiện trong 5 năm (1996 - 2000) đạt khoảng 2.150 - 2.200 tỷ đồng, tăng 4,5 lần so với 5 năm trước. Tập trung đầu tư vào những vùng, những ngành kinh tế trọng điểm và quan tâm đầu tư cho vùng cao, vùng sâu, vùng xa (đầu tư cho giao thông 41%; Khu vực I: 42,1%; Khu vực II: 28,9%; Khu vực III: 29%). Hệ thống kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc, trường học, bệnh viện, trạm y

---

1. Năm 1997: Xin ý kiến thực hiện phê duyệt dự án xây dựng trung tâm cụm xã Tà Lành - xã Noong Bua - thị xã Điện Biên Phủ.

Năm 1998: xin cấp vốn cho dự án đường giao thông nông thôn, tuyến Núa Ngam - Mường Nhà.

Năm 1999, xin thỏa thuận DAKT đường Ta Lét - Mường Lói; dự án khả thi nâng cấp tuyến đường Séo Lèng - Pa Há - Noong Hẻo; đường vào Chà Cang, đường Quài Nua - Pú Nhung; đường tuần tra biên giới; mở rộng Quốc lộ 279 (Km81 - Km86) đoạn qua thị trấn Mường Thanh.

2. Năm 1998 gồm 153 danh mục công trình xây dựng cơ bản; năm 1999 gồm 79 dự án...

tế, phát thanh - truyền hình, văn hóa, thể thao... được tăng cường đáng kể, nhiều công trình phát huy rõ hiệu quả. Tỉnh lỵ, huyện lỵ Mường Lay, Điện Biên Đông, Mường Tè và nhiều xã, cụm xã được xây dựng khang trang hơn. Trong 5 năm đã đầu tư nâng cấp 603km các tuyến đường trọng yếu như Quốc lộ 279, 12, 4D, 100; đường Lai Châu - Mường Tè, Huổi Loóng - Mường Báng, Chiềng Chăn - Sìn Hồ và các tuyến đường nội thị... Đã có 126/156, đạt 80,8% số xã, phường có đường ô tô đến trung tâm. Xây dựng mới và sửa chữa trên 48 công trình thủy lợi nhỏ khác với năng lực tưới thiết kế 3.647ha. Hoàn thành và đưa vào khai thác nhà máy nước thị xã Điện Biên Phủ. Đầu tư xây dựng 9 công trình thủy điện nhỏ với công suất thiết kế 721 kW; điện quốc gia đến 8/10 huyện, thị; đã có 37/156, đạt 23,7% số xã, phường có điện. Một số cơ sở chế biến đã được xây dựng như: Nhà máy chế biến chè đen, xưởng chế biến cà phê, xưởng bê tông đúc sẵn, xưởng chế biến gỗ, dầu trẩu... Đầu tư xây dựng 53 công trình trụ sở làm việc, đảm bảo diện tích làm việc cho 1.761 công chức theo tiêu chuẩn quy định. Tuy nhiên, quy hoạch ngành, vùng, lãnh thổ chưa được quan tâm đúng mức, còn coi nhẹ, còn nhiều quy hoạch chi tiết chưa được xây dựng và trình duyệt.

Căn cứ vào thực tiễn địa phương và nhu cầu vốn đầu tư phát triển năm 2000, do nguồn vốn trợ cấp của Trung ương hạn hẹp nên một số công trình quan trọng, địa phương không có khả năng cân đối vốn. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Trung ương tạo điều kiện bổ sung vốn để thực hiện những công trình cấp thiết với tỉnh<sup>1</sup>. Đồng thời, xây dựng kế hoạch trợ giá, trợ cước các mặt hàng chính sách (thuốc chữa bệnh, dầu hỏa, giấy học sinh, phân bón các loại, giống cây trồng, than mỏ...) hằng năm trình các bộ, ngành liên quan để hỗ trợ cho tỉnh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp chặt chẽ với các ngành chuyên môn đề xuất các biện pháp quản lý các chương trình kinh tế, các dự án quốc gia trên địa bàn. Thể hiện trên các mặt:

Để thực hiện thành công các mục tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X thông qua, xuất phát từ tình hình thực tế của địa phương, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Ban Thường

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 60/CV-UB, ngày 21/3/2000 về xin vốn bổ sung một số công trình quan trọng trong năm 2000.

vụ Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định thêm một số giải pháp và cơ chế chính sách chủ yếu nhằm tổ chức thực hiện kế hoạch các năm 1997, 1998. Trong đó, xác định trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tham mưu tổng hợp tình hình triển khai thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội của các huyện, thị, ngành; từ đó, đề nghị các đơn vị cần nghiêm túc thực hiện các chế độ báo cáo, thông tin phản ánh những vấn đề nổi cộm trong quá trình thực hiện kế hoạch để tỉnh xử lý. Các ngành cần phối hợp chặt chẽ, tăng cường kiểm tra, nắm tình hình để cùng hiệp đồng trách nhiệm thực hiện<sup>1</sup>.

Năm 1998, việc xây dựng cơ bản có một số tồn tại liên quan đến các ngành cần tháo gỡ. Ngày 10/6/1998, Thường trực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh đã họp cùng lãnh đạo các ngành: Kế hoạch đầu tư; Xây dựng; Tài chính; Cục Đầu tư phát triển; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh để bàn giải quyết những vấn đề tồn tại trong đầu tư xây dựng cơ bản năm 1998 và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn xây dựng cơ bản năm 1998 cho 2 huyện Mường Lay và Điện Biên Đông. Sau khi nghe lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo và ý kiến tham gia thảo luận của lãnh đạo các ngành thành viên tham dự, Thường trực Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh đã thống nhất hướng giải quyết, trong đó trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư: đôn đốc các chủ đầu tư thực hiện nhằm đảm bảo tiến độ thực hiện kế hoạch. Đối với các công trình, dự án các chủ đầu tư đã tiến hành khởi công xây dựng khi chưa đủ thủ tục theo trình tự quản lý đầu tư xây dựng hiện hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp cùng Sở Xây dựng tiến hành kiểm tra thực tế, lập biên bản yêu cầu chủ đầu tư đình chỉ thi công ngay; đồng thời tổng hợp, phân loại công trình, dự án theo mức độ vi phạm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để có biện pháp giải quyết cụ thể. Đối với các công trình, dự án do yêu cầu thực tế có phát sinh khối lượng so với quy mô được duyệt hoặc do thời gian thi công kéo dài có biến động lớn về giá cả làm tăng tổng mức đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp cùng Sở Xây dựng, Cục Đầu tư phát triển, Sở Quản lý chuyên ngành kiểm tra thực tế, lập biên bản xác định rõ nguyên nhân phát sinh, đề xuất hướng giải quyết báo

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 14/KH-TH, tháng 02/1998, Báo cáo một số giải pháp và cơ chế chủ yếu thực hiện kế hoạch năm 1998.



cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Đối với các dự án, công trình được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đầu tư trước ngày 17/6/1996 đã được bố trí kế hoạch thực hiện đầu tư theo đúng hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và được Hội đồng xét duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật của tỉnh trước đây chọn thầu tập thể, đã khởi công xây dựng thì được chấp nhận kết quả chọn thầu tập thể trước đây không phải tổ chức đấu thầu, chỉ định thầu lại. Việc phân bổ chi tiết kế hoạch vốn xây dựng cơ bản năm 1998 cho 2 huyện Mường Lay và Điện Biên Đông, Sở Kế hoạch và Đầu tư trên cơ sở các danh mục đã được thống nhất tại cuộc họp dự thảo quyết định phân bổ trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Tham mưu triển khai Chương trình 327 đạt hiệu quả thiết thực. Về thực chất, Chương trình 327 là chương trình quốc gia về tạo mới và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng. Chương trình 327 đã qua 3 lần điều chỉnh về quy mô và đối tượng đầu tư cho phù hợp với tình hình thực tế, với khả năng nguồn vốn, khả năng tổ chức và hiệu quả chương trình. Trong giai đoạn 1993 - 1998, đã tham mưu xét duyệt 33 dự án, phân bổ 77.994 triệu đồng để đầu tư vào các hạng mục lâm sinh, cơ sở hạ tầng và các hạng mục khác, thực tế đã thực hiện 77.066 triệu đồng. Việc giao khoán bảo vệ rừng đến hộ gia đình và tập thể làng, bản, tổ chức có tác dụng tích cực, rừng trong dự án được bảo vệ tốt, hạn chế phá rừng làm nương rẫy, nhiều nơi không còn tình trạng chặt phá rừng tự do như trước. Khoanh nuôi phục hồi rừng được 70.299ha và 220.744 ha/lượt, đạt 649% kế hoạch được giao; đối với Lai Châu, diện tích đồi núi trọc rất lớn, đất đai cơ bản còn tốt do vậy việc tạo rừng mới bằng khoanh nuôi phục hồi là biện pháp nhanh và có hiệu quả. Trồng 10.155ha, đạt 81,9% kế hoạch được giao nhưng nhìn chung chất lượng rừng trồng kém, manh mún, phân tán cả về diện tích, địa bàn và cơ cấu cây trồng, không gắn được trồng rừng với công tác giao đất khoán rừng cho hộ, do vậy sau 6 năm thực hiện chủ yếu là rừng tạp vừa kém hiệu quả về phòng hộ, vừa kém giá trị về kinh tế, rừng không có chủ thực sự, không hình thành được vùng tập trung liền vùng, liền khoảnh. Các dự án cho các hộ vay và đã tiến hành triển khai trồng được 537,6ha chè; 242,1ha cà phê, 291,9ha kinh tế vườn nhưng hiệu quả rất kém. Tiến hành giãn, chuyển dân và sắp xếp lại dân cư được 1.718 hộ, với tổng số vốn đã thực hiện là 1.432,5 triệu đồng. Mục tiêu đối tượng chính của chương trình là tạo

rừng mới, song trong điều kiện thực tế của Lai Châu cơ sở hạ tầng còn quá nghèo, nguồn vốn các chương trình khác hàng năm cũng không đủ để dàn trải trên diện rộng các dự án, vì vậy để thực hiện được dự án, chương trình đã đầu tư một số công trình hạ tầng thiết yếu như: 148,4km đường giao thông dân sinh, 1769m<sup>2</sup> lớp học, 567m<sup>2</sup> nhà y tế, 18 công trình thủy lợi nhỏ tưới cho 482ha ruộng nước, 1.005m<sup>2</sup> nhà quản lý, một trạm thủy điện công suất 120 kW, khai hoang cải tạo được 51,8ha, 11 công trình nước ăn phục vụ cho 2.461 người. Tuy phần cơ sở hạ tầng mới đầu tư đáp ứng được một phần nhỏ so với nhu cầu nhưng đã phát huy và thúc đẩy cho các vùng dự án thực hiện được những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Những bài học kinh nghiệm của Chương trình 327 đồng thời cũng là những bài học quý báu để chúng ta chuyển sang chương trình 5 triệu ha rừng và các chương trình quốc gia khác một cách tự tin và có hiệu quả.

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-TTg, ngày 29/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, nhiệm vụ, chính sách và tổ chức thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng và các văn bản hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc triển khai, thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, ngày 04/02/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị bàn về việc rà soát, sắp xếp lại Dự án 327 để chuyển sang đầu tư theo Quyết định số 661/QĐ-TTg. Thành lập 11 ban quản lý Dự án 661 cơ sở, là những đơn vị có kinh nghiệm tổ chức thực hiện Dự án 327 (riêng 2 dự án khu di tích lịch sử Mường Phăng và vườn thực vật Huổi Phạ thị xã Điện Biên Phủ nằm trên địa bàn Dự án phòng hộ Nậm Rốm nên giao cho Ban Quản lý Dự án phòng hộ Nậm Rốm thực thi). Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 237/1999/QĐ-UB, ngày 13/4/1999 về giao chỉ tiêu kế hoạch dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm 1999. Sau khi thống nhất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo phạm vi dự án, địa bàn đã đầu tư và chủ dự án để các chủ dự án kịp thời bàn giao, rà soát cho phù hợp với mục tiêu của chương trình. Diện tích rừng tự nhiên toàn tỉnh 1.691.922ha, là lưu vực đầu nguồn sông Đà, sông Mã, sông Mê Kông. Trước mắt, quy hoạch, sắp xếp

thành 16 dự án rừng đặc dụng, rừng phòng hộ cho phù hợp với khả năng triển khai thực hiện và dần hoàn chỉnh theo Quyết định số 661/QĐ-TTg.

Chương trình xây dựng trung tâm cụm xã (TTCX) rất cần thiết và quan trọng đối với tỉnh Lai Châu trong việc phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tạo ra các trung tâm kinh tế - văn hóa, xã hội phù hợp với điều kiện còn khó khăn về kinh tế, cơ sở hạ tầng như tỉnh Lai Châu. Từ năm 1996 đã lập được 6 dự án TTCX và đã được phê duyệt: gồm Mường Đun - Xá Nhè, Phình Sáng - Ta Ma, Mường Luân - Luân Giới, Thèn Sin - Nậm Xe, Pú Dao - Nậm Hàng, cụm Suối Lư; trong đó cụm Mường Đun - Xá Nhè đã được đầu tư tương đối hoàn chỉnh. Năm 1999: Đầu tư tập trung cụm Mường Luân (Điện Biên), Thèn Sin (Phong Thổ), hoàn chỉnh cụm Pú Nhi (Điện Biên Đông), còn hơn 40 trung tâm cụm xã khác, do kinh phí đầu tư cho chương trình còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết, do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Trung ương quan tâm, bổ sung vốn cho tỉnh và cho kéo dài thời gian thực hiện vào kế hoạch giai đoạn 2000 - 2005.

Việc xây dựng cơ sở vật chất cho các trường học được quan tâm, nhưng tỷ lệ trường học tạm vẫn còn cao. Để xóa trường học tranh tre nứa lá, tăng cường cơ sở vật chất cho trường học, đưa giáo dục lên một bước, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Trung ương tiếp tục đầu tư nguồn vốn cho chương trình, mục tiêu giáo dục của tỉnh<sup>1</sup>. Nhiều trường lớp đã được xây dựng, trang thiết bị, đồ dùng giảng dạy từng bước được nâng cấp. Đồng thời, phối hợp với ngành y tế thực hiện việc mở rộng mạng lưới y tế xã, bản và đầu tư trang thiết bị y tế.

Tiếp tục tham mưu triển khai Chương trình quốc gia số 06/CP, năm 1996, với tổng số vốn 2.400 triệu đồng chuyển đổi sản xuất thay cây thuốc phiện cho các vùng phá cây thuốc phiện thuộc 10 huyện, thị và hỗ trợ thêm cho việc kiểm soát ma túy, công tác cai nghiện. Từ năm 1991 - 2000, hỗ trợ sản xuất và đời sống cho vùng đồng bào trực tiếp phá nhỏ cây thuốc phiện, chuyển đổi sản xuất sang cây trồng, vật nuôi thích hợp, khai hoang được 350ha ruộng nước, trợ cấp 588 con trâu, bò, hỗ trợ trên 200 tấn giống lúa mì, ngô, lúa lai, 2 máy xay bột mì, 40ha mớ, 14ha mận Tam hoa... Cùng nhiều biện pháp khác, diện tích cây thuốc phiện giảm

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 785/UB-KH, ngày 12/12/1995 về trình duyệt kế hoạch vốn chương trình mục tiêu giáo dục trên địa bàn tỉnh năm 1996.

nhau từ hơn 1.000ha những năm 1990 - 1991 đến năm 1998 còn dưới 100ha (giảm hơn 90%).

Chương trình hỗ trợ đồng bào dân tộc ít người tiếp tục được thực hiện hiệu quả. Từ năm 1992 - 1995, thực hiện đầu tư 4 dự án về dân tộc đặc biệt khó khăn gồm dân tộc: La Hủ, Mảng, Cống, Si La với số dân là: 1.281 hộ, 9.289 khẩu trên địa bàn các huyện Mường Tè, Sìn Hồ, Mường Lay. Đến giai đoạn 1996 - 1998, hỗ trợ bổ sung thêm các dân tộc Kháng, Sinh Mun và một phần dân tộc Khơ Mú. Cấp cho không các mặt hàng thiết yếu như: Chăn, màn, vải các loại, đồ dùng cho gia đình, tổng số vốn là 5.051 triệu đồng. Hỗ trợ sản xuất, tập trung vào khai hoang được 100ha ruộng nước, cung cấp hơn 400 con trâu, bò sinh sản và cày kéo, đàn dê sinh sản hơn 200 con; hỗ trợ về công cụ sản xuất như cày, cào cỏ, cuốc, cung cấp giống lúa mới, ngô lai, hỗ trợ cây ăn quả, cây dược liệu, tổng trị giá gần 2.000 triệu đồng. Đầu tư cho cộng đồng như mở mới 32km đường liên bản, xây dựng 270m cầu treo, 8 công trình thủy nông tưới tiêu cho 103ha ruộng nước, 9 công trình nước ăn dung tích 90m<sup>3</sup>, 8 công trình trường học diện tích 832m<sup>2</sup>, xây dựng 4 công trình trạm xá diện tích 482m<sup>2</sup>, 1 công trình thủy điện công suất 5 kW. Thí điểm xây dựng 30 nhà ở bán vĩnh cửu với diện tích 1.330m<sup>2</sup>, trang bị phản nệm, bàn ghế cho một số hộ dân tộc La Hủ thuộc bản Phin Khò, xã Bum Tở, huyện Mường Tè.

Chương trình xóa đói giảm nghèo được quan tâm, lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình của Chính phủ để triển khai thực hiện. Thực hiện 3 chương trình (VDS01, VDS02, VDS03) của Ủy ban Quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình, xây dựng cơ sở vật chất, công tác kế hoạch hóa gia đình được quan tâm đúng mức, vì vậy mức giảm tỷ lệ sinh năm 2000 đạt 1,1%.

Các dự án nghiên cứu khoa học được cán bộ, công nhân viên triển khai thực hiện hàng năm. Riêng năm 1996 có 9 đề tài ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật tiến bộ cho 9 đề tài, 3 dự án mục tiêu, chủ yếu nghiên cứu tập trung cho nông, lâm nghiệp.

Công tác thẩm định các dự án kinh tế kỹ thuật đúng theo quy định của Chính phủ, chất lượng công tác thẩm định được nâng lên. Thẩm định trình tỉnh thành lập hàng chục doanh nghiệp và đăng ký bổ sung ngành nghề sản xuất và ngành nghề kinh doanh mới theo Quyết định

388. Năm 1996, toàn tỉnh có 51 doanh nghiệp hoạt động hiệu quả. Dưới sự chỉ đạo của Trung ương, Sở tham mưu giúp tỉnh đánh giá toàn bộ hoạt động các doanh nghiệp, đề xuất phương án sắp xếp lại doanh nghiệp theo nội dung đổi mới.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan trong thực hiện nhiệm vụ được giao. Phối hợp cùng các ngành thống kê, thương nghiệp, tài chính tổ chức tập huấn và điều tra các hộ sản xuất kinh doanh ngoài quốc doanh trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với các ngành chức năng quản lý, thẩm định nguồn vốn đầu tư nước ngoài dự án, nguồn vốn tín dụng ưu đãi đầu tư. Phối hợp với các ngành lao động - thương binh và xã hội, nông nghiệp, ngân hàng, kho bạc thẩm định hàng chục dự án của các huyện, thị từ quỹ xóa đói giảm nghèo. Phối kết hợp với các ngành nội chính, công an, quân sự, biên phòng thực hiện tốt việc phân phối vật liệu nổ, xây dựng các dự án bảo vệ biên giới, rà phá vật cản, các nội dung phòng thủ của tỉnh và Quân khu II.

Chủ động đề xuất với tỉnh đề nghị với các ngành Trung ương trong việc xử lý, khắc phục hậu quả lũ lụt, thiên tai và triển khai các chính sách an sinh xã hội để đảm bảo an toàn, ổn định đời sống nhân dân; năm 1996, khắc phục lũ lụt ở khu vực thị xã, huyện Mường Lay, Sam Mứn (Điện Biên), huyện Mường Tè; năm 1997, gió lốc, lũ lụt (thiệt hại khoảng hơn 100 tỷ đồng phải nhiều năm mới khắc phục được hậu quả). Năm 1999, đề nghị Trung ương bổ sung ngân sách hỗ trợ các gia đình đặc biệt khó khăn, thăm hỏi gia đình chính sách, cứu đói giáp hạt...

Trên cơ sở các dự án của tỉnh được phê duyệt, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Trung ương cấp vốn xây dựng để đảm bảo thi công hoàn thành kế hoạch<sup>1</sup>.

Nhờ có chính sách ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội miền núi, sau 10 năm thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Nghị quyết 72 của Hội đồng Bộ trưởng đã giúp tỉnh giải quyết nhiều khó khăn. Những kết quả tiêu biểu đã đạt được: 10 năm qua, Lai Châu tập trung vào đẩy mạnh sản xuất lương thực bằng cách thâm canh tăng năng suất, tăng vụ, mở rộng diện tích lúa, hoa màu trên đất ruộng một vụ; giảm dần

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 784/CV-UB-KH, ngày 12/12/1995 về báo cáo kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 1996; số 131/CV-UB, ngày 25/5/2000 về xin bổ sung vốn Chương trình 135.

diện tích cây lương thực trên đất dốc; áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Hình thành nhiều vùng tập trung chuyên canh, thâm canh và sản xuất lương thực hàng hóa. Về cơ bản, Lai Châu đã tự giải quyết được lương thực và đảm bảo an ninh lương thực. Đàn gia súc, gia cầm phát triển khá, thủy sản được chú ý và có nhiều tiến bộ; lâm nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Giá trị sản lượng công nghiệp năm 1999 tăng 4,77 lần so với 1990; cơ cấu kinh tế ngành đã chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông - lâm nghiệp, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ. Nâng cấp toàn bộ hệ thống đường giao thông tới các trung tâm huyện và một số cụm xã chính thành đường cấp VI miền núi với tổng chiều dài là 289km. Lưới điện quốc gia đã phủ được 7/10 huyện, thị. Giải quyết nước cho sản xuất và đời sống, từ năm 1990, đầu tư được 54 công trình nước sạch, đảm bảo cho 28.615 hộ, 143.070 khẩu, 61 công trình thủy lợi phục vụ tưới cho 2.869ha. Hệ thống bưu chính viễn thông của tỉnh không ngừng được đổi mới, hệ thống tổng đài tự động vi ba số được lắp đặt ở tất cả trung tâm huyện, thị, đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt trong mọi điều kiện; đến năm 1999 số thuê bao đã đạt 4.976 máy, bình quân 11.852 dân/thuê bao, các lĩnh vực y tế, giáo dục... có nhiều tiến bộ. Tuy nhiên, tỉnh chưa lập được quy hoạch sử dụng đất trên địa bàn toàn tỉnh.

Năm 1993, Thủ tướng Chính phủ quyết định chọn huyện Mường Tè làm điểm chỉ đạo đầu tư xây dựng phát triển kinh tế - xã hội (Thông báo số 216/TB, ngày 11/8/1993 của Văn phòng Chính phủ). Ngày 09/11/1995, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án tổng thể đầu tư phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè tỉnh Lai Châu tại Quyết định số 727/TTg. Sở Kế hoạch và Đầu tư tích cực tham mưu phối hợp triển khai dự án tại tỉnh, góp phần vào kết quả chung của huyện. Giai đoạn 1993 - 1999, có 9 nguồn vốn đầu tư vào huyện, sản xuất nông, lâm nghiệp có bước phát triển, năng độ che phủ rừng từ 14% năm 1994 lên 40% năm 1999; tỷ lệ đói nghèo giảm từ 58% năm 1994 xuống 43% năm 1999; một bộ phận nhân dân biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất. Cơ sở hạ tầng kinh tế kỹ thuật được tăng cường rõ rệt, nổi bật nhất là hệ thống đường giao thông: Nâng cấp 150km đường cấp VI, cải tạo hệ thống cầu treo, 16/18 xã có đường xe máy đến trung tâm xã. Tạo nguồn tưới cho 1.100ha đất canh tác, cấp nước sinh hoạt cho 7.000 người, xây dựng 3 công trình

thủy điện với tổng công suất thiết kế 554 kW. Hệ thống cơ sở hạ tầng văn hóa - xã hội được tăng cường và củng cố; nâng cấp bệnh viện huyện và phòng khám đa khoa khu vực. Lắp đặt mới 2 trạm thu phát truyền hình, một trạm tiếp sóng FM Đài Tiếng nói Việt Nam, nhờ đó, trình độ dân trí được cải thiện một bước. Xây dựng mô hình ổn định định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số gồm 415 hộ, sắp xếp, ổn định cuộc sống của hơn 800 hộ dân di cư tự do từ nơi khác đến. Từ những kết quả trên đã làm thay đổi bộ mặt và góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè; từng bước cải thiện điều kiện đi lại và đời sống của đồng bào các dân tộc trong huyện; an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội và chủ quyền biên giới quốc gia được bảo vệ và giữ vững. Tuy nhiên, tỷ trọng vốn đầu tư cho phát triển sản xuất, đầu tư cho thủy lợi, khai hoang ruộng nước còn ở mức độ hạn chế; chưa vận động, hướng dẫn được bà con dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa tiếp cận cách làm ăn mới; đời sống nhân dân vẫn còn nhiều khó khăn, tỷ lệ số hộ đói nghèo còn cao so với cả tỉnh (43%). Hiện tượng du canh, du cư, phá rừng làm nương rẫy vẫn còn xảy ra.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu tỉnh bố trí sắp xếp lại dân cư cho phù hợp. Từ năm 1991 - 1998 đã vận động giãn dân được 6.512 hộ, 42.328 nhân khẩu, ổn định dân di cư tự do từ các tỉnh khác đến Lai Châu là 2.714 hộ, 17.499 nhân khẩu. Xây dựng và phối hợp thực hiện 2 dự án di dân phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng vùng kinh tế mới: Dự án Si Pa Phìn Chà Nưa - Mường Lay, dự án phía Đông thị xã Điện Biên Phủ. Tổng vốn đầu tư cho chương trình định canh, định cư - kinh tế mới từ năm 1991 - 1998 là 43.035 triệu đồng. Khai hoang được 438ha ruộng nước, cải tạo 87ha cấy 1 vụ thành 2 vụ. Cho vay phát triển kinh tế hộ gia đình được 1.312 hộ. Cấp hỗ trợ về công cụ sản xuất như xẻng, cuốc, lưỡi cày, cào cỏ nương tổng trị giá 4.715 triệu đồng. Trồng mới được 213ha rừng tập trung với các loại cây chủ yếu như: Trầu, cánh kiến đỏ, sa mu, giao khoanh nuôi bảo vệ được 6.489ha rừng tái sinh. Nhiều tuyến đường giao thông được đầu tư, cải tạo với tổng chiều dài 592km. Xây dựng cầu treo, cống qua đường với tổng chiều dài 527m. Xây dựng 21 công trình thủy lợi vừa và nhỏ tưới tiêu cho 450ha ruộng, 78 công trình nước ăn có tổng dung tích 480m<sup>3</sup>, xây dựng 1 hồ chứa tưới cho 15ha. Xây dựng 37 công trình nhà lớp học và các công trình phụ trợ,



phục vụ gần 3.000 học sinh các dân tộc và các thầy cô giáo vùng cao. Xây dựng 37 công trình trạm xá và các công trình phụ trợ.

Tổng số doanh nghiệp nhà nước của tỉnh là 52, trong đó có 50 doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, 2 doanh nghiệp trực thuộc Đảng. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu việc củng cố, sắp xếp doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Chính phủ. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất với các cơ quan liên quan bổ sung phương án trình Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chủ trương sắp xếp doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ. Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sắp xếp các lâm trường và công ty lâm sản; thống nhất với Sở Công nghiệp và Sở Giao thông Vận tải sắp xếp các xí nghiệp cơ khí; thống nhất với Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông Vận tải sắp xếp các doanh nghiệp tư vấn; thống nhất Sở Công nghiệp, Sở Thương mại, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sắp xếp các doanh nghiệp, công ty thương mại tổng hợp, xí nghiệp sản xuất đồ gỗ, công ty lâm đặc sản; thống nhất với Sở Văn hóa - Thông tin sắp xếp Công ty Điện ảnh và Công ty Văn hóa tổng hợp thành Doanh nghiệp công ích. Ngày 21/8/2000, dưới sự chủ trì của ông Nguyễn Minh Quang - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban đổi mới doanh nghiệp tỉnh đã họp triển khai thực hiện phương án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp nhà nước đã được Chính phủ phê duyệt. Kết quả có 8/14 doanh nghiệp nằm trong phương án được chuyển sang doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích; 22/25 doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong phương án được đổi tên và thông báo tiếp tục củng cố phát triển và giữ nguyên. So với tổng số các doanh nghiệp nhà nước thời điểm năm 1999 (thời điểm xây dựng phương án) đã có 30/49 doanh nghiệp có quyết định sắp xếp, đổi tên, duy trì củng cố. Phần lớn những doanh nghiệp sau khi sắp xếp, tổ chức lại sản xuất đều có phương hướng sản xuất kinh doanh ổn định, hoạt động có hiệu quả, tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước, giải quyết được việc làm cho người lao động; nhiều doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư đổi mới trang thiết bị công nghệ đã phát huy được hiệu quả như Công ty Công trình giao thông, Công ty Xây dựng số 2... Tuy nhiên, còn 19/49 doanh nghiệp trong phương án chưa được sắp xếp. Bên cạnh đó, vẫn còn một số khó khăn như số doanh nghiệp

nhà nước hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ còn nhiều, một số doanh nghiệp thu chỉ đủ bù đắp chi phí hoặc có lãi nhưng không đáng kể. Năm 2000, có 6/52 doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, 4/52 doanh nghiệp kinh doanh hòa vốn và 5 doanh nghiệp có lãi từ 2 triệu đồng trở xuống. Tình hình việc làm và thu nhập của người lao động ở một số doanh nghiệp đang là vấn đề bức xúc, nhất là đối với các lâm trường. Từ thực trạng về hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước, giảm bớt doanh nghiệp nhà nước làm ăn kém hiệu quả, tạo sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế thị trường, ngày 26/12/2002, trên cơ sở tham mưu của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Đề án số 834/ĐASXDNNN-UB về tổng thể sắp xếp doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2002 - 2005.

Kinh tế hợp tác xã bước đầu được đổi mới cả về hình thức và nội dung hoạt động, toàn tỉnh có 15 hợp tác xã chủ yếu trên lĩnh vực phi nông nghiệp; còn trên 300 hợp tác xã kiểu cũ chủ yếu là hợp tác xã nông nghiệp, các hợp tác xã này chỉ làm một số việc mang tính chất dịch vụ do vậy vai trò của các hợp tác xã ngày càng lu mờ, nhiều hợp tác xã chỉ còn tồn tại trên danh nghĩa, hình thức. Kinh tế tư nhân phát triển mạnh ở một số lĩnh vực: thương mại - dịch vụ, xây dựng, vận tải... Toàn tỉnh có trên 4.000 cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ tư nhân, trong đó có 23 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn, còn lại là các nhóm và hộ kinh doanh. Kinh tế hộ gia đình phát triển nhanh, đặc biệt là ở vùng thấp, nhiều hộ gia đình biết cách sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, vươn lên làm giàu chính đáng, nhiều mô hình làm kinh tế giỏi được nhân rộng. Kinh tế trang trại được hình thành và phát triển nhanh ở các huyện, thị, đến năm 1998, cả tỉnh có 1.057 trang trại.

Phân rõ thẩm quyền, nhiệm vụ thực hiện nguồn vốn đầu tư nước ngoài. Ngày 30/3/1998, đồng chí Lò Văn Puồn - Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh đã làm việc cùng Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh và lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông Vận tải để bàn triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội bằng các nguồn vốn viện trợ nước ngoài (OECF, ODA, ADB...). Đồng chí Lò Văn Puồn kết luận: Để khai thác có hiệu quả các nguồn vốn viện trợ nước ngoài cho đầu tư phát triển, ngay từ năm 1998 trở đi, tất cả các dự án đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội có sử dụng nguồn

viện trợ nước ngoài (OECF, ODA...) giao cho các sở chuyên ngành làm chủ dự án. Các sở chuyên ngành được giao chủ dự án có trách nhiệm khảo sát lập dự án đầu tư, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và Ủy ban nhân dân các huyện, thị có dự án đăng ký danh mục và tổ chức triển khai thực hiện các dự án theo điều lệ quản lý đầu tư xây dựng và theo quy định. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn các chủ dự án làm thủ tục hồ sơ theo yêu cầu về quản lý sử dụng của từng nguồn vốn; làm đầu mối tổng hợp đăng ký kế hoạch đầu tư với các chủ chương trình theo từng nguồn vốn và tiến độ thời gian quy định. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã có trách nhiệm tạo điều kiện và phối hợp với các sở chuyên ngành triển khai thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn.

Quan tâm tham mưu đề nghị vốn và phân bổ nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài. Từ năm 1994 - 1998, tỉnh nhận được nguồn vốn từ các tổ chức: nguồn ODA Pháp, vốn OECF, vốn ODA Nhật, vốn ODA Trung Quốc bằng thiết bị và chương trình xây dựng nhà máy nước, đầu tư lưới điện và đường giao thông nông thôn, thủy điện... với số tiền quy đổi vốn trong nước là 223.044 triệu đồng. Năm 1999, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo các dự án đã và đang sử dụng nguồn vốn OECF năm 1997, 1998 và đăng ký một số dự án đang cần, phù hợp với vốn OECF để triển khai thực hiện năm 1999. Với điều kiện của tỉnh miền núi, địa bàn rộng và gặp nhiều khó khăn, nhất là cơ sở hạ tầng và tỉnh không có nhiều kinh phí để tiến hành xây dựng và phê duyệt các dự án sử dụng vốn JBIC, do đó, phần lớn các danh mục dự án tỉnh đăng ký chưa có quyết định phê duyệt và chưa đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí lựa chọn dự án của từng lĩnh vực. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp danh mục dự án sử dụng vốn JBIC tài khóa 2000 đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, giải quyết trước cho các dự án của tỉnh để thực thi sớm. Đồng thời, đề nghị thực thi 3 dự án xóa đói giảm nghèo CARPENTER.

Từ năm 1993, tỉnh Lai Châu được dự án UNICEF tài trợ đầu tư cấp nước sinh hoạt nông thôn. Qua 6 năm thực hiện Dự án này, Lai Châu đã làm được 16 công trình cấp nước tự chảy, tổng chiều dài đường ống hơn 30km, các công trình nhỏ lẻ như giếng đào mới và giếng cải tạo lắp bơm tay được hơn 800 cái, bể lu chứa nước mưa được hơn 500 cái. Các công trình trên được xây dựng ở các huyện: Phong Thổ, Tủa Chùa,

Tuần Giáo, Điện Biên, thị xã Điện Biên Phủ và thị xã Lai Châu. Tổng số người được hưởng nước hợp vệ sinh khoảng 2,6 vạn người. Dự án của UNICEF tài trợ tuy không nhiều, nhưng đã mở ra một hướng giải quyết khó khăn phù hợp với địa bàn của tỉnh. Qua đó, tỉnh có được một số kinh nghiệm về các giải pháp cấp nước, nhất là công nghệ ống nhựa HDPE, vận chuyển nhẹ, thi công nhanh, bảo quản thuận lợi, độ bền lâu dài, giá thành công trình rẻ. Các công trình đã được nhân dân đón nhận, cùng góp công sức xây dựng công trình, bảo quản, vận hành tốt. Tính đến năm 1999, 16 công trình và các hình thức cấp nước khác vẫn phát huy hiệu quả. Tuy nhiên do nguồn vốn hạn hẹp, nên việc giải quyết nước sạch cho nhân dân trong tỉnh vẫn hết sức khó khăn, đặc biệt là huyện Điện Biên Đông mới có khoảng 2% dân số của huyện được dùng nước hợp vệ sinh. Trên cơ sở đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và Ban điều hành dự án NARUDEP của Chính phủ Đại công quốc Lào-xăm-bua giúp đỡ Dự án cấp nước sinh hoạt cho nhân dân huyện Điện Biên Đông.

Kế hoạch phát triển thủy lợi 5 năm (1995 - 2000) của tỉnh Lai Châu đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai tích cực. Nhiều công trình thủy lợi, công trình nước sinh hoạt đã được đầu tư xây dựng và khai thác có hiệu quả. Nhiều công trình có quy mô vốn đầu tư lớn, kỹ thuật phức tạp đã được Bộ đầu tư. Ngân sách địa phương tuy có hạn chế, phần đóng góp của nhân dân còn nhiều khó khăn nhưng địa phương đã tích cực huy động nhiều nguồn lực tại chỗ để ưu tiên đầu tư cho thủy lợi nên nhiều công trình trong kế hoạch 5 năm đã được xây dựng. Trong 5 năm, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rất quan tâm đến sự nghiệp phát triển thủy lợi của tỉnh, đầu tư sửa chữa và kiên cố hệ thống Pa Khoang - Đại thủy nông Nậm Rốm và nhiều dự án thủy lợi cho vùng cao ở huyện Mường Tè, huyện Mường Lay... Nhu cầu thủy lợi ở Lai Châu còn rất lớn. Năm 1999, do được bổ sung thêm nguồn vốn đầu tư cuối năm nên địa phương đã chọn và sắp xếp một số công trình thủy lợi có quy mô vừa và nhỏ để đầu tư. Một số công trình có quy mô vừa và lớn khả năng địa phương không thể đảm nhiệm được, trong đó nhu cầu cần thiết là cụm công trình thủy lợi Phai Cát huyện Phong Thổ cần được ưu tiên

đầu tư trước, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Trung ương nghiên cứu, đầu tư sớm cụm công trình Phai Cát.

Căn cứ vào Chỉ thị số 15/1998/CT-TTg, ngày 28/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng ở các xã biên giới. Trên cơ sở thực tiễn về thực trạng đời sống, nguồn nước ăn uống, sinh hoạt của cán bộ, chiến sĩ đồn Biên phòng 281 và nhân dân xã Đào San (Phong Thổ) còn khó khăn, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ liên quan đầu tư vốn cho hệ thống nước sạch đồn Biên phòng 281 và cụm dân cư xã Đào San.

Ngày 23/01/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 13/1998/QĐ-TTg về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu và vùng xa. Ngày 31/7/1998, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 135/1998/QĐ-TTg phê duyệt chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu và vùng xa. Ngày 26/12/1999, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 252/1998/QĐ-TTg về việc giao kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 1999, trong đó đầu tư cho Chương trình 135 là 403 tỷ đồng, riêng Lai Châu là 35.465 triệu đồng. Thực hiện Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, ngày 01/10/1998, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu việc triển khai Chương trình 135 đối với các xã đặc biệt khó khăn của tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 603/QĐ-UB thành lập Ban Chỉ đạo chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa của tỉnh. Ban Chỉ đạo đã xây dựng dự án tổng thể chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn tỉnh Lai Châu giai đoạn 1998 - 2005. Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao năm 1999, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo các ngành hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện triển khai đến các xã việc đăng ký kế hoạch năm. Trên cơ sở tổng hợp và đăng ký của Ủy ban nhân dân các huyện, Ban Chỉ đạo của tỉnh đã tổng hợp và dự thảo phân bổ kế hoạch năm 1999 đến từng xã trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 19/4/1999, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 17/1999/QĐ-UB về việc giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1999, trong đó có phân bổ vốn Chương trình 135, nhưng chưa cụ thể hóa danh mục công trình. Các ngành chuyên môn

theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh sớm hoàn tất việc soạn thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; phân công các ngành và các tổ chức giúp đỡ các huyện có các xã đặc biệt khó khăn, chính sách biệt phái cán bộ xuống giúp các xã đặc biệt khó khăn. Ban hành tập thiết kế mẫu đối với các công trình trường học, trạm y tế có quy mô nhỏ và kỹ thuật đơn giản.

Với sự nỗ lực, cố gắng tham mưu của ngành Kế hoạch và Đầu tư góp phần vào kết quả chung của toàn tỉnh trong giai đoạn 1996 - 2000, một số kết quả tiêu biểu: Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng, GDP bình quân tăng 6,55%/năm; cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch đúng hướng: công nghiệp - xây dựng và dịch vụ phát triển nhanh hơn nông - lâm nghiệp, chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu nền kinh tế. Tổng sản lượng lương thực quy thóc năm 2000 đạt 190.000 tấn, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 3,65%/năm; lương thực quy thóc bình quân đạt 312 kg/người/năm, đạt được mục tiêu thâm canh, tăng vụ, mở rộng diện tích lúa ruộng, chấm dứt cơ bản nạn đói lưu niên, an ninh lương thực được bảo đảm. Một số vùng cây công nghiệp lâu năm tiếp tục phát triển: Vùng chè Tam Đường, vùng cà phê ở lòng chảo Điện Biên và thung lũng Mường Ảng. Đàn gia súc phát triển nhanh, tăng trưởng bình quân 6%/năm và vượt mục tiêu kế hoạch 5 năm (1996 - 2000). Rừng được bảo vệ và phát triển, tỷ lệ che phủ rừng năm 2000 là 30%, tăng 16% so với năm 1995. Một số cơ sở công nghiệp đã được hình thành; mạng lưới thương mại, dịch vụ phát triển, đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân; thực hiện tốt các mặt hàng chính sách đối với vùng cao. Kết cấu hạ tầng được củng cố và có bước phát triển; tập trung giải quyết được cơ bản một số chương trình quan trọng và cấp bách như xây dựng tỉnh lỵ và các huyện lỵ, cụm xã. Cải tạo và nâng cấp được một số tuyến đường tỉnh lộ, mở mới và cải tạo nhiều tuyến đường vào trung tâm cụm xã, trung tâm các xã. Thủy lợi phát triển, từng bước hình thành chum hồ để khai thác tiềm năng vùng lòng chảo Điện Biên và đáp ứng nhu cầu tưới tiêu ở vùng cao. Hoàn thành, đưa vào khai thác nhà máy nước thị xã Điện Biên Phủ, cải tạo, mở rộng hệ thống cấp nước ở một số thị trấn, trung tâm cụm xã, xây dựng hàng trăm công trình cấp nước nông thôn ở vùng cao, đảm bảo trên 30% số hộ được cấp nước sinh hoạt trong mùa khô. Hệ thống trường học, bệnh viện, trung tâm y tế, phòng khám

đa khoa khu vực ở các thị xã, thị trấn, trung tâm cụm xã đã cơ bản được cải tạo, nâng cấp và mở rộng. Xây dựng được một số trạm thủy điện nhỏ, phát triển nhanh hệ thống lưới điện quốc gia. Hệ thống phát thanh - truyền hình phát triển nhanh. An ninh, quốc phòng được củng cố và giữ vững. Thế trận an ninh, quốc phòng có bước phát triển, khu vực phòng thủ tỉnh, huyện được củng cố, làm tốt công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu. Các tuyến phòng thủ biên giới, các địa bàn trọng điểm về an ninh, quốc phòng được tăng cường góp phần bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

Tuy nhiên, tỉnh vẫn còn một số hạn chế: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra theo hướng đã xác định nhưng còn chậm, chưa phát huy được nội lực, chưa vững chắc, chưa có ngành và sản phẩm kinh tế mũi nhọn. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chuyển sang sản xuất hàng hóa còn lúng túng. Cây công nghiệp tăng chậm cả về diện tích, sản lượng và hiệu quả kinh doanh. Lâm nghiệp chưa trở thành một nghề, chưa tạo được nguồn thu nhập đáng kể cho đồng bào các dân tộc. Giao đất, giao rừng đã cơ bản hoàn thành nhưng hiệu quả thấp. Một số lĩnh vực công nghiệp phát triển rất chậm và lúng túng; lưới điện quốc gia đã kéo đến nhiều xã từ vài ba năm nhưng nông dân vẫn chưa được dùng điện vì chưa có đường điện hạ thế. Khai thác than, gạch tuynel, bê tông đúc sẵn thị trường tiêu thụ rất hạn hẹp, sản phẩm tồn đọng, sản xuất cầm chừng. Vùng cao, vùng sâu, vùng xa vẫn ở trạng thái tự cấp, tự túc; một bộ phận lớn đồng bào còn đang trong tình trạng đói, nghèo, du canh, phá rừng làm nương rẫy. Các thành phần kinh tế đã hình thành nhưng còn nhiều tồn tại: Kinh tế quốc doanh còn nhiều lúng túng, không ít doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả, chậm được củng cố, sắp xếp, tổ chức lại; kinh tế hợp tác xã chậm đổi mới, đặc biệt trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp; các doanh nghiệp tư nhân được thành lập chủ yếu ở lĩnh vực xây dựng, thiếu sự quản lý, giám sát của Nhà nước; kinh tế hộ gia đình ở vùng cao vẫn mang nặng tính sản xuất tự nhiên, tự cung, tự cấp; ở vùng thấp chưa mạnh dạn bỏ vốn hoặc vay vốn để đầu tư kinh doanh. Thu ngân sách trên địa bàn nhỏ bé, bình quân chỉ chiếm 11,1% tổng thu ngân sách và có chiều hướng giảm, bình quân giảm 4,55%/năm.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng đánh giá 10 năm thực hiện chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000.



Nền kinh tế có bước phát triển mới về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và hội nhập kinh tế quốc tế; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt, văn hóa - xã hội không ngừng tiến bộ; thế và lực của đất nước hơn hẳn 10 năm trước, khả năng độc lập tự chủ được nâng lên, tạo thêm điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nguyên nhân của những thành tựu là đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng cùng những cố gắng và tiến bộ trong công tác quản lý của Nhà nước đã phát huy được nhân tố có ý nghĩa quyết định là ý chí kiên cường, tính năng động, sáng tạo và sự nỗ lực phấn đấu của nhân dân ta. Tuy nhiên, những thành tựu và tiến bộ đạt được chưa đủ để vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển, chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước. Đại hội quyết định Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho 10 năm đầu của thế kỷ XXI - Chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp.

Năm 2000, năm cuối thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1991 - 2000 và kế hoạch giai đoạn 1996 - 2000, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu nhiều nhiệm vụ lớn của tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (1996 - 2000) và tóm tắt dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2001 - 2005)<sup>1</sup>. Đồng thời, tham mưu báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2000 và mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2001<sup>2</sup>; tham mưu dự thảo báo cáo chính trị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X. Hàng năm, thực hiện tốt chế độ báo cáo tháng, quý, năm với Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các báo cáo tổng hợp khác, đóng góp kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh. Năm 2003, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các ban, ngành liên quan tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng dự thảo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 và báo cáo thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giữa nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 240/UB-KH, ngày 16/8/2000.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 30/BC-UB, ngày 06/9/2000.

Trong khoảng thời gian ngắn, phải tham mưu nhiều việc quan trọng tác động đến định hướng phát triển của tỉnh, tập thể cán bộ, công nhân viên của Sở luôn đoàn kết, kết hợp chặt chẽ, giúp đỡ lẫn nhau, nỗ lực phấn đấu, cống hiến, luôn phải làm thêm vào những ngày thứ bảy, chủ nhật để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X diễn ra từ ngày 02 - 05/01/2001 tại thị xã Điện Biên Phủ. Trong 5 năm đầu của thế kỷ XXI, Đại hội đề ra phương hướng và mục tiêu chủ yếu đến năm 2005 là: Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; khai thác tiềm năng, thế mạnh, tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa nhằm tăng nhanh tổng sản phẩm xã hội. Tăng cường một bước quan trọng về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; phát huy cao độ nội lực của tỉnh, phát triển lực lượng sản xuất, củng cố quan hệ sản xuất. Phấn đấu cơ bản xóa hộ đói, giảm hộ nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc. Đẩy mạnh phát triển giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Duy trì và phát triển sự nghiệp y tế, văn hóa, thể dục thể thao phục vụ đời sống nhân dân, giữ gìn bản sắc dân tộc; thực hiện tốt các chính sách và giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội. Bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của chính quyền các cấp; phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội.

Sau khi được học tập, quán triệt Nghị quyết, thực hiện nhiệm vụ được phân công, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ giải pháp vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm để triển khai thực hiện.

Triển khai chương trình trọng điểm Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội vùng cao và được Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thông qua (Nghị quyết số 01/NQ-TU), Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 22/2001/NQ-HĐ, ngày 03/8/2001 và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 41/2001/QĐ-UB, ngày 12/9/2001 để cụ thể hóa và triển khai thực hiện. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng cao đề cập đến việc phát triển toàn diện cả

về kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, những năm trước mắt tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc nhất; chú ý đến những xã yếu; mọi vấn đề đầu tư phải xuất phát từ đời sống của nhân dân. Tập trung đầu tư, phát triển có sự giúp đỡ của Nhà nước kết hợp với phát huy tính chủ động và nguồn lực của nhân dân. Dự án được triển khai thực hiện trong phạm vi toàn bộ các xã thuộc khu vực vùng cao, vùng khó khăn của tỉnh. Song, trong những năm trước mắt (từ năm 2001 đến năm 2005) xác định 500 bản khó khăn nhất để tập trung đầu tư. Mục tiêu của nghị quyết “Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào các dân tộc vùng cao, tạo điều kiện để vùng này thoát khỏi tình trạng kinh tế - xã hội thấp kém, thoát khỏi đói nghèo, nâng cao trình độ dân trí, hòa nhập vào sự phát triển chung của tỉnh, góp phần giữ vững ổn định chính trị, xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội”.

Sau 2 năm (2002 - 2003), số vốn đầu tư là 29.640 triệu đồng/247 bản/4 huyện. Đã hoàn thành và đang triển khai là 299 công trình/201 bản do nhân dân và doanh nghiệp cùng làm. Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng cao đã khẳng định được tính khả thi của dự án đầu tư, từng bước giải quyết các mục tiêu cấp bách giai đoạn 2002 - 2005 đề ra là đường giao thông, lớp học bản, nước sinh hoạt, thủy lợi nhỏ... Chương trình đã được các cấp, các ngành, nhân dân ủng hộ, tích cực tổ chức thực hiện có hiệu quả, tạo được lòng tin cho nhân dân vào chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Góp phần xóa đói giảm nghèo, định canh, định cư, ổn định sản xuất, hạn chế phá rừng làm nương rẫy, nâng cao đời sống của nhân dân, giữ vững trật tự an toàn xã hội. Từng bước nâng cao trình độ năng lực quản lý của cán bộ xã và trình độ dân trí, tăng cường thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở thông qua tập huấn, trực tiếp quản lý và thực hiện đầu tư các hạng mục công trình tại xã, bản. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện còn một số vấn đề như huyện Sìn Hồ giao kế hoạch không đủ các bản đã được quyết định, nhiều công trình được phê duyệt với mức vốn cao không phù hợp với khả năng nguồn vốn của công trình và đây là chương trình đầu tiên giao chủ đầu tư cho xã, bản, do năng lực cán bộ còn hạn chế nên có nơi chất lượng chưa cao.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan tham mưu thực hiện chương trình

định canh, định cư. Từ cuối năm 1998, thực hiện chỉ đạo của Ban Tổ chức Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục Định canh, định cư và vùng kinh tế mới bàn giao bộ máy Ban Định canh, định cư - Kinh tế mới về tỉnh quản lý. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 499/1998/QĐ-UBND, ngày 27/7/1998 về đổi tên Ban Định canh, định cư - Kinh tế mới thành Chi cục Định canh, định cư - Kinh tế mới và giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý và điều hành trực tiếp; ban định canh, định cư các huyện sáp nhập vào phòng Nông nghiệp - Địa chính.

Giai đoạn 1990 - 2002, hàng loạt chính sách mới của Nhà nước ban hành cùng thời kỳ, đã tác động tích cực đến công tác định canh, định cư, đặc biệt là các chương trình, dự án hỗ trợ trực tiếp cho các hộ dân sớm định canh, định cư bền vững. Những chính sách mới bổ sung đã cụ thể hóa cho xây dựng và đầu tư lồng ghép các dự án trên cùng địa bàn xã định canh, định cư như: Chương trình 135; Chương trình 661; Quyết định 186 về ổn định dân cư và khai hoang 10 nghìn ha ruộng bậc thang ở Lai Châu; Quyết định 35 về xây dựng trung tâm cụm xã; Quyết định 143 về xóa đói giảm nghèo giai đoạn II, sớm ổn định đối tượng và diện vận động định canh, định cư. Đối tượng tiếp tục vận động định canh, định cư từ năm 2003 là 93 xã/28.541 hộ/189.121 khẩu. Sau hơn 13 năm thực hiện Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Cục Định canh, định cư và vùng kinh tế mới, sự phối hợp và giúp đỡ của các ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội, các lực lượng vũ trang; bộ đội biên phòng đóng trên địa bàn hỗ trợ công tác định canh, định cư triển khai và thực hiện tốt kế hoạch giao hàng năm. Công tác định canh, định cư đạt được nhiều kết quả tích cực, đến hết năm 2002, kết cấu hạ tầng kỹ thuật các xã định canh, định cư được tăng cường cơ bản. Các xã được đầu tư về: giao thông đến trung tâm xã, giao thông liên bản, cầu treo, cống thoát nước; thủy lợi, thủy điện, nước sinh hoạt; trường học, trạm xá; khai hoang ruộng bậc thang; điện sinh hoạt; truyền thanh, truyền hình... trở thành động lực rất lớn để đồng bào phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi sản xuất tự cung, tự cấp sang sản xuất hàng hóa. Đồng bào biết ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi gia súc, gia cầm thông qua

mô hình khuyến nông người nghèo. Tập quán sản xuất trên nương đang được chuyển hướng sang canh tác cây lúa nước thông qua chương trình khai hoang 10 nghìn ha ruộng bậc thang của tỉnh. Đến ngày 31/12/2002, hoàn thành định canh, định cư toàn tỉnh là: 46 xã 847 bản 43.261 hộ, 265.846 khẩu chiếm 60% so với tổng diện vận động định canh, định cư. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào được nâng cao; tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc; an ninh, quốc phòng và trật tự an toàn xã hội được củng cố vững chắc. Cơ bản đạt được mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Đại hội đại biểu tỉnh Đảng bộ Lai Châu lần thứ VIII, IX đề ra cho công tác định canh, định cư.

Phối hợp cùng các ngành thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch, những dự án quy hoạch giúp cho các cấp, các ngành trong tỉnh có được những định hướng cơ bản trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Tham mưu rà soát, bổ sung quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2010. Tham gia xây dựng các nhiệm vụ: dự án ổn định dân cư các xã biên giới Việt - Trung; quy chế quản lý khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, quy chế quản lý khu du lịch Pa Khoang và triển khai các dự án đầu tư. Tham gia xây dựng các dự án quy hoạch ngành công nghiệp và thương mại - du lịch. Chủ trì phối hợp với Công ty tư vấn Xây dựng Công nghiệp và Đô thị Việt Nam thuộc Bộ Xây dựng lập quy hoạch tổng thể phát triển khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang. Chủ trì phối hợp với Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai lập quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội 2 huyện mới (huyện Mường Nhé và huyện Phong Thổ), khu tái định cư mẫu Si Pa Phìn, khu tái định cư vùng thấp Sin Hồ; phối kết hợp với Quân khu II, Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát bổ sung xây dựng dự án khu kinh tế quốc phòng Mường Chà, quy hoạch khu kinh tế quốc phòng sông Mã. Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phương án tổng thể di dân tái định cư thủy điện Sơn La; chủ trì xây dựng quy hoạch tổng thể tái định cư dân lòng hồ thủy điện Sơn La huyện Sin Hồ và dự án tái định cư Pa Khóa, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Chủ trì xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng lòng chảo Điện Biên đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Tham mưu đề án chia tách tỉnh Lai Châu; chủ trì tổng hợp định hướng quy

hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2 tỉnh Lai Châu và Điện Biên. Tham gia vào các đề án quy hoạch một số ngành như: dân số - kế hoạch hóa gia đình; lao động việc làm; chương trình xóa đói giảm nghèo; quy hoạch của các trường chuyên nghiệp trong tỉnh. Phối hợp với một số ngành xây dựng kế hoạch hành động vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh Lai Châu đến năm 2005...

Thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-TU, ngày 26/4/2002 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển thị xã Điện Biên Phủ lên thành phố trực thuộc tỉnh, Nghị quyết số 33/2002/NQ-HĐ, ngày 25/7/2002 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XI về phương hướng nâng cấp thị xã Điện Biên Phủ từ đô thị loại 4 lên đô thị loại 3, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các ngành chức năng rà soát, đánh giá thực trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội của thị xã Điện Biên Phủ, đối chiếu với các tiêu chí của đô thị loại 3 để lập phương án xây dựng thị xã Điện Biên Phủ, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Hằng năm, hoàn chỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao kế hoạch và tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch. Đồng thời, xây dựng các giải pháp điều hành có hiệu quả để tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo đảm bảo yêu cầu. Tham gia với các ngành và các huyện, thị tổ chức triển khai việc thực hiện kế hoạch.

Tham mưu triển khai thực hiện Chương trình 135, nhận được sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và nhân dân các dân tộc, lồng ghép nguồn vốn từ nhiều chương trình, dự án để thực hiện. Từ năm 1999, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thiết lập một hệ thống tổ chức từ tỉnh, huyện, xã tương đối hoàn chỉnh, thống nhất, hoạt động tương đối nhịp nhàng và có hiệu quả. Đến hết năm 2001, tỉnh Lai Châu đã hoàn thành công tác quy hoạch tổng thể về xây dựng cơ sở hạ tầng 120 xã với tổng kinh phí là 1.200 triệu đồng. Kết quả tiêu biểu: từ năm 1999 - 2002 đã xây dựng được 505 công trình cơ sở hạ tầng, dự án trung tâm cụm xã. Tổng vốn thực hiện từ năm 1997 - 2002 là 41.949 triệu đồng, đạt 89% so với tổng vốn kế hoạch giao. Mỗi năm kinh phí dành cho công tác đào tạo xã nghèo 515 triệu đồng, thực hiện 100%. Từ năm 1999 - 2002, thực hiện công tác bố trí sắp xếp lại dân cư (di dân ra biên giới, di dân kinh tế mới, ổn định dân di cư tự do, ổn định và sắp xếp lại dân cư các xã 135) được 3.293 hộ, kinh phí 16.604 triệu đồng đạt trên 90% kế hoạch giao.

Thông qua chương trình đã góp phần xóa đói giảm nghèo, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ngày càng được cải thiện rõ nét, khắc phục được tình trạng thiếu trường, thiếu lớp, tăng tỷ lệ các em đến tuổi đi học; giảm bớt khó khăn trong việc khám và điều trị những bệnh thông thường các dân tộc vùng sâu, vùng xa đặc biệt khó khăn; củng cố khối đoàn kết dân tộc, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, nhân dân các dân tộc yên tâm lao động sản xuất xây dựng quê hương. Tuy nhiên, việc thực hiện còn có một số hạn chế như công tác khảo sát, thiết kế tiến độ chậm, đặc biệt là đối với công trình thủy lợi, nước sinh hoạt và các công trình có mức vốn đầu tư trên một tỷ đồng. Việc thực hiện đồng bộ các dự án thành phần thuộc chương trình còn chậm được triển khai, đặc biệt là dự án phát triển sản xuất gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm; dự án bố trí sắp xếp lại dân cư những nơi cần thiết.

Căn cứ Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về phát triển kinh tế - xã hội 6 tỉnh đặc biệt khó khăn miền núi phía Bắc thời kỳ 2001 - 2005 nhằm giúp các tỉnh vùng núi phía Bắc gồm Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Hà Giang, Sơn La, Lai Châu phát huy những tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, đất đai, khí hậu, rừng, khoáng sản và tiềm năng con người trong khu vực để phát triển kinh tế - xã hội; gắn phát triển kinh tế - xã hội với thực hiện các chính sách dân tộc, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ môi trường sinh thái cho vùng và hạ lưu ở đồng bằng Bắc Bộ; góp phần giữ vững an ninh, quốc phòng. Ngày 18/6/2002, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1007/QĐ-UB về việc thành lập tổ công tác, giao đồng chí Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư làm Tổ trưởng để tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg được tập trung, thống nhất, có hiệu quả.

Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ là thời cơ, vận hội để Lai Châu thoát khỏi đói nghèo, rút ngắn khoảng cách phát triển với cả nước. Nhận thức rõ điều đó, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định các nội dung trong Quyết định 186 là nhiệm vụ chủ yếu của Đảng bộ và chính quyền địa phương phải tập trung thực hiện. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho các ngành, các huyện, thị xã xây dựng kế hoạch thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ theo Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg ngay từ cuối năm 2001; căn cứ các kế hoạch



xây dựng từ cơ sở, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì cùng các sở, ngành tỉnh tổng hợp xây dựng kế hoạch thực hiện Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg, nhằm tổ chức thực hiện ngay trong năm 2002 và những năm tiếp theo. Năm 2002 là năm đầu tiên thực hiện theo các mục tiêu của Quyết định, việc triển khai còn nhiều khó khăn và trở ngại, nhất là việc huy động và quản lý các nguồn lực đầu tư cho thực hiện các mục tiêu đã được Chính phủ quyết định, song với sự nỗ lực quyết tâm của Đảng bộ, chính quyền địa phương cũng như sự mong mỏi của đồng bào nhân dân các dân tộc, những chính sách ưu đãi đặc biệt đối với miền núi đã được triển khai khá đồng bộ cả về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các chính sách hỗ trợ. Tỉnh còn ban hành các chính sách như: Hợp đồng giáo viên để thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ; chính sách hỗ trợ đối với cán bộ được cử đi đào tạo để nâng cao trình độ...

Sở Kế hoạch và Đầu tư đáp ứng yêu cầu thủ tục kịp thời báo cáo các bộ, ngành Trung ương bổ sung vốn đầu tư cho các yêu cầu đột xuất của tỉnh như: Chuẩn bị kỷ niệm 50 năm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ và các công trình phục vụ cho việc nâng cấp thị xã lên thành phố. Làm việc với các huyện và các ngành về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hằng năm và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm tiếp theo; riêng năm 2003, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2004 cho 2 tỉnh Điện Biên và Lai Châu.

Phối hợp với các ngành giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao để giao kế hoạch chi tiết về hỗ trợ sách giáo khoa, giấy vở viết, hỗ trợ nhà ở giáo viên, hỗ trợ các đoàn nghệ thuật... Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai chương trình kiên cố trường lớp học và phân bổ vốn. Tham mưu chỉ đạo điều hành kế hoạch góp phần tháo gỡ kịp thời những vướng mắc, tồn đọng trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đối với ngành và huyện, thị.

Việc phối hợp, lồng ghép các nguồn vốn đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu giao kế hoạch ngay từ đầu năm tạo điều kiện phát huy hiệu quả tổng hợp của các nguồn vốn. Tổ chức hướng dẫn lồng ghép các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án từ nguồn vốn tài trợ, cho vay.

Từ năm 1992 đến năm 2002, Lai Châu đã thu hút được 17 dự án sử dụng nguồn vốn ODA song phương và đa phương với tổng mức vốn đầu

tư là 947.145 triệu đồng, vốn ODA là 744.329 triệu đồng (trong đó: vốn vay là 245.086 triệu đồng chiếm 32%; vốn viện trợ là 499.243 triệu đồng chiếm 68%). Tổng số 17 dự án, chủ yếu là dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng; các dự án thuộc lĩnh vực dân số, y tế, giáo dục còn ít. Các dự án sử dụng vốn ODA đều có thời gian thực hiện dự án trung và dài hạn. Nhìn chung, số vốn ODA do các tổ chức quốc tế đa phương và song phương cung cấp cho các dự án trên địa bàn của tỉnh còn ít, chưa đáp ứng được nhu cầu về vốn cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương; việc quản lý, sử dụng nguồn vốn này đã tuân thủ theo các quy định trong hiệp định và tuân theo pháp luật của Việt Nam, nguồn vốn được đầu tư đúng mục đích và có hiệu quả.

Việc huy động và quản lý nguồn lực được quan tâm, tham mưu phân bổ vốn đảm bảo minh bạch đáp ứng các yêu cầu đầu tư bức xúc nhất. Tổng hợp danh mục dự án đầu tư, phân bổ các nguồn vốn, theo dõi tiến độ thực hiện và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời. Riêng năm 2003, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 324 báo cáo đầu tư; phê duyệt đề nghị đấu thầu 54 gói thầu và chỉ định thầu cho 197 gói thầu.

Tham mưu cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư cho 17 dự án. Phối hợp với quỹ hỗ trợ đầu tư lập kế hoạch hỗ trợ lãi suất cho 6 dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Quản lý doanh nghiệp và cấp đăng ký kinh doanh đảm bảo hồ sơ, thủ tục, số doanh nghiệp đăng ký mới tăng nhanh. Thực hiện phân cấp trong đăng ký kinh doanh, cấp tỉnh: Sở Kế hoạch và Đầu tư có chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, đăng ký kinh doanh và cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phối hợp với các ngành kiểm tra hoạt động doanh nghiệp sau đăng ký kinh doanh, tổng hợp báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, xây dựng hệ thống thông tin về quản lý doanh nghiệp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp... Cấp huyện: Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 59/CV-UB, ngày 20/3/2000 về việc tạm giao nhiệm vụ đăng ký kinh doanh cho phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã với chức năng, nhiệm vụ về công tác đăng ký kinh doanh.

Kết quả cấp đăng ký kinh doanh từ ngày 01/01/2000 đến ngày 31/12/2002, 87 doanh nghiệp tư nhân, 17 công ty TNHH 2 thành viên trở lên, 4.069 hộ kinh doanh cá thể đăng ký theo Luật Doanh nghiệp.

Sự phát triển các doanh nghiệp đã đóng góp và giải quyết việc làm thường xuyên cho khoảng 3.000 người lao động. Riêng năm 2003, cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho gần 100 doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH có từ 2 thành viên trở lên, công ty cổ phần, bổ sung đăng ký kinh doanh và đáp ứng các thủ tục về lập văn phòng đại diện và chi nhánh cho nhiều doanh nghiệp khác trong và ngoài tỉnh. Nhìn chung các doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân chấp hành nghiêm những quy định về đăng ký kinh doanh, trong quá trình hoạt động tuân thủ đúng quy định về hồ sơ doanh nghiệp, pháp lệnh kế toán thống kê. Nhưng bên cạnh đó việc thực hiện chế độ kế toán, thống kê phần lớn các doanh nghiệp ít nhiều còn sai sót<sup>1</sup>.

Ngày 28/01/2002, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Thông báo số 79-TB/TU về chủ trương thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; ngày 09/12/2002, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Thông báo số 129-TB/TU về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn, thành lập Ban Đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước tỉnh (Quyết định số 642/QĐ-UB); thành lập Tổ chuyên viên giúp việc Ban Chỉ đạo Đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước (Quyết định số 202/QĐ-UB, ngày 20/02/2002); xây dựng Chương trình hành động của tỉnh về sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2001 - 2005 và giai đoạn 2005 - 2010; xây dựng Đề án tổng thể sắp xếp doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu trực tiếp quản lý giai đoạn 2002 - 2005, được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Ngày 11/3/2003, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 241/QĐ-UB về phê duyệt kế hoạch sắp xếp doanh nghiệp nhà nước năm 2003. Ngày 15/4/2003, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2003/QĐ-TTg về việc phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước tỉnh Lai Châu năm 2005. Có 15 doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp, chuyển đổi theo Đề án.

Căn cứ Chương trình hành động số 09/NQ-TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) về “Tiếp

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 19/BC-UB, ngày 08/4/2003, Báo cáo kết quả 3 năm thi hành Luật Doanh nghiệp.

tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” và Luật Hợp tác xã đã được Quốc hội thông qua có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/1997 và các nghị định của Chính phủ, xuất phát từ thực trạng tình hình hoạt động của các hợp tác xã trong tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thực hiện chương trình hành động “Tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” trong phạm vi toàn tỉnh từ năm 2002 - 2005. Với mục tiêu đưa kinh tế tập thể (kinh tế hợp tác và hợp tác xã) thoát khỏi những yếu kém hiện tại, phấn đấu có bước tăng trưởng cả về số lượng, về vốn, lao động, tiến tới có tỷ trọng ngày càng cao hơn trong GDP của nền kinh tế tỉnh nhà. Mục tiêu cụ thể đến hết năm 2005: Có từ 100 - 120 hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã và 90 - 100 đơn vị kinh tế tập thể hoạt động dưới các hình thức đa dạng khác (tổ hợp tác, hội nghề nghiệp....). Tỷ trọng của kinh tế tập thể chiếm 3,5% trong GDP toàn tỉnh; tốc độ tăng trưởng bình quân 8%/năm.

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh điều hành thực hiện các mục tiêu và cân đối chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng. Căn cứ Chỉ thị số 15/1998/CT-TTg, ngày 28/3/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh ở các xã, phường biên giới, hải đảo và thực hiện văn bản số 445/CV-UB, ngày 09/6/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc sơ kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 15 của Thủ tướng Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các huyện biên giới và các ngành liên quan tổng hợp, báo cáo tình hình 5 năm thực hiện. Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu triển khai thực hiện Chỉ thị bằng cách lồng ghép nguồn vốn của các dự án, chương trình khác như chương trình mục tiêu giáo dục, chương trình phủ sóng phát thanh - truyền hình, nguồn viện trợ ODA, nguồn hỗ trợ ngân sách theo Quyết định 186 của Thủ tướng Chính phủ, nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung và đặc biệt là vốn Chương trình 135... để tập trung nguồn lực cho các nội dung về hỗ trợ sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển giáo dục, y tế, văn hóa... mang lại kết quả tích cực. Tuy nhiên, quá trình đầu tư còn chưa đạt hiệu quả mong muốn, việc đầu tư còn chông chéo ở một số chương trình. Việc hỗ trợ phát triển mới nặng về hỗ trợ vật chất. Công tác khuyến nông, khuyến lâm để giúp

đồng bào chuyển đổi phương thức canh tác, thay đổi tập quán sản xuất còn chưa đáp ứng yêu cầu.

Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện nghiêm túc. Cán bộ nghiệp vụ thường xuyên đi cơ sở để chỉ đạo, tháo gỡ vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các dự án trọng điểm của tỉnh. Lãnh đạo Sở tham gia các đoàn công tác cùng với các đồng chí lãnh đạo tỉnh, kiểm tra tại các huyện, thị. Đồng thời, duy trì tốt mối quan hệ với các bộ, ngành Trung ương để tranh thủ sự giúp đỡ trong triển khai nhiệm vụ.

Để từng bước hoàn thiện đội ngũ công chức theo tiêu chuẩn của Ban Tổ chức Chính phủ và Pháp lệnh Cán bộ, công chức, công tác đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho công chức đã được Ban lãnh đạo Sở đặc biệt quan tâm tạo mọi điều kiện thuận lợi. Trong năm 2003, có 4 công chức đã tốt nghiệp lớp đại học tài chính - kế toán hệ tại chức và được bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên; 1 công chức theo học lớp đại học từ xa chuyên ngành luật kinh tế; 2 công chức theo học lớp cao cấp lý luận chính trị, trung cấp lý luận chính trị.

Tích cực giáo dục công đoàn viên thực hiện nghiêm túc đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quan tâm bồi dưỡng, giới thiệu những đoàn viên ưu tú cho tổ chức Đảng. Việc nghiên cứu, học tập quán triệt các nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước được chú trọng, tổ chức dưới nhiều hình thức từ học tập trung đến tự nghiên cứu, tham gia dự thi cuộc thi tìm hiểu do tỉnh tổ chức đã đem lại nhiều hiệu quả thiết thực.

Có những hoạt động thiết thực chăm lo đến đời sống của công đoàn viên góp phần giảm bớt những khó khăn trong đời sống, sinh hoạt. Thường xuyên tổ chức hoạt động câu lạc bộ thể dục thể thao tham gia các cuộc thi đấu do các tổ chức đoàn thể của tỉnh phát động. Cơ quan, chi bộ và các đoàn thể thường xuyên quan tâm đến các đối tượng thuộc diện chính sách xã hội như: Gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thăm hỏi các cán bộ hưu trí lúc ốm đau, ngày lễ, ngày Tết.

Công tác bảo mật được duy trì, đảm bảo các quy định bảo mật của Nhà nước, thực hiện tốt nội quy, quy chế của cơ quan. An ninh trật tự trong cơ quan được đảm bảo, công tác bảo vệ cơ quan được chú ý, không để những sự việc đáng tiếc xảy ra. Đội ngũ dân quân tự vệ luôn được

củng cố cả về xây dựng lực lượng, luyện tập, quản lý và sử dụng vũ khí. Khi có yêu cầu của cấp trên tự vệ cơ quan đã đáp ứng kịp thời và nhanh chóng. Kế hoạch và phương án bảo vệ cơ quan được duy trì và bổ sung thường xuyên đáp ứng yêu cầu sẵn sàng chiến đấu trong thời kỳ mới.

Tổ chức, bộ máy của Sở thường xuyên được kiện toàn. Năm 1996, ông Ngô Văn Hưng được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Sở; đến năm 2002, ông Nguyễn Đăng Đạo được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Sở; từ năm 1997 - 2000 có các ông: Nguyễn Thế Nghĩa, Trần Đình Trại được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc. Năm 2003, Sở được bổ nhiệm 2 đồng chí Phó Giám đốc Sở, bổ nhiệm lại 4 đồng chí trưởng phòng, bổ nhiệm mới 2 đồng chí trưởng phòng và bổ nhiệm mới 7 phó phòng. Ban Giám đốc Sở gồm có ông Nguyễn Đăng Đạo, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu; 3 Phó Giám đốc: ông Nguyễn Thế Nghĩa, ông Lê Trọng Quảng, ông Hoàng Tiến Dũng. Tổ chức bộ máy gồm 6 phòng: phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Tổng hợp - Kinh tế quốc dân, phòng Doanh nghiệp - Hợp tác đầu tư, phòng Công nghiệp - Thương mại, phòng Văn xã, phòng Nông nghiệp - Phát triển nông thôn.

Trong giai đoạn 1986 - 2003, thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Ủy ban kế hoạch (Sở Kế hoạch và Đầu tư) đã tích cực tham mưu thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các kế hoạch giai đoạn 5 năm, triển khai hiệu quả nhiều chủ trương, chính sách lớn của Đảng như Chương trình 135; Chương trình 661; thực hiện Quyết định 186 về ổn định dân cư và khai hoang 10 nghìn ha ruộng bậc thang ở Lai Châu; Quyết định 35 về xây dựng trung tâm cụm xã; Quyết định 143 về xóa đói giảm nghèo giai đoạn II, chương trình định canh, định cư... Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch, kế hoạch, quan tâm sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hoạt động hiệu quả... Qua đó, góp phần vào việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, tạo nền móng vững chắc để tỉnh bước vào giai đoạn cách mạng mới.

## **Chương V**

# **NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU ĐỔI MỚI, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG, GÓP PHẦN THỰC HIỆN THÀNH CÔNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI QUA CÁC THỜI KỲ (2004 - 2023)**

### **I. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TÍCH CỰC THAM MƯU TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GÓP PHẦN THỰC HIỆN MỤC TIÊU ĐƯA LAI CHÂU CƠ BẢN RA KHỎI TÌNH TRẠNG TỈNH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (2004 - 2010)**

Ngày 26/11/2003, Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4 đã ra Nghị quyết số 22/2003/QHXI “về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh”, theo đó, từ ngày 01/01/2004, tỉnh Lai Châu cũ được chia thành 2 tỉnh Điện Biên và Lai Châu. Ngày 10/01/2004, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân lâm thời, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức trọng thể lễ ra mắt các cơ quan lãnh đạo tỉnh trong không khí phấn khởi, tin tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Sau khi chia tách, thành lập, Lai Châu là tỉnh nghèo, khó khăn nhất so với cả nước, nền kinh tế - xã hội của tỉnh ở điểm xuất phát thấp, tỷ lệ đói nghèo cao. Để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn mới, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh xây dựng định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2005 - 2010 và tầm nhìn đến năm 2020; ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 9 (khóa IX) “về một số chủ trương, chính sách, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng”.

Ngành Kế hoạch và Đầu tư đã bám sát các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Chính phủ, Tỉnh ủy, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, xác định trách nhiệm to lớn của ngành để hoàn thành các mục tiêu của tỉnh. Toàn thể cán bộ,



công chức, viên chức của ngành đã nỗ lực phấn đấu, năng động, sáng tạo, tích cực tham mưu và triển khai toàn diện các nhiệm vụ, đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Trong giai đoạn này, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh, Tỉnh ủy nhiều chủ trương lớn, vừa giải quyết vấn đề cấp thiết trước mắt, vừa có tính phát triển lâu dài, hướng đi bền vững của tỉnh, đảm bảo cân đối giữa các ngành, lĩnh vực và nguồn lực thực hiện.

Xuất phát từ thực tiễn, Đảng bộ tỉnh xác định xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm đối với tỉnh Lai Châu là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa to lớn cả về chính trị, kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh. Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các ngành tham mưu dự thảo Nghị quyết về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm giai đoạn 2004 - 2010 và được Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh thông qua (Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 07/02/2004). Theo đó, các mục tiêu cụ thể được xác định rõ: Đến năm 2010, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng GDP là 14 - 15%/năm; thu nhập bình quân đầu người từ 4 - 5 triệu đồng, gấp 3 lần năm 2002; thu ngân sách 200 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế đạt: nông - lâm nghiệp 32%, công nghiệp - xây dựng 35%, dịch vụ 33%. Đồng thời, xác định cơ cấu kinh tế ngành đến năm 2005: Tỷ trọng kinh tế nông - lâm nghiệp 39%, tỷ trọng kinh tế công nghiệp - xây dựng 30%, tỷ trọng dịch vụ 31%. Đây là Nghị quyết có ý nghĩa to lớn cả về chính trị, kinh tế - xã hội và quốc phòng, giải quyết vấn đề cấp thiết của tỉnh. Quan điểm chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh là chương trình xóa đói giảm nghèo được lồng ghép với các chương trình quốc gia khác và Chương trình 500 bản đặc biệt khó khăn. Đồng thời, phải có chương trình riêng về trợ giúp trực tiếp người nghèo, vùng nghèo. Xây dựng chính sách xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm theo phương châm Nhà nước hỗ trợ, các tổ chức quần chúng giúp đỡ, hộ nghèo phải nỗ lực vươn lên. Phân công rõ trách nhiệm cho các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể quần chúng với phương châm là “tỉnh nắm xã, huyện nắm bản, xã nắm đến hộ dân”.

Ngày 01/7/2004, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 37/NQ-TW “Về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010”. Tỉnh ủy đã

chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể tích cực tuyên truyền, học tập, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 37-NQ/TW sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy thông qua Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW (Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 06/6/2005 của Tỉnh ủy). Tỉnh ủy đã yêu cầu các cấp ủy đảng, Ban Cán sự Đảng đoàn xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo thiết thực, hiệu quả.

Chương trình hành động của tỉnh nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 37-NQ/TW vào điều kiện thực tế của tỉnh Lai Châu, làm cơ sở xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2020, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2006 - 2010). Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng 55 đề án và các dự án cụ thể thực hiện Nghị quyết và chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh. Trong 5 năm (2006 - 2010), Đảng bộ tỉnh đã xác định 10 chương trình trọng điểm để tập trung chỉ đạo tổ chức thực hiện có kết quả, tạo động lực cho sự phát triển chung của tỉnh<sup>1</sup>.

Ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh “Định hướng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2005 - 2010 và tầm nhìn đến năm 2020”, định hướng có giá trị quan trọng trong việc xác định các mục tiêu, ưu tiên và hướng phát triển của tỉnh. Theo đó, những định hướng lớn, nhiệm vụ trọng tâm cấp bách về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2005 - 2010 của tỉnh là: (1) Tập trung vào giải quyết vấn đề đói nghèo, đặc biệt là vùng cao, các dân tộc đặc biệt khó khăn, phấn đấu mỗi năm giảm từ 6 - 8% số hộ đói nghèo, đến năm 2005 tỷ lệ đói nghèo còn dưới 20%. (2) Phát triển cơ sở hạ tầng và kinh tế - xã hội của các xã biên giới Việt - Trung. Đẩy nhanh việc đầu tư xây dựng các tuyến đường đến

---

1. Các chương trình: xóa đói giảm nghèo; trồng rừng kinh tế; phát triển chăn nuôi đại gia súc và nuôi trồng thủy sản; tái định cư thủy điện Sơn La và các thủy điện khác; phát triển giao thông nông thôn và vận tải; phát triển hàng xuất khẩu; phổ cập trung học cơ sở, đào tạo nguồn nhân lực; bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở; đào tạo cán bộ dân tộc; chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân.

trung tâm các xã biên giới, đường vành đai biên giới, đường ra biên giới, đường tuần tra biên giới. Đưa dân ra biên giới để phát triển kinh tế ở các nơi có điều kiện vừa khai thác tiềm năng, vừa bảo vệ chủ quyền biên giới, vừa tăng cường quan hệ hợp tác phát triển trên tuyến biên giới Việt - Trung. (3) Đẩy nhanh việc xây dựng hạ tầng Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, phát huy lợi thế là tỉnh biên giới, có cửa khẩu, phát triển kinh tế đối ngoại với Trung Quốc, mà trực tiếp là châu Hồng Hà, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. (4) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng tỉnh lỵ, huyện lỵ, các thị tứ, trung tâm cụm xã, hình thành hệ thống đô thị thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội đáp ứng nhu cầu về phát triển hệ thống chính trị, kinh tế, giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, từng bước đô thị hóa nông thôn. (5) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuẩn bị và thi công các công trình thủy điện lớn của quốc gia đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng; chủ động phối hợp với các bộ, ngành Trung ương, làm tốt công tác quy hoạch tái định cư, tổ chức tái định cư cho nhân dân vùng lòng hồ đúng tiến độ, nhanh chóng ổn định đời sống và phát triển cơ sở hạ tầng, từng bước tạo môi trường sống và sản xuất tốt hơn nơi ở cũ<sup>1</sup>. (6) Thực hiện có hiệu quả chương trình khai hoang, tăng vụ, thâm canh. Đảm bảo an ninh lương thực, thực phẩm, nhất là phát triển chăn nuôi trâu bò, đồng thời tạo nguồn lương thực, thực phẩm hàng hóa cung cấp cho các công trường xây dựng thủy điện Sơn La, Bản Chát, Huội Quảng, Nậm Nhùn trong những năm tới. Phát triển cây chè, thảo quả, dược liệu, hoa quả nhiệt đới ở các vùng núi cao, hình thành các điểm nông nghiệp - du lịch sinh thái như: Giang Ma, cao nguyên Sìn Hồ, Dào San... Tăng cường khoanh nuôi, bảo vệ rừng tự nhiên, đẩy mạnh trồng rừng kinh tế và phát triển công nghiệp chế biến lâm nghiệp, nhanh chóng tăng tỷ lệ che phủ rừng để đảm bảo an toàn và phát huy hiệu quả những công trình thủy điện lớn của quốc gia. (7) Tổ chức, nghiên cứu đánh giá tiềm năng khoáng sản, có kế hoạch để tổ chức đầu tư, khai thác, chế biến khoáng sản, đưa ngành khai thác chế biến khoáng sản

---

1. Công trình thủy điện Sơn La: Tái định cư cho 4.000 hộ (trong đó tái định cư trên địa bàn tỉnh 2.500 hộ, tiếp nhận dân thị xã Lai Châu - tỉnh Điện Biên 1.500 hộ); công trình thủy điện Nậm Nhùn 1.200 hộ; công trình thủy điện Bản Chát 2.000 hộ; công trình thủy điện Huội Quảng 500 hộ.

thành ngành kinh tế mạnh của tỉnh. (8) Đẩy nhanh quy hoạch và gọi vốn đầu tư xây dựng các công trình thủy điện nhỏ, cùng với các công trình thủy điện lớn của quốc gia, đưa Lai Châu thành tỉnh có nguồn điện năng lớn của đất nước. (9) Phát triển công nghiệp... chuyển nền kinh tế thuần nông sang nền kinh tế hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xác định ý nghĩa, tầm quan trọng của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2005 - 2010, Đại hội đầu tiên sau chia tách, thành lập tỉnh mới. Việc xác định các chỉ tiêu, nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của tỉnh. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các ngành, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, tham mưu Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh trình Tỉnh ủy nội dung báo cáo phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, chương trình trọng điểm để phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2010. Các vấn đề được xây dựng có căn cứ khoa học, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương và phù hợp với thực tiễn của tỉnh, đảm bảo tính cân đối giữa các ngành, lĩnh vực và nguồn lực thực hiện. Các nội dung tham mưu đã được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XI, nhiệm kỳ 2005 - 2010 thông qua. Đại hội đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2010: Tốc độ tăng GDP 14 - 15%/năm; thu ngân sách trên địa bàn trên 160 tỷ đồng; tái định cư thủy điện Sơn La và các thủy điện khác 6.000 - 7.000 hộ; tỷ lệ hộ nghèo dưới 30%...

Đồng thời, Nghị quyết đề ra 6 chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm: (1) Chương trình xóa đói giảm nghèo. (2) Chương trình phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. (3) Chương trình tái định cư thủy điện Sơn La và các thủy điện khác. (4) Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu. (5) Chương trình đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị. (6) Chương trình bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Để tổ chức, thực hiện có hiệu quả những mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2005 - 2010, Đại hội đề ra 10 giải pháp lớn, trong đó có nhiều giải pháp liên quan tới công tác kế hoạch và đầu tư như: "... Triển khai thực hiện việc cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh thành các chương trình, kế hoạch

cụ thể, phù hợp với từng ngành, từng địa phương để tổ chức triển khai thực hiện. Các cấp ủy, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội căn cứ chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế để xây dựng, triển khai thực hiện chương trình cụ thể hóa nghị quyết bằng chương trình làm việc, xây dựng cơ chế, chính sách, các chương trình, dự án để tổ chức chỉ đạo thực hiện”. “Tập trung lãnh đạo và đổi mới công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch, xây dựng quy hoạch chi tiết, kế hoạch hằng năm, quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm hàng hóa, quy hoạch vùng, điểm và tổ chức thực hiện theo quy hoạch, kế hoạch”. “Xây dựng chính sách thu hút để huy động tối đa mọi nguồn lực tập trung cho sự phát triển kinh tế - xã hội. Huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của Nhà nước, vốn các chương trình mục tiêu, xúc tiến đầu tư vào khai thác các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, hoàn chỉnh chính sách thu hút đầu tư... tập trung các nguồn lực đầu tư cho yêu cầu phát triển, nhất là sản xuất hàng hóa, dịch vụ, cửa khẩu, khai thác chế biến khoáng sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, các vùng, điểm kinh tế đã xác định và các chương trình dự án kinh tế - xã hội trọng điểm. Quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư”. “Rà soát, điều chỉnh, bổ sung và ban hành mới các chính sách, vận dụng chính sách của Trung ương phù hợp với yêu cầu và tình hình thực tế của địa phương”...

Để khai thác tối đa các nguồn nội lực, kết hợp với sự hỗ trợ của Trung ương và cả nước, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, từng bước rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển so với các tỉnh trong khu vực và phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu thời kỳ 2006 - 2010<sup>1</sup>, với những nội dung chủ yếu: “Đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế; cải thiện rõ rệt hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội; phát huy lợi thế về cửa khẩu, các tài nguyên khoáng sản, thủy điện, đất đai, khí hậu để phát triển các ngành kinh tế; tập trung xóa đói giảm nghèo, hoàn thành cơ bản định canh, định cư; bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; bảo đảm

---

1. Được Thủ tướng Chính phủ thông qua tại Quyết định số 87/2006/QĐ-TTg, ngày 20/4/2006.

quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia. Giai đoạn 2006 - 2010, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, đưa Lai Châu cơ bản ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, rút ngắn khoảng cách phát triển so với các tỉnh trong vùng và trong cả nước. Đến năm 2020 thoát khỏi tình trạng tỉnh kém phát triển”. Quy hoạch có giá trị và ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng phát triển tỉnh, xác định mục tiêu cụ thể, tối ưu hóa sử dụng tài nguyên, quản lý nguồn lực và đầu tư tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên, thu hút đầu tư, đảm bảo sự phát triển bền vững cho tỉnh. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2006 - 2020 đã được ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh phối hợp với Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng trên cơ sở các nhiệm vụ và mục tiêu mà Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị đề ra. Quy hoạch đã xác định rõ phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; định hướng và xác định lĩnh vực cần ưu tiên tập trung đầu tư đối với các ngành sản xuất kinh doanh, đề ra các chính sách để thúc đẩy các thành phần kinh tế đầu tư phát triển; xác định rõ các chương trình, dự án, thứ tự ưu tiên thực hiện trong kế hoạch 5 năm (2006 - 2010); nhu cầu về vốn và cơ chế cho từng chương trình, dự án, các giải pháp cơ chế chính sách. Quy hoạch đã xác định 21 chỉ tiêu chủ yếu trong giai đoạn 2006 - 2010, gắn kết chặt chẽ với chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2005 - 2010, trong đó có nhiều chỉ tiêu quan trọng mà ngành phải tham mưu triển khai thực hiện.

Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 6 tháng, cả năm và kế hoạch trong thời gian tiếp theo trình Tỉnh ủy, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Đồng thời, giao chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của tỉnh cho các ngành, địa phương, hướng dẫn các sở, ngành, các huyện triển khai xây dựng kế hoạch thực hiện. Thường xuyên phối hợp nắm bắt tình hình thực tế ở cơ sở và triển khai, đôn đốc việc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch giao, từ đó kiến nghị, đề xuất giải pháp thực hiện kế hoạch. Phối hợp với các sở, ngành, huyện, thị, các phòng chức năng, đặc biệt là Cục Thống kê tỉnh, Kho bạc tỉnh, Sở Tài chính rà soát chính thức các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội,

vốn đầu tư của năm trước làm cơ sở cho công tác điều hành kế hoạch năm hiện tại và xây dựng kế hoạch năm sau. Tham mưu tốt trong việc điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước. Công tác quản lý vốn đầu tư đã được thực hiện tốt, đảm bảo quản lý vốn theo đúng quy định, số liệu chính xác, tổng hợp tình hình nợ đọng vốn, phân bổ chi tiết vốn, điều chỉnh vốn đầu tư theo đúng chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ. Tổng hợp quyết toán vốn, lên phương án phân bổ vốn kết dư, phân bổ chi tiết các nguồn vốn và nguồn vốn ứng kế hoạch năm.

Công tác quy hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ yêu cầu công tác, lao động, học tập trước mắt và lâu dài được tỉnh xác định là nhiệm vụ quan trọng, tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành bằng nội lực và hỗ trợ của Nhà nước về mọi mặt tổ chức xây dựng trung tâm tỉnh lỵ, trung tâm các huyện trong tỉnh; xây dựng các công trình thủy lợi, làm đường giao thông, xây dựng hệ thống điện, nước, trường học, bệnh viện, xây dựng trụ sở làm việc của các cơ quan Đảng, chính quyền tỉnh và huyện. Vì vậy, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tập trung tham mưu xây dựng quy hoạch thị trấn Phong Thổ tại Pa So, quy hoạch thị trấn Tam Đường tại Bình Lư, quy hoạch điểm tái định cư thuộc thủy điện Sơn La, Lai Châu; phối hợp với Viện Chiến lược phát triển rà soát quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội khu vực 9 xã cao nguyên Sìn Hồ; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội khu vực 9 xã vùng thấp Sìn Hồ; thẩm định các quy hoạch: phát triển kinh tế - xã hội 9 xã vùng cao và 9 xã vùng thấp, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tam Đường giai đoạn 2007 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020. Hoàn thành thẩm định quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thị xã Lai Châu giai đoạn 2007 - 2015 và tầm nhìn đến năm 2020 trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Xây dựng đề án phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh - quốc phòng 21 xã biên giới của tỉnh Lai Châu, được Tỉnh ủy thông qua (Nghị quyết số 16/NQ-TU, ngày 16/7/2007). Quy hoạch một số ngành, lĩnh vực như: Quy hoạch phát triển công nghiệp, quy hoạch một số vùng sản xuất tập trung chuyên canh để sản xuất hàng hóa, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch giao thông, thủy lợi, thương mại, du lịch, mặc dù các quy hoạch đã được xây dựng từ trước khi chia tách, thành lập tỉnh nhưng



ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu rà soát, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh Lai Châu (mới)<sup>1</sup>.

Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2006 - 2020, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tập trung tham mưu cho tỉnh phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành Trung ương xây dựng, rà soát, bổ sung các kế hoạch, quy hoạch các ngành, lĩnh vực của tỉnh như: kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (giai đoạn 2006 - 2010); rà soát quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010; quy hoạch khu, cụm công nghiệp; quy hoạch phát triển điện lực; quy hoạch phát triển thủy điện nhỏ; quy hoạch cơ sở hạ tầng du lịch; quy hoạch chi tiết khu du lịch cao nguyên Sìn Hồ; rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển giao thông; quy hoạch phát triển thủy lợi; quy hoạch phát triển hệ thống chợ - trung tâm thương mại; quy hoạch xây dựng đô thị... đảm bảo phù hợp với quy hoạch ngành, lĩnh vực của các bộ, ngành Trung ương, làm cơ sở triển khai thực hiện nghị quyết và chương trình hành động của tỉnh Lai Châu.

Hoạt động xây dựng cơ bản được ngành Kế hoạch và Đầu tư tập trung tham mưu, triển khai và có bước phát triển khá. Tổng vốn đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội trong 3 năm (2005 - 2008) gần 5.000 tỷ đồng. Do vậy, tốc độ xây dựng phát triển mạnh, tiến độ đầu tư và thi công một số công trình nhanh, chất lượng cao. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị thị xã Lai Châu và thị trấn các huyện mới: Than Uyên, Mường Tè, Tam Đường, Phong Thổ, khu kinh tế cửa khẩu và nhiều cụm xã... Đã hoàn thành việc xây dựng và đưa vào sử dụng trung tâm hội nghị tỉnh. Các cơ sở phát thanh, truyền hình, văn hóa, thể thao... tiếp tục được đầu tư nâng cấp và xây dựng mới. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, thông tin liên lạc, trường học, bệnh viện... được đầu tư xây dựng; nhiều công trình phát huy rõ hiệu quả như Đài Truyền hình tỉnh, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống thủy lợi ở huyện Than Uyên, huyện Tam Đường. Tập trung đầu tư nâng cấp các tuyến đường giao thông quan trọng: đường 4D tránh qua thị xã Lai Châu, nâng cấp một số đoạn Quốc lộ 12, 4D, một số tuyến đường tỉnh lộ, đường vành đai và đường tuần tra biên giới, đường đến trung tâm

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu (1945 - 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia.

xã. Đến năm 2008, đã có 93/98 xã (năm 2004 có 86/90 xã) có đường đến trung tâm xã, trong đó có 61 xã đi lại được 4 mùa trong năm. Hệ thống lưới điện được mở rộng. Trong 3 năm, tỉnh đã đầu tư 400km đường điện nông thôn, có thêm gần 30 nghìn hộ dân được dùng điện, nâng tổng số xã có điện lên 73 xã, tăng 39 xã so với năm 2005, tỷ lệ hộ dùng điện được nâng lên 50%. Đầu tư xây dựng 173 công trình cấp nước sinh hoạt cho nông thôn đáp ứng nhu cầu cho gần 87.000 người, nâng tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch lên 69%, tỷ lệ dân nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh 49%. Đầu tư xây dựng được 6 điểm bưu điện văn hóa xã, tổng số xã có điểm bưu điện văn hóa là 69/98 xã. Cùng với sự phát triển của ngành bưu chính viễn thông tỉnh, các dịch vụ thông tin liên lạc khác Viettel, Vina... được mở rộng tới các địa bàn trong tỉnh phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin liên lạc của các tầng lớp nhân dân. Cơ sở vật chất của hệ thống trường học, bệnh viện từ tỉnh đến huyện, xã được đầu tư xây dựng và nâng cấp, xây dựng mới kiên cố và bán kiên cố 2.856 phòng học cho học sinh các cấp, 655 phòng ở cho giáo viên. Đầu tư nâng cấp một số trạm y tế xã, đến cuối năm 2008 toàn tỉnh có 60% số trạm y tế xã được xây dựng kiên cố, 31% trạm y tế đạt chuẩn quốc gia. Các công trình xây dựng đảm bảo quy hoạch, chất lượng<sup>1</sup>.

Thực hiện tốt việc thẩm định các dự án, báo cáo kinh tế kỹ thuật cơ bản đảm bảo chất lượng và hiệu quả, thực hiện đúng chủ trương và giảm thấp nhất thất thoát, lãng phí trong đầu tư xây dựng cơ bản. Riêng năm 2007, phát hành trên 500 các loại văn bản thẩm định: Thẩm định dự án, thẩm định đấu thầu, chỉ thầu, kết quả trúng thầu; thẩm định điều chỉnh bổ sung các dự án do thay đổi cơ chế chính sách, điều chỉnh nội dung dự án đúng quy định của Nhà nước; thẩm định đề cương, dự toán, dự án quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư, thẩm định hợp đồng xây lắp. Thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch thủy lợi, giao thông, đề cương quy hoạch bưu chính viễn thông, khai thác thăm dò khoáng sản, rà soát bổ sung quy hoạch bố trí sắp xếp lại dân cư, nước sạch và vệ sinh môi trường, đề án nâng cao chất lượng dân số cho các dân tộc Cống, Mảng, La Hủ, Si La tỉnh Lai Châu giai đoạn 2007 - 2015. Thẩm định quy hoạch du lịch tỉnh Lai Châu. Phối hợp

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu (1945 - 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia.

với ngành nông nghiệp thực hiện rà soát 3 loại rừng, quy hoạch dân du canh, du cư, quy hoạch cây cao su và hỗ trợ 5 dân tộc đặc biệt khó khăn. Thực hiện tốt cơ chế phối hợp với các sở trong việc thực hiện công tác thẩm định dự án và hoàn thành công việc đột xuất theo sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tập trung tham mưu chỉ đạo đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các thành phần kinh tế với phương châm: Các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng trước pháp luật, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và hỗ trợ các thành phần kinh tế khác cùng phát triển. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 38/2006/QĐ-UBND, ngày 25/5/2006 về việc phê duyệt kế hoạch phát triển kinh tế tập thể tỉnh Lai Châu giai đoạn 2006 - 2010, đồng thời thành lập Ban Chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể của tỉnh, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã và các chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND, ngày 06/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Hằng năm, tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tổ chức, hướng dẫn các thành phần kinh tế phát triển đúng hướng, góp phần đáng kể vào việc đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Tỉnh đã có những chính sách mới và làm tốt công tác tư vấn, giúp các hợp tác xã lựa chọn những phương án, hình thức sắp xếp kinh doanh phù hợp, mở mang thêm ngành nghề, mở rộng sản xuất kinh doanh, thu hút ngày càng nhiều hộ gia đình, các tổ chức hợp tác tự nguyện tham gia hợp tác. Năm 2008, toàn tỉnh có 93 hợp tác xã, tăng 44 hợp tác xã so với năm 2005, góp phần cùng kinh tế nhà nước làm nền tảng vững chắc cho kinh tế toàn tỉnh phát triển. Kinh tế cá thể được xác định là thành phần kinh tế có vị trí quan trọng lâu dài và được tỉnh khuyến khích, tạo điều kiện, giúp đỡ phát triển. Kinh tế hộ, kinh tế trang trại có bước phát triển tích cực, tỉnh đã có gần 200 trang trại đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, phát triển theo hướng tổng hợp, đa ngành nghề, khai hoang ruộng nước kết hợp với trồng cây ăn quả, chăn nuôi, nghề rừng. Tuy nhiên, thời điểm này kinh tế tập thể còn một số hạn chế, khó khăn, quy mô nhỏ, vốn ít, đa số xã viên chưa được đào tạo nghề.

Quán triệt và thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 20/01/2008 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường lãnh đạo thực hiện Nghị

quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể”, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu dự thảo Chỉ thị về “Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh” được Tỉnh ủy thông qua (Chỉ thị số 34-CT/TU, ngày 04/4/2008). Tỉnh ủy chỉ đạo Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các chủ trương, chính sách đồng bộ, phù hợp, tạo điều kiện để các hợp tác xã, tổ hợp tác được tiếp cận và sử dụng có hiệu quả các chính sách. Đến cuối năm 2009, khu vực kinh tế tập thể đã góp phần quan trọng tạo ra sản phẩm hàng hóa, đáp ứng được một phần nhu cầu của nhân dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế trang trại, kinh tế hộ phát triển, góp phần xóa đói giảm nghèo theo Nghị quyết số 05 của Tỉnh ủy. Toàn tỉnh có 158 hợp tác xã, tăng 109 hợp tác xã so với năm 2005, tăng 73 hợp tác xã (tương ứng tăng 185%) so với kế hoạch giai đoạn 2006 - 2010. Bình quân mỗi năm thành lập mới 22 hợp tác xã (tăng 21,1%/năm). Khu vực kinh tế tập thể đã thu hút 1.731 xã viên và 2.415 lao động tham gia. Doanh thu của khu vực kinh tế tập thể năm 2009 đạt trên 130 tỷ đồng, lợi nhuận đạt trên 11 tỷ đồng. Kinh tế tập thể đóng góp trên 2% tổng thu ngân sách tỉnh, đồng thời có những đóng góp lớn với cộng đồng dân cư, thông qua các phong trào, các cuộc vận động góp phần đảm bảo an sinh xã hội ở cơ sở. Toàn tỉnh có 130 tổ hợp tác, tăng 67 tổ so với năm 2005, đạt 106,2% so với kế hoạch phát triển kinh tế tập thể đến năm 2010. Thu nhập bình quân của thành viên tổ hợp tác đạt 12,5 triệu đồng/người/năm, tăng 1,5 triệu đồng/người/năm so với kế hoạch. Các tổ hợp tác đã tác động tích cực trong việc hỗ trợ kinh tế hộ, phát triển một số ngành nghề trên địa bàn. Đặc biệt, một số nghề truyền thống được phục hồi và phát triển, lực lượng lao động lúc nông nhàn được huy động. Tạo thêm việc làm cho nông dân, đời sống của thành viên được nâng lên. Giai đoạn 2006 - 2010, Ủy ban nhân dân các huyện, thị đã quyết định giải thể 9 hợp tác xã do chuyển đổi loại hình và hoạt động không có hiệu quả theo hình thức giải thể tự nguyện<sup>1</sup>.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, *Báo cáo số 63/BC-UBND, ngày 29/4/2010 về tổng kết kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm (2006 - 2010), Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT 5 năm (2011 - 2015)*.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX) và chủ trương của Tỉnh ủy khuyến khích thu hút đầu tư của các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm tăng thu ngân sách, giải quyết việc làm cho lực lượng lao động của địa phương. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu cho tỉnh ban hành các chính sách, tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính, từng bước tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nên các doanh nghiệp tăng nhanh về số lượng. Thành lập kịp thời các doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh và công ích trên địa bàn tỉnh theo đúng chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế trong điều kiện tỉnh vừa mới thành lập. Các thành phần kinh tế tư nhân cũng được triển khai thực hiện theo đúng luật để thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Năm 2004, toàn tỉnh có 211 doanh nghiệp và văn phòng đại diện; năm 2005, có 248 doanh nghiệp và chi nhánh, văn phòng đại diện<sup>1</sup> đăng ký hoạt động, chủ yếu trên lĩnh vực xây dựng. Đến năm 2008, toàn tỉnh có 301 doanh nghiệp với tổng số vốn đăng ký là 2.474 tỷ đồng. Tiến hành sắp xếp, đổi mới cho 12 doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh, trong đó có 1 doanh nghiệp có 100% vốn nhà nước, 2 doanh nghiệp cổ phần hóa, 9 doanh nghiệp chuyển đổi sang hình thức công ty TNHH MTV. Các thành phần kinh tế đã góp phần không nhỏ trong việc giải quyết việc làm, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, cơ cấu lao động, tăng thu ngân sách địa phương để phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo<sup>2</sup>.

Trong những năm qua, môi trường đầu tư và kinh doanh của tỉnh được cải thiện đáng kể nên công tác thu hút đầu tư đã đạt được những kết quả quan trọng, tốc độ thu hút đầu tư tăng nhanh, năm sau cao hơn năm trước. Trên cơ sở tiềm năng và lợi thế sẵn có của tỉnh cùng với các chính sách khuyến khích ưu đãi đầu tư phù hợp nên nhiều công ty, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đã đăng ký và triển khai dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2004 - 2009, tỉnh đã thu hút được 145 dự án đầu tư, vốn đăng ký là 12.554 tỷ đồng (5 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, vốn đăng ký là 90 tỷ đồng và 140 dự án đầu tư trong nước,

---

1. Trong đó có 18 doanh nghiệp nhà nước, 116 doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, 114 văn phòng đại diện doanh nghiệp vừa và nhỏ.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu (1945 - 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia.

tổng vốn đăng ký là 12.464 tỷ đồng). Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xúc tiến đầu tư của tỉnh vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức do cơ sở hạ tầng của tỉnh vẫn còn yếu kém; thiếu lao động có tay nghề; chưa đa dạng về hình thức. Bên cạnh đó, nguồn kinh phí bố trí cho công tác xúc tiến đầu tư hằng năm chưa có; lực lượng cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về xúc tiến đầu tư còn thiếu và yếu. Từ thực tiễn đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu xây dựng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án về các chương trình hoạt động xúc tiến đầu tư năm 2010 tỉnh Lai Châu, nhằm phát huy tổng lực, nâng cao năng lực cạnh tranh địa phương, từng bước xây dựng môi trường đầu tư và kinh doanh thông thoáng, hấp dẫn các nhà đầu tư để tăng cường hoạt động thu hút đầu tư có hiệu quả. Nội dung chương trình, hoạt động xúc tiến đầu tư năm 2010 gồm: Nâng cao năng lực xúc tiến đầu tư; xây dựng các tài liệu ấn phẩm, danh mục dự án, Website đầu tư; tạo dựng mối quan hệ; thực hiện vận động xúc tiến đầu tư; cung cấp dịch vụ và hỗ trợ cho nhà đầu tư. Dự trù kinh phí cho chương trình, hoạt động xúc tiến đầu tư theo Đề án là 510.066.000 đồng<sup>1</sup>.

Di dân tái định cư các công trình thủy điện trên địa bàn tỉnh là cơ hội để Lai Châu sắp xếp lại dân cư, cơ cấu lại sản xuất, phát triển cơ sở hạ tầng với nguồn lực to lớn từ chương trình tái định cư. Đại hội XI Đảng bộ tỉnh xác định đây là một trong 6 chương trình trọng điểm và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện đảm bảo đúng tiến độ<sup>2</sup>. Thực hiện Quyết định số 92/QĐ-TTg, ngày 05/01/2004 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đầu tư dự án thủy điện Sơn La, ngày 22/11/2004, Tỉnh ủy Lai Châu ban hành Nghị quyết số 07-NQ/TU về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ tái định cư thủy điện Sơn La, chỉ đạo cấp ủy, chính quyền các cấp, các địa phương thuộc vùng phải di dân tái định cư trong tỉnh, tất cả vì dòng điện ngày mai của Tổ quốc, đồng thời di dân vẫn phải giữ gìn bản sắc văn hóa các dân tộc vùng lòng hồ. Trong năm 2004 - 2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai đầu tư xây dựng một số cơ sở hạ tầng quan trọng ở các khu tái định cư như giao thông, thủy lợi, phục vụ

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, *Quyết định số 1857/QĐ-UBND, ngày 12/11/2009 phê duyệt Đề án về các chương trình hoạt động xúc tiến đầu tư năm 2010 tỉnh Lai Châu.*

2. *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2005 - 2010.*

đồng bào tái định cư và dân sở tại. Công tác xây dựng quy hoạch và thực hiện các dự án đầu tư được quy hoạch chi tiết ở 12 điểm tái định cư và 8 điểm mới phát sinh, trong đó 7 điểm đã phê duyệt được triển khai thực hiện. Năm 2005, đã cấp đất cho 90 hộ phi nông nghiệp tái định cư tại điểm Pa So (huyện Phong Thổ), các hộ dân đã tiến hành xây dựng nhà cửa, ổn định cuộc sống tại nơi định cư mới; tỉnh đã hỗ trợ, tổ chức di chuyển 215 hộ, đạt 43% kế hoạch<sup>1</sup>. Đến tháng 6/2008, tỉnh đã hoàn thành di chuyển gần 3.000/3.400 hộ dân thuộc dự án di dân công trình thủy điện Sơn La đến nơi ở mới, đảm bảo các điều kiện cho các hộ dân bước đầu ổn định đời sống<sup>2</sup>. Cùng với xây dựng thủy điện Sơn La, thủy điện Huội Quảng, Bản Chát cũng được khởi công xây dựng. Ngày 10/8/2006, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XI ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về lãnh đạo công tác di dân tái định cư thủy điện Huội Quảng, Bản Chát. Ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh đã kịp thời tham mưu việc lập và phê duyệt quy hoạch các điểm tái định cư thuộc công trình thủy điện Bản Chát, Huội Quảng. Công tác di dân, tái định cư thủy điện Huội Quảng, Bản Chát tập trung ở 2 huyện Than Uyên, Tân Uyên, số hộ tái định cư lớn, toàn tỉnh phải di chuyển 3.390 hộ đến nơi ở mới; đền bù, hỗ trợ 598 hộ mất đất sản xuất. Đến năm 2009, hoàn thành di chuyển số hộ phải di dân và tiếp nhận thủy điện Sơn La 3.564 hộ/16.961 khẩu và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống nhân dân vùng tái định cư thủy điện Sơn La. Tích cực chỉ đạo thực hiện chương trình tái định cư thủy điện Bản Chát, Huội Quảng và di dân tái định cư thủy điện Lai Châu về đo đếm, đền bù, giải phóng mặt bằng, chuẩn bị cơ sở hạ tầng thiết yếu và hỗ trợ nhân dân chuyển đến nơi ở mới vào cuối năm 2008, đầu năm 2009<sup>3</sup>.

Phối hợp với các ngành, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội theo chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Giai đoạn 2006 - 2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu đề xuất cơ chế,

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu (1945 - 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia.

2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu (1945 - 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia.

3. *Lịch sử ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu (1963 - 2018)*, Nxb. Lao động, 2019.



giải pháp và nguồn lực triển khai thực hiện 10 chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục và đào tạo; về văn hóa; về dân số - kế hoạch hóa gia đình; phòng, chống một số bệnh xã hội, bệnh dịch nguy hiểm và HIV/AIDS; về vệ sinh an toàn thực phẩm; về việc làm; về giảm nghèo; nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; phòng, chống tội phạm; phòng, chống ma túy. Trong quá trình thực hiện, từng cấp, ngành đã lồng ghép gắn mục tiêu của từng chương trình với kế hoạch hằng năm để thường xuyên hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai thực hiện. Tổng kinh phí thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2006 - 2009 là 529.052 triệu đồng. Sau 4 năm triển khai thực hiện, các chương trình mang lại hiệu quả rõ nét cả về kinh tế và xã hội, góp phần tạo nên thành công về phát triển tổng thể giai đoạn 2006 - 2010 của tỉnh như: Góp phần đẩy nhanh được tốc độ giảm nghèo và giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo, năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo còn 24% (trong 5 năm giảm 36,57%); thay đổi tập quán sản xuất tự cung, tự cấp, chuyển sang hàng hóa, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đời sống của nhân dân tăng lên, năm 2010, thu nhập 8,2 triệu đồng/người/năm, tăng 3,2 lần so với năm 2005, hạn chế tốc độ gia tăng khoảng cách chênh lệch về thu nhập giữa các vùng. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật được hoàn thiện; củng cố, gìn giữ di sản văn hóa của các dân tộc trong tỉnh. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, nhất là sức khỏe sinh sản được tăng cường. Các tầng lớp nhân dân tiếp cận từng bước với phương pháp sản xuất sạch và tiêu thụ sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng, được sử dụng nước hợp vệ sinh. Trật tự an toàn xã hội được giữ vững, kỷ cương phép nước được nghiêm minh, môi trường trong sạch, lành mạnh<sup>1</sup>.

Công tác rà soát, xây dựng cơ chế chính sách được thực hiện hiệu quả. Sở đã xây dựng văn bản hướng dẫn và ban hành mẫu báo cáo giám sát đánh giá đầu tư, biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện đầu tư định kỳ; hướng dẫn công tác chuẩn bị đầu tư các dự án nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn; triển khai xây dựng và xin ý kiến tham gia của các sở, ngành về quy chế báo cáo thực hiện kế hoạch vốn đầu

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 164/KHĐT-KTN, ngày 26/3/2010 trình Báo cáo tình hình thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2006 - 2010 và xây dựng kế hoạch 2011 - 2015.

tư ngân sách nhà nước trên địa bàn toàn tỉnh<sup>1</sup>; xây dựng bổ sung, sửa đổi chính sách thu hút ưu đãi hỗ trợ đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh thay thế chính sách đã ban hành; xây dựng cơ chế, chính sách, quản lý, điều hành thực hiện dự án di dân tái định cư các thủy điện trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành hướng dẫn lập, trình duyệt công tác chuẩn bị đầu tư các dự án nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; ban hành chính sách hỗ trợ trồng cây cao su trên địa bàn tỉnh; tham gia ý kiến vào dự thảo luật, sửa đổi, bổ sung nghị định của Trung ương...

Thực hiện Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg, ngày 27/9/2001 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005. Đây là chương trình tổng hợp có tính chất liên ngành nhằm tạo các điều kiện thuận lợi, phù hợp để hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội, là cơ hội để nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước vươn lên ổn định sản xuất phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, xóa đói giảm nghèo. Chương trình được Trung ương và tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo. Tuy nhiên, thực hiện Chương trình trong điều kiện tỉnh còn rất nhiều khó khăn... Trước tình hình đó, với trách nhiệm là thành viên của Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo của tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tích cực tham gia cụ thể hóa cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình và tiến hành kiểm tra chéo các huyện, thường xuyên đôn đốc, chỉ đạo triển khai thực hiện. Tổng số vốn phân bổ hỗ trợ cho Chương trình là 58.472,2 triệu đồng/5 huyện, được phân theo các dự án về: khuyến nông khuyến lâm; định canh, định cư; ổn định dân cư và xây dựng vùng kinh tế mới; cho vay vốn giải quyết việc làm; đào tạo cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo. Sau 4 năm thực hiện Chương trình, bước đầu đã đạt được một số kết quả khả quan: Công tác định canh, định cư bước đầu giúp người dân vùng sâu, vùng xa ổn định, ổn cư, xây dựng cuộc sống mới trong các bản làng; tình trạng di dịch cư đã giảm; nhân dân đã được tiếp cận khoa học kỹ thuật, áp dụng vào phát triển sản xuất nông lâm nghiệp. Giải quyết công ăn việc làm cho lao động, từng bước xóa đói

---

1. Theo Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg, ngày 16/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 05/2007/TT-BKH, ngày 09/8/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

giảm nghèo ở vùng nông thôn<sup>1</sup>. Tổng kết Nghị quyết 05 của Tỉnh ủy về chương trình xóa đói giảm nghèo, Sở được Ban Chỉ đạo xóa đói giảm nghèo của tỉnh đánh giá là một trong 8 tổ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tập thể Sở và 1 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xóa đói giảm nghèo được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen.

Phát triển kinh tế cửa khẩu được Nghị quyết Đại hội XI của Đảng bộ tỉnh xác định là một trong 6 chương trình trọng điểm, vì vậy trong giai đoạn 2005 - 2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tập trung tham mưu cho tỉnh chỉ đạo triển khai đồng bộ các nhiệm vụ như: Quy hoạch xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, nâng cấp xây dựng cơ sở hạ tầng, ban hành, sửa đổi bổ sung cơ chế, chính sách, tạo điều kiện thu hút các thành phần kinh tế vào khu kinh tế cửa khẩu. Để tiếp tục phát huy tiềm năng và thế mạnh của kinh tế cửa khẩu, đã tham mưu Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 10-NQ/TU về phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2007 - 2015. Từ đó, hoạt động kinh doanh dịch vụ và du lịch tại khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng có bước phát triển khá, thu ngân sách từ thuế xuất nhập khẩu và dịch vụ tại khu kinh tế cửa khẩu có mức tăng trưởng cao và ổn định, đưa tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2004 từ 18 triệu USD lên 25,5 triệu USD năm 2008 (tăng 1,4 lần). Tuy nhiên, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh chủ yếu là hàng hóa quá cảnh nên kim ngạch xuất khẩu không ổn định, phụ thuộc vào sự thay đổi chính sách biên mậu phía Trung Quốc<sup>2</sup>.

Thực hiện Quyết định số 159/2002/QĐ-TTg, ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án thực hiện Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học. Sau khi nhận bàn giao từ tỉnh Điện Biên sang, Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học đã được ngành Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với ngành giáo dục và đào tạo triển khai đúng theo các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Ủy ban nhân dân tỉnh về hướng dẫn thực hiện chương trình và giao kế hoạch phân bổ vốn thực hiện Chương trình. Đến ngày 30/10/2004, tỉnh đã triển khai

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 184/BC-KH&ĐT, ngày 24/5/2004 về tình hình thực hiện 4 năm (2000 - 2003) chương trình xóa đói giảm nghèo tỉnh Lai Châu.

2. Báo cáo tình hình hợp tác giữa tỉnh Lai Châu và tỉnh Vân Nam - Trung Quốc (Kèm theo Tờ trình số 149/KHĐT, ngày 19/3/2010 của Sở Kế hoạch và Đầu tư).

thực hiện kiên cố hóa 314/1.069 phòng học (thuộc các trường trên địa bàn 5 huyện và các trường trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo), với kinh phí 37.210 triệu đồng (đạt 78,42% kế hoạch vốn đã giao 47.450 triệu đồng)<sup>1</sup>.

Làm đầu mối thu hút kêu gọi nguồn vốn ODA, tham mưu xây dựng các chương trình, dự án, xúc tiến các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh có lợi thế của tỉnh để tranh thủ vốn đầu tư của các bộ, ngành Trung ương, phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội, vốn hỗ trợ từ các chương trình quốc gia, các dự án ODA về xóa đói giảm nghèo. Đến năm 2010, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp cận, triển khai một số dự án ODA đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu sử dụng nguồn vốn tài trợ như JICA, OFID, WB, Na Uy, Hàn Quốc... và đạt được những kết quả nhất định. Các dự án sử dụng nguồn vốn JICA bao gồm các lĩnh vực: Giao thông, thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, điện thuộc các chương trình tín dụng chuyên ngành SPL IV, V, VI. Đến hết năm 2010, các dự án thuộc chương trình SPL IV, V đã cơ bản hoàn thành đưa vào sử dụng, phát huy hiệu quả cao phục vụ đời sống nhân dân trong vùng dự án. Các dự án chương trình JICA SPL VI bao gồm 6 dự án với tổng mức đầu tư 295.576 triệu đồng và 1 dự án sử dụng vốn dư của chương trình JICA SPL V (đường Nậm Xe, Sìn Hồ, huyện Phong Thổ). Các dự án sử dụng nguồn vốn OFID: Dự án phát triển thủy lợi tỉnh Lai Châu bao gồm 14 tiểu dự án thủy lợi nhỏ đầu tư trên địa bàn 5 huyện Mường Tè, Tân Uyên, Than Uyên, Tam Đường, Phong Thổ nhằm cung cấp nước tưới ổn định cho 2.433ha, tạo điều kiện mở rộng diện tích lúa 2 vụ, tăng năng suất cây trồng, góp phần xóa đói giảm nghèo. Cuối năm 2010, đã có 8 tiểu dự án hoàn thành. Nguồn vốn ODA (Hàn Quốc): Dự án Thiết bị y tế Bệnh viện Đa khoa tỉnh Lai Châu được đầu tư với quy mô 300 giường bệnh; tổng mức đầu tư 210.671 triệu đồng. Dự án giảm nghèo tỉnh Lai Châu giai đoạn 2009 - 2013 sử dụng nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới (WB): Tổng vốn đầu tư 327.440 triệu đồng được triển khai trong phạm vi 30 xã trên địa bàn 4 huyện: Phong Thổ, Sìn Hồ, Mường Tè, Tam Đường với mục tiêu tăng cường phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao đời sống nhân dân tại các

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 561/BC-KHĐT, ngày 09/12/2004 về tình hình thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học đến thời điểm ngày 30/10/2004.

xã nghèo, đặc biệt khó khăn. Nguồn vốn Na Uy: Đầu tư cho dự án xây dựng hệ thống cấp nước thị xã Lai Châu, được thiết kế với công suất 8.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm, cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt cho 42.000 người, với tổng mức đầu tư 144.652 triệu đồng.

Triển khai thực hiện Quyết định số 33/2007/QĐ-TTg, ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và lập dự án định canh, định cư đối với các hộ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010 trên địa bàn tỉnh Lai Châu cho Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở, ngành, địa phương. Qua điều tra, khảo sát thực tế số hộ đồng bào dân tộc thiểu số sống du canh, du cư trên địa bàn tỉnh Lai Châu là đồng bào dân tộc La Hủ thuộc huyện Mường Tè. Ngày 17/01/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chính thức phê duyệt 5 dự án định canh, định cư tập trung. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tổng hợp kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho 342 hộ (trong đó có 245 hộ thuộc 5 dự án định canh, định cư tập trung và 97 hộ thuộc định canh, định cư xen ghép). Ngày 27/3/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quy định Chính sách hỗ trợ di dân thực hiện định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2007 - 2010 trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Căn cứ vào nguồn vốn được Trung ương phân bổ cho tỉnh trong 2 năm (2008 - 2009), Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước; chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè tổ chức triển khai thực hiện. Đến cuối năm 2009, tổng các nội dung đầu tư đã thực hiện là 25.724 triệu đồng (đạt 96,1% kế hoạch giao). Xây dựng các tuyến đường giao thông đến các điểm định canh, định cư tập trung (tuyến Nà Pê - Tá Bạ; Thăm Pa - Hà Xi; Pa Vệ Sủ - Dèn Thàng; Ka Lăng - Là Si) và triển khai xây dựng một số cơ sở hạ tầng cho điểm định canh, định cư Tá Bạ. Ngoài nguồn vốn được phân bổ, tỉnh còn huy động xã hội hóa ngày công, kinh phí xây dựng trường lớp học, nhà ở đại đoàn kết, cầu cống, đường dân sinh; thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động và hỗ

trợ nhu yếu phẩm cho các hộ dân về định canh, định cư ở nơi ở mới<sup>1</sup>.

Thực hiện chỉ đạo của Tỉnh ủy trong công tác đối ngoại là hoạt động đoàn kết, hòa bình, hữu nghị và tranh thủ vận động, thu hút viện trợ từ các tổ chức bạn bè quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tăng cường tham mưu cấp ủy, chính quyền trong hoạt động giao lưu, hợp tác với các vùng, lãnh thổ như với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), các tổ chức quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), các tổ chức của Liên hợp quốc như UNICEP... Đặc biệt, có sự hợp tác toàn diện với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), hai Bên đã tổ chức nhiều đoàn đại biểu các cấp, các ngành qua lại gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm, ký kết và triển khai các hoạt động hợp tác phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, 2 năm (2004 - 2005), nhiều vấn đề phát sinh trên biên giới, cửa khẩu và công tác lãnh sự được giải quyết linh hoạt, khéo léo và hiệu quả. Hoạt động đối ngoại nhân dân cũng đã góp phần tích cực vào thành quả công tác phân giới cắm mốc, năm 2004 phân giới 106km, xác định xong 53 vị trí cắm mốc, cắm được 37 mốc (trong đó, Việt Nam 15 mốc, Trung Quốc 22 mốc); năm 2005 tiến hành cắm được 68 mốc (Việt Nam 32 mốc, Trung Quốc 36 mốc). Đồng thời, tham mưu việc chỉ đạo đổi mới trong giải quyết các thủ tục hành chính, tạo môi trường thông thoáng thu hút đầu tư nước ngoài, tăng cường hội nhập quốc tế, mở rộng thị trường, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội địa phương, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

Bên cạnh các nguồn vốn ODA, trên cơ sở kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ Trung ương giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ chi tiết cho các danh mục dự án, đồng thời chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án trái phiếu Chính phủ. Tổng khối lượng thực hiện các dự án sử dụng nguồn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006 - 2010 là 2.642.600 triệu đồng; tổng thực hiện giải ngân kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006 - 2010 đạt 2.526.203 triệu đồng, bằng 98% kế hoạch vốn. Giai đoạn 2006 - 2009,

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Báo cáo số 210/BC-UBND, ngày 25/12/2009 về kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ di dân định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/QĐ-TTg, ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ đến tháng 12/2009 trên địa bàn tỉnh Lai Châu và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo.

đã triển khai hoàn thành 446 dự án, trong đó có 3 dự án giao thông, 2 dự án thủy lợi, 357 dự án kiên cố hóa trường lớp học (tương ứng với 502 phòng học và 207 phòng công vụ giáo viên), 84 dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La. Năm 2010, sau 5 năm triển khai thực hiện kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ, hạ tầng giao thông nông thôn, thủy lợi, y tế, giáo dục đã được cải thiện đáng kể góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo... Số xã có đường ô tô đến trung tâm xã từ 86/94 xã (năm 2006) tăng lên 96/98 xã. Đã đầu tư 5 dự án thủy lợi với tổng năng lực thiết kế cho cả diện tích tưới tiêu, diện tích hồ đập là 1.530ha; đầu tư 9 dự án về y tế với 1.020 giường bệnh, tổng mức đầu tư 722,1 tỷ đồng (trong đó vốn trái phiếu Chính phủ 579,6 tỷ đồng). Thực hiện đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên, đến hết năm 2010 hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng 687 phòng học và 329 phòng công vụ cho giáo viên; nâng tỷ lệ kiên cố trường lớp học từ 60% năm 2008 lên 72% vào năm 2010; tạo điều kiện về cơ sở vật chất làm cơ sở hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và giáo dục trung học cơ sở năm 2009<sup>1</sup>.

Bên cạnh công tác tham mưu, triển khai thực hiện các lĩnh vực chuyên môn, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã quan tâm tham mưu, triển khai nhiều nội dung, hoạt động nhằm đổi mới, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai nhiệm vụ của ngành, cũng như thuận lợi cho các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, nhất là công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện văn hóa công sở...

Giai đoạn 2009 - 2010, tỉnh tập trung triển khai chương trình cải cách hành chính các cơ quan nhà nước theo cơ chế “một cửa” nhằm giảm bớt các thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giao dịch với người dân và doanh nghiệp<sup>2</sup>. Để triển khai hiệu quả hoạt động này trên địa bàn tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lai Châu đã tham mưu xây dựng dự thảo và đề nghị thẩm định, phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu giai đoạn 2009 - 2010. Xét thấy đây là vấn

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 145/BC-UBND, ngày 30/7/2010, Báo cáo tình hình thực hiện vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006 - 2010.

2. Công văn số 713/UBND-VX, ngày 24/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu giai đoạn 2009 - 2010.



đề rất thiết thực, phù hợp với xu thế phát triển, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã khẩn trương nghiên cứu, thẩm định và báo cáo, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch để triển khai trong thực tiễn<sup>1</sup>.

Thực hiện Quyết định số 181/2003/QĐ-TTg, ngày 04/9/2003 của Chính phủ, Quyết định số 1179/QĐ-CTT, ngày 29/11/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu phê duyệt kế hoạch cải cách hành chính nhà nước tỉnh Lai Châu giai đoạn 2004 - 2010 và Kế hoạch thí điểm thực hiện cơ chế một cửa tỉnh Lai Châu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư. Ngay sau khi tham gia hội nghị tập huấn về cải cách hành chính, ngày 29/6/2005, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 357/QĐ-KHĐT về phê duyệt Đề án thí điểm thực hiện cơ chế một cửa, nhằm nâng cao hiệu quả giải quyết công việc của Sở với tổ chức, công dân trong một số lĩnh vực như đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư và ưu đãi đầu tư. Sau gần 2 năm thực hiện Đề án, đến tháng 3/2007 cơ chế một cửa tại Sở Kế hoạch và Đầu tư đã củng cố, hoàn thiện bộ phận thực hiện cơ chế “một cửa”; niêm yết công khai các yêu cầu về hồ sơ, trình tự thủ tục hành chính, lệ phí và thời gian giải quyết cấp đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư và ưu đãi đầu tư tại nơi làm việc. Tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đã lập sổ theo dõi để tiếp nhận hồ sơ của tổ chức, cá nhân khi đến đăng ký kinh doanh và cấp phép đầu tư; giải quyết thủ tục hành chính nhanh chóng, đúng quy định<sup>2</sup>.

Thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 09/12/2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân. Cấp ủy và Ban Giám đốc Sở đã kịp thời quán triệt, chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh trong nội bộ cơ quan nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên về tầm quan trọng, vị trí, chức năng của công tác phổ biến giáo dục pháp luật; chỉ đạo sát sao việc tổ chức triển khai thực hiện tại cơ quan. Kịp thời thành lập và thường xuyên kiện toàn bộ phận

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 370/TTr-KHĐT-VX, ngày 15/7/2009 đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu giai đoạn 2009 - 2010.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 53/BC-KHĐT, ngày 03/5/2007, Báo cáo thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Kế hoạch và Đầu tư từ ngày 01/6/2005 đến hết ngày 31/3/2007.

làm công tác phổ biến giáo dục pháp luật cơ quan. Các đồng chí lãnh đạo Sở tham gia làm báo cáo viên cấp tỉnh, riêng đồng chí Giám đốc Sở - Bí thư Chi bộ tham gia thành viên Hội đồng tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật của tỉnh. Sau khi thành lập, đội ngũ làm công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật của Sở có sự chuyển biến rõ nét. Đến năm 2007, Sở có 3 đồng chí có trình độ chuyên môn cử nhân Luật, trong đó có 1 đồng chí tham gia kiêm nhiệm thành viên của Đoàn Hội thẩm Tòa án nhân dân tỉnh<sup>1</sup>.

Để kịp thời ổn định tổ chức bộ máy, đưa các ngành, lĩnh vực đi vào hoạt động ngay từ ngày đầu thành lập tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh. Theo đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu được thành lập theo Quyết định số 01/QĐ-UB, ngày 01/01/2004 của Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Lai Châu về việc thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

Hệ thống ngành Kế hoạch và Đầu tư trong tỉnh gồm: Sở Kế hoạch và Đầu tư; đối với các sở, ngành là phòng kế hoạch - tổng hợp; cấp huyện là phòng tài chính - kế toán, cấp xã do bộ phận chuyên môn của Ủy ban nhân dân xã tham mưu.

Trong giai đoạn đầu mới chia tách, thành lập gặp rất nhiều khó khăn về điều kiện nơi công tác, nơi ăn ở của cán bộ nhưng cán bộ, công nhân, viên chức lao động của Sở luôn đoàn kết, gắn bó, có ý thức trách nhiệm, yên tâm công tác. Dưới sự lãnh đạo trực tiếp, thường xuyên của Ban Chi ủy cơ quan và Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh, Công đoàn cơ sở của Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với chính quyền và các đoàn thể quần chúng tổ chức vận động đoàn viên thực hiện tốt mọi chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhiệm vụ chính trị của cơ quan.

Khi chuyển về tỉnh mới, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của các cơ quan, đơn vị vô cùng khó khăn, được chuyển giao từ thị trấn Tam Đường cũ, hầu hết là các khu nhà tạm, xuống cấp.

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 387/BC-KHĐT, ngày 26/9/2007, Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chương trình phổ biến giáo dục pháp luật theo Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg, ngày 17/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ.

Trước tình hình đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 88/2004/QĐ-UB, ngày 20/12/2004 về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư cơ sở hạ tầng do điều chỉnh địa giới hành chính năm 2004. Cùng với các cơ quan của tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư được phân bổ 228 triệu đồng để sửa chữa, mở rộng nhà làm việc của Sở tại thị xã Lai Châu, năng lực thiết kế là 55m<sup>2</sup>, tiến hành khởi công và hoàn thành trong năm 2004.

Tổ chức đầy đủ các hội nghị cho cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức lao động học tập, quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước như: Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Doanh nghiệp, Luật Đất đai, Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội, Luật Phòng, chống tham nhũng; Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí, Nghị quyết lần thứ XI của Đảng bộ tỉnh; Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X. Đã gắn việc thực hiện quy chế dân chủ cơ quan với các cuộc vận động, các phong trào do các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát động, đặc biệt là cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Xây dựng người cán bộ, công chức, viên chức trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu”...

Ngày 03/4/2004, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 16/2004/QĐ-UB về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư và thẩm quyền của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, về vị trí chức năng: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư... chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Sở Kế hoạch và Đầu tư có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có kinh phí hoạt động, được mở tài khoản theo quy định của pháp luật.

Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định có 19 nhiệm vụ và quyền hạn; cơ cấu tổ chức của Sở gồm có: (1) Lãnh đạo Sở gồm có giám đốc và không quá 3 phó giám đốc. (2) Các phòng chuyên môn: phòng Tổ chức - Hành chính, phòng Tổng hợp kinh tế quốc dân, phòng Kinh tế ngành, phòng Đăng ký kinh doanh, phòng Kinh tế đối ngoại, phòng Văn xã, Thanh tra Sở.

Tổ chức, bộ máy các đơn vị thuộc Sở dần được kiện toàn, nhanh chóng ổn định tổ chức và thực hiện nhiệm vụ. Ban Quản lý dự án công trình xây dựng của Sở Kế hoạch và Đầu tư được thành lập theo Quyết định số 285/QĐ-SKHĐT, ngày 20/7/2004; phòng Thẩm định dự án đầu tư và quản lý đấu thầu thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư được thành lập theo Quyết định số 1643/QĐ-UBND, ngày 07/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu; Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư tỉnh được thành lập theo Quyết định số 1141/QĐ-UBND, ngày 08/8/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Cử cán bộ tham gia Ban quản lý dự án WB giai đoạn 2010 - 2015.

Ban hành quyết định quy định chức năng và nhiệm vụ để các phòng xác định rõ vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của mình để triển khai thực hiện, như: Quyết định số 439/QĐ-KHĐT, ngày 08/10/2004 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 599/2004/QĐ-KHĐT, ngày 31/12/2004 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quy định sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư. Riêng Ban Quản lý dự án công trình xây dựng có trách nhiệm, quyền hạn quy định tại Điều 14 Nghị định số 52/1999/NĐ-CP, ngày 08/7/1999, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP, ngày 05/5/2000 và Nghị định số 07/2003/NĐ-CP, ngày 30/01/2003 của Chính phủ về quản lý và đầu tư xây dựng.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2009/TTLT-BKHĐT-BNV, ngày 05/8/2009 của liên Bộ Nội vụ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND, ngày 18/12/2009 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư (thay thế Quyết định số 16/2004/QĐ-UB, ngày 03/4/2004). Theo đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư gồm các lĩnh vực: Tham mưu tổng hợp về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn; về

tổ chức thực hiện cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội; về đầu tư trong nước, nước ngoài ở địa phương; quản lý nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, đấu thầu, đăng ký kinh doanh trong phạm vi địa phương. Tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân.

Cụ thể hóa Quyết định số 36/2009/QĐ-UBND, ngày 18/12/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 37/QĐ-KHĐT, ngày 26/8/2010 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 9 phòng, trung tâm thuộc Sở.

Trong giai đoạn đầu mới chia tách, thành lập rất khó khăn về điều kiện nơi công tác, nơi ở của cán bộ nhưng cán bộ, công nhân, viên chức lao động của Sở luôn đoàn kết, gắn bó, có ý thức trách nhiệm, yên tâm công tác. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Sở được bổ sung về số lượng, nâng cao chất lượng (năm 2004, khi chia tách, thành lập Sở có tổng số 9 biên chế, đến năm 2009, Sở được giao 56 biên chế). Từ năm 2004 - 2010, Ban Giám đốc Sở đã có nhiều thay đổi và được củng cố, kiện toàn để đáp ứng yêu cầu tham mưu, lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Sở và nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Tháng 01/2004, ông Lê Trọng Quảng được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở, đến tháng 8/2006, ông được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Để đáp ứng yêu cầu lãnh đạo nhiệm vụ chuyên môn của ngành, ông Trần Văn Phú, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiêm Giám đốc Sở từ tháng 9/2006 đến ngày 30/11/2008. Ngày 01/9/2006, ông Vũ Mạnh Hùng, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được điều động và bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Sở<sup>1</sup>; từ ngày 01/12/2008, ông Vũ Mạnh Hùng, Tỉnh ủy viên, Phó Giám đốc Thường trực được bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư<sup>2</sup>. Tháng 8/2004, ông Đặng Văn Châu được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở; tháng 02/2005, ông Trần Văn Quế được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Sở (đến tháng 6/2005 do yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh, ông Trần Văn Quế đã được chuyển

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 1179/QĐ-UBND, ngày 25/8/2006, Quyết định điều động và giao nhiệm vụ cho cán bộ, công chức.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 1899/QĐ-UBND, ngày 27/11/2008, Quyết định bổ nhiệm cán bộ.

công tác khác); tháng 9/2006, ông Nguyễn Hữu Mai được bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Sở.

Công đoàn Sở Kế hoạch và Đầu tư được thành lập theo Quyết định số 27/QĐ-LĐLĐ, ngày 13/3/2004 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh Lai Châu. Đến ngày 28/10/2004, tổng số đoàn viên công đoàn cơ quan là 28 đồng chí, trong đó 14/28 đoàn viên công đoàn là đảng viên (chiếm 50%). Đa số đoàn viên công đoàn còn trẻ, chủ yếu ở độ tuổi dưới 35.

Công tác đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức trong cơ quan về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị được thực hiện thường xuyên. Đồng thời, cử cán bộ tập huấn công tác nghiệp vụ đấu thầu; tập huấn thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án, tập huấn phổ biến giáo dục pháp luật, cải cách hành chính... Phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ kinh tế của Bộ Kế hoạch và Đầu tư mở lớp tập huấn về công tác nghiệp vụ đấu thầu, đào tạo các doanh nghiệp vừa và nhỏ cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thị, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn. Phân công, cử cán bộ tiếp tục xuống giúp đỡ xã thực hiện các chính sách giảm nghèo và hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ của chương trình và công tác đầu tư trên địa bàn xã.

Công tác thanh tra, giám sát đầu tư được thực hiện nghiêm túc. Riêng năm 2007, đã tổ chức triển khai 5 cuộc thanh tra, kiểm tra, chủ yếu là các cuộc thanh tra về tuyến biên giới Việt - Trung. Phối hợp với các ngành chức năng kiểm tra thi hành và sử dụng Luật Đất đai tại các huyện Tam Đường, Sìn Hồ và thị xã Lai Châu. Kết quả các cuộc thanh tra, kiểm tra đã chỉ ra những tồn tại, sai phạm, sai sót, hạn chế trong quản lý đầu tư xây dựng công trình, phân tích nguyên nhân, đưa ra những kiến nghị đề xuất yêu cầu chủ đầu tư, nhà thầu xử lý khắc phục.

Thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 02/7/2004 của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh về việc tiếp tục đẩy mạnh chương trình xóa đói giảm nghèo tỉnh Lai Châu giai đoạn 2004 - 2010, đoàn viên, thanh niên Sở Kế hoạch và Đầu tư đã xung kích, đi đầu trong việc tham gia giúp đỡ xã Pa Vây Sủ huyện Phong Thổ phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo. Giai đoạn 2004 - 2007, Sở đã cử 10 lượt cán bộ là thanh niên trực tiếp xuống giúp đỡ xã, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của

xã đã có những chuyển biến rõ nét, tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân là 11,38%/năm. Hướng ứng chiến dịch xung kích trồng cây cao su tại huyện Sìn Hồ, năm 2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã cử 2 đợt (mỗi đợt 10 ngày), với 8 thanh niên tham gia và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Giai đoạn 2004 - 2010, ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh đã kịp thời khắc phục những khó khăn của tỉnh mới thành lập, khẩn trương ổn định tổ chức bộ máy, tích cực tham mưu triển khai toàn diện các lĩnh vực của ngành và đạt được thành tựu đáng khích lệ, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh đã đề ra. Trong 5 năm (2006 - 2010), tăng trưởng kinh tế của tỉnh tương đối cao, GDP tăng bình quân 13%/năm; thu nhập bình quân đầu người tăng 8 triệu đồng năm 2010, tăng 2,4 lần so với năm 2005. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng được tăng lên đáng kể. Tổng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2006 - 2010 đạt 21.032 tỷ đồng (trong đó nguồn vốn nhà nước 10.391 tỷ đồng). Thu ngân sách trên địa bàn năm 2010 trên 250 tỷ đồng. Văn hóa - xã hội có tiến bộ. Nhiều chính sách xóa đói giảm nghèo đã được thực hiện tốt, kết cấu hạ tầng ở vùng nghèo, xã nghèo được đầu tư. Tỷ lệ đói nghèo giảm nhanh, từ 60,57% năm 2005 xuống còn 24% năm 2010. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư phát triển; hạ tầng đô thị thị xã Lai Châu, thị trấn Tam Đường, Phong Thổ tương đối khang trang và hiện đại; các tuyến đường giao thông quan trọng được xây dựng mới và nâng cấp; hệ thống điện lưới quốc gia, thủy lợi, nước sinh hoạt, các công trình văn hóa - xã hội... được đầu tư xây dựng khá đồng bộ trên địa bàn toàn tỉnh, tác động trực tiếp vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh<sup>1</sup>... Những kết quả đó đã góp phần đưa Lai Châu ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn vào năm 2010.

Tập thể Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu đã được các cấp trao tặng nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu khu vực I về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao năm 2004; Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua năm 2005 và nhiều bằng khen do Bộ Kế hoạch

---

1. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lai Châu, *Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh Lai Châu*.



và Đầu tư, Ủy ban nhân dân tỉnh trao tặng<sup>1</sup>; đặc biệt, năm 2010 tập thể Sở Kế hoạch và Đầu tư đã vinh dự được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 - 2009 góp phần vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đây là những phần thưởng, động lực to lớn thúc đẩy tập thể, cán bộ, công chức, viên chức ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh không ngừng phấn đấu, vượt qua mọi khó khăn bộn bề của một tỉnh sau chia tách, tích cực thi đua lao động, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao ở giai đoạn tiếp theo.

## **II. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ĐỔI MỚI TRONG THAM MƯU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, GÓP PHẦN ĐƯA LAI CHÂU RA KHỎI TÌNH TRẠNG KÉM PHÁT TRIỂN (2010 - 2015)**

Bước vào năm 2010 - Năm có nhiều sự kiện chính trị quan trọng của đất nước: Kỷ niệm 80 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 120 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 65 năm Ngày thành lập nước, Đại lễ kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội, là năm diễn ra đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Đây cũng là năm nhân dân các dân tộc trong tỉnh hăng hái thi đua lao động sản xuất, quyết tâm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh đã đề ra, lập thành tích chào mừng Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XII.

Hòa chung không khí đó, tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức, lao động ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đã chung sức, đồng lòng, phát huy những thành tựu của thời kỳ đầu tỉnh mới chia tách, thành lập, tập trung đổi mới trong tham mưu, quyết liệt trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, góp phần cùng Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh vượt qua khó khăn, thử thách nội tại, phấn đấu đưa tỉnh Lai Châu ra khỏi tình trạng kém phát triển vào cuối nhiệm kỳ.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu nhiều nhiệm vụ lớn cho Đảng bộ tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, có tính chất định hướng cho sự phát triển

---

1. Báo cáo số 545/BC-KHĐT, ngày 12/12/2007, kết quả 3 năm thực hiện Luật TĐKT.

của tỉnh trong cả giai đoạn. Tham mưu nội dung về báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2005 - 2010 và dự thảo chỉ tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2010 - 2015 trong Báo cáo chính trị trình Đại hội XII Đảng bộ tỉnh, được Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XII (diễn ra từ ngày 22 - 24/9/2010) thông qua. Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá khách quan, toàn diện những thành tựu đạt được, những khuyết điểm, yếu kém, đồng thời rút ra những nguyên nhân và bài học kinh nghiệm trong 5 năm thực hiện Nghị quyết XI Đảng bộ tỉnh, quyết định sự phát triển mọi mặt của tỉnh trong chặng đường 5 năm (2011 - 2015), chuẩn bị tiền đề phát triển trong các thời kỳ tiếp theo.

Đại hội diễn ra trong điều kiện đất nước tiếp tục thực hiện toàn diện công cuộc đổi mới, tạo cho tỉnh những cơ hội mới rất thuận lợi. Đảng, Nhà nước tiếp tục có chính sách đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đang nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Các công trình thủy điện Sơn La, Huội Quảng, Bản Chát đi vào hoạt động, các tuyến giao thông từ Hà Nội lên Tây Bắc được đầu tư, tạo thuận lợi trong giao lưu phát triển kinh tế - xã hội giữa Lai Châu với các tỉnh trong vùng và cả nước. Nghị quyết 30a của Chính phủ, Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Chương trình phát triển cây cao su, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện chương trình giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới... tiếp tục triển khai thực hiện. Quốc hội, Chính phủ quyết định đầu tư Dự án thủy điện Lai Châu là cơ hội quan trọng để bố trí lại dân cư, cơ cấu lại sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông và phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè. Hạ tầng đô thị được xây dựng, các công trình được đầu tư những năm qua đang phát huy hiệu quả. Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện, tạo động lực cho sự phát triển. Đảng bộ, nhân dân các dân tộc trong tỉnh có truyền thống đoàn kết, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của Đảng. Những thành tựu, kinh nghiệm đạt được trong sự nghiệp đổi mới, 7 năm chia tách, thành lập tỉnh là tiền đề thuận lợi để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của Đảng bộ trong nhiệm kỳ tới.

Thực hiện kế hoạch 5 năm (2006 - 2010), tỉnh đã đạt được những thành tựu quan trọng, tuy nhiên Lai Châu vẫn là tỉnh nghèo, chậm phát triển, còn rất nhiều khó khăn, thách thức, nhất là về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị; trình độ phát triển không đồng đều; nhu cầu về nguồn vốn đầu tư cho phát triển rất lớn; nguồn nhân lực vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng; hệ thống chính trị, nhất là cơ sở còn yếu kém; các thế lực thù địch lợi dụng các vấn đề dân tộc, tôn giáo tiếp tục chống phá, tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định chính trị - xã hội...

Trên cơ sở những kết quả đạt được, hạn chế, yếu kém và kinh nghiệm được rút ra, Đại hội đã thống nhất thông qua Nghị quyết với mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2010 - 2015 là: “Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc, tập trung nguồn lực xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao dân trí, đẩy mạnh phát triển kinh tế nhanh, bền vững, giải quyết tốt các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, mở rộng quan hệ đối ngoại, đưa Lai Châu cơ bản ra khỏi tình trạng kém phát triển”<sup>1</sup>.

Phương hướng chung Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh xác định: Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tập trung xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội theo hướng đồng bộ, ưu tiên phát triển hệ thống giao thông, xây dựng nông thôn mới và hạ tầng đô thị. Khai thác tiềm năng, lợi thế, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung chuyên canh. Phát triển mạnh công nghiệp và dịch vụ, ưu tiên phát triển các ngành, lĩnh vực có thế mạnh. Kết hợp di dân tái định cư các công trình thủy điện với phát triển cây công nghiệp, trọng tâm là trồng cây cao su, từng bước hình thành ngành công nghiệp cao su, tạo bước đột phá chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, nông thôn.

Đại hội XII Đảng bộ tỉnh đã đề ra 8 nhóm nhiệm vụ phát triển kinh tế, 5 nhóm nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội trong giai đoạn

---

1. Đảng bộ tỉnh Lai Châu, Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XII, tr.130.

2011 - 2015, trong đó có nhiều nhiệm vụ liên quan trực tiếp mà ngành Kế hoạch và Đầu tư cần quan tâm thực hiện như: công tác quy hoạch, sắp xếp lại dân cư; phát triển các ngành công nghiệp có ưu thế; phát triển các chợ, trung tâm thương mại; phát triển khu kinh tế cửa khẩu quốc gia Ma Lù Thàng và cửa khẩu phụ U Ma Tu Khoòng. Tiếp tục thực hiện quy hoạch 3 vùng kinh tế đã xác định; xây dựng cơ chế, chính sách, tạo môi trường sản xuất, kinh doanh thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển. Tập trung xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân các điểm tái định cư. Chú trọng đầu tư phát triển cơ sở vật chất, nhân lực ngành giáo dục, y tế. Giảm nghèo nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, ưu tiên đầu tư hoàn thành hệ thống giao thông quan trọng; tạo bước đột phá về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực...

Bên cạnh đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng (từ ngày 12 - 19/01/2011) đã thông qua các văn kiện quan trọng, có ý nghĩa chiến lược, lâu dài đối với sự phát triển của đất nước: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011), Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, đồng thời đề ra mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước 5 năm (2011 - 2015).

Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đặt ra trong nhiệm kỳ khá cao, đòi hỏi phải bám sát mục tiêu phát triển, bám sát sự chỉ đạo của Trung ương, sự chỉ đạo xuyên suốt, kịp thời của các cấp ủy đảng, chính quyền; tranh thủ các nguồn lực đầu tư trên địa bàn để phát triển. Nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII quyết định, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XII đã sớm ban hành 5 nghị quyết chuyên đề, 8 đề án, 7 chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, các nghị quyết hội nghị Trung ương (khóa XI), Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh<sup>1</sup>. Theo đó, Tỉnh ủy yêu cầu các

---

1. Tỉnh ủy Lai Châu, số 206-BC/TU, ngày 11/7/2013, Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, ban, ngành tỉnh tổ chức nghiên cứu, học tập, tuyên truyền, triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo nghiêm túc, sâu rộng; tập trung xây dựng kế hoạch, chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đảm bảo thiết thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thực hiện Chỉ thị số 751/CT-TTg, ngày 03/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015), Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh và các nghị quyết chuyên đề, đề án, kết luận của Tỉnh ủy khóa XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015; căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII (kỳ họp thứ 2) thông qua Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2015<sup>1</sup>. Theo đó, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2015 đã xác định:

Mục tiêu tổng quát: Tập trung mọi nguồn lực đầu tư, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách bền vững; nâng cao chất lượng và hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ, nâng cao rõ rệt chất lượng giáo dục, đào tạo; giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội bức xúc, nhất là giải quyết việc làm, giảm nghèo, an sinh xã hội. Phát triển kinh tế đi đôi với xử lý, cải tạo và bảo vệ môi trường. Giữ vững ổn định chính trị và an toàn xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đưa Lai Châu cơ bản ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Kế hoạch đề ra 11 chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2015, đồng thời xác định 4 nhóm nhiệm vụ lớn đối với các ngành, lĩnh vực, trong đó có rất nhiều nhiệm vụ quan trọng liên quan ngành Kế hoạch và Đầu tư cần phối hợp, triển khai thực hiện như: Về phát triển các ngành kinh tế (nông - lâm nghiệp, công nghiệp, du lịch, dịch vụ); phát triển văn hóa - xã hội (giáo dục, y tế, khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường, cải cách hành chính); xây dựng nông thôn mới; phát triển kết cấu hạ tầng. Trong đó,

---

1. Nghị quyết số 11/2011/NQ-HĐND, ngày 16/7/2011 và Nghị quyết số 12/2011/NQ-HĐND, ngày 16/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kết cấu hạ tầng của tỉnh như: Hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật các đô thị; phát triển kinh tế vùng; điều chỉnh địa giới hành chính; phát triển các thành phần kinh tế; thực hiện di dân, tái định cư các dự án thủy điện...

Cùng với các nhiệm vụ trọng tâm, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2015 đã xác định 5 chương trình trọng điểm cần tập trung giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh: (1) Chương trình phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; (2) Chương trình phát triển cao su; (3) Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; (4) Chương trình xây dựng nông thôn mới; (5) Dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội huyện Mường Tè và xác định các dự án ưu tiên đầu tư trong cả giai đoạn.

Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình trọng điểm của tỉnh đề ra trong giai đoạn 2011 - 2015; nhận thức rõ trách nhiệm của ngành, Ban Giám đốc Sở đã lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị được giao đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn này như:

Trong công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội: đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020. Chủ trì phối hợp với Hội đồng cấp tỉnh thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 2 quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện, 24 quy hoạch ngành, lĩnh vực; thẩm định đề cương 5 quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện. Phối hợp với các huyện, các ngành liên quan rà soát, tổng hợp tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 4 quy hoạch tổng thể di dân tái định cư các dự án thủy điện, thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 32 khu tái định cư các dự án thủy điện. Thực hiện Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh, cấp ủy chi bộ lãnh đạo cơ quan phối hợp với các cấp, các ngành tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội thành kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, kế hoạch hằng năm; xác định những vấn đề trọng tâm, trọng điểm để tổ chức

thực hiện, đồng thời tham mưu xây dựng báo cáo kiểm điểm sơ kết, đánh giá giữa nhiệm kỳ Đại hội và kế hoạch hằng năm đã được thông qua. Công tác tham mưu xây dựng kế hoạch trong những năm qua có nhiều đổi mới, cơ bản đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, kịp thời thông tin phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh trong tình hình mới. Đến hết năm 2015, 13/17 chỉ tiêu chủ yếu cơ bản đạt và vượt so với kế hoạch; 4/17 chỉ tiêu chủ yếu và 3 chỉ tiêu lĩnh vực không đạt kế hoạch. Tập trung lãnh đạo xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020 theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Năm 2011 là năm đầu tiên triển khai thực hiện Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, công tác quy hoạch, kế hoạch và đầu tư được xác định là nhiệm vụ trọng tâm; chất lượng, tiến độ quy hoạch, kế hoạch ảnh hưởng rất lớn đến thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh. Vì vậy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tập trung tham mưu cho tỉnh triển khai nhiều nhiệm vụ quan trọng trên các lĩnh vực. Ngành đã tham mưu tổng hợp, hoàn chỉnh rà soát Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020; tổng hợp, hoàn chỉnh Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2020; tổ chức thẩm định và tham gia xây dựng đề cương - dự toán một số quy hoạch ngành, lĩnh vực của tỉnh (Quy hoạch tổng thể phát triển sự nghiệp y tế, phát thanh - truyền hình, mạng lưới trường lớp học, giao thông, điện lực, thủy lợi, lâm nghiệp, thương mại, sử dụng đất, phát triển cây cao su...); tổng hợp đề xuất các danh mục quy hoạch giai đoạn 2011 - 2015 của tỉnh Lai Châu trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư; tổ chức thẩm định quy hoạch và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (2006 - 2010) và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015) tỉnh Lai Châu; chủ động tham mưu đề xuất các giải pháp, cơ chế chính sách phù hợp, kịp thời tháo gỡ khó khăn.

Đối với công tác tham mưu cơ chế chính sách: Trong nhiệm kỳ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 9 văn



bản cụ thể hóa về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực quản lý kinh tế - xã hội vào địa bàn tỉnh<sup>1</sup>.

Công tác quản lý vốn đầu tư được ngành quan tâm triển khai hiệu quả. Hằng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ. Giai đoạn 2011 - 2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ tổng số vốn đầu tư là 14.476 tỷ đồng. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 1792/CT-TTg, ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kế hoạch vốn cho các dự án theo từng nguồn vốn đảm bảo đúng nguyên tắc; sau 3 năm thực hiện Chỉ thị, các dự án hoàn thành được bố trí vốn dứt điểm, các dự án khởi công mới bố trí đúng tỷ lệ, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải và nợ đọng xây dựng cơ bản.

Công tác thẩm định các dự án được Sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai thực hiện đảm bảo hiệu quả, phù hợp với quy hoạch, nguồn vốn và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đảm bảo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng. Từ năm 2010 - 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thực hiện thẩm định 860 dự án, số vốn tiết kiệm được sau công tác thẩm định trên 1.322 tỷ đồng. Công tác thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện đúng thời gian và quy định về quản lý đấu thầu. Sở đã thẩm định 134 kết quả lựa chọn nhà thầu, tỷ lệ tiết kiệm sau đấu thầu đạt 2% so với tổng giá trị các gói thầu được duyệt.

---

1. Các văn bản như: hướng dẫn thực hiện Nghị định số 85/2009/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu và giám sát đánh giá đầu tư theo Nghị định số 113/2009/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh; tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh về sự cần thiết xây dựng Quy hoạch phát triển sự nghiệp y tế, bảo vệ và chăm sóc nâng cao sức khỏe nhân dân; Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XI) “Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020”; Hướng dẫn thực hiện quy trình lập, thẩm định dự án theo Quyết định số 570/QĐ-TTg, ngày 17/5/2012 về bố trí ổn định dân cư biên giới giai đoạn 2012 - 2017; trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 69/2012/NQ-HĐND, ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu; ban hành Quyết định số 189/QĐ-UBND, ngày 04/3/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc ban hành cơ chế quản lý đầu tư thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu...

Công tác đăng ký kinh doanh, cấp phép và thu hút đầu tư; sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Từ năm 2010 - 2015, Sở đã cấp phép đăng ký thành lập mới cho 568 doanh nghiệp, 98 chi nhánh, văn phòng đại diện; thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh 238 doanh nghiệp; cấp giấy chứng nhận đầu tư mới cho 89 dự án; thu hồi giấy chứng nhận đầu tư của 126 dự án. Công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đảm bảo theo tiến độ, thực hiện đúng quy trình, đã và đang thực hiện cổ phần hóa 2 doanh nghiệp, thực hiện các thủ tục thoái vốn nhà nước tại 2 doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

Trong giai đoạn này, Sở đã tham mưu cho tỉnh thu hút và triển khai thực hiện đầu tư 32 dự án ODA bằng các nguồn vốn của các nhà tài trợ như: JICA, ADB, WB, OFID, Na Uy... với tổng số vốn huy động được là 1.296 tỷ đồng. Riêng dự án giảm nghèo tỉnh Lai Châu (giai đoạn 2010 - 2015), sử dụng nguồn vốn vay của Ngân hàng Thế giới (WB) được đầu tư với tổng vốn là 495.158 triệu đồng, được triển khai trong phạm vi 30 xã trên địa bàn 4 huyện. Các hợp phần của dự án được triển khai đồng bộ, có hiệu quả, góp phần vào kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo bền vững trên địa bàn vùng dự án.

Công tác thanh tra, giám sát, đánh giá đầu tư được triển khai nghiêm túc. Tổ chức triển khai 11 cuộc thanh tra và 14 cuộc kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư liên quan đến công tác quản lý chương trình, dự án của chủ đầu tư. Qua thanh tra, kiểm tra, giám sát và đánh giá đầu tư đã kiến nghị xử lý về kinh tế với số tiền 469,9 triệu đồng, đề nghị rà soát điều chỉnh lại kế hoạch vốn đầu tư, thủ tục dự án đầu tư, công tác quản lý dự án, đấu thầu, tiến độ thi công... Qua kiểm tra, giám sát các chủ đầu tư đã nghiêm túc khắc phục những tồn tại, hạn chế<sup>1</sup>.

Cùng với công tác quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, công tác đăng ký kinh doanh, thu hút đầu tư, cấp phép, ưu đãi đầu tư và sắp xếp đổi mới doanh nghiệp cũng được ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh quan tâm triển khai. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành chuẩn bị nội dung tham dự Diễn đàn xúc tiến đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn khu vực trung du miền núi phía Bắc năm 2011 tại Lào Cai. Để tăng cường thu hút đầu tư và thực hiện tốt chính sách ưu đãi đầu tư,

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2010 - 2014, phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2015 - 2020*.

năm 2011, Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư<sup>1</sup>.

Tổng kết việc thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004, tính đến năm 2012, với chức năng và nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, huyện, thị liên quan đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 46 văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư<sup>2</sup>. Trong quá trình tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Sở đã tuân thủ quy trình theo đúng Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004 và các quy định về trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh. Chất lượng các văn bản soạn thảo, ban hành ngày càng được nâng cao, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, kịp thời triển khai các chế độ chính sách mới, đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư trên địa bàn tỉnh. Do đó các văn bản quy phạm pháp luật của Sở dự thảo đều được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua, ban hành hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc tham mưu xây dựng một số văn bản thuộc lĩnh vực kế hoạch, quy hoạch, đầu tư còn chậm; Sở chưa thành lập được Phòng Pháp chế nên ảnh hưởng đến công tác tham mưu xây

---

1. Theo Quyết định số 1141/QĐ-UBND, ngày 08/8/2008 và Quyết định số 572/QĐ-UBND, ngày 21/5/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trọng tâm là: Nghị quyết số 24/2011/NQ-HĐND, ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2012 tỉnh Lai Châu; số 20/2011/NQ-HĐND, ngày 16/7/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Lai Châu giai đoạn 2012 - 2015; số 25/2011/NQ-HĐND, ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2012; Quyết định số 37/2011/QĐ-UBND, ngày 09/12/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2012; Quyết định số 12/2008/QĐ-UBND, ngày 06/5/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu...

dựng văn bản quy phạm pháp luật; công tác kiểm tra, rà soát văn bản chưa được thực hiện thường xuyên<sup>1</sup>.

Năm 2013, tỉnh tiến hành sơ kết giữa nhiệm kỳ đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động tham mưu chỉ đạo, đôn đốc và tổng hợp, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sau 2,5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh. Theo đó, sau 2,5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2015, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã có đóng góp tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong nửa đầu nhiệm kỳ; đặc biệt, một số lĩnh vực hoạt động trực tiếp do ngành tham mưu, phối hợp triển khai thực hiện đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, cụ thể như<sup>2</sup>:

Giai đoạn 2011 - 2013, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020; từng bước đầu tư kết cấu hạ tầng, phát triển các vùng kinh tế theo quy hoạch, đã hình thành 3 vùng kinh tế chính: Vùng kinh tế động lực Quốc lộ 32, 4D, vùng kinh tế nông - lâm nghiệp sinh thái sông Đà và vùng kinh tế cao nguyên Sin Hồ<sup>3</sup>.

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 30/BC-SKHĐT, ngày 17/01/2011, Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004.

2. Tỉnh ủy Lai Châu, số 206-BC/TU, ngày 11/7/2013, Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

3. Vùng kinh tế động lực Quốc lộ 32, 4D (thị xã Lai Châu, huyện Phong Thổ, Tam Đường, Tân Uyên và Than Uyên): tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp; bước đầu hình thành các vùng sản xuất tập trung; đầu tư phát triển vùng chè, chú trọng trồng chè chất lượng cao; phát triển nuôi cá nước lạnh ở huyện Tam Đường và Phong Thổ với thể tích nuôi đạt trên 30 nghìn m<sup>3</sup>. Bước đầu thu hút được một số doanh nghiệp trồng rừng sản xuất tại huyện Tam Đường, Than Uyên, Tân Uyên. Sản xuất công nghiệp tập trung vào các ngành công nghiệp phục vụ nhu cầu tại chỗ như sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản. Hoạt động thương mại phát triển nhanh, năm 2013 có 5.200 cơ sở, tăng 15% so với năm 2010; số lao động lĩnh vực thương mại khoảng 7.600 lao động, tăng 17,9% so với năm 2010. (2) Vùng kinh tế nông - lâm nghiệp sinh thái sông Đà (Mường Tè, Nậm Nhùn và các xã vùng thấp huyện Sin Hồ): Tập trung khai thác lợi thế vùng gắn với quy hoạch sắp xếp tái định cư thủy điện Sơn La, Lai Châu; từng bước đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống giao thông liên vùng, đường đến trung tâm xã. Thực hiện khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng, trồng rừng phòng hộ, thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Chương trình xây dựng nông thôn mới được tích cực chỉ đạo, triển khai thực hiện, các cấp, các ngành đã tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia; lập quy hoạch, đề án, tiến hành tổ chức thực hiện thí điểm, xây dựng cơ chế chính sách thực hiện chương trình. Đến tháng 7/2013 đã phê duyệt quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới 86/93 xã, phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới 70 xã, đạt 93,5% kế hoạch. Chỉ đạo lồng ghép nguồn vốn các chương trình như: Chương trình 30a, 135 để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển sản xuất cho các xã. Các thành phần kinh tế được quan tâm tạo điều kiện phát triển; tiếp tục sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, khuyến khích, hỗ trợ kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân phát triển; đến cuối năm 2012, trên địa bàn tỉnh có 855 doanh nghiệp, trong đó 314 doanh nghiệp có lợi nhuận sau thuế. Kinh tế tập thể được quan tâm hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, quản lý, hỗ trợ vay vốn; tổ hợp tác và hợp tác xã tăng nhanh, giải quyết việc làm cho trên 4.000 lao động. Kinh tế tư nhân tăng nhanh về số lượng, quy mô, loại hình sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn hiệu quả hoạt động còn thấp.

Tham mưu triển khai thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 20/4/2011 của Tỉnh ủy về “Lãnh đạo công tác di dân, tái định cư Dự án thủy điện Lai Châu”. Cơ bản hoàn thành công tác tái định cư Dự án thủy điện Sơn La (thực hiện tái định cư 3.564 hộ, đạt 100%). Tiếp tục ổn định sản xuất, từng bước tháo gỡ khó khăn cho các hộ tái định cư; tập trung quyết toán các dự án, phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư hoàn thành. Hoàn thành việc quy hoạch chi tiết các khu, điểm tái định cư dự án thủy điện Lai Châu; triển khai đầu tư hạ tầng thiết yếu tại các khu, điểm tái định cư, tổ chức di chuyển cho 55 hộ/1.760 hộ, đạt 3,12% kế hoạch; tái định cư khu vực mặt bằng công trình thủy điện. Rà soát quy hoạch tổng thể di dân tái định cư, bổ sung tổng mức đầu tư Dự án thủy điện Huội Quảng, Bản Chất trình Chính phủ phê duyệt; kịp thời phối hợp với Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các bộ, ngành trong việc tháo gỡ khó khăn về vốn... Trong 2 năm đã di chuyển 1.818 hộ

---

Hình thành vùng trồng cây cao su tập trung, đã trồng 8.130ha, góp phần giải quyết việc làm và nâng cao thu nhập cho nhân dân. (3) Vùng kinh tế cao nguyên Sin Hồ (9 xã vùng cao huyện Sin Hồ): thực hiện đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch đô thị thị trấn huyện Sin Hồ, nâng cấp và mở rộng hệ thống giao thông đến vùng.

(thủy điện Bản Chát hoàn thành di chuyển 1.540 hộ; thủy điện Huội Quảng 278 hộ); lũy kế đến cuối năm 2012 thực hiện di chuyển 3.568 hộ/3.760 hộ, đạt 95% (còn 192 hộ của Dự án thủy điện Huội Quảng)<sup>1</sup>.

Nhận thức nhiệm vụ phát triển kết cấu hạ tầng là một trong 4 chương trình trọng điểm của Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012 Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; giai đoạn 2011 - 2013. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu triển khai thực hiện nhiệm vụ theo chương trình đề ra, thực hiện theo chủ trương Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ; huy động được gần 10 nghìn tỷ đồng từ ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh đã có chuyển biến tích cực, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển<sup>2</sup>.

Ngành tiếp tục quan tâm tham mưu thực hiện đầu tư hạ tầng kỹ thuật tại các đô thị theo quy hoạch tương đối đồng bộ. Đầu tư thị xã Lai Châu đảm bảo đủ tiêu chí đô thị loại III, phấn đấu lên thành phố vào

---

1. Tỉnh ủy Lai Châu, số 206-BC/TU, ngày 11/7/2013, Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

2. Tỉnh ủy Lai Châu, số 206-BC/TU, ngày 11/7/2013, Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

- Hạ tầng giao thông tiếp tục được tập trung triển khai đầu tư, nâng cấp các tuyến Quốc lộ 4D; 12; 32 và thực hiện đầu tư nâng cấp, xây dựng mới một số tuyến đường quan trọng. Việc phát triển hệ thống giao thông nông thôn được chú trọng, phê duyệt đề án phát triển giao thông nông thôn giai đoạn 2011 - 2015. Toàn tỉnh có 91/96 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, đạt 93% kế hoạch; 77/96 xã có đường ô tô đến trung tâm xã đi được 4 mùa trong năm, đạt 80,2% (kế hoạch 90%); có 819 thôn bản, có đường xe máy đi lại thuận tiện, đạt 70% (kế hoạch 80%). Hoàn thành tuyến đường từ trung tâm xã Mù Sang - biên giới Việt - Trung; đang triển khai thực hiện nâng cấp đường tuần tra biên giới Ma Lù Thàng - Chợ Sì Choang. Hệ thống lưới điện trên địa bàn toàn tỉnh tiếp tục được quan tâm đầu tư. Số xã được cung cấp điện lưới là 91/108 xã, đạt 84,3%, trong đó có 88/108 xã có điện lưới quốc gia, đạt 81,5%, tăng 7 xã so với năm 2010, đạt tiến độ kế hoạch đề ra, tỷ lệ số hộ được sử dụng điện lưới quốc gia từ 58,5% năm 2010 lên 65% năm 2012, tuy nhiên chưa đạt tiến độ kế hoạch đề ra (kế hoạch đến năm 2012 đạt 82%). Hạ tầng thủy lợi, ứng phó với biến đổi khí hậu được chú trọng. Hoàn thành xây dựng 28 công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, tăng khả năng đáp ứng tưới cho 516ha lúa, nâng năng lực tưới tiêu lên 15.196ha, tăng 3,5% so với năm 2010, từng bước nâng diện tích chủ động tưới và đẩy mạnh thâm canh tăng vụ. Đã đầu tư hoàn thành 50 công trình cấp nước đáp ứng cho 28.400 người sử dụng. Đến hết năm 2012, có 69% dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh, chưa đạt tiến độ mục tiêu kế hoạch (kế hoạch đến năm 2012 đạt 84%).



năm 2014. Việc đầu tư cơ sở hạ tầng giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao được quan tâm: tỷ lệ kiên cố, bán kiên cố trường lớp học đạt 78,6%, vượt kế hoạch đề ra (tiến độ đến năm 2012 đạt 75,3%, đến năm 2015 đạt 82,5%). Đã bàn giao đưa vào sử dụng Bệnh viện Đa khoa tỉnh quy mô 300 giường bệnh, 8 trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh, 1 trường đào tạo cán bộ y tế, 1 công ty cổ phần dược vật tư y tế, 5 trung tâm y tế tuyến huyện, 7 phòng khám đa khoa khu vực, 103 trạm y tế xã, phường, thị trấn. Tuy nhiên do nguồn vốn còn khó khăn nên một số bệnh viện tuyến huyện và chuyên khoa tỉnh chưa được hoàn thiện và đầu tư trang thiết bị. Các trạm y tế xã được quan tâm đầu tư, có 16 xã (15,5%) đạt chuẩn quốc gia về y tế xã<sup>1</sup>, 100% xã, phường, thị trấn có trạm y tế. Toàn tỉnh có 338 nhà văn hóa, 4 sân vận động huyện, thị; 3 sân vận động huyện đang đầu tư. Những kết quả đạt được trên các lĩnh vực đầu tư là rất lớn, tuy nhiên, do điều kiện khó khăn về nguồn vốn nên nhiều công trình đầu tư chậm tiến độ, nhiều dự án trong kế hoạch nhưng thiếu nguồn vốn nên chưa được triển khai<sup>2</sup>.

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 05/8/2008 Hội nghị Trung ương 7 (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định những nhiệm vụ cấp bách trước mắt để tập trung tổ chức triển khai thực hiện. Từ năm 2008 - 2013, Sở đã chủ động tham gia với các sở, ngành, huyện, thị trong công tác xây dựng quy hoạch, đề án, kế hoạch 5 năm, kế hoạch hằng năm lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn như: Quy hoạch phát triển vùng cao su đại điền tỉnh Lai Châu đến năm 2020; Quy hoạch bảo vệ, phát triển rừng tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2020; Quy hoạch bảo vệ và phát triển lâm nghiệp tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2020; rà soát, điều chỉnh Quy hoạch thủy lợi giai đoạn 2006 - 2010, định hướng đến năm 2020; Quy hoạch nuôi cá nước lạnh tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2020; chương trình xây dựng nông thôn mới; đề án phát triển chăn nuôi; đề án phát triển vùng chè; đề án phát triển giao thông nông thôn; đề án cấp điện

---

1. Theo Quyết định số 3447/QĐ-BYT, ngày 22/9/2011 của Bộ Y tế về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 - 2020.

2. Tỉnh ủy Lai Châu, số 206-BC/TU, ngày 11/7/2013, Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.



sinh hoạt nông thôn; đề án xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm; chương trình kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên... Để triển khai các quy hoạch, đề án hiệu quả, Sở đã phối hợp với các ngành, địa phương xây dựng các chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp như: chính sách phát triển cây cao su, phát triển cây chè, phát triển chăn nuôi, phát triển sản xuất nông nghiệp... tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đề án đã được phê duyệt<sup>1</sup>.

Thông thường phối hợp với các sở, ngành tích cực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc đổi mới và xây dựng các mô hình kinh tế, hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn đạt được kết quả bước đầu. Công tác phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ của hợp tác xã trên địa bàn tỉnh tiếp tục được duy trì, đẩy mạnh và phát triển. Đến hết năm 2013, toàn tỉnh có 240 hợp tác xã, trong đó có 56 hợp tác xã thuộc lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 12/2008, ngày 06/5/2008; Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND, ngày 03/6/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu), tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh. Tích cực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh huy động, lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nói chung, các dự án phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn nói riêng đảm bảo hiệu quả. Trong giai đoạn 2008 - 2013, tổng các nguồn vốn đầu tư ngân sách nhà nước của tỉnh cho lĩnh vực nông nghiệp, nông dân, nông thôn khoảng 5.453.800 triệu đồng, bằng 36% tổng vốn đầu tư cho tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, đến thời điểm năm 2013, số lượng quy hoạch liên quan đến đầu tư công cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn còn thiếu (quy hoạch vùng sản xuất, quy hoạch sản phẩm...); chất lượng còn những tồn tại, hạn chế nhất định; nguồn vốn đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn hằng năm còn hạn chế, đầu tư còn dàn trải, hiệu quả đầu tư dự án chưa cao<sup>2</sup>.

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 420/BC-SKHĐT, ngày 14/6/2013, Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 420/BC-SKHĐT, ngày 14/6/2013, Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Hội nghị sơ kết 7 tháng đầu năm 2011, giao cho Sở Kế hoạch và Đầu tư trực tiếp giúp đỡ huyện Than Uyên triển khai xây dựng chương trình nông thôn mới. Thực hiện nhiệm vụ được giao năm 2011 - 2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thường xuyên phối hợp, hướng dẫn huyện trong quá trình triển khai thực hiện chương trình; cử cán bộ phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên tổ chức lớp tập huấn cho trên 120 cán bộ làm công tác nông thôn mới của 11 xã. Phối hợp tổ chức hội thảo quy hoạch xã điểm Mường Than, sau hội thảo nhiều nội dung trong quá trình lập quy hoạch được rút kinh nghiệm cho các xã khác. Đơn đốc huyện tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn mới tại xã điểm theo kế hoạch vốn đầu tư năm 2012 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giao. Đến tháng 4/2013, toàn bộ 11/11 xã đã được phê duyệt quy hoạch chung, đề án xây dựng nông thôn mới; hoàn thành 100% khối lượng công trình đường giao thông nông thôn Cẩm Chung 1, 2 và Sen Đông đưa vào sử dụng phục vụ nhân dân. Phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn xã điểm Mường Than lựa chọn phương án đầu tư năm 2013<sup>1</sup>.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu tích cực tham gia và đã có đóng góp tích cực trong phong trào thi đua ngành Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015. Đến hết tháng 8/2015, ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu đã tham mưu cho tỉnh lập mới, điều chỉnh và bổ sung 143 quy hoạch, trong đó đã phê duyệt 126 quy hoạch (4 dự án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; 25 dự án quy hoạch ngành lĩnh vực; 1 dự án quy hoạch sử dụng đất; 96 quy hoạch nông thôn mới). Tổng nguồn vốn thực hiện chương trình nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 là 6.219 tỷ đồng. Đến tháng 9/2015 trong toàn tỉnh, thực hiện tiêu chí nông thôn mới bình quân 10,6 tiêu chí/xã. Số xã đạt 19 tiêu chí: 2 xã; số xã đạt 15 -18 tiêu chí: 12 xã; số xã đạt 10 - 14 tiêu chí: 38 xã; số xã đạt dưới 5 - 9 tiêu chí: 44 xã; không có xã đạt dưới 5 tiêu chí. Nhân dịp tổng kết phong trào thi đua ngành Kế hoạch và Đầu tư xây dựng nông thôn mới, tập thể Sở Kế hoạch và

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 259/BC-SKHĐT, ngày 24/4/2013, Báo cáo kết quả giúp đỡ huyện Than Uyên triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Đầu tư Lai Châu cùng 4 cá nhân điển hình trong phong trào thi đua đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư biểu dương, khen thưởng<sup>1</sup>.

Thực hiện Đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008 - 2012 theo Quyết định số 20/2008/QĐ-TTg, ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã nhanh chóng thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện và triển khai Đề án đến các đơn vị. Ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện Đề án kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ giáo viên giai đoạn 2008 - 2012 (tại Quyết định số 980/QĐ-UBND, ngày 16/7/2008). Hằng năm có điều chỉnh, bổ sung danh mục, địa điểm và quy mô phòng học, nhà công vụ giáo viên phù hợp với điều kiện, nhu cầu thực tế của từng địa phương; phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kế hoạch vốn đảm bảo đúng theo mục tiêu, yêu cầu của Chương trình. Sau 5 năm thực hiện Đề án, với tổng kế hoạch vốn là 289.569 triệu đồng, toàn tỉnh đã đầu tư, hoàn thành đưa vào sử dụng 690 phòng học và 353 phòng công vụ, góp phần xóa phòng học 3 ca, nâng tỷ lệ phòng học kiên cố và bán kiên cố lên 80,7%; tạo điều kiện về cơ sở vật chất giúp tỉnh hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và giáo dục trung học cơ sở vào năm 2009 và đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi tại 82 xã, phường, thị trấn và thị xã Lai Châu<sup>2</sup>.

Ngày 10/4/2013, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã kịp thời xây dựng chương trình hành động của ngành thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW. Là một tỉnh mới chia tách, điều kiện nguồn vốn ngân sách tỉnh còn nhiều hạn chế, nhận thức rõ vai trò của việc vận động và sử dụng nguồn vốn ODA, nên công tác vận động, thu hút vốn ODA luôn được tỉnh quan

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 944/BC-SKHĐT, ngày 21/9/2015, Báo cáo phong trào thi đua "Ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2011 - 2015.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 107/KHĐT-VX, ngày 13/02/2013 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Báo cáo rà soát danh mục Đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008 - 2012 và nhu cầu kiên cố hóa phòng học bậc mầm non tỉnh Lai Châu.

tâm, chú trọng. Giai đoạn 2005 - 2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai lập nhiều dự án thuộc các lĩnh vực để kêu gọi đầu tư bằng nguồn vốn ODA. Hầu hết các dự án đều đã được Chính phủ Việt Nam, nhà tài trợ thông qua và triển khai thực hiện. Tổng vốn ODA thu hút đạt 1.060.220 triệu đồng cho các dự án do địa phương quản lý thuộc các nguồn vốn JICA, OFID, Na Uy, Hàn Quốc, WB... tổng mức đầu tư các dự án là 415.512 triệu đồng. Từ năm 2004 - 2012, tỉnh Lai Châu đã vận động được khoảng 104.453 triệu đồng từ các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo của tỉnh, chủ yếu là các lĩnh vực về y tế, giáo dục, nông nghiệp, vệ sinh môi trường... Giai đoạn 2007 - 2012, Chính phủ Việt Nam đã ký kết hiệp định với Chính phủ Đan Mạch về khoản viện trợ không hoàn lại Chương trình hỗ trợ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (với hợp phần của tỉnh Lai Châu là 133.453 triệu đồng). Sở đã xác định mục tiêu chung là sử dụng nguồn vốn ODA hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân các xã vùng sâu, vùng xa góp phần đưa nền kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển và hội nhập vững chắc<sup>1</sup>.

Riêng việc đầu tư sử dụng nguồn vốn ODA đối với giáo dục và đào tạo giai đoạn 2004 - 2014, tỉnh đã và đang thực hiện đầu tư xây dựng 603 phòng học, 136 phòng công vụ giáo viên, 85 phòng ở nội trú cho học sinh, 55 phòng học bộ môn và phòng học chức năng. Riêng số phòng học đã và đang được đầu tư từ nguồn vốn hỗ trợ này chiếm gần 10% số phòng học toàn tỉnh... góp phần bổ sung cơ sở vật chất cho các trường lớp học, từng bước xóa phòng học tạm, phòng học nhờ, nâng tỷ lệ kiên cố hóa và bán kiên cố phòng học toàn tỉnh lên 82,4%<sup>2</sup>.

Thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo giai đoạn 2005 - 2012 trên địa bàn tỉnh Lai Châu, với chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu huy động tổng nguồn vốn đầu tư từ ngân

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 377/BC-SKHĐT, ngày 04/6/2013, Báo cáo đề xuất chương trình hành động của ngành thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 263/KHĐT, ngày 25/3/2015, về việc ban hành báo cáo đánh giá chất lượng, hiệu quả các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức nước ngoài (ODA) đối với giáo dục và đào tạo giai đoạn 2004 - 2014 trên địa bàn tỉnh.

sách nhà nước cho các nhiệm vụ giảm nghèo là 2.086 tỷ đồng. Hằng năm, sau khi được Trung ương giao kế hoạch vốn, Sở đã phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước và vốn đầu tư để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung, nhiệm vụ các chương trình giảm nghèo nói riêng trên địa bàn toàn tỉnh. Việc bố trí vốn đảm bảo nguyên tắc: đúng đối tượng thụ hưởng, đúng các mục tiêu của chương trình; ưu tiên thực hiện các chính sách cấp thiết, cấp bách và các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu. Chủ trương xã hội hóa trong công tác đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nói chung, thực hiện các nhiệm vụ giảm nghèo nói riêng đã được cụ thể hóa thông qua các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế của tỉnh còn nhiều khó khăn, cơ sở hạ tầng còn yếu kém, nguồn lực hạn chế, nguồn thu ngân sách hằng năm thấp, phải trợ cấp trên 90% ngân sách từ Trung ương. Do vậy việc huy động, sử dụng các nguồn lực xã hội trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ giảm nghèo đối với Lai Châu còn hạn chế. Việc lồng ghép và quản lý các nguồn vốn được thực hiện theo nguyên tắc ưu tiên đầu tư các dự án cấp bách, hiệu quả trước, song vẫn phải đảm bảo đúng mục tiêu, đúng đối tượng của từng nguồn vốn được huy động để lồng ghép (giai đoạn 2005 - 2012 tổng vốn đã lồng ghép được là 261,3 tỷ đồng). Tuy nhiên, Lai Châu là tỉnh miền núi khó khăn, có địa hình chia cắt mạnh, mật độ dân cư thấp, đồng bào sống phân bố rải rác, trình độ dân trí thấp do đó gây khó khăn cho việc tuyên truyền, vận động các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và việc huy động các nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân còn ở mức thấp. Giai đoạn 2005 - 2012, có rất nhiều chương trình, dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh, nhưng đều có một mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho người dân, thực hiện xóa đói giảm nghèo nhanh và bền vững, do đó việc lồng ghép nguồn vốn trên địa bàn còn hạn chế<sup>1</sup>.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa XI), Chính phủ và các bộ, ngành địa phương đã tập trung ban hành văn bản thực hiện tái cơ cấu trong lĩnh vực đầu tư công. Trong đó, tập trung căn bản vào

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 842/BC-SKHDT, ngày 30/9/2013, Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo, giai đoạn 2005 - 2012 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

đổi mới cơ chế và quản lý sử dụng vốn, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, phân tán và lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu tư nhà nước. Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 24/02/2011 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu tập trung kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu cho tỉnh bố trí tập trung vốn cho các công trình hoàn thành, chuyển tiếp, hạn chế thấp nhất khởi công mới, chỉ khởi công các công trình cấp bách, phục vụ an sinh xã hội. Hằng năm, trên cơ sở kế hoạch vốn Trung ương giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến phương án phân bổ chi tiết trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng của nguồn vốn, sát với yêu cầu và điều kiện thực tế trên từng địa bàn; qua đó phát huy hiệu quả đầu tư, thu hút thêm nhiều nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển. Tổng huy động vốn đầu tư phát triển từ vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2013 là 10.462 tỷ đồng, chiếm 66,7% tổng vốn đầu tư trên địa bàn, tăng so với giai đoạn 2006 - 2010 (giai đoạn 2006 - 2010 là 10.132 tỷ đồng, chiếm 60,7% tổng vốn đầu tư trên địa bàn). Tỉnh đã tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, từng bước cải thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông của tỉnh<sup>1</sup>.

Tham mưu thực hiện Quyết định số 1341/QĐ-UBND về việc phê duyệt kế hoạch sắp xếp, chuyển đổi và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu giai đoạn 2012 - 2015, theo đó ngành đã tham mưu thực hiện cổ phần hóa 3 doanh nghiệp (Công ty TNHH Chè Tam Đường; Công ty TNHH Xây dựng và cấp nước Lai Châu; riêng Công ty TNHH Thủy điện Mường Tè thực hiện trong năm 2015); thực hiện thoái vốn nhà nước 2 doanh nghiệp (Công ty Cổ phần Giống vật tư Lai Châu; Công ty Cổ phần Thương mại tỉnh Lai Châu); thực hiện bàn giao quyền đại diện chủ sở hữu về Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) 2 doanh nghiệp (Công ty cổ phần Trà Than Uyên, Công ty cổ phần Thương mại tỉnh Lai Châu). Đối với việc phân loại, sắp xếp các doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo Quyết định số 14/2011/QĐ-TTg, ngày 04/3/2011

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 102/BC-SKHĐT, ngày 12/02/2014, Báo cáo việc thực hiện tái cơ cấu kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công và doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước. Trên cơ sở số lượng doanh nghiệp nhà nước đang hoạt động trên địa bàn tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp, chuyển đổi giai đoạn 2011 - 2015 gồm: 2 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; 4 doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện cổ phần nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; 2 doanh nghiệp đã thực hiện cổ phần; 3 doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa giai đoạn 2012 - 2015. Sau khi thực hiện sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sang mô hình công ty TNHH, công ty cổ phần, tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có sự khởi sắc rõ rệt, tự chủ trong kinh doanh, mở rộng quy mô đầu tư, tăng năng suất lao động, đem lại lợi nhuận cho doanh nghiệp và góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh<sup>1</sup>.

Năm 2013, kỷ niệm 10 năm chia tách, thành lập tỉnh, cùng với các hoạt động chuẩn bị hướng tới sự kiện kỷ niệm, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng báo cáo kết quả 10 năm sau chia tách tỉnh Lai Châu về tình hình phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020. Báo cáo nêu rõ trong 10 năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc Lai Châu đã vượt qua khó khăn, thách thức, vận dụng những thời cơ, khai thác tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế - xã hội đưa Lai Châu ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, từng bước rút ngắn khoảng cách phát triển với vùng và cả nước. Sau tổng kết tình hình 10 năm chia tách thành lập; sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp, Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2011 - 2015, tỉnh Lai Châu tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, chỉ đạo đẩy mạnh triển khai việc thực hiện nhiệm vụ nửa sau của nhiệm kỳ 2010 - 2015 và phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2013 - 2015. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đã cùng với các cấp, các ngành phối hợp triển khai quyết liệt các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp nhằm tham mưu hoàn thành thắng lợi mục tiêu

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 102/BC-SKHĐT, ngày 12/02/2014, Báo cáo việc thực hiện tái cơ cấu kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công và doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.



các nghị quyết, kế hoạch của tỉnh đề ra. Trong đó, ngành đã kịp thời tham mưu rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về những rào cản làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Lai Châu<sup>1</sup>. Theo đó, báo cáo rà soát đã đánh giá thực trạng (thành tựu và hạn chế) quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế (theo GDP giá hiện hành) trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2006 - 2013<sup>2</sup>; xác định những rào cản làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, từ đó kiến nghị các giải pháp tổ chức thực hiện đến năm 2015.

Đúc kết lại thành tựu, hạn chế, ngành đã chỉ ra những rào cản làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, trong đó tập trung vào các vấn đề như: xuất phát điểm thấp, vị trí địa lý, địa hình không thuận lợi; quy mô nền kinh tế nhỏ; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thấp kém, không đồng bộ; nguồn nhân lực kém về chất lượng; Đảng và Nhà nước chưa có chính sách ưu đãi, đặc thù dành

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 72/BC-SKHĐT, ngày 22/01/2014, Báo cáo những rào cản làm chậm quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Lai Châu.

2. Đối với chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng khá nhanh, giai đoạn 2006 - 2013 đạt 13,2%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng ngành nông, lâm, thủy sản, tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ, từng bước rút ngắn khoảng cách với các tỉnh trong khu vực; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, thu nhập bình quân đầu người năm 2013 đạt 14,45 triệu đồng, tăng 3,5 lần so với năm 2006. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần: Cơ cấu các thành phần kinh tế đã có sự chuyển dịch đáng kể theo hướng sắp xếp lại và đổi mới khu vực kinh tế nhà nước, phát huy tiềm năng của thành phần kinh tế dân doanh, kinh tế hợp tác và các thành phần kinh tế khác. Giai đoạn 2006 - 2012, đóng góp của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh tăng dần (năm 2006 đóng góp gần 60%, năm 2012 tăng lên 67%), đóng góp của khu vực kinh tế nhà nước giảm dần (năm 2006 đóng góp trên 40%, năm 2012 giảm xuống 32,6%). Ngoài những kết quả đạt được, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Lai Châu còn tồn tại nhiều hạn chế, khó khăn, nhất là trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần. Cụ thể như: Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế còn chậm và thiếu bền vững, chưa chuyển dịch theo hướng công nghiệp hiện đại và phát triển theo chiều sâu, dịch vụ chất lượng cao. Việc thu hút vốn đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp rất hạn chế. Cơ cấu lĩnh vực dịch vụ chuyển dịch chậm. Thu hút đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu còn hạn chế, hoạt động xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh còn nhỏ bé, chưa có mặt hàng xuất khẩu chủ lực, ổn định. Dịch vụ du lịch có nhiều tiềm năng, lợi thế nhưng chưa thu hút được các nhà đầu tư. (2) Các thành phần kinh tế chưa đủ sức phát triển và cạnh tranh; các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản nên phụ thuộc lớn vào ngân sách nhà nước, thiếu việc làm, khó tiếp cận vốn vay, hiệu quả hoạt động thấp. Trình độ quản lý doanh nghiệp còn hạn chế, thiếu năng động, hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại kém hiệu quả. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, hợp tác xã gặp nhiều khó khăn, hiệu quả thấp. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài còn thấp, hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp chưa cao...

riêng cho các tỉnh khó khăn, miền núi; chính sách biên mậu của phía Trung Quốc thường xuyên thay đổi, chưa thông thoáng; trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ tổ chức quản lý chậm đổi mới; sức ép về giải quyết việc làm và thực hiện chính sách xã hội làm chậm quá trình chuyển dịch sang các ngành kỹ thuật cao; thu ngân sách của tỉnh thấp, nội lực thiếu, nguồn lực có hạn, tài nguyên ít và khó khai thác, phụ thuộc ngân sách Trung ương...

Từ đó, tham mưu xác định 6 nhóm giải pháp thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh đến năm 2015: (1) Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế và trong nội bộ từng ngành; (2) Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, ưu tiên phát triển mạnh kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế; (3) Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với chuyển dịch cơ cấu kinh tế; (4) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh; (5) Tạo điều kiện thuận lợi, bình đẳng cho các thành phần kinh tế phát triển; (6) Giải pháp về cơ chế, chính sách.

Năm 2015, là năm tổng kết, đánh giá thực hiện kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011 - 2015 và chuẩn bị điều kiện để triển khai kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) nên khối lượng công việc của tỉnh nói chung và của ngành Kế hoạch và Đầu tư là rất lớn, phải hoàn thành nhiều nhiệm vụ quan trọng như công tác thẩm định quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội các huyện, ngành; đánh giá, tổng hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2011 - 2015), xây dựng kế hoạch 5 năm (2016 - 2020), kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020... Bên cạnh đó, năm 2015 là năm đầu tiên triển khai thực hiện các luật mới có hiệu lực như: Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng sửa đổi, Luật Doanh nghiệp... Trong khi đó, các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa của Trung ương chưa kịp thời, dẫn đến việc triển khai nhiệm vụ còn nhiều khó khăn, lúng túng. Xác định trách nhiệm của ngành trong năm rất nặng nề nên Ban Giám đốc Sở đã chỉ đạo các phòng, ban chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể và ban hành kế hoạch công tác ngay từ đầu năm, tổ chức triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ theo chức năng, nhiệm vụ của ngành. Từ đó, công tác tham mưu quản lý về quy hoạch, kế hoạch đã từng bước được nâng lên, kịp thời thích ứng với các thay đổi của hàng loạt chủ trương, chính sách

mới; chủ động đề xuất, tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh trong lĩnh vực được giao, quản lý đảm bảo đáp ứng về tiến độ thời gian, chất lượng<sup>1</sup>. Bên cạnh đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020; tổng hợp, xây dựng và đăng ký nhu cầu, phân bổ điều chỉnh vốn dự án di dân tái định cư thủy điện Huội Quảng, Bản Chát và Lai Châu; phân bổ kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ năm 2015, nguồn vốn di dân, tái định cư thủy điện Sơn La...

Thực hiện quy định của Luật Đầu tư công, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ thẩm định chủ trương đầu tư giai đoạn 2016 - 2020. Tính đến tháng 12/2015, Sở đã tham mưu cho Hội đồng thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư trên 70 dự án đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 sử dụng vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương.

Năm 2015, Sở đã chủ trì, phối hợp tổ chức tham dự Hội nghị Xúc tiến đầu tư và an sinh xã hội vùng Tây Bắc năm 2015 tại tỉnh Sơn

---

1. Nổi bật như: thẩm định Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 của 6 huyện (Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Than Uyên, Phong Thổ, Mường Tè, Tam Đường); Quy hoạch phát triển mạng lưới trường lớp học ngành giáo dục và đào tạo đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển vùng kinh tế nông - lâm sinh thái sông Đà tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030. Thẩm định đề cương và dự toán trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các quy hoạch: phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao, quy hoạch quảng cáo ngoài trời đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Tham mưu chủ trương lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến năm 2035... Rà soát quy hoạch tổng thể di dân tái định cư thủy điện Lai Châu; xây dựng phương án phát triển kinh tế khu vực đỉnh đèo Hoàng Liên Sơn... Cùng với công tác quy hoạch, Sở đã tham mưu đánh giá hệ thống các chỉ tiêu kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) theo yêu cầu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Kế hoạch tổng thể xây dựng công trình phòng, chống xói, lở bảo vệ bờ và cồn, bãi trên sông suối biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc giai đoạn II (2016 - 2020) và Chương trình đầu tư xây dựng hệ thống đường tuần tra biên giới giai đoạn II (2016 - 2020); xây dựng Kế hoạch thực hiện cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2015 - 2016; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội thảo PCI nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; tổng hợp, xây dựng danh mục chuẩn bị đầu tư và lập chủ trương đầu tư theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016 - 2020.

La; tham dự Hội chợ Công nghiệp - Thương mại vùng Tây Bắc năm 2015 tại Lai Châu; rà soát danh mục dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2010 - 2015 và xây dựng danh mục dự án kêu gọi đầu tư tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2016 - 2020. Phối hợp với các sở, ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị đối thoại với trên 100 doanh nghiệp... trên địa bàn tỉnh để kịp thời nắm bắt, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh. Kiện toàn nhân sự cho Dự án WB toàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2018; tổ chức thành công hội thảo tổng kết 5 năm thực hiện Dự án, khởi động dự án giai đoạn bổ sung (2015 - 2018).

Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được triển khai trong bối cảnh nền kinh tế nước ta có nhiều thay đổi, chính sách của Nhà nước tiếp tục được hoàn thiện. Trong quá trình thực hiện vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt là việc chưa hoàn thiện của các văn bản quy phạm pháp luật dẫn đến sự thay đổi, điều chỉnh một cách thường xuyên; sự mất cân đối giữa nhu cầu đầu tư lớn trong khi khả năng đảm bảo ngân sách chỉ có hạn. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tập trung phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức rà soát, xây dựng kế hoạch theo các nguyên tắc Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn. Đến ngày 13/02/2015, Sở đã trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Báo cáo xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 để trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Báo cáo đã đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2011 - 2015; đề ra các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 như: tập trung vào việc triển khai thực hiện các luật và nghị định liên quan đến đầu tư công, tăng cường huy động vốn từ nhiều nguồn khác nhau, nâng cao chất lượng lập dự án và thẩm định, tăng cường thanh tra, kiểm tra các dự án, xử lý nghiêm các sai phạm, nâng cao trách nhiệm của chủ đầu tư, tăng cường giám sát đầu tư cộng đồng, thuê tư vấn độc lập kiểm tra chất lượng dự án để đảm bảo hiệu quả và minh bạch<sup>1</sup>...

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 166-SKHDT, ngày 13/02/2015, về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần thứ 2).

Thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg, ngày 21/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung cơ chế đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã kịp thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành cơ chế quản lý đầu tư thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Sở đã thực hiện nhiệm vụ cơ quan thành viên Ban Chỉ đạo chương trình nông thôn mới của tỉnh. Đến tháng 11/2015, Sở đã phối hợp triển khai thực hiện 436 công trình, với tổng số vốn 319,4 tỷ đồng. Trong quá trình triển khai thực hiện nghị quyết của Chính phủ, đối với lĩnh vực kế hoạch và đầu tư cũng gặp phải nhiều khó khăn, vướng mắc, nhất là về cơ chế, chính sách và các văn bản hướng dẫn của Trung ương chưa đồng bộ; cùng với đó, trình độ cán bộ những xã đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, tỷ lệ hộ đói nghèo cao, người dân sống rải rác, việc phân cấp cho xã thực hiện những công trình áp dụng cơ chế đặc thù sẽ gây khó khăn cho xã trong quá trình triển khai thực hiện... nên hiệu quả triển khai thực hiện còn hạn chế<sup>1</sup>.

Thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010 - 2015 và Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh. Với tư cách thành viên Ban Chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch hàng năm, thực hiện lồng ghép các nguồn lực để củng cố các hoạt động ứng phó với những thiên tai một cách chủ động. Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2010 - 2015 là 121.000 triệu đồng (trong đó vốn sự nghiệp 1.000 triệu đồng; vốn đầu tư là 120.000 triệu đồng). Phối hợp triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp ứng phó trong giai đoạn ngắn hạn (2011 - 2020) và các giải pháp ứng phó trong giai đoạn dài hạn (sau năm 2020). Sau 5 năm triển khai, Chương trình đã hỗ trợ cho tỉnh đánh giá được mức độ tác động của biến đổi khí hậu đối với từng ngành, lĩnh vực và địa phương trong từng giai đoạn theo các kịch bản biến đổi khí hậu, từ đó đã xây dựng được kế hoạch hành động, đề ra các biện pháp, giải pháp có trọng tâm, trọng điểm chủ động ứng phó

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 1219/SKHĐT-KTN, ngày 23/11/2015 về việc báo cáo tình hình thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù xây dựng nông thôn mới.

kip thời với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các tầng lớp nhân dân về biến đổi khí hậu<sup>1</sup>.

Triển khai nghị quyết, kết luận và các chương trình, kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế vùng, liên kết vùng; Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2010 (thông qua tại Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 06/6/2005 của Tỉnh ủy). Căn cứ chương trình hành động của Tỉnh ủy, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực; xây dựng các đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm, các chương trình trọng điểm; phối hợp các cấp, các ngành tham mưu cho tỉnh xác định và xây dựng các chương trình trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với từng giai đoạn<sup>2</sup>. Bên cạnh việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, đề án cụ thể, việc xây dựng và ban hành các chính sách phát triển kinh tế - xã hội cũng được tỉnh chú trọng quan tâm chỉ đạo thực hiện phù hợp với điều kiện của tỉnh.

---

1. Báo cáo số 981/BC-SKHĐT, ngày 30/9/2015 về tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010 - 2015.

2. Năm 2006: Xây dựng đề án “Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2010” theo tinh thần Nghị quyết số 37-NQ/TW của Bộ Chính trị; Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu đến năm 2020. Năm 2013: xây dựng Đề án “Phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, đưa Lai Châu cơ bản ra khỏi tình trạng kém phát triển vào năm 2015 và trở thành tỉnh có trình độ phát triển trung bình khu vực miền núi phía Bắc vào năm 2020”. Giai đoạn 2006 - 2010, xây dựng 6 chương trình (chương trình xóa đói giảm nghèo; phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; tái định cư thủy điện Sơn La và các thủy điện khác; phát triển kinh tế cửa khẩu; đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị; đảm bảo quốc phòng, an ninh); giai đoạn 2011 - 2015, xây dựng 4 chương trình: phát triển cơ sở hạ tầng; xóa đói giảm nghèo; phát triển cây cao su; xây dựng nông thôn mới. Ngoài ra, tỉnh còn triển khai thực hiện các chương trình kiên cố hóa trường lớp học, chương trình khoa học kỹ thuật, thông tin... các đề án: Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đề án phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao giai đoạn 2015 - 2020...

Sau hơn 10 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, Kết luận số 26-KL/TW của Bộ Chính trị, tỉnh Lai Châu đạt được nhiều kết quả quan trọng, đưa Lai Châu cơ bản thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn. Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đầu tư được cải thiện rõ rệt. Hoàn thành toàn bộ công tác di dân tái định cư thủy điện Sơn La, Bản Chát, Lai Châu. Lĩnh vực văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ; chính trị xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng. Bên cạnh các kết quả đạt được, nền kinh tế của tỉnh còn những hạn chế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt khá song chưa bền vững, quy mô nền kinh tế còn nhỏ; chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa thật vững chắc; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu; chất lượng giáo dục chênh lệch giữa các vùng, công tác chăm sóc sức khỏe cho người dân còn hạn chế; giảm nghèo chưa bền vững; an ninh trật tự ở một số vùng đồng bào dân tộc còn tiềm ẩn các nhân tố gây mất ổn định. Việc hợp tác liên kết vùng giữa tỉnh Lai Châu với các tỉnh trong và ngoài nước còn hạn chế, chưa phát huy và khai thác được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh<sup>1</sup>.

Triển khai thực hiện Quyết định số 832/QĐ-UBND, ngày 31/7/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2020, với chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp tốt với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện tổ chức thẩm định đề cương, dự toán và thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, đảm bảo tiến độ, chất lượng và đúng theo quy định. Giai đoạn 2014 - 2015, Sở đã tham mưu Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của 4 huyện (Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Than Uyên, Phong Thổ) và tham gia quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Tam Đường... Sở đã chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các chủ đầu tư tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ các nguồn vốn, giao kế hoạch đảm bảo

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 726<sup>a</sup>/SKHĐT-TH, ngày 26/7/2015, về việc ban hành báo cáo đề xuất cơ chế chính sách phối hợp và liên kết vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.



thời gian, đúng đối tượng, theo đúng Chỉ thị số 1792/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ<sup>1</sup>.

Để đảm bảo thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII, nhiệm kỳ 2010 - 2015 đã đề ra, Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII đã ban hành 137 nghị quyết trên tất cả các lĩnh vực. Để triển khai cụ thể hóa và tổ chức thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, với chức năng, nhiệm vụ của ngành, Sở cùng các cấp, các ngành tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiều nhiệm vụ quan trọng. Công tác tham mưu lập và phê duyệt các quy hoạch, đề án được chú trọng quan tâm hàng đầu, làm cơ sở pháp lý cho việc triển khai kế hoạch hằng năm. Trong 5 năm, Sở đã thẩm định, đề nghị phê duyệt 9 đề án cấp tỉnh trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội. Việc triển khai thực hiện các đề án đã góp phần cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh vào mọi mặt của đời sống xã hội, nhất là các đề án: Tái cơ cấu ngành nông nghiệp, phát triển vùng chè tập trung chất lượng cao, ổn định sản xuất và đời sống vùng tái định cư các thủy điện, giảm nghèo nhanh và bền vững, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao chất lượng giáo dục,... Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành 4 văn bản về cơ chế, chính sách thuộc lĩnh vực quản lý đầu tư.

Hằng năm, trên cơ sở các chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, định hướng của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII, Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước và dự toán ngân sách địa phương hằng năm; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết của Chính phủ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, vốn đầu tư. Tăng cường công tác nắm bắt cơ sở về tình hình triển khai thực hiện

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 743/SKHĐT, ngày 28/7/2015, Báo cáo về việc triển khai thực hiện Chương trình hành động Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2020.

các kế hoạch; thường xuyên tham mưu đánh giá tình hình định kỳ và tổ chức một số hội nghị chuyên đề, đặc biệt là hội nghị về xây dựng cơ bản, đối thoại doanh nghiệp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho sản xuất, kinh doanh...

Bên cạnh những kết quả tích cực, việc tham mưu cụ thể hóa các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIII cũng còn những hạn chế nhất định như: Chất lượng công tác xây dựng quy hoạch, đề án còn hạn chế, tiến độ thực hiện chậm. Mục tiêu, nhiệm vụ quy hoạch đặt ra nhiều, chông chéo giữa các chương trình, đề án, song nguồn lực để thực hiện thiếu, kết quả thực hiện còn thấp. Việc xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch vốn đầu tư hàng năm vẫn chưa có nhiều đổi mới, một số mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội chưa gắn với yếu tố thị trường. Việc đôn đốc, theo dõi thực hiện kế hoạch ở một số đơn vị còn thiếu quyết liệt, kết quả đạt được còn hạn chế. Một số dự án đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp như thủy điện, khai khoáng triển khai chậm, chưa phát huy hiệu quả. Công tác thu hút đầu tư, phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Quản lý đầu tư công còn yếu nhiều mặt, thủ tục rườm rà, tiến độ triển khai chậm, tình trạng kết dư kế hoạch vốn và chuyển nguồn sang năm sau chưa được giải quyết dứt điểm, việc thực hiện quyết toán còn chậm; tình hình sản xuất và kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã còn nhiều khó khăn, năng lực cạnh tranh thấp<sup>1</sup>.

Thực hiện Quyết định số 1577/QĐ-UBND, ngày 07/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về công tác phổ biến giáo dục pháp luật, Sở đã xây dựng kế hoạch theo giai đoạn và kế hoạch hàng năm. Ngày 26/4/2012, Sở đã ban hành Quyết định số 255/KH-KHĐT về kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật. Từ năm 2008 - 2012, Sở đã tổ chức 8 hội nghị về công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, với tổng số trên 400 lượt người tham dự, trung bình 1 năm tổ chức 2 hội nghị. Nội dung pháp luật được lựa chọn tuyên truyền chú trọng đến các lĩnh vực như: Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, Luật Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phòng chống các tệ nạn xã hội, thực hiện quy chế dân chủ

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 121/SKHĐT, ngày 03/02/2016, Dự thảo báo cáo tham luận việc cụ thể hóa và triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh trong nhiệm kỳ 2011 - 2016.

cơ sở; chú trọng quán triệt, học tập, triển khai các chuyên đề cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; vận động mỗi cán bộ, công chức đăng ký ít nhất 2 việc làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Xây dựng Tủ sách pháp luật, cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các cuộc thi tìm hiểu pháp luật do các sở, ban, ngành, đoàn thể phát động. Nhìn chung, sau 4 năm thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật, nhận thức pháp luật của cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức lao động trong cơ quan đã có nhiều chuyển biến rõ nét; cơ quan không có vi phạm pháp luật, không có đơn thư khiếu nại, tố cáo, cán bộ trong cơ quan luôn nêu cao khẩu hiệu: “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”<sup>1</sup>.

Sở đã thực hiện thống kê rà soát thủ tục hành chính, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành bộ thủ tục hành chính liên quan đến lĩnh vực đăng ký kinh doanh, cấp giấy chứng nhận đầu tư; danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2010 - 2015. Trên cơ sở các chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư đã được ban hành, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối bố trí kế hoạch vốn ưu đãi đầu tư cho các dự án thuộc các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư của tỉnh. Với những điều kiện thuận lợi về thủ tục đầu tư và chính sách ưu đãi đầu tư, trong những năm qua trên địa bàn tỉnh đã thu hút được nhiều tổ chức, cá nhân vào đầu tư sản xuất kinh doanh, góp phần đáng kể vào việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Công tác đăng ký thành lập doanh nghiệp có bước chuyển biến tích cực cả về chất lượng và thời gian xử lý hồ sơ từ khi thực hiện trên hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia; từ năm 2007 đến ngày 30/6/2012, đã đăng ký cho 742 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký là 4.275.844 triệu đồng; cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho 235 dự án. Từ việc tham mưu ban hành và triển khai thực hiện tốt Nghị quyết số 91/2007/NQ-HĐND, hoạt động thu hút đầu tư tại Lai Châu đã có những thay đổi mạnh mẽ, số dự án cũng như số vốn đầu tư được cấp giấy chứng nhận đầu tư tăng dần qua các năm. Một số dự án sau khi đi vào hoạt động đã khai thác được tiềm năng, thế mạnh sẵn

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 509/BC-SKHĐT, ngày 27/7/2012, Báo cáo tổng kết công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012.

có ở địa phương, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên, mức tăng giữa các năm không ổn định, đặc biệt là số vốn đăng ký, đa phần là các dự án có quy mô vừa và nhỏ<sup>1</sup>.

Nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính đối với hiệu quả, chất lượng của hoạt động công vụ và nâng cao sự hài lòng của người dân; cụ thể hóa Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2015, ngày 20/4/2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2012 - 2015. Kế hoạch đặt ra 3 mục tiêu, 6 nhiệm vụ, 3 nhóm giải pháp lớn để triển khai đồng bộ trong cả giai đoạn. Tính đến tháng 5/2015, Sở đã tham mưu, thực hiện đầu tư 89 trụ sở xã kiên cố 2 tầng; 13 trụ sở xã kiên cố 1 tầng lợp mái ngói, mái tôn; 6 trụ sở xã có nhà tạm. Tổng vốn đầu tư thực hiện cả giai đoạn là 115.933 triệu đồng. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư gồm 149 thủ tục, trong đó có 103 thủ tục về đăng ký doanh nghiệp, 40 thủ tục về cấp Giấy chứng nhận đầu tư được niêm yết công khai tại cơ quan và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở. Trong giai đoạn 2011 - 2015, thực hiện cơ chế “một cửa” trong cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 433 doanh nghiệp và 108 chi nhánh, văn phòng đại diện; thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho 900 lượt doanh nghiệp; thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của 178 doanh nghiệp. Từ khi triển khai thực hiện Nghị định số 43/2010/NĐ-CP, số ngày giải quyết thủ tục cấp mới giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 5 ngày (giảm 33 ngày so với giai đoạn trước năm 2010); từ ngày 15/01/2015, rút ngắn thời gian đăng ký thành lập doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh từ 5 ngày xuống 3 ngày<sup>2</sup>.

Ngày 14/10/2011, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thành lập Ban Chỉ đạo áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 gồm 10 thành viên; chỉ đạo phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 465/BC-SKHĐT, ngày 11/7/2012, Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 91/2007/NQ-HĐND, ngày 20/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh.

2. Sở kế hoạch và Đầu tư, số 475/BC-SKHĐT, ngày 22/5/2015, Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính giai đoạn I (2011 - 2015).

tại các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở. Ngày 17/10/2011, Sở ban hành Quyết định số 37a/QĐ-SKHĐT về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2008. Ngày 30/12/2011, hệ thống quản lý chất lượng Sở Kế hoạch và Đầu tư đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2000 và Giấy chứng nhận trong hoạt động tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính về kế hoạch và đầu tư đã được đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008. Ngay trong năm 2011, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng và duy trì áp dụng 1 Sổ tay chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, trong đó gồm 12 quy trình, 6 quy định. Từ năm 2012, 100% các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở về công tác lưu trữ tài liệu, công văn đi, đến đều rõ ràng, dễ quản lý và tra cứu theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008<sup>1</sup>. Ngày 09/4/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư công bố 10 lĩnh vực hoạt động của Sở phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008<sup>2</sup>. Hệ thống ISO tại Sở Kế hoạch và Đầu tư đã giúp vận hành cơ chế “một cửa” và “một cửa liên thông” có hiệu quả hơn, tránh sự chồng chéo, bất hợp lý; giải quyết công việc chuyên môn theo đúng quy trình, thủ tục, đảm bảo chính xác và đúng thời gian; thái độ giao tiếp với cơ quan, đơn vị đến liên hệ công tác được cải thiện hơn.

Bên cạnh việc tham mưu, phối hợp triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ, ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cũng đã quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện tốt công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, triển khai và tham gia nhiều hoạt động, phong trào thi đua do các cấp, ngành phát động. Các hoạt động văn hóa, xã hội, nhân đạo, từ thiện, giảm nghèo, giải quyết việc làm... được quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện với nhiều hình thức phong phú.

Từ năm 2012, cấp ủy Chi bộ đã chủ trì tổ chức Hội nghị quán triệt, học tập, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 1044/BC-SKHĐT, ngày 28/11/2013, Báo cáo kết quả triển khai hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2008 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 13<sup>A</sup>/QĐ-SKHĐT, ngày 09/4/2015, Quyết định về việc công bố Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay” và các kế hoạch, hướng dẫn của Tỉnh ủy cho toàn thể đảng viên trong Chi bộ; yêu cầu đảng viên tự giác, trung thực kiểm điểm đối với những việc đã làm, thẳng thắn chỉ ra hạn chế, khuyết điểm, xác định việc cần phải làm ngay, đề ra giải pháp khắc phục. Hằng năm, cấp ủy Chi bộ tiếp tục duy trì phổ biến, quán triệt thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 gắn với thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tập thể cấp ủy, Ban Giám đốc, đảng viên đã nghiêm túc kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo tinh thần của Nghị quyết. Qua kiểm điểm đã giúp tập thể và cá nhân nâng cao tinh thần, trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao; chủ động xây dựng kế hoạch và đưa ra các giải pháp khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, hạn chế theo lộ trình. Đến năm 2015 việc khắc phục, sửa chữa khuyết điểm, hạn chế sau kiểm điểm của tập thể và cá nhân đảm bảo triệt để; tinh thần, ý thức đấu tranh tự phê bình và phê bình của đảng viên được nâng lên, khắc phục được tư tưởng nể nang, e ngại trong việc tham gia góp ý với đồng nghiệp. Các đồng chí trong Ban Giám đốc và Ban Chi ủy đã thường xuyên nắm bắt diễn biến tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống đối với cán bộ, đảng viên<sup>1</sup>.

Thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW, ngày 14/5/2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, Chỉ thị số 1973/CT-TTg, ngày 07/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; cấp ủy, Ban Giám đốc Sở đã khẩn trương phối hợp tổ chức tuyên truyền, quán triệt, triển khai Chỉ thị cho 100% đảng viên, cán bộ, công chức lao động trong cơ quan. Cấp ủy đã ban hành Chương trình hành động bổ sung nội dung tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh vào Nghị quyết nhiệm kỳ 2010 - 2015. 100% cán bộ, đảng viên đã tham gia đăng ký nội dung làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh gắn với nhiệm vụ, công việc của bản thân, đảng viên đăng ký ít nhất 2 việc; quần chúng đăng ký ít nhất

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 699/BC-SKHĐT, ngày 16/7/2015, Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.

1 việc làm theo<sup>1</sup>; đánh giá kết quả tại các buổi sinh hoạt Chi bộ, cơ quan.

Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI), Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị đã góp phần phòng ngừa, ngăn chặn được tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên trong cơ quan. Cán bộ, đảng viên luôn chấp hành tốt các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội quy, quy chế của cơ quan, không có cán bộ, công chức, viên chức mắc tệ nạn xã hội, vi phạm pháp luật.

Thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-UBND, ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2012 - 2020, Sở đã giao cho phòng chuyên môn và Đoàn Thanh niên xây dựng kế hoạch hành động thực hiện Chương trình phát triển thanh niên giai đoạn 2012 - 2020 và hàng năm. Đồng thời, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành liên quan cân đối, phân bổ nguồn vốn để đảm bảo đầu tư, phát triển các đề án, dự án, chương trình phát triển thanh niên của tỉnh trong nguồn ngân sách hàng năm và theo giai đoạn. 100% thanh niên trong Sở thường xuyên được học tập, tuyên truyền phổ biến nghị quyết của các cấp ủy đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến đời sống, học tập và việc làm của thanh niên; được phổ biến tình hình nhiệm vụ của địa phương, đất nước. Trên 90% thanh niên thường xuyên tập luyện ít nhất một môn thể thao, tham gia đầy đủ các hội thi do các cơ quan, khối, cụm thi đua tổ chức đạt kết quả cao. 100% thanh niên được tuyên truyền về Luật Nghĩa vụ quân sự. 100% thanh niên trong lực lượng dân quân tự vệ tham gia đầy đủ chương trình huấn luyện theo quy định của Bộ Quốc phòng; tham gia đầy đủ về công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu hộ cứu nạn; cử cán bộ đủ điều kiện đi bồi dưỡng và nâng cao năng lực về quản lý nhà nước, năng lực chuyên môn. 100% cán bộ, công chức nói chung và thanh niên nói riêng không mắc các tệ nạn xã hội. Hàng năm, cấp ủy, Ban Giám đốc tổ chức 2 - 3 buổi gặp gỡ, đối thoại với thanh niên; duy trì thường xuyên các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao; tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề... tạo điều kiện cho thanh niên nâng cao đời sống

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 138/BC-KHĐT, ngày 07/3/2013, Báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Chỉ thị số 1973/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tám gương đạo đức Hồ Chí Minh.



vật chất, tinh thần để phát triển toàn diện. Bên cạnh đó, cấp ủy, Ban Giám đốc Sở luôn tạo điều kiện cho thanh niên tham gia các hoạt động tình nguyện vì an sinh xã hội, vì cuộc sống cộng đồng; tình nguyện tham gia phát triển kinh tế - xã hội<sup>1</sup>.

Từ năm 2009, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã được công nhận “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”. Sau 5 năm liên tục thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; chấp hành tốt nếp sống văn minh, môi trường văn hóa công sở; chăm lo công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; chấp hành nghiêm các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chú trọng triển khai công tác của Đảng, đoàn thể; hưởng ứng tích cực phong trào thi đua do các cấp, ngành phát động... với những thành tích đạt được, năm 2014, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị và được Ủy ban nhân dân thành phố Lai Châu công nhận lại danh hiệu “Cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”<sup>2</sup>.

Nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu chuyên nghiệp, hiện đại, phù hợp với các quy định của pháp luật; đáp ứng với mục đích, yêu cầu cải cách hành chính, quy chế dân chủ, xây dựng dân vận chính quyền của tỉnh. Ngày 12/01/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-SKHĐT về Quy chế Văn hóa công sở. Quy chế gồm có 5 chương, 14 điều, quy định rõ về các nội dung như: Quy định chung; trang phục, giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; bài trí công sở; xử lý vi phạm; tổ chức thực hiện. Việc ban hành và thực hiện Quy chế Văn hóa công sở là căn cứ để Hội đồng Thi đua, khen thưởng của Sở xét thi đua, khen thưởng đối với tập thể và cá nhân vào các đợt khen thưởng xuất theo chuyên đề, khen thưởng xuyên vào cuối năm. Sau khi Quy chế ban hành, các phòng, ban, trung tâm thuộc Sở đã tích cực phổ biến, quán triệt nội dung Quy chế và được toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong đơn vị hưởng ứng, triển khai nghiêm túc.

Công đoàn cơ sở luôn quan tâm, nắm tâm tư của công đoàn viên; tổ chức các hoạt động nhân các ngày lễ, tết, xây dựng khối đoàn kết của cơ

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 925/BC-SKHĐT, ngày 14/9/2015, Báo cáo sơ kết giai đoạn I thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Lai Châu giai đoạn 2012 - 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 1425/SKHĐT-VP, ngày 12/11/2014, Báo cáo thành tích 05 năm đề nghị công nhận lại “cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”.

quan. Tổ chức cho đoàn viên tham gia các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ, hoạt động nhân đạo, từ thiện do các cấp, ngành phát động; giới thiệu đoàn viên để kết nạp vào Đảng, phát huy vai trò là tổ chức bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho đoàn viên. Năm 2012, được Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng Cờ cho đơn vị công đoàn cơ sở vững mạnh có phong trào thi đua xuất sắc.

Để thực hiện toàn diện, hiệu quả các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ, trong giai đoạn 2010 - 2015, công tác cán bộ của ngành luôn được quan tâm bổ sung, kiện toàn, đảm bảo tổ chức bộ máy của ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu nói chung, của Sở Kế hoạch và Đầu tư nói riêng luôn vững về chí, mạnh về lực, triển khai thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ được giao.

Ngày 15/6/2010, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 754/QĐ-UBND về việc thành lập Ban Quản lý dự án giảm nghèo tỉnh Lai Châu giai đoạn 2010 - 2015 (gọi tắt là Ban WB), theo đó, Ban WB là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Ngày 26/8/2010, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quyết định số 37/QĐ-SKHĐT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Thời điểm này, cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở gồm Ban Giám đốc 4 đồng chí, 8 phòng chuyên môn, Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư; Ban Quản lý dự án giảm nghèo (WB).

Giai đoạn 2010 - 2015, Ban Giám đốc Sở tiếp tục được điều chỉnh, củng cố, kiện toàn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Tháng 01/2010, ông Lê Minh Trân được tỉnh bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, theo nguyện vọng cá nhân, ngày 19/01/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 99/QĐ-UBND về việc chuyển công tác đối với ông Lê Minh Trân - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu về Bộ Tài nguyên và Môi trường, kể từ ngày 01/02/2012. Tháng 4/2013, ông Vũ Mạnh Hùng - Giám đốc Sở thôi giữ chức vụ Giám đốc. Để kịp thời kiện toàn nhân sự lãnh đạo, quản lý cho ngành, ngay trong tháng 4/2013, tỉnh quyết định bổ nhiệm ông Đặng Trần Thắng giữ chức vụ Giám đốc Sở; tháng 10/2013, ông Vũ Huy Hòa được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở. Ngày 15/6/2014, ông Nguyễn Công Biên - Chủ tịch

Ủy ban nhân dân huyện Tân Uyên được điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở; tháng 9/2014, ông Đặng Văn Châu thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở. Tháng 01/2015, tỉnh bổ nhiệm ông Hoàng Đại Thắng giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở. Đến thời điểm này, Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu gồm 4 đồng chí.

Bên cạnh việc kiện toàn tổ chức bộ máy, công tác đào tạo bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ được Sở quan tâm triển khai. Trong giai đoạn 2011 - 2015, Sở đã cử 15 lượt công chức trong nguồn quy hoạch cán bộ giai đoạn 2010 - 2015 đi đào tạo chương trình cao cấp lý luận chính trị; 10 lượt đi học trung cấp lý luận chính trị; 12 lượt đi đào tạo chương trình chuyên viên chính; 40 lượt đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ; trong đó có 5 lượt là cán bộ dân tộc thiểu số. Đến năm 2015, 4/4 lãnh đạo Sở (100%) hoàn thành các chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo quy định; 100% các lãnh đạo cấp phòng tại Sở đã đáp ứng đủ các yêu cầu đối với lãnh đạo cấp phòng theo tiêu chuẩn Quy định<sup>1</sup>. Từ năm 2010 - 2015, Sở đã thực hiện quy hoạch chức danh trưởng phòng và tương đương cho 21 đồng chí; quy hoạch phó trưởng phòng và tương đương cho 16 đồng chí; bổ nhiệm 23 lượt cán bộ viên chức<sup>2</sup>. Đến cuối năm 2015, cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở có 10 phòng, ban, đơn vị sự nghiệp; với tổng số cán bộ công chức, viên chức lao động là 66 đồng chí, trong đó 37 đồng chí là đảng viên (đảng viên nữ 8 đồng chí chiếm 22%; đảng viên là dân tộc thiểu số 6 đồng chí chiếm 16,2%). Trình độ chuyên môn: thạc sỹ 9 đồng chí chiếm 13,6%; đại học 47 đồng chí chiếm 71,2%; cao đẳng 2 đồng chí chiếm 3%; trung cấp 5 đồng chí chiếm 7,6%, công nhân kỹ thuật (lái xe) 3 đồng chí chiếm 4,5%. Trình độ lý luận chính trị: cử nhân 1 đồng chí chiếm 1,5%; cao cấp 12 đồng chí chiếm 18%; trung cấp 16 đồng chí chiếm 24,2%. Trình độ quản lý nhà nước: chuyên viên chính 8 đồng chí chiếm 12,1%; chuyên viên 47 đồng chí chiếm 72%. Đội ngũ lãnh đạo quản lý, công chức, viên chức của Sở đã đáp ứng yêu cầu trong công tác tham mưu, hoạch định chính sách, quy hoạch ngành Kế hoạch và Đầu tư... góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 1176/BC-SKHĐT, ngày 11/11/2015, Báo cáo tổng kết thực hiện Quyết định số 1374/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 306/SKHĐT, ngày 30/3/2017, Báo cáo số liệu cán bộ.

Triển khai thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tích cực triển khai chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và đạt được một số kết quả quan trọng. Đã xây dựng xong đề án vị trí việc làm đến từng phòng, ban, trung tâm, từng cán bộ, công chức, viên chức; từng bước xây dựng cơ cấu đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức một cách hợp lý; đổi mới cơ chế, chính sách tuyển dụng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm, luân chuyển. Ngày 20/8/2015, Sở đã ban hành Đề án tinh giản biên chế Sở Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, Đề án đã đề ra các mục tiêu, xác định các phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, đồng thời, Đề án cũng đã dự kiến số lượng người tinh giản, số lượng người nghỉ theo chế độ và kinh phí của từng năm (từ năm 2015 đến năm 2021) trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt<sup>1</sup>.

Xác định công tác thi đua, khen thưởng là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, liên tục, là cơ sở, động lực để tổ chức, cá nhân phấn đấu, thi đua thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được giao. Cấp ủy, Ban Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư đã quán triệt, triển khai nghiêm túc Luật Thi đua, khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi đua, khen thưởng năm 2005 và các nghị định, hướng dẫn thi hành trong Đảng ủy, cơ quan. Xây dựng quy chế làm việc và kiện toàn, củng cố Hội đồng Thi đua, khen thưởng, Hội đồng sáng kiến cải tiến kỹ thuật. Hằng năm, cơ quan đều xây dựng kế hoạch tổ chức các phong trào thi đua; tiến hành đăng ký thi đua với khối Tổng hợp, với Ban Thi đua, khen thưởng tỉnh và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; ký kết nội dung giao ước thi đua cụ thể với phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã ngay từ đầu năm làm cơ sở bình, xét thi đua. Việc họp, bình xét thi đua, khen thưởng theo đúng Luật Thi đua, khen thưởng và văn bản hướng dẫn của cấp trên, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, dân chủ, khen thưởng đúng người, đúng việc; phát động các phong trào thi đua yêu nước gắn với nhiệm vụ chuyên môn và thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của tỉnh<sup>2</sup>. Nhằm tôn vinh những đóng góp cho

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 833/SKHĐT, ngày 20/8/2015, Đề án tinh giản biên chế.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 253/BC-SKHĐT, ngày 26/4/2012, Báo cáo đánh giá 8 năm thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng.

Trong 8 năm thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng (từ năm 2004 đến năm 2011), tập thể Sở Kế hoạch và Đầu tư được Thủ tướng Chính phủ tặng cờ thi đua cho đơn vị dẫn đầu

sự nghiệp kế hoạch, đầu tư của tỉnh, nhân kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống ngành Kế hoạch và Đầu tư (31/12/1945 - 31/12/2015), Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư đã trao tặng Giấy khen cho 21 tập thể và 31 cá nhân đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, sản xuất, kinh doanh góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Kế hoạch và Đầu tư (Quyết định số 57/QĐ-SKHĐT, ngày 08/12/2015).

Với nhiệm vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kế hoạch và đầu tư; trong 5 năm qua, với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực vào kết quả đạt được trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của địa phương: Tổng thu nhập tính theo đầu người của tỉnh (GRDP) tăng từ 8 triệu đồng năm 2010 lên hơn 18 triệu đồng năm 2015, vượt ngưỡng thu nhập thấp từ 750 USD trở xuống. Chỉ số phát triển con người được nâng lên đáng kể nhờ cải thiện thu nhập, tiến bộ rõ nét trong phát triển văn hóa - xã hội. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hệ thống giao thông, điện, thủy lợi, nước sinh hoạt, các công trình văn hóa - xã hội, thương mại, du lịch... được quan tâm đầu tư và cải thiện rõ rệt; hệ thống đô thị phát triển nhanh, xây dựng khang trang hiện đại, đồng bộ; đặc biệt năm 2013, thị xã Lai Châu được công nhận lên thành phố Lai Châu. 100% xã có đường ô tô, điện lưới quốc gia đến trung tâm xã; 87% dân số đô thị được sử dụng nước sạch, 75% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh... Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh từ trên 46% năm 2010 xuống còn 20,9% năm 2015<sup>1</sup>.

---

phong trào thi đua năm 2005 và Bằng khen của Thủ tướng cho 1 đơn vị xuất sắc của Sở; Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen cho 12 lượt đơn vị, Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho 12 lượt đơn vị có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; đặc biệt năm 2010 được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Đối với cá nhân: Thủ tướng Chính phủ tặng 5 Bằng khen cho cá nhân, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tặng Bằng khen cho 11 lượt cá nhân; Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho 29 lượt cá nhân có thành tích xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ được giao; Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận 25 lượt chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư công nhận 113 lượt chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 188 lượt lao động tiên tiến. Những thành tích trên đã động viên, khích lệ cán bộ, đảng viên, công nhân viên chức lao động trong cơ quan nhiệt tình hưởng ứng, tích cực tham gia các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, góp phần trực tiếp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của ngành được giao.

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020*.

Với đóng góp không nhỏ của tập thể cán bộ, công chức, viên chức Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2010 - 2015, góp phần từng bước đưa Lai Châu ra khỏi tình trạng kém phát triển; các cấp, bộ, ngành đã đánh giá cao và tặng nhiều phần thưởng cao quý như: Năm 2012, Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho 3 cá nhân có thành tích xuất sắc trong quá trình công tác (ông Vũ Mạnh Hùng - Giám đốc Sở; ông Đặng Văn Châu - Phó Giám đốc Sở; ông Nguyễn Hữu Mai - Phó Giám đốc Sở); năm 2014, Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì cho ông Đặng Trần Thắng - Giám đốc Sở “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 - 2013, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc”; năm 2015, Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2010 đến năm 2014, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Từ năm 2010 - 2014, Thủ tướng Chính phủ tặng 9 bằng khen cho các cá nhân; các cấp bộ, tỉnh tặng 58 bằng khen cho tập thể và cá nhân cán bộ, công chức Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu. Những danh hiệu, phần thưởng cao quý trên là sự ghi nhận, động viên kịp thời để tập thể, cán bộ, công chức, viên chức ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh tiếp tục phấn đấu, tích cực thi đua hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao trong hành trình mới<sup>1</sup>.

### **III. NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TRONG THAM MƯU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, HUY ĐỘNG CÁC NGUỒN LỰC XÂY DỰNG TỈNH LAI CHÂU PHÁT TRIỂN NHANH VÀ BỀN VỮNG (2015 - 2023)**

#### **1. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đổi mới sáng tạo, phát huy vai trò tham mưu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đưa tỉnh Lai Châu trở thành tỉnh phát triển trung bình so với các tỉnh trong khu vực miền núi phía Bắc (2015 - 2020)**

Sau 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đặc biệt là, trong 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, Việt Nam đã tranh thủ thời cơ, thuận

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2010 - 2014, phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2015 - 2020*.

lợi, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, nhất là những tác động tiêu cực của hai cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế khu vực và toàn cầu, đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng, đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng đã thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, trong đó xác định một số chỉ tiêu chủ yếu, có liên quan tới nhiệm vụ của ngành Kế hoạch và Đầu tư như: Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Xây dựng cơ cấu kinh tế công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ hiện đại, hiệu quả. Tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ chiếm khoảng 85% trong GDP. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động; tỷ lệ lao động nông nghiệp khoảng 30 - 35% lao động xã hội... Thực hành tiết kiệm trong sử dụng mọi nguồn lực. Kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, với một số công trình hiện đại. Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 45%. Số xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới khoảng 50%. Đồng thời, đề ra 3 đột phá chiến lược, trong đó có chiến lược “Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn” có liên quan trực tiếp tới nhiệm vụ của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Tỉnh sau 12 năm chia tách, thành lập đạt được những kết quả có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt là sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2011 - 2015; dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các cấp, các ngành, các doanh nghiệp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết nhất trí, khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội đề ra, cơ bản đưa Lai Châu ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 30/5/2014 của Bộ Chính trị về đại hội đảng các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, từ ngày 13 đến ngày 15/10/2015 đã diễn ra Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020 tại Trung tâm Hội nghị văn hóa tỉnh. Về dự Đại hội có 300 đại biểu đại diện cho gần 23.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ tỉnh. Đại hội có ý nghĩa quan trọng, quyết định chủ trương, định hướng phát triển của tỉnh trong 5 năm tới. Trên tinh



thần đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới, với chủ đề: “Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng bộ; phát huy sức mạnh đoàn kết các dân tộc, đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; đảm bảo quốc phòng, an ninh; phát triển toàn diện, nhanh và bền vững, đưa Lai Châu thành tỉnh trung bình trong khu vực miền núi phía Bắc”. Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được, chỉ rõ những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, Đại hội đã thống nhất đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp để lãnh đạo xây dựng và phát triển tỉnh đến năm 2020.

Những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh có liên quan tới công tác quy hoạch, kế hoạch và đầu tư giai đoạn 2010 - 2015 được Đại hội nhận định, đánh giá cao như: Kinh tế phát triển khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng xác định; sản lượng lương thực, diện tích cây công nghiệp tăng nhanh; các ngành công nghiệp có lợi thế được quan tâm phát triển; thu ngân sách trên địa bàn tăng cao; hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển khá; hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện. Văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển; chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên. Chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh bảo đảm, quan hệ đối ngoại được mở rộng. Bên cạnh đó, cũng còn những tồn tại, hạn chế có liên quan tới ngành như: Một số chỉ tiêu (12/34 chỉ tiêu cụ thể của 16 chỉ tiêu chủ yếu) chưa đạt Nghị quyết Đại hội. Lai Châu vẫn là tỉnh nghèo, kinh tế phát triển chưa bền vững, quy mô nhỏ, hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ. Văn hóa - xã hội có mặt phát triển chậm; đời sống vật chất, tinh thần một bộ phận nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới còn nhiều khó khăn. Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh thấp; hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, điều hành của chính quyền một số nơi còn yếu...

Từ kiểm điểm, đánh giá sâu sắc những kết quả cũng như những hạn chế, yếu kém, Đại hội đã rút ra 6 kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, trong đó có nội dung liên quan trực tiếp tới ngành Kế hoạch và Đầu tư như: Nghiêm túc quán triệt và vận dụng sáng tạo các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để cụ thể hóa thành những cơ chế, chính sách của tỉnh phù hợp với thực tiễn địa phương. Phát huy nội lực, tập trung khai thác các

thế mạnh của địa phương; đồng thời tranh thủ sự giúp đỡ của các ban, bộ, ngành Trung ương và mọi nguồn lực đầu tư để tự lực vươn lên. Trong điều kiện khó khăn về nguồn lực phải biết chọn lĩnh vực, khâu đột phá để tập trung chỉ đạo và đầu tư. Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư, phát triển kinh tế với văn hóa - xã hội, kinh tế với quốc phòng, an ninh; vừa tập trung xây dựng nông thôn mới, vừa đẩy mạnh đô thị hóa; giữ vững ổn định chính trị, tăng cường công tác đối ngoại... Đại hội xác định phương hướng: “Duy trì và nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; khai thác hiệu quả, hợp lý tiềm năng, lợi thế để phát triển các ngành kinh tế, trọng tâm là phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới”<sup>1</sup>.

Cùng với các cơ quan, đơn vị, địa phương, ngành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh trong bối cảnh thế và lực cùng sức mạnh tổng hợp của đất nước tăng lên, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được khẳng định, tạo ra những tiền đề quan trọng để thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đối với tỉnh Lai Châu, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020 được Chính phủ phê duyệt, các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã cơ bản hoàn thành là cơ sở quan trọng cho đầu tư phát triển. Các tuyến giao thông từ Hà Nội lên Tây Bắc tiếp tục được đầu tư, tạo thuận lợi cho giao lưu, phát triển kinh tế - xã hội giữa Lai Châu với các tỉnh trong vùng và cả nước. Đảng, Quốc hội, Chính phủ ngày càng quan tâm và nhận thức rõ hơn về vai trò của công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước, địa phương mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ lịch sử. Trung ương tiếp tục có chính sách ưu tiên đầu tư, hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi. Các công trình thủy điện Sơn La, Huội Quảng, Bản Chát đi vào hoạt động cùng với hệ thống hồ thủy điện hình thành, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển. Hệ thống pháp luật liên quan đến công tác quy hoạch, kế hoạch, đầu tư ngày càng được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, minh bạch cho quá trình tham mưu, triển khai nhiệm vụ của ngành. Hệ thống cơ sở hạ tầng được củng cố, giao thông, điện, nước và thông tin liên lạc từng bước được bao phủ

---

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XIII*, tháng 11/2015, tr.54.

rộng khắp đến hầu hết các xã, tạo điều kiện phát triển kinh tế - văn hóa, xã hội, nâng cao nhận thức của nhân dân.

Tuy nhiên, ngành cũng sẽ gặp không ít khó khăn, thách thức như: Lai Châu vẫn là tỉnh còn nhiều khó khăn. Chất lượng tăng trưởng kinh tế và tích lũy nội bộ của nền kinh tế thấp, quy mô nền kinh tế nhỏ; công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển. Hạ tầng kinh tế - xã hội, giao thông chưa đồng bộ, xa các trung tâm kinh tế lớn. Cùng với những khó khăn của tỉnh vùng cao, biên giới, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp thấp; một bộ phận cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ; cải cách hành chính có mặt chưa đáp ứng yêu cầu; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ở một số địa phương, cơ sở tiềm ẩn những nhân tố mất ổn định... là những yếu tố khó khăn, thách thức, nếu không được khắc phục kịp thời sẽ là lực cản cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhằm phát huy những thành quả đạt được, khắc phục khó khăn, thử thách để đạt được các mục tiêu đề ra, ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh phải phối hợp tham mưu cho tỉnh ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án tổng thể, toàn diện để từ đó xác định phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp trong cả giai đoạn; đề xuất, kiến nghị với Trung ương về cơ chế, chính sách đáp ứng yêu cầu phát triển.

Căn cứ Nghị quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 16/10/2015 Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020; Chỉ thị số 22/CT-TTg, ngày 05/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 08/CT-UBND, ngày 22/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016 - 2020), Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh tỉnh Lai Châu 5 năm giai đoạn 2016 - 2020<sup>1</sup>. Theo đó, Kế hoạch xác định mục tiêu tổng quát là: “Tiếp tục nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế; cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội; khai thác hiệu quả, hợp lý tiềm năng, lợi thế để phát triển các ngành kinh tế, trọng tâm

---

1. Được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 136/2015/NQ-HĐND, ngày 11/12/2015; Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND, ngày 11/12/2015.

là phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chú trọng công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội. Tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, bảo đảm giữ gìn biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị, kiên quyết đấu tranh làm thất bại âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; mở rộng, nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại. Phát triển toàn diện, nhanh và bền vững, đưa Lai Châu thành tỉnh trung bình trong khu vực miền núi phía Bắc”.

Đồng thời, Kế hoạch xác định 9 chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020<sup>1</sup>, đề ra 7 nhiệm vụ phát triển kinh tế, 6 nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội, 3 nhiệm vụ nhằm tăng cường công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại, 3 nhiệm vụ xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh. Cũng trong Kế hoạch này, tỉnh xác định 3 chương trình trọng điểm để triển khai trong cả giai đoạn: (1). Chương trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới. (2). Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. (3). Chương trình nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cấp cơ sở.

Việc tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016 - 2020) là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành,

---

1. Xác định 9 chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2020: (1). Tốc độ tăng trưởng GRDP trên 10%/năm. Cơ cấu kinh tế: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 20%; Công nghiệp, xây dựng 38%; Dịch vụ 42%. GRDP bình quân đầu người 40 triệu đồng. (2). Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 200.000 tấn; diện tích cây chè đạt trên 4.500ha; tỷ lệ che phủ rừng trên 50%; 35 - 40% xã đạt chuẩn nông thôn mới. (3). Thu ngân sách trên địa bàn trên 2.000 tỷ đồng. (4). Kim ngạch xuất nhập khẩu tăng bình quân trên 10%/năm; giá trị xuất khẩu hàng địa phương tăng bình quân trên 7%/năm. (5). 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã, mặt đường được cứng hóa; trên 90% thôn, bản có đường xe máy, ô tô đi lại thuận lợi; trên 95% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; trên 95% dân số đô thị được sử dụng nước sạch; trên 85% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. (6). Giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia các cấp học: mầm non 37%, tiểu học 44%, trung học cơ sở 33%, trung học phổ thông 39%. (7). Trên 70% xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; 12 bác sĩ/1 vạn dân; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 17,43‰; tỷ lệ giảm sinh bình quân 0,5‰/năm; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 20%. (8). Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 3 - 4%/năm; giải quyết việc làm mới cho lao động trong độ tuổi trên 7.000 lao động/năm; đào tạo nghề trên 6.000 lao động/năm; tỷ lệ lao động qua đào tạo trên 50%. (9). 85% hộ gia đình, 65% thôn, bản, khu phố, 95% cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa.

các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh. Vì vậy, Sở đã hướng dẫn các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn và hằng năm của ngành, địa phương đảm bảo phù hợp, thiết thực, hiệu quả.

Thực hiện Chương trình hành động số 1169/CTr-UBND, ngày 28/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg, ngày 19/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phát động thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2015 - 2020, ngày 11/7/2016, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 1169/CTr-UBND cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và Kế hoạch 5 năm (2016 - 2020) theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng bộ tỉnh. Kế hoạch xác định các nhiệm vụ cần triển khai như: Chủ động nghiên cứu, đề xuất, phát động các phong trào thi đua trong lĩnh vực được giao quản lý, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, hiệu lực, hiệu quả. Tiếp tục chỉ đạo tổ chức có hiệu quả các phong trào thi đua đã phát động; đồng thời, tổ chức phát động phong trào thi đua từ nay đến năm 2020 với chủ đề “Đoàn kết, sáng tạo, thi đua xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”, phấn đấu thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2016 và kế hoạch 5 năm (2016 - 2020). Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng các điển hình tiên tiến, qua đó tạo không khí thi đua sôi nổi, cổ vũ các tập thể, cá nhân phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, quyết tâm phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chính trị của cơ quan<sup>1</sup>.

Thực hiện chủ trương của Thường trực Tỉnh ủy tại Thông báo số 09-TB/VPTU, ngày 14/12/2015, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức Hội nghị Xúc tiến Đầu tư và Quảng bá Du lịch tỉnh Lai Châu lần thứ nhất. Đây là Hội nghị quan trọng cấp quốc gia, do

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 733/KH-SKHĐT, ngày 11/7/2016, Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 1169/CTr-UBND, ngày 28/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg, ngày 19/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu chủ trì, phối hợp cùng với Ban Chỉ đạo Tây Bắc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam đồng tổ chức. Hội nghị diễn ra vào ngày 27/4/2016 tại Trung tâm Hội nghị Văn hóa tỉnh Lai Châu, với sự tham gia của trên 400 đại biểu, bao gồm lãnh đạo Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương; đại diện lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư 8 tỉnh (Lào Cai, Sơn La, Yên Bái, Điện Biên, Hòa Bình, Phú Thọ, Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh); một số cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, lãnh đạo các sở, ngành tỉnh, các cơ quan thông tấn báo chí trong và ngoài tỉnh... Với vai trò, nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị, xây dựng đầy đủ các nội dung, văn kiện, chương trình kịch bản đảm bảo kịp thời, chất lượng; biên tập, phát hành sách và đĩa phóng sự “Lai Châu tiềm năng phát triển và cơ hội đầu tư”; chủ trì phối hợp với các sở, ngành xây dựng danh mục dự án trọng điểm kêu gọi thu hút đầu tư vào tỉnh Lai Châu... Nhờ có sự chuẩn bị chu đáo, kịp thời, ngành đã tham mưu cho tỉnh phối hợp tổ chức thành công Hội nghị, góp phần giới thiệu về tiềm năng, lợi thế, định hướng phát triển của tỉnh và giới thiệu các cơ hội đầu tư, cơ chế chính sách ưu đãi hỗ trợ đầu tư đối với các nhà đầu tư; quảng bá và khẳng định hình ảnh du lịch Lai Châu đến công chúng, các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Sau Hội nghị Xúc tiến Đầu tư và Quảng bá Du lịch tỉnh Lai Châu lần thứ nhất, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục tham mưu triển khai các nội dung như: (1) Thông báo, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh tiếp cận nguồn vốn tín dụng 100 tỷ đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh tỉnh Lai Châu để thực hiện các chương trình, dự án lĩnh vực nông nghiệp và du lịch. (2) Phối hợp Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định danh mục dự án đầu tư đối với khoản tài trợ 70 tỷ đồng thực hiện hoạt động an sinh xã hội, gồm 8 dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, 1 dự án lĩnh vực y tế. (3) Đối với khoản tài trợ 10 tỷ đồng để thực hiện công tác quy hoạch nông nghiệp, du lịch, trên cơ sở đề xuất của các ngành liên quan, Sở đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định danh mục 5 dự án quy hoạch<sup>1</sup>.

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 792/SKHĐT-TH, ngày 22/7/2016, Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sau Hội nghị Xúc tiến Đầu tư và Quảng bá Du lịch tỉnh Lai Châu lần thứ nhất.

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tổng kết 13 năm (2004 - 2017) thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam. Với chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã kịp thời đánh giá những kết quả đạt được, đồng thời chỉ ra những hạn chế, yếu kém trong công tác thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Lũy kế đến ngày 30/6/2017, trên địa bàn tỉnh Lai Châu có 7 dự án đầu tư nước ngoài được cấp giấy chứng nhận đầu tư, tuy nhiên hiện chỉ còn 1 dự án đang triển khai hoạt động (dự án liên doanh đá đen Lai Châu). Dự án được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy phép số 1891/GP, ngày 25/4/1997 và giấy phép điều chỉnh số 1891/GPĐC2, ngày 14/3/2005, với mục tiêu là khai thác chế biến đá phiến nhằm phục vụ cho nhu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu sang Úc, Đài Loan; lũy kế giá trị thực hiện đến thời điểm báo cáo đạt 2.891.746 USD. Bên cạnh kết quả đạt được, việc thu hút đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh thời gian qua bộc lộ nhiều khó khăn, do những thách thức của một tỉnh miền núi, biên giới mới chia tách với xuất phát điểm thấp, các chính sách thu hút đầu tư chưa đủ mạnh... dẫn tới môi trường đầu tư của tỉnh chưa hấp dẫn; công tác xúc tiến đầu tư chưa hiệu quả, dẫn đến hạn chế trong việc thu hút đầu tư nói chung cũng như đầu tư trực tiếp nước ngoài nói riêng vào địa bàn tỉnh. Để khắc phục phần nào những khó khăn, hạn chế trên, ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài như: Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, chú trọng thu hút các dự án có công nghệ tiên tiến; nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền về cơ chế chính sách và môi trường đầu tư của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng và Website của tỉnh; tăng cường vốn đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hệ thống giao thông và các vùng kinh tế trọng điểm; tập trung nguồn lực phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng tạo thành động lực cho phát triển kinh tế của tỉnh; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác thu hút đầu tư<sup>1</sup>.

Bước vào năm 2018, nhiệm vụ của ngành Kế hoạch và Đầu tư rất lớn, ngoài các nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên theo chương trình công

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 802/SKHĐT, ngày 25/7/2017, Báo cáo tổng kết 13 năm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lai Châu.



tác, Sở còn là đơn vị được giao chủ lực trong việc xây dựng các báo cáo sơ kết sau 2,5 năm thực hiện các đề án, nghị quyết, chương trình hành động, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2016 - 2020; trọng tâm là báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết Đại hội XIII của tỉnh, nhiệm kỳ 2015 - 2020 về tình hình phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh... và rất nhiều nhiệm vụ lớn, quan trọng khác, đòi hỏi mỗi cán bộ, công chức, viên chức của ngành phải nêu cao tính tự giác, chủ động, trong tham mưu, triển khai nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ngành trong năm và cả giai đoạn. Theo đó, ngành đã chủ động đề xuất, tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, đảm bảo về tiến độ, chất lượng<sup>1</sup>. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện phân bổ các nguồn vốn theo quy định. Đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phân bổ chi tiết vốn trái phiếu Chính phủ dự phòng giai đoạn 2012 - 2015 cho chương trình kiên cố hóa trường lớp học; xây dựng Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 19/2018/NQ-CP, ngày 15/5/2018 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2018 và những năm tiếp theo... và nhiều nhiệm vụ quan trọng khác.

Tỉnh tiến hành sơ kết giữa nhiệm kỳ đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, Nghị quyết XIII Đảng bộ tỉnh, ngành

---

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung Quy hoạch phát triển hệ thống y tế tỉnh Lai Châu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; thẩm định đề án mở rộng, phát triển Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng; kế hoạch 5 năm chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh phương án, dự án thành phần thuộc dự án di dân tái định cư thủy điện Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát; xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về những nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2018; dự thảo định hướng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2019; xây dựng quy định thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018 - 2020; dự thảo văn bản thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP, ngày 05/02/2018 của Chính phủ và góp ý dự thảo Nghị định của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; tham mưu phương án bố trí vốn từ nguồn dự phòng kế hoạch trung hạn vốn ngân sách địa phương để bố trí cho công tác lập Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

đã chủ động tham mưu chỉ đạo, đôn đốc và tổng hợp, đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh sau 2,5 năm thực hiện các nghị quyết<sup>1</sup>. Theo đó, sau 2,5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội và triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách, nghị quyết, đề án để chỉ đạo thực hiện. Với sự cố gắng, nỗ lực chung của toàn tỉnh, kinh tế - xã hội của tỉnh đạt được nhiều kết quả tích cực<sup>2</sup>. Qua kết quả đạt được trên đây, khẳng định ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh đã có những đóng góp quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong nửa đầu nhiệm kỳ; nhất là trên các lĩnh vực hoạt động do ngành trực tiếp tham mưu, phối hợp triển khai thực hiện đã đạt được những thành tựu, kết quả đáng khích lệ. Tuy nhiên, cùng với những kết quả tích cực, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh còn một số tồn tại, hạn chế, trong đó có một số hạn chế liên quan tới lĩnh vực kế hoạch và đầu tư<sup>3</sup>.

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, *Báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020*.

2. (1) Kinh tế tiếp tục tăng trưởng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch hợp lý: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016 - 2018 vượt kế hoạch đề ra. Lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn được đặc biệt quan tâm. Công nghiệp tăng trưởng cao, đặc biệt là ngành công nghiệp thủy điện, đóng góp đáng kể cho nguồn thu ngân sách tỉnh. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn hàng năm đều vượt kế hoạch, các ngành dịch vụ, thương mại tiếp tục phát triển, ngành du lịch và kinh tế cửa khẩu có nhiều khởi sắc. (2) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư và nâng cấp, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, từng bước thay đổi diện mạo đô thị, nông thôn. (3) Các lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục có sự chuyển biến tích cực. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, hàng năm đều vượt kế hoạch; nhiều lao động được tạo việc làm mới. Các hoạt động văn hóa, thể thao diễn ra sôi nổi; đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc từng bước được cải thiện. (4) Công tác xây dựng chính quyền; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng được tập trung chỉ đạo thực hiện. (5) Quốc phòng, an ninh được đảm bảo, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; không để xảy ra bị động, bất ngờ. Quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế tiếp tục được mở rộng, phát triển có chiều sâu.

3. Hạn chế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nhưng quy mô nền kinh tế còn nhỏ bé; chất lượng tăng trưởng và khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm của các doanh nghiệp địa phương còn thấp, sản phẩm chưa đa dạng, sản phẩm chủ lực còn ít. Một số tiêu chí xây dựng nông thôn mới tuy đã hoàn thành nhưng chưa thực sự bền vững. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn mặc dù đạt khá song quy mô còn nhỏ, chưa cân đối được thu - chi, tỷ trọng chi thường xuyên trong tổng chi cân đối ngân sách địa phương còn lớn, chi đầu tư chiếm tỷ trọng thấp. Thu hút đầu tư vào một số lĩnh vực còn chậm so với tiềm năng, quy mô của các doanh nghiệp địa phương nhỏ bé, cơ cấu ngành nghề chưa hợp lý, số lượng doanh nghiệp hoạt động và đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn còn ít. Tiến độ cổ phần hóa, thoái vốn còn chậm theo kế hoạch. Hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nhìn chung còn thiếu và chưa đồng bộ. Cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục ở địa bàn vùng sâu, vùng xa còn thiếu, chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đủ nhu cầu dạy và học. Cơ sở vật chất phục vụ khám chữa bệnh còn hạn chế.

Ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh đã tích cực, chủ động tham mưu cho tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020. Tổng số vốn ngân sách Trung ương (bao gồm trái phiếu Chính phủ) của tỉnh Lai Châu đã được Trung ương giao trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 là 6.419,1 tỷ đồng. Qua 2,5 năm thực hiện, việc triển khai vốn ngân sách Trung ương đạt được một số kết quả: Việc giao kế hoạch nguồn ngân sách Trung ương của tỉnh cơ bản được thực hiện kịp thời ngay sau khi Trung ương giao, đảm bảo tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công. Tập trung bố trí vốn cho các dự án hoàn thành, các dự án chuyển tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, góp phần đáng kể để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, do giai đoạn 2016 - 2018 là giai đoạn đầu tiên triển khai thực hiện cơ chế đầu tư trung hạn theo Luật Đầu tư công nên việc triển khai ban đầu gặp không ít khó khăn, đặc biệt là trong công tác chuẩn bị đầu tư các dự án khởi công mới. Việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của các bộ, ngành Trung ương còn chậm, chồng chéo và chưa đầy đủ, khó khăn trong tổ chức thực hiện ở địa phương, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện kế hoạch. Việc bố trí vốn cho một số dự án lớn, trọng điểm sử dụng vốn chương trình mục tiêu từ ngân sách Trung ương hàng năm chưa đáp ứng đủ theo tiến độ dự án duyệt, dẫn đến các dự án chậm được hoàn thành và phát huy hiệu quả đầu tư<sup>1</sup>.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đã tích cực tham mưu cho tỉnh triển khai cơ cấu lại nền kinh tế theo Nghị quyết số 27/NQ-CP. Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 571/KH-UBND, ngày 30/3/2017 để tổ chức triển khai thực hiện. Về cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, tỉnh đã rà soát và lập kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn cho các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước. Đến tháng 6/2018, tỉnh đã phê duyệt phương án thoái vốn cho 3 đơn vị và tiếp tục triển khai đối với 4 đơn vị khác. Về cơ cấu lại nông nghiệp, tỉnh đã thực hiện các quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng. Tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2018 đạt 4,8%. Về công nghiệp, tỉnh tập trung phát triển các ngành công nghiệp

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, *Báo cáo đánh giá giữa kỳ đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020*.

mũi nhọn như công nghiệp thủy điện. Giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2016 - 2018 đạt 12.103 tỷ đồng, tăng gấp 3,94 lần so với năm 2015. Đối với dịch vụ, tỉnh tập trung phát triển các ngành thế mạnh như thương mại, du lịch. Tổng sản phẩm ngành dịch vụ đạt 9.881,9 tỷ đồng, tăng trưởng bình quân 5,62%/năm. Bên cạnh đó, tỉnh cũng đẩy mạnh phát triển kinh tế tư nhân, cải thiện môi trường đầu tư và đô thị hóa. Số doanh nghiệp mới thành lập trong giai đoạn 2016 - 2018 là 494 doanh nghiệp. Tỷ lệ đô thị hóa năm 2018 đạt 17%. Nhìn chung, giai đoạn 2016 - 2020, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã có nhiều nỗ lực trong tham mưu cơ cấu lại nền kinh tế, tạo đà cho tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững của tỉnh trong thời gian tới<sup>1</sup>.

Để chuẩn bị cho Hội nghị tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản năm 2018, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát những vấn đề khó khăn, vướng mắc của tỉnh Lai Châu trên các lĩnh vực như: (1) Công tác lập, thẩm định chủ trương đầu tư, dự án; công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; bố trí kế hoạch vốn đầu tư; (2) Công tác phối hợp thẩm định dự án, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng, công tác nghiệm thu các công trình xây dựng; (3) Về thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; (4) Về cơ chế, chính sách trong quá trình triển khai thực hiện dự án, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng của chủ đầu tư. Đồng thời, kiến nghị các giải pháp đề nghị tỉnh, các bộ, ngành Trung ương quan tâm nghiên cứu, tháo gỡ khó khăn về cơ chế, chính sách nhằm triển khai thực hiện tốt hơn công tác đầu tư, xây dựng cơ bản trên địa bàn tỉnh<sup>2</sup>.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, tình hình phát triển doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có nhiều tín hiệu tích cực. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu; chỉ đạo và triển khai sâu rộng đến các sở, ban, ngành, đoàn thể và Ủy ban nhân dân các

---

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, *Báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu*.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 351/BC-SKHĐT, ngày 19/4/2018, *Báo cáo tổng hợp các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản*.

huyện, thành phố, qua đó tạo sự thống nhất cao về nhận thức, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân về vai trò, vị trí của doanh nghiệp. Triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện các mục tiêu Nghị quyết đề ra, trong đó năm 2016, Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ký cam kết giữa Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu và Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam về việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp. Đến năm 2020, số lượng doanh nghiệp đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh Lai Châu là 1.572 doanh nghiệp (chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ), với tổng vốn điều lệ là 33.372 tỷ đồng (đạt mục tiêu đề ra là 1.500 doanh nghiệp). Trong giai đoạn 2016 - 2020, sự đóng góp của khu vực doanh nghiệp vào GRDP là 4.160 tỷ đồng và vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tại địa phương là 29.871 tỷ đồng. Công tác sắp xếp, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện<sup>1</sup>.

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý giai đoạn 2016 - 2020, đồng thời kiện toàn cơ cấu, tổ chức của Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, trên cơ sở đề nghị của các sở, ban, ngành có liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020, với thành phần gồm đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách kinh tế làm Trưởng ban và đại diện lãnh đạo một số sở, ngành, trong đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư được giao nhiệm vụ là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo. Theo đó, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh có nhiệm vụ giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo và tổ chức thực hiện việc cổ phần hóa (nếu có) và thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp đã thực hiện cổ phần hóa theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước; định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ<sup>2</sup>.

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 1152/SKHĐT-ĐKKD, ngày 09/7/2020, Dự thảo báo cáo tổng kết 5 năm tình hình thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 185/TTr-SKHĐT, ngày 01/3/2016, Tờ trình về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2016 - 2020.

Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 37-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2010, thời điểm này, tỉnh Lai Châu vừa mới chia tách, thành lập, trong điều kiện còn nhiều khó khăn, thách thức. Nhận thức rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của Nghị quyết, ngay sau khi Nghị quyết số 37-NQ/TW được ban hành, Tỉnh ủy Lai Châu đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp, các ngành cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết bằng các nghị quyết chuyên đề, đề án, chương trình, kế hoạch theo từng giai đoạn và hằng năm, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Để tiếp tục triển khai thực hiện các mục tiêu, nội dung của Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 02/8/2012 Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 26-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020. Năm 2019, tỉnh tổ chức tổng kết sau 15 năm thực hiện Nghị quyết. Theo đó, Lai Châu đã thoát khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn và kém phát triển, từng bước trở thành tỉnh trung bình trong khu vực miền núi phía Bắc<sup>1</sup>. Hội nghị cũng đã đề ra những phương hướng, giải pháp thiết thực nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết trong thời gian tới, trong đó nhấn mạnh: cụ thể hóa kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành các đề án, chương trình, kế hoạch phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện; phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với chiến lược phát triển

---

1. Kinh tế phát triển khá, tốc độ tăng trưởng kinh tế tăng cao. Sản lượng lương thực tăng nhanh, an ninh lương thực được đảm bảo, một số vùng sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung được hình thành và mở rộng; chương trình xây dựng nông thôn mới được triển khai đồng bộ và đạt kết quả quan trọng. Các ngành công nghiệp lợi thế được quan tâm phát triển, nhất là lĩnh vực thủy điện. Thu ngân sách trên địa bàn tăng nhanh. Hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển khá, đặc biệt ngành du lịch và kinh tế cửa khẩu có nhiều khởi sắc. Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được quan tâm đầu tư và cải thiện rõ rệt, nhất là hạ tầng giao thông. Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục phát triển; chất lượng giáo dục, khám, chữa bệnh cho nhân dân từng bước được nâng lên; đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Quốc phòng, an ninh và đối ngoại được tăng cường, xây dựng khu vực phòng thủ ngày càng vững chắc; chủ quyền quốc gia được giữ vững, an ninh chính trị, an ninh nông thôn, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được tăng cường. Hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp được nâng lên. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội được củng cố, kiện toàn, giữ vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đoàn kết các dân tộc.



kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh vững chắc. Đây là nhiệm vụ vô cùng lớn và quan trọng đòi hỏi các cấp, các ngành và đặc biệt là ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh phải tập trung tham mưu triển khai thực hiện trong thời gian tới nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa Lai Châu trở thành tỉnh phát triển trung bình ở khu vực miền núi phía Bắc<sup>1</sup>.

Bước vào năm 2020, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, khó lường, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh, ảnh hưởng tới các lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế - xã hội trong nước, trong tỉnh. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát, đánh giá những tác động của dịch Covid-19 đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội chăm lo đời sống của nhân dân trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Đến thời điểm tháng 4/2020, tỉnh Lai Châu cơ bản đã kiểm soát được dịch bệnh, tỉnh dần nới lỏng các biện pháp phòng chống dịch một cách khoa học để tạo điều kiện thuận lợi cho việc khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội nhưng đảm bảo duy trì thực hiện các nguyên tắc cơ bản trong phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Theo đánh giá, dịch bệnh đã ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, trong đó một số lĩnh vực bị ảnh hưởng nhiều nhất như: Các ngành công nghiệp và xây dựng; các hoạt động dịch vụ (du lịch, vận tải); xuất, nhập khẩu hàng hóa; phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư và các vấn đề xã hội. Do tác động xấu của dịch Covid-19 đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoạt động xuất nhập khẩu dẫn đến thu ngân sách trên địa bàn đạt thấp. Thu ngân sách 4 tháng đầu năm 2020 đạt 405,7 tỷ đồng, bằng 19% kế hoạch, bằng 78% so với cùng kỳ năm trước; chi ngân sách đạt 30% kế hoạch, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước do chi cho các hoạt động y tế, bảo đảm vệ sinh môi trường để phòng chống dịch.

---

1. Tỉnh ủy Lai Châu, *Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.*



Từ những khó khăn trên, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã cùng các cấp, các ngành của tỉnh tham mưu đề xuất các giải pháp nhằm tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ kép phòng chống dịch bệnh và phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, nỗ lực phấn đấu thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội đã đề ra trong năm 2020 đạt ở mức cao nhất có thể. Bên cạnh việc đề xuất các giải pháp, ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh đã cùng với các cấp, ngành đưa ra những dự báo và biện pháp đối phó nếu tình hình dịch tiếp tục bùng phát, kéo dài<sup>1</sup>.

Năm 2020 - năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2015 - 2020 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016 - 2020, nhiệm vụ đặt ra cho ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh cũng như các cấp, các ngành là vô cùng lớn, nhất là trong điều kiện thế giới, trong nước và trong tỉnh đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi đại dịch Covid-19. Cấp ủy, Ban Giám đốc Sở luôn quan tâm, chú trọng làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, kịp thời khích lệ, động viên cán bộ, công chức, viên chức của ngành ổn định tư tưởng, yên tâm công tác, khắc phục khó khăn, tích cực thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đặc biệt, Sở đã xây dựng Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”, chuyên đề năm 2020 về “Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” gắn với thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII); tổ chức cho đảng viên học tập, sinh hoạt chuyên đề định kỳ, xây dựng các bản cam kết tu dưỡng rèn luyện đạo đức, lối sống, trong đó xác định rõ nội dung cụ thể, phương hướng phấn đấu và giải pháp khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được chỉ ra, đồng thời đăng ký cam kết những việc làm cụ thể gắn với chức trách, nhiệm vụ được giao.

Trong điều kiện khó khăn chung của tỉnh do dịch Covid-19 gây ra, tập thể lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức của Sở đã đoàn kết, nỗ lực, khắc phục khó khăn, quyết tâm triển khai thực hiện tốt nhiều nhiệm vụ quan trọng theo chức năng, nhiệm vụ, trọng tâm như: (1) Tham mưu Ủy

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 725/BC-SKHĐT, ngày 11/5/2020, Báo cáo đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu năm 2020.

ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện công tác lập Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; triển khai rà soát, báo cáo đánh giá tổng kết quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh, huyện; Quy hoạch ngành, lĩnh vực giai đoạn 2011 - 2020. Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện các nghị quyết, kế hoạch của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo quốc phòng, an ninh 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025... Triển khai toàn diện các nhiệm vụ, lĩnh vực được giao về hoạt động xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch; công tác thanh tra, kiểm tra và phòng chống tham nhũng; rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế chính sách về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 (Nghị quyết số 39/2020/NQ-HĐND, ngày 13/12/2020) với mục tiêu tổng quát là: “Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển mạnh thương mại, dịch vụ, du lịch, công nghiệp. Tiếp tục phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng khu vực nông thôn và liên kết vùng. Nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân và chất lượng dân số; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa bản sắc tốt đẹp của các dân tộc; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống dịch bệnh. Đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Bảo đảm quốc phòng, an ninh, tăng cường công tác đối ngoại”. Xác định 10 chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025, trong đó: Tốc độ tăng trưởng GRDP 9 - 10%/năm; GRDP bình quân đầu người 65 triệu đồng; thu ngân sách trên địa bàn 3.000 tỷ đồng. Đề ra 3 chương trình, đề án trọng điểm: (1) Xây dựng và tổ chức triển khai

thực hiện Đề án Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục thực hiện đề án phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung trong giai đoạn 2021 - 2025. (2) Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Đề án Phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. (3) Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Đề án Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển du lịch tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2025. Đồng thời, đề xuất các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh để triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025.

Đầu tư công là lĩnh vực lớn, quan trọng trong nhiệm vụ của ngành Kế hoạch và Đầu tư. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu đã tổ chức đánh giá kết quả quá trình tham mưu cho tỉnh thực hiện công tác đầu tư công giai đoạn 2011 - 2020. Theo đó, giai đoạn 2011 - 2020, tổng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh đạt 26.134 tỷ đồng. Công tác lập, giao kế hoạch vốn đầu tư công của tỉnh cơ bản được ngành tham mưu thực hiện kịp thời; quy trình, thủ tục tuân thủ theo quy định của Luật Đầu tư công, đảm bảo theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gắn với việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng giai đoạn. Tham mưu ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các đề án, nghị quyết, chương trình trọng điểm được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Trong giai đoạn này, đầu tư công đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thúc đẩy sự phát triển, cải thiện đời sống nhân dân, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của tỉnh<sup>1</sup>. Việc ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh tham mưu triển khai thực

---

1. Cụ thể như: đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 94/94 xã có đường ô tô đến trung tâm xã, có mặt đường được cứng hóa, đạt kế hoạch đề ra, tăng 3 xã so với năm 2015; 93,7% thôn, bản có đường xe máy đi lại thuận lợi, vượt kế hoạch 3,7 điểm %, tăng 13,4 điểm % so với năm 2015. Đã bố trí vốn để đầu tư hỗ trợ các huyện, thành phố đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu của các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung; bố trí sắp xếp ổn định dân cư, các dự án thủy lợi phục vụ sản xuất... Nhiều chỉ tiêu đạt và vượt mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 và Nghị quyết XIII Đảng bộ tỉnh. Cơ sở vật chất trường lớp học và nhà công vụ giáo viên được quan tâm đầu tư, đến năm 2020 tỷ lệ phòng học kiên cố, bán kiên cố toàn tỉnh đạt 97,5%; tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 49,4%. Cơ sở

hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về đầu tư công đã góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư theo đúng mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội; bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý đầu tư công. Bên cạnh đánh giá thực trạng giai đoạn 2011 - 2020, ngành cũng đã tham mưu định hướng và giải pháp nâng cao hiệu quả phân bổ vốn đầu tư công giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh với mục tiêu là: “Tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo; tạo chuyển biến rõ nét về kết cấu hạ tầng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công bình quân đạt trên 95%”<sup>1</sup>.

Trong quá trình tỉnh Lai Châu triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng và Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương giai đoạn 2016 - 2020, ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh đã tham mưu triển khai nhiều nhiệm vụ và đạt được những kết quả quan trọng. Sau 5 năm triển khai, có thể đánh giá các dự án đầu tư thuộc Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng đều có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sau khi hoàn thành, các dự án này đã và đang phát huy được hiệu quả đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương nói riêng và toàn tỉnh Lai Châu nói chung. Nguồn lực đầu tư từ Chương trình là một trong những nguồn lực rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2011 - 2020 và các giai đoạn tiếp theo. Tỉnh đã bố trí và giải ngân cho 64 dự án thuộc Chương trình trong giai đoạn 2016 - 2020. Danh mục các dự án thuộc Chương trình trong kế hoạch 2016 - 2020 đều phù hợp với quy định về đối tượng, mục tiêu, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 1509/QĐ-TTg, ngày 04/11/2019 và Quyết định số 1256/QĐ-TTg, ngày 21/8/2017; phù hợp với nguyên tắc, thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo các văn bản hướng dẫn của Quốc hội, Ủy ban

---

vật chất của hệ thống y tế được quan tâm đầu tư, các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện đã được đầu tư cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động, có 93,52% trạm y tế được xây dựng kiên cố. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4,82%/năm, trong đó riêng các huyện nghèo giảm 5,56%/năm; có 2 huyện (Than Uyên, Tân Uyên) thoát ra khỏi danh sách các huyện nghèo. Đến hết năm 2020 có 2 huyện, thành phố hoàn thành nhiệm vụ nông thôn mới; 39 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; số tiêu chí bình quân xã đạt 15,5 tiêu chí/xã.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 75/BC-SKHĐT, ngày 14/01/2022, Báo cáo thực trạng phân bổ nguồn lực đầu tư công giai đoạn 2011 - 2020 và định hướng giai đoạn 2021 - 2030.

Thường vụ Quốc hội và của Chính phủ. Đối với việc thực hiện Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu tinh ưu tiên bố trí đủ vốn đối ứng ODA bao gồm cả ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương cho các dự án theo tiến độ thực hiện và theo quyết định đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hoàn thành dứt điểm các dự án phải thu hồi ứng trước, các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015, dự án hoàn thành trong giai đoạn 2016 - 2020, các dự án bố trí vốn đảm bảo không vượt tỷ lệ được hỗ trợ theo quy định. Tổng nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình là 841,9 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ đối ứng là 775,6 tỷ đồng; vốn cân đối ngân sách địa phương là 66,3 tỷ đồng; thực hiện phân bổ cho 20 dự án thuộc các lĩnh vực (giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục đào tạo...) với tổng số vốn 775 tỷ đồng. Quá trình triển khai, thực hiện các nội dung dự án ODA do địa phương quản lý và hỗ trợ vốn đối ứng các dự án ODA từ ngân sách trung ương trong giai đoạn 2016 - 2020 bảo đảm đúng tiến độ và hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn, theo đúng thỏa thuận được ký kết hoặc hiệp định tài trợ, phù hợp với định hướng thu hút và sử dụng vốn ODA của Chính phủ<sup>1</sup>.

Công tác cải cách hành chính trong hoạt động công vụ tiếp tục được quan tâm triển khai. Riêng năm 2020, Sở đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố 11 TTHC mới, sửa đổi 14 TTHC, bãi bỏ 5 TTHC thuộc quyền quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đến hết năm 2020, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư là 139 TTHC. Công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện “một cửa”, “một cửa liên thông”; triển khai thực hiện có hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp chính quyền VNPT Ioffice đã tiết kiệm được chi phí, thời gian giải quyết công việc, góp phần tích cực trong giải quyết thủ tục hành chính, tăng tính công khai, minh bạch trong thực thi công vụ; hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 phù hợp với thủ tục hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo thực hiện có hiệu quả<sup>2</sup>.

Để triển khai thực hiện có hiệu quả chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 2080/SKHĐT, ngày 19/11/2020, đề nghị ban hành báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội các vùng và Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương giai đoạn 2016 - 2020.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 2304/BC-SKHĐT, Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

cầu phát triển và hội nhập quốc tế giai đoạn 2015 - 2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng, ban hành kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, Sở đã đánh giá toàn bộ thực trạng về hạ tầng kỹ thuật, phát triển dữ liệu; ứng dụng, dịch vụ; nguồn nhân lực triển khai thực hiện và khả năng đảm bảo an toàn thông tin, bí mật nhà nước... để thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin tại Sở trong thời gian qua. Đồng thời, xác định 4 mục tiêu thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025<sup>1</sup>; đề ra 6 nhiệm vụ (Hoàn thiện môi trường pháp lý; Phát triển hạ tầng kỹ thuật; Phát triển các ứng dụng, dịch vụ; Phát triển dữ liệu; Bảo đảm an toàn thông tin; Phát triển nguồn nhân lực) và 3 giải pháp cùng lộ trình thực hiện theo từng năm, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch đề ra trong cả giai đoạn<sup>2</sup>.

Ngành Kế hoạch và Đầu tư với chức năng quản lý nhà nước về công tác quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, tham mưu nhiều nhiệm vụ quan trọng, trực tiếp ảnh hưởng tới kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong từng giai đoạn; đồng thời cũng có nhiều nhiệm vụ, lĩnh vực có liên quan trực tiếp với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp... trong quá trình thực thi công vụ. Nhận thức sâu sắc vấn đề đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã thường xuyên quan tâm tham mưu, chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hành chính công, nhằm hướng tới một nền hành chính hiện đại, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới<sup>3</sup>. Tính đến tháng 4/2020, trong lĩnh vực dịch vụ công,

---

1. 4 mục tiêu: Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành; Nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành văn bản và xử lý công việc, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; Trên 60% máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus; Đảm bảo 100% các thông tin về thủ tục hành chính được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở. Tiếp tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung các thủ tục hành chính, đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt hiệu quả cao.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 1616/KH-SKHĐT, ngày 09/9/2020, Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 452-SKHĐT, ngày 10/5/2017, Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chính sách pháp luật hành chính công trên địa bàn tỉnh từ năm 2011 đến nay.

Đến năm 2017: (1) Đối với thủ tục hành chính công, ngành đã chú trọng kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giảm đầu mối, giảm sự chồng chéo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ. Thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của Trung ương, hoàn thành việc xây dựng đề án xác định vị trí việc làm trong Sở và đơn vị sự nghiệp; bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với trình độ, năng lực công tác và vị trí việc làm. Thủ tục hành chính công về cấp giấy chứng



Sở đã triển khai thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến là 137 TTHC (trong đó mức độ 2 là 69 TTHC, mức độ 4 là 68 TTHC) thuộc các lĩnh vực như: Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thành lập và hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã, đầu tư Việt Nam, thành lập hoạt động của doanh nghiệp xã hội, lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, lĩnh vực ODA, lĩnh vực đấu thầu<sup>1</sup>.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”; Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và các kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 giai đoạn 1, 2, 3; cấp ủy, Ban Giám đốc Sở luôn xác định, công tác phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, liên tục gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan. Ban Chỉ đạo phòng chống tham nhũng của Sở chủ động tổ chức tuyên truyền, phổ biến đầy đủ các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước về phòng chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực gắn với thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo Bác, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”. Cụ thể hóa Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X), các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về phòng chống tham nhũng và Chiến lược phòng, chống tham nhũng đến năm 2020, Sở đã xây dựng và ban hành Chương trình hành động phòng, chống tham nhũng, lãng phí; kế hoạch kiểm tra, giám sát đảng viên; xây dựng kế hoạch thực hiện Chiến lược phòng, chống tham nhũng theo 3 giai đoạn phù hợp với kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và chức năng, nhiệm vụ

---

nhận đăng ký kinh doanh, quyết định chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã quy định cơ bản đầy đủ trong Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành. (2) Đối với dịch vụ công: trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở cấp độ 4; trong lĩnh vực quyết định chủ trương đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở cấp độ 2 cho các tổ chức, cá nhân trên môi trường mạng. (3) Về Chính phủ, chính quyền điện tử: xây dựng “Trang thông tin điện tử tổng hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư”, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 vào hoạt động quản lý. (4) Về kiểm soát hành chính công: Sở đã chủ động xây dựng, hoàn thiện bộ thủ tục hành chính theo quy định của Trung ương và địa phương; thực hiện đồng bộ, toàn diện theo kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính của tỉnh và của Sở đề ra nhằm bảo đảm thực hiện thành công công tác cải cách thủ tục hành chính.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 589/BC-SKHĐT, ngày 16/4/2020, Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Quyết định số 290-QĐ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.



của Sở. Công khai minh bạch việc tuyển dụng, học tập, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, khen thưởng, kê khai tài sản thu nhập, kinh phí hoạt động, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự án đầu tư, đấu thầu, đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư; thực hiện cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”, nhận và trả kết quả theo đúng quy trình, quy định (theo Quyết định số 1620/QĐ-UBND, ngày 11/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh). Trong 10 năm, Sở đã tham mưu, trình cấp có thẩm quyền ban hành nhiều chỉ thị, nghị quyết, quyết định... về công tác quy hoạch, kế hoạch, phân bổ vốn đầu tư, cấp phép, ưu đãi đầu tư đảm bảo công khai, minh bạch và đúng quy định; cấp ủy Sở Kế hoạch và Đầu tư đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện 8 cuộc kiểm tra, giám sát đối với 29 lượt đảng viên thực hiện nhiệm vụ được giao theo Điều 30 Điều lệ Đảng và Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI); cơ quan tổ chức cho 468 lượt cán bộ, công chức kê khai tài sản, đạt 100%, trong đó có 32 lượt cán bộ, công chức thuộc diện cấp ủy quản lý<sup>1</sup>.

Từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng (ngày 01/01/2013), công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tại Sở Kế hoạch và Đầu tư được quan tâm, tăng cường. Sở đã xây dựng, ban hành nhiều chương trình, kế hoạch để tổ chức thực hiện và các văn bản hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân. Thực hiện tốt việc rà soát, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở và đăng tải, niêm yết công khai (đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư, thẩm định chủ trương đầu tư...); công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả việc kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn theo quy định. Hằng năm, 100% cán bộ, công chức, viên chức cơ quan thực hiện cam kết không gây phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực trong thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế Văn hóa công sở, đạo đức công vụ; 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức xây dựng bản cam kết tu dưỡng rèn luyện phấn đấu theo tinh thần Nghị

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 796/SKHĐT, ngày 22/7/2016, Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”.

Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 548/SKHĐT, ngày 31/5/2017, Báo cáo sơ kết thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 giai đoạn 2 (2012 - 2016); Quyết định số 67/QĐ-SKHĐT, ngày 09/9/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 giai đoạn 3 (2017 - 2020).

quyết Trung ương 4 (khóa XII); 100% công chức, viên chức được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. Từ năm 2013 đến tháng 6/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư không phát hiện có cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức vi phạm tham nhũng, lãng phí phải xử lý<sup>1</sup>. Trong nhiệm kỳ, Đảng bộ Sở không có đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến đảng viên phải xem xét giải quyết, không có cán bộ, đảng viên phải xem xét kỷ luật; Đảng bộ cơ quan liên tục đạt Đảng bộ cơ quan trong sạch, vững mạnh; được cấp ủy các cấp khen thưởng (Tỉnh ủy tặng 6 bằng khen cho tập thể và cá nhân đảng viên; Đảng ủy Khối các cơ quan tặng 11 giấy khen cho cá nhân đảng viên; tặng bằng khen cho cá nhân đạt thành tích xuất sắc trong “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”<sup>2</sup>).

Việc quán triệt, học tập, triển khai Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” được thực hiện theo đúng kế hoạch, hướng dẫn của Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh. Năm 2016, Đảng bộ Sở đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị giai đoạn 2016 - 2020, trong đó xác định 2 nội dung trọng tâm, đột phá cần tập trung thực hiện: (1) Lãnh đạo Sở, lãnh đạo các đơn vị trực thuộc Sở đề cao trách nhiệm nêu gương, đổi mới phong cách làm việc sâu sát, quyết liệt, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành; gương mẫu rèn luyện, giữ vững phẩm chất đạo đức, lối sống; (2) Cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động đổi mới phong cách làm việc, tận tụy, tâm huyết, trung thực và trách nhiệm đối với mọi nhiệm vụ được giao; thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng lãng phí, gắn bó chặt chẽ với nhân dân. Đồng thời, ban hành Quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ công chức, viên chức, người lao động Sở Kế hoạch và Đầu tư theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành Đảng bộ Sở tổ chức việc học tập, quán triệt các chuyên đề hằng năm cho toàn thể đảng viên, công

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 1039/BC-SKHĐT, ngày 19/6/2020, Báo cáo tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng từ khi thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng đến nay (01/01/2013 - 30/6/2020).

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 796/SKHĐT, ngày 22/7/2016, Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”.

Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 548/SKHĐT, ngày 31/5/2017, Báo cáo sơ kết thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 giai đoạn 2 (2012 - 2016); Quyết định số 67/QĐ-SKHĐT, ngày 09/9/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 giai đoạn 3 (2017 - 2020).

chức, viên chức, người lao động. Sau học tập, 100% cán bộ, đảng viên đã đăng ký việc làm theo, xây dựng bản cam kết tu dưỡng, rèn luyện hàng năm phù hợp với nhiệm vụ được giao; 100% đảng viên, công chức, viên chức, người lao động viết bài thu hoạch cuối năm và bài thu hoạch được chi bộ thảo luận, tham gia góp ý, nhận xét đánh giá kết quả rèn luyện. Từ năm 2016 đến năm 2020, tại cơ quan không có vấn đề nào bức xúc, nổi cộm cần phải xử lý, 100% đảng viên, công chức, viên chức, người lao động nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong những năm qua, Sở Kế hoạch và Đầu tư luôn được xếp trong top thứ hạng cao về cải cách hành chính (năm 2017 xếp thứ 4; năm 2018 xếp thứ 9). Cấp ủy đảng, lãnh đạo cơ quan thường xuyên nắm bắt tư tưởng đảng viên, quần chúng, giáo dục nâng cao ý thức, đạo đức công vụ, thực hiện đầy đủ chế độ chính sách về tiền lương, chế độ công vụ... theo đúng quy định của Đảng và Nhà nước; không để xảy ra tình trạng mất an ninh, mất đoàn kết trong nội bộ<sup>1</sup>.

Bên cạnh các hoạt động chuyên môn, công tác giáo dục chính trị tư tưởng; hoạt động tổng hợp, hành chính, kế toán, văn thư, lưu trữ của Sở thời gian qua cũng được quan tâm triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, phục vụ tốt các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện nhiệm vụ của cơ quan. Đồng thời, Đảng ủy, Ban Giám đốc Sở tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức đoàn thể tham gia, hưởng ứng tích cực phong trào thi đua do Ủy ban nhân dân tỉnh, các ban, ngành, đoàn thể phát động. Đặc biệt, năm 2018, Sở đã tham mưu tốt một số nội dung phục vụ Diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh Lai Châu năm 2018. Kết quả đợt diễn tập, Sở Kế hoạch và Đầu tư được Ban Chỉ đạo diễn tập đánh giá đạt kết quả xuất sắc 9,15 điểm, được Ủy ban nhân dân tỉnh tặng bằng khen.

Giai đoạn 2015 - 2020, cùng với cả nước và các cấp, các ngành của tỉnh, ngành Kế hoạch và Đầu tư đứng trước nhiều thời cơ, thuận lợi, nhưng cũng đầy khó khăn, thử thách. Để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao trong tình hình mới, bộ máy tổ chức, cán bộ của ngành tiếp tục được điều chỉnh, kiện toàn.

Bước vào năm 2015, Sở có 65 cán bộ, công chức, viên chức, lao động, trong đó Ban Giám đốc có 4 đồng chí. Về tổ chức bộ máy gồm 10 phòng,

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 424/BC-SKHĐT, ngày 20/3/2020, Báo cáo sơ kết 4 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị.

ban, đơn vị trực thuộc: phòng Tổng hợp kinh tế quốc dân; phòng Kinh tế đối ngoại; phòng Kinh tế ngành; phòng Đăng ký kinh doanh; phòng Văn xã; phòng Thẩm định dự án đầu tư và Quản lý đấu thầu; Văn phòng Sở; Thanh tra Sở; Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư, Ban Quản lý dự án giảm nghèo tỉnh (WB).

Căn cứ Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHĐT-BNV, ngày 11/12/2015 của Liên bộ, tháng 6/2016, Sở đã đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Ngày 14/4/2017, Sở đã ban hành Thông báo số 363/TB-SKHĐT về việc đổi tên các phòng chuyên môn thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu (đổi tên 3 phòng: phòng Tổng hợp Kinh tế quốc dân thành phòng Tổng hợp, Quy hoạch; phòng Thẩm định dự án đầu tư và Quản lý đấu thầu thành phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư; phòng Văn xã thành phòng Khoa giáo, Văn xã). Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND, ngày 05/5/2017 về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu (thay thế Quyết định số 36/QĐ-UBND, ngày 18/12/2009). Theo đó, Sở có chức năng, nhiệm vụ là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư... Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Sở theo quy định bao gồm: Giám đốc và không quá 3 phó giám đốc; có 8 phòng chuyên môn, nghiệp vụ gồm: phòng Tổng hợp, Quy hoạch; phòng Đăng ký kinh doanh; phòng Kinh tế ngành; phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư; phòng Kinh tế đối ngoại; phòng Khoa giáo, Văn xã; Văn phòng, Thanh tra Sở và 1 đơn vị sự nghiệp công lập (Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư trực thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư).

Sau đó, ngày 27/6/2017, Sở đã ban hành Quyết định số 39-QĐ/SKHĐT về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 8 phòng chuyên môn), thay thế Quyết định số 37/QĐ-KHĐT, ngày 26/8/2010 của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; ban hành Quyết định Quy định chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (Quy định rõ 5 chuẩn mực đạo đức của cán bộ, công chức, viên chức Sở

Kế hoạch và Đầu tư đối với Tổ quốc, với nhân dân, với công việc, với đồng nghiệp và với bản thân).

Thực hiện Quyết định số 1274/QĐ-UBND, ngày 15/10/2018 về việc thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lai Châu, Sở đã phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công thương xây dựng Đề án, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Theo đó, Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh được sáp nhập trên cơ sở Trung tâm Tư vấn và Xúc tiến đầu tư (thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư) với Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) và Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại (Sở Công thương). Trung tâm chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2019.

Ngày 19/8/2019, thực hiện nhiệm vụ tỉnh giao, Sở ban hành Đề án số 1223/ĐA/SKHĐT giải thể Ban quản lý giảm nghèo tỉnh Lai Châu (WB)<sup>1</sup>. Đánh giá Đề án giải thể Ban WB của Sở là phù hợp với tình hình, điều kiện hiện tại của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Quyết định số 1288/QĐ-UBND, ngày 09/10/2019 về việc giải thể Ban quản lý dự án giảm nghèo tỉnh Lai Châu và Quyết định số 1666/QĐ-UBND, ngày 16/12/2019 giải thể Ban quản lý dự án giảm nghèo các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Mường Tè.

Nhằm tiếp tục tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi công vụ, ngày 01/6/2020, Sở đã có văn bản số 907/SKHĐT về việc đề nghị thẩm định Đề án sáp nhập các phòng chuyên môn thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Theo đó, giải thể phòng Kinh tế đối ngoại và chuyển một phần nhiệm vụ sang phòng Kinh tế ngành<sup>2</sup>. Bên cạnh đó, Sở đã xây

---

1. Đề án có nêu: Ban WB được thành lập theo Quyết định số 754/QĐ-UBND, ngày 15/6/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu và chính thức đi vào hoạt động từ năm 2010. Qua hơn 9 năm hoạt động, đến nay toàn bộ nhiệm vụ chính của Ban WB đã hoàn thành theo yêu cầu của Hiệp định tài trợ giữa nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội phát triển Quốc tế (ký ngày 09/7/2015); nhiệm vụ còn lại sau khi giải thể Ban WB chủ yếu là bàn giao tài sản, quyết toán dự án. Khối lượng công việc không nhiều, kinh phí để duy trì các hoạt động tại Ban quản lý dự án đã hết. Do vậy, việc bố trí cán bộ chuyên trách tại Ban WB là không cần thiết, gây lãng phí thời gian, kinh phí và nhân lực của cơ quan, đơn vị. Vì vậy, việc xây dựng Đề án giải thể Ban WB đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị.

2. Phòng Kinh tế ngành có chức năng tham mưu Ban Giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư, cơ chế chính sách đối với các ngành, lĩnh vực: nông nghiệp, lâm nghiệp, công thương, giao thông vận tải, xây dựng, tài nguyên môi trường, kinh tế cửa khẩu, dân tộc, nông thôn mới, xóa đói giảm nghèo và các ngành khác thuộc khối sản xuất; chủ trì theo dõi, tổng hợp chương trình mục tiêu quốc gia xây

dựng kế hoạch sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy Sở Kế hoạch và Đầu tư năm 2020; Đề án tinh giản biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước đến năm 2030.

Từ năm 2015 - 2020, Ban Giám đốc Sở đã có nhiều biến động. Tháng 01/2015, ông Hoàng Đại Thắng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu. Từ ngày 01/01/2016, ông Đặng Trần Thắng - Giám đốc Sở được về nghỉ hưu theo chế độ. Để kịp thời kiện toàn bộ máy lãnh đạo Sở, ngay trong tháng 01/2016, ông Nguyễn Quang Huy được tỉnh điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu. Nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của ngành và công tác cán bộ của tỉnh, từ tháng 10/2019, ông Lù Văn Quân được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu, cùng với Ban Giám đốc thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ theo quy định. Đến tháng 10/2020, ông Nguyễn Quang Huy thôi giữ chức vụ Giám đốc Sở. Sau đó, được sự quan tâm của tỉnh để vai trò lãnh đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan không bị gián đoạn, tháng 12/2020, ông Phạm Ngọc Phương được tỉnh điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cho đến nay.

Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cũng được quan tâm chú trọng. Trong giai đoạn 2015 - 2020, Sở đã tham mưu trình Tỉnh ủy phê duyệt quy hoạch Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025 cho 4 đồng chí; quy hoạch chức danh trưởng ngành, phó trưởng ngành và tương đương giai đoạn 2021 - 2026 gồm 3 đồng chí chức danh giám đốc, 10 đồng chí chức danh phó giám đốc<sup>1</sup>; đưa ra khỏi quy hoạch chức danh giám đốc, phó giám đốc 2 đồng chí; bổ sung quy hoạch phó giám đốc 1 đồng chí. Thực hiện quy hoạch

---

dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và các chương trình mục tiêu thuộc ngành, lĩnh vực được giao theo dõi, tổng hợp; nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ và các nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài (NGO) của tỉnh; công tác bồi thường, di dân, tái định cư các dự án thủy điện trên địa bàn tỉnh; chương trình hợp tác trong nước và nước ngoài; tham gia giúp việc các ban chỉ đạo có liên quan đến lĩnh vực theo dõi. Nhiệm vụ, quyền hạn của phòng được thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của phòng Kinh tế đối ngoại và phòng Kinh tế ngành.

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 386/SKHĐT-VP, ngày 20/4/2017, xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2021 - 2026.



trưởng phòng và tương đương 21 đồng chí, đưa ra khỏi quy hoạch 4 đồng chí (chuyển công tác); quy hoạch phó trưởng phòng và tương đương 35 đồng chí, đưa ra khỏi quy hoạch 8 đồng chí (chuyển công tác)<sup>1</sup>. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm triển khai thực hiện.

Thực hiện Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025, hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và các văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh; ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đã chủ động phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đánh giá kết quả tình hình phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII Đảng bộ tỉnh; đề xuất các mục tiêu, chỉ tiêu, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2025; kịp thời phục vụ công tác xây dựng Văn kiện trình Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Giai đoạn 2015 - 2020, trong bối cảnh, tình hình thế giới, khu vực và trong nước diễn biến phức tạp, khó lường, với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đóng góp tích cực vào thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng của tỉnh: Tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh bình quân đạt 11,55%/năm; thu ngân sách trên địa bàn năm 2020 trên 2.000 tỷ đồng, tăng 2 lần so với năm 2015. GRDP bình quân đầu người đạt trên 40 triệu đồng, tăng hơn 2 lần so với năm 2015. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, giảm tỷ trọng nông nghiệp, tăng tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Kết cấu hạ tầng giao thông được cải thiện rõ rệt; hệ thống đô thị phát triển nhanh, khang trang, hiện đại, đồng bộ, đây thực sự là khâu đột phá chiến lược để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Ghi nhận những đóng góp tích cực của ngành, năm 2020, Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2019” cho tập thể Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu.

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 306/SKHDT, ngày 30/3/2017, Báo cáo số liệu cán bộ.



## **2. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đẩy mạnh thi đua lao động sáng tạo, tích cực tham mưu thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, huy động các nguồn lực xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển nhanh và bền vững (2020 - 2023)**

Từ ngày 21 đến ngày 23/10/2020, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã diễn ra thành công tốt đẹp. Đại hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội, với những mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong nhiệm kỳ 2020 - 2025. Theo đó, phấn đấu đến năm 2030 đưa Lai Châu trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc; đến năm 2045 là tỉnh có kinh tế - xã hội đạt mức trung bình của cả nước. Đại hội cũng thống nhất thông qua 11 chỉ tiêu phấn đấu trong nhiệm kỳ mới, 4 chương trình trọng điểm và 4 nhiệm vụ đột phá, đồng thời xác định một số chỉ tiêu quan trọng như: tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 9 - 10%/năm; GRDP bình quân đầu người đạt 65 triệu đồng; giá trị gia tăng ngành nông nghiệp đạt trên 5%/năm; tổng sản lượng lương thực có hạt đạt trên 226.000 tấn; có khoảng 58% xã đạt chuẩn nông thôn mới, không còn xã dưới 15 tiêu chí và có 2 huyện đạt nông thôn mới là Tam Đường, Than Uyên... Đại hội đã đề ra 10 nhiệm vụ chủ yếu, 6 giải pháp trọng tâm gồm: Các cấp ủy, tổ chức đảng quyết liệt triển khai các chủ trương, nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV; tăng cường xây dựng đội ngũ cán bộ có năng lực, uy tín, trách nhiệm, gương mẫu, kỷ cương; thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo trong cộng đồng, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu cuộc cách mạng công nghiệp. Cùng với đó, triển khai quyết liệt, hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, hằng năm và Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế, xã hội giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; chú trọng khai thác hiệu quả lợi thế kinh tế biên mậu cửa khẩu, nắm bắt cơ hội thị trường, thúc đẩy phát triển hàng hóa; đồng bộ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, giảm nghèo bền vững; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp.

Cũng tại Đại hội, đã thông qua Chương trình hành động để cụ thể hóa các mục tiêu và chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra. Theo đó, tỉnh tập trung xây dựng, thực hiện các đề án, nghị quyết chuyên đề cụ thể hóa chương trình

trọng điểm, nhiệm vụ đột phá theo Nghị quyết Đại hội; tiếp tục thực hiện một số đề án, nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy khóa XIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020. Tỉnh cũng xác định tập trung thực hiện 7 đề án trong giai đoạn 2021 - 2025.

Để cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tập trung phối hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025 và Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định giao kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025<sup>1</sup>. Theo đó, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh đã xác định phương hướng là: "... Xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển nhanh và bền vững, phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc, đến năm 2045 là tỉnh có kinh tế, xã hội đạt mức trung bình của cả nước"<sup>2</sup>.

Kế hoạch đề ra 10 chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025 trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng,... Đồng thời xác định 3 chương trình, đề án trọng điểm: (1). Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Đề án Phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục thực hiện Đề án Phát triển hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. (2). Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Đề án Phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. (3). Xây dựng và tổ chức triển

---

1. *Nghị quyết số 39/2020/NQ-HĐND, ngày 13/12/2020 và Quyết định số 45/2020/QĐ-UBND, ngày 15/12/2020.*

2. Phương hướng: Tập trung đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế của tỉnh; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, trọng tâm là cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển mạnh công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch. Tiếp tục phát triển đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng nông thôn và liên kết vùng. Nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân và chất lượng dân số; bảo tồn, phát triển giá trị văn hóa bản sắc tốt đẹp của các dân tộc để xây dựng con người phát triển toàn diện; bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống dịch bệnh. Đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Bảo đảm quốc phòng, an ninh vững chắc; tăng cường công tác đối ngoại. Xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển nhanh và bền vững, phấn đấu đến năm 2030 trở thành tỉnh phát triển khá trong khu vực các tỉnh miền núi phía Bắc, đến năm 2045 là tỉnh có kinh tế - xã hội đạt mức trung bình của cả nước.

khai thực hiện Đề án Bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp các dân tộc gắn với phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020 - 2025.

Kế hoạch cũng xác định 5 nhiệm vụ trọng tâm trong phát triển kinh tế, 4 nhiệm vụ phát triển văn hóa - xã hội và các nhiệm vụ trên các lĩnh vực khác. Trong đó, có nhiều nhiệm vụ liên quan tới ngành Kế hoạch và Đầu tư cần tham mưu, phối hợp triển khai như: Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững; Phát triển công nghiệp, xây dựng; Phát triển thương mại, dịch vụ, kinh tế cửa khẩu; Đổi mới công tác xúc tiến thu hút đầu tư; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI); phát triển doanh nghiệp là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong giai đoạn tới; Phát triển các vùng kinh tế; Tiếp tục thực hiện các đề án ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát...

Thực hiện nhiệm vụ Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức hướng dẫn các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025. Phối hợp, theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hoàn chỉnh, ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 theo ngành, lĩnh vực phụ trách; thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Năm 2021 - năm thứ 2 thực hiện Nghị quyết XIV Đảng bộ tỉnh, năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025; Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng với các cấp, ngành tập trung tham mưu triển khai toàn diện, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nghị quyết, kế hoạch đã đề ra theo chức năng, nhiệm vụ của ngành. Ban Chấp hành Đảng bộ, tập thể lãnh đạo Sở đã thường xuyên chỉ đạo, quán triệt, tổ chức cho cán bộ, đảng viên học tập các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh theo kế hoạch; tiếp tục học tập Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 30/10/2016 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) và Kết luận số

01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 cùng các nghị quyết chuyên đề, đề án, kết luận của Tỉnh ủy. Đồng thời, quán triệt, phổ biến một số nghị quyết, quy định quan trọng trong năm như: nghị quyết và chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết đại hội đảng các cấp; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; Luật Doanh nghiệp; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các nghị quyết của Chính phủ về tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người dân bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19...

Trong năm, ngành tiếp tục tham mưu Ban Chỉ đạo lập Quy hoạch tỉnh triển khai các nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo kế hoạch đã phê duyệt. Đến cuối năm 2021 đã hoàn thiện dự thảo Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức xin ý kiến tham gia của các bộ, ngành Trung ương và các tỉnh trung du miền núi phía Bắc và các tổ chức có liên quan. Sở cũng đã tham gia ý kiến vào nhiệm vụ lập Quy hoạch vùng trung du và miền núi phía Bắc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021. Rà soát, điều chỉnh bổ sung, cập nhật danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công năm 2021, 2022, kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trên hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư công; tổng hợp, báo cáo danh mục dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương đã bố trí vốn quá thời gian quy định; rà soát các dự án chuyển tiếp trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương giai đoạn 2016 - 2020. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh văn bản chỉ đạo tăng cường triển khai thực hiện vận động, quản lý và sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi...

Việc thực hiện công tác thẩm định, công tác quản lý thầu; công tác giám sát, đánh giá, quản lý đầu tư được triển khai đảm bảo chất lượng và tiến độ theo quy định. Công tác phát triển kinh tế tập thể, đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư, thu hút đầu tư; Công tác thanh tra và kiểm tra, giám sát, phòng chống tham nhũng; Hoạt động xúc tiến đầu tư, thương

mại và du lịch; Công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin tiếp tục được quan tâm thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ<sup>1</sup>.

Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu triển khai toàn diện, đồng bộ công tác quy hoạch, tham mưu các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; công tác quản lý đầu tư công theo quy định, trọng tâm là chỉ đạo, đôn đốc đơn vị tư vấn hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến thẩm định của Hội đồng thẩm định Trung ương. Đã hoàn thành việc chỉnh lý hồ sơ, đang trình Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất trước khi gửi Hội đồng thẩm định rà soát, cho ý kiến kết thúc thẩm định theo quy định.

Tham mưu, triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia đảm bảo tiến độ. Trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các nghị quyết về giao bổ sung kế hoạch vốn, phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023; kiện toàn thành viên Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025. Tham mưu phương án bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn vốn nước ngoài cho Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 hỗ trợ huyện nghèo thoát khỏi tình trạng nghèo, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 880/QĐ-TTg, ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ...

Thực hiện quản lý vốn ODA và các nguồn viện trợ không hoàn lại theo đúng quy định. Đề xuất giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 cho Dự án Phát triển nông thôn thích ứng với thiên tai tỉnh Lai Châu sử dụng vốn vay của Chính phủ Nhật Bản. Tham mưu Ủy

---

1. Trong năm, Sở đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố 29 thủ tục hành chính mới; sửa đổi 49 thủ tục hành chính, bãi bỏ 54 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Đến cuối năm 2021, tổng số thủ tục hành chính của Sở là 119 thủ tục; công tác cải cách thủ tục hành chính được thực hiện nhanh gọn, minh bạch, đúng quy trình; việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả cho các tổ chức, cá nhân đều đảm bảo thời gian, tiến độ. Triển khai, thực hiện có hiệu quả phần mềm quản lý văn bản và điều hành liên thông 4 cấp chính quyền VNPT Ioffice; thường xuyên rà soát hoàn thiện quy trình hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015 phù hợp với thủ tục hành chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo thực hiện có hiệu quả.

ban nhân dân tỉnh trình Tỉnh ủy cho chủ trương, phê duyệt 10 dự án phi chính phủ đảm bảo đúng quy định, quy trình, thời gian và chất lượng.

Việc thực hiện công tác thẩm định được triển khai đảm bảo chất lượng và tiến độ theo quy định<sup>1</sup>. Quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn phát triển kinh tế tập thể, đăng ký kinh doanh, cấp phép đầu tư, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh<sup>2</sup>. Tiếp tục thực hiện công tác quản lý đấu thầu, công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo kế hoạch năm 2023; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương đầu tư 12 dự án với tổng vốn là 2.660 tỷ đồng; điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 12 dự án; thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư 1 dự án. Lũy kế tính đến ngày 09/6/2023 trên địa bàn tỉnh có 289 dự án với tổng vốn đầu tư 141.252 tỷ đồng.

Xác định nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra, giám sát và phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên, 6 tháng đầu năm 2023, Sở đã thực hiện lập biên bản xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư đối với 10 dự án, ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với 7 dự án chậm tiến độ thuộc thẩm quyền, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định xử phạt 3 dự án chậm tiến độ, tổng số tiền xử phạt là 810 triệu đồng. Công tác tiếp công dân, xử lý đơn thư, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục được duy trì theo Lịch tiếp công dân năm 2023.

---

1. 6 tháng đầu năm 2023 đã thẩm định và trình phê duyệt 39 kế hoạch lựa chọn nhà thầu, 1 điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu; thẩm định 2 báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; 2 báo cáo điều chỉnh chủ trương đầu tư; điều chỉnh 1 dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trình kỳ họp chuyên đề Hội đồng nhân dân tỉnh tháng 5/2023; *Nghị quyết số 07/NQ-HĐND, ngày 09/3/2022 về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Hàm đường bộ qua đèo Hoàng Liên kết nối thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai với huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu...*

2. Tính đến ngày 09/6/2023, Sở đã cấp đăng ký thành lập mới 60 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 1.347,2 tỷ đồng, nâng tổng số doanh nghiệp trên toàn tỉnh lên 1.921 doanh nghiệp, với tổng vốn đăng ký 54.729,8 tỷ đồng. Đăng ký hoạt động cho 58 chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh cho 136 lượt doanh nghiệp; đăng ký tạm ngừng hoạt động cho 47 doanh nghiệp. Đến ngày 31/5/2023, toàn tỉnh có 414 hợp tác xã và 2 quỹ tín dụng nhân dân, tăng 7 hợp tác xã so với năm 2022. Số hợp tác xã đang hoạt động là 326 (bao gồm 2 quỹ tín dụng nhân dân); 90 hợp tác xã ngừng hoạt động; 11 hợp tác xã thành lập mới, đạt 36,7% so với kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2023; tổng vốn điều lệ đăng ký hoạt động là 1.056.714 triệu đồng; thu hút 3.453 thành viên, tạo việc làm thường xuyên cho 3.487 lao động.

Sở đã kịp thời chuẩn bị các nội dung “Hội nghị Xúc tiến Thương mại - Đầu tư” trong khuôn khổ Chương trình Liên hoan nhân dân biên giới và Đêm liên hoan văn nghệ chào Xuân qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc năm 2023; tham gia các hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam - VITM Hà Nội 2023, Hội chợ công thương vùng đồng bằng sông Hồng tại tỉnh Hà Nam, Trung Quốc; đề xuất Chương trình cấp quốc gia về xúc tiến thương mại năm 2024... Tiếp tục thực hiện tốt công tác cải cách hành chính gắn với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ. Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2023, Sở đã hoàn thành 16/29 nhiệm vụ theo chương trình công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, 81 nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao, đã hoàn thành 52/77 nhiệm vụ theo chương trình công tác của Sở. Đây là tiền đề quan trọng thúc đẩy thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ngành năm 2023 đề ra.

Thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Kết luận, ngày 19/01/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2021 - 2025. Sở đã xác định, đăng ký 1 nhiệm vụ đột phá “Cải cách hành chính trong lĩnh vực đăng ký thành lập doanh nghiệp”; đăng ký 1 mô hình tiêu biểu “Triển khai Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và địa phương (DDCI)”. Đối với cá nhân, xây dựng kế hoạch cá nhân về học tập, làm theo và nêu gương giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch hằng năm. Tiếp tục rà soát, bổ sung, xây dựng các quy chế, quy định liên quan đến thực hiện trách nhiệm nêu gương; xây dựng nội dung kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kết luận số 01-KL/TW gắn với thực hiện các nghị quyết Trung ương về xây dựng, chỉnh đốn Đảng và các quy định của Đảng về trách nhiệm nêu gương vào chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm<sup>1</sup>.

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 105/KH-SKHDT, ngày 19/01/2022, Kế hoạch thực hiện Kết luận số 01-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW về “Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2021 - 2025.



Quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; căn cứ hướng dẫn của cấp có thẩm quyền, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Kế hoạch số 354/KH-SKHĐT, ngày 20/4/2018 về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW. Ngành đã thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Đề án tinh giản biên chế Sở Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2015 - 2021 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Từ năm 2016 đến năm 2021, Sở đã thực hiện giảm 5 biên chế, đạt 100% theo Đề án phê duyệt. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện sắp xếp tổ chức tinh gọn bộ máy theo hướng thu gọn đầu mối, không chồng chéo nhiệm vụ, phù hợp với tình hình thực tế cơ quan. Cụ thể là: (1) Xây dựng Đề án thành lập Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lai Châu. Trung tâm đã đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2019. (2) Xây dựng kế hoạch, đề án tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định sáp nhập phòng Kinh tế đối ngoại vào phòng Kinh tế ngành, giảm 1 phòng so với năm 2015. (3) Sở đã phối hợp xây dựng đề án và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định giải thể Ban Quản lý dự án giảm nghèo tỉnh Lai Châu và Ban Quản lý giảm nghèo các huyện Tam Đường, Phong Thổ, Sìn Hồ, Mường Tè.

Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết, cơ cấu tổ chức, bộ máy của Sở đã dần ổn định; đội ngũ công chức, viên chức, người lao động thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng đúng tiêu chuẩn ngạch, bậc theo quy định, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao<sup>1</sup>.

Thực hiện các quy định của pháp luật về cải cách thủ tục hành chính nhà nước tại Sở Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2020 - 2022, Sở đã tiến hành quán triệt, tuyên truyền và triển khai sâu rộng nội dung của Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 05/7/2021 của Chính phủ đến các phòng, trung tâm và toàn thể công chức, viên chức, người lao động; đồng thời phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành tham mưu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh,

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 1004/BC-SKHĐT, tháng 7/2022, Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về “Một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản triển khai thực hiện<sup>1</sup>. Sở Kế hoạch và Đầu tư đã công khai danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở trên Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử, dịch vụ công quốc gia gồm: Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4: 70/122 thủ tục hành chính; Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 đã tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia: 70 thủ tục hành chính. Sở đã tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành các quyết định công bố danh mục, quy trình giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư; chỉ đạo các phòng, trung tâm thực hiện tốt các hướng dẫn về công tác cải cách thủ tục hành chính; tiếp tục rà soát quy trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 đảm bảo phù hợp với quy trình giải quyết danh mục thủ tục hành chính. Đồng thời, tổ chức tuyên truyền để người dân, tổ chức tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến qua Cổng dịch vụ công trực tuyến - Hệ thống một cửa điện tử tỉnh Lai Châu<sup>2</sup>.

Để hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao, với những thành tựu, kết quả đáng khích lệ trên đây, giai đoạn 2020 - 2023 ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh đã quan tâm tham mưu, triển khai kiện toàn tổ chức bộ máy, cán bộ; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức cơ quan. Tháng 6/2020, Sở đã xây dựng đề án và tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quyết định sáp nhập các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (sáp nhập phòng Kinh tế đối ngoại vào phòng Kinh tế ngành). Sau khi sắp xếp lại tổ chức bộ máy, Sở đã ban hành quyết định về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức của phòng, trung tâm, giao biên chế cho đơn vị sự nghiệp, phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp viên chức của Trung tâm, thực hiện nhanh chóng việc điều động, tiếp nhận viên chức, tài sản, tài chính, thiết bị, hồ sơ, tài liệu của các đơn vị sau khi sáp nhập. Tính đến cuối

---

1. Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 20/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 2943/KH-UBND, ngày 20/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2030.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 1363/BC-SKHĐT, ngày 22/8/2022, Báo cáo việc thực hiện các quy định của pháp luật về cải cách thủ tục hành chính nhà nước tại Sở Kế hoạch và Đầu tư từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2022.

năm 2020, Sở có 8 phòng, trung tâm thuộc Sở (7 đơn vị hành chính, 1 đơn vị sự nghiệp), với 52 công chức, viên chức, người lao động<sup>1</sup>.

Năm 2022, Sở đã ban hành kế hoạch và đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng năm 2022 và giai đoạn 2023 - 2027; rà soát bổ sung quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý của Sở giai đoạn 2021 - 2026; phê duyệt quy hoạch các chức danh trưởng phòng, phó trưởng phòng và tương đương thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2026 - 2031 và trình cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chức danh giám đốc, phó giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư giai đoạn 2021 - 2026 và giai đoạn 2026 - 2031. Hoàn thành việc rà soát, xử lý sai phạm trong công tác cán bộ theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND, ngày 10/11/2022 về chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu. Theo đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư có vị trí và chức năng: Là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển... Sở Kế hoạch và Đầu tư có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Đồng thời, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch và đầu tư và 20 nhóm nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể theo quy định. Theo Quy định, cơ cấu tổ chức bộ máy và biên chế Sở Kế hoạch và Đầu tư có giám đốc và 3 phó giám đốc; có 7 phòng chuyên môn (Văn phòng; Thanh tra; phòng Tổng hợp, Quy hoạch; phòng Kinh tế ngành; phòng Đấu thầu, Thẩm định và Giám sát đầu tư; phòng Đăng ký kinh doanh; phòng Khoa giáo, Văn xã) và 1 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở (Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lai Châu).

Năm 2023, Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Lai Châu; hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng Tài

---

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 2304/BC-SKHDT, ngày 18/12/2020, Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. Đã ban hành và triển khai thực hiện tốt các kế hoạch về công tác cán bộ như điều động, chuyển đổi vị trí công tác, tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức... trong cơ quan.

Cũng trong giai đoạn này, Ban Giám đốc Sở có nhiều biến động, tuy nhiên đã kịp thời được kiện toàn. Tháng 3/2021, ông Lù Văn Quân - Phó Giám đốc Sở được tỉnh luân chuyển thực hiện nhiệm vụ công tác mới; chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Huyện ủy, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Nậm Nhùn. Nhằm tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành triển khai nhiệm vụ của ngành, tháng 4/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư được điều động, bổ sung thêm 2 đồng chí Phó Giám đốc Sở (bà Hoàng Thị Nguyễn và ông Nguyễn Đình Hùng); tháng 12/2021, ông Hoàng Đại Thắng thôi giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở và được điều động bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Sở Xây dựng. Đến tháng 6/2022, ông Nguyễn Văn Quỳnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu. Đồng thời, Sở đã thực hiện quy trình bổ nhiệm một số lãnh đạo phòng, trung tâm đảm bảo quy định. Tính đến tháng 6/2023, Sở có 8 phòng, trung tâm thuộc Sở (7 phòng chuyên môn, 1 phòng đơn vị sự nghiệp). Tổng số công chức, viên chức, người lao động có mặt là 54 người (công chức 39 người, viên chức 13 người, hợp đồng 2 người), trong đó: Đảng viên 44 đồng chí; dân tộc thiểu số 10 người; nữ 20 người; trình độ chuyên môn: thạc sỹ 17 người, đại học 35 người, trung cấp nghề 2 người; trình độ lý luận chính trị cao cấp 14 người, trung cấp lý luận chính trị 14 người; quản lý nhà nước chuyên viên cao cấp 4 người, chuyên viên chính 14 người, chuyên viên và tương đương 25 người. Đến thời điểm này, cơ cấu tổ chức bộ máy, số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của Sở cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của ngành trong tình hình mới.

Tháng 8/2023, tỉnh đã tiến hành sơ kết giữa nhiệm kỳ triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV. Trong 2,5 năm qua, tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực, trong nước có nhiều diễn biến phức tạp; trong tỉnh, thiên tai, dịch bệnh Covid-19 ảnh hưởng lớn đến kinh tế - xã hội với những hậu quả hết sức nặng nề; các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo đẩy mạnh các hoạt động chống phá, chia rẽ khối đoàn kết các

dân tộc. Song, phát huy tinh thần “Đoàn kết, dân chủ, kỷ cương, đổi mới và phát triển”, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành chương trình hành động và các nghị quyết chuyên đề, đề án với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và phân công trách nhiệm, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện quyết liệt, thống nhất, hiệu quả trong toàn Đảng bộ và đạt được một số kết quả khả quan<sup>1</sup>. Để đạt được những thành tựu quan trọng đó trong nửa đầu của nhiệm kỳ, nhất là thành tựu về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, có sự đóng góp rất lớn của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

Nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV Đảng bộ tỉnh, trong nửa cuối nhiệm kỳ, các cấp, ngành, địa phương tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, các nghị quyết chuyên đề, đề án, kết luận nhiệm kỳ 2020 - 2025. Nghiên cứu ban hành một số nghị quyết chuyên đề, đề án trên một số lĩnh vực. Ngành Kế hoạch và Đầu tư sẽ cùng với các cấp, các ngành tập trung cao độ, tham mưu cho Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh cụ thể hóa các nghị quyết, đề án, kết luận của Tỉnh ủy, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh nhằm đẩy nhanh việc hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2025.

Với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần quan trọng, thiết thực vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020 và nửa đầu giai đoạn 2020 - 2025, từng bước thực hiện mục tiêu đưa tỉnh Lai Châu trở thành tỉnh phát triển trung bình trong khu vực miền núi phía Bắc. Ghi nhận những nỗ lực, cố gắng đó của ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu, các cấp,

---

1. Sau nửa nhiệm kỳ, các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết đã được triển khai đồng bộ, quyết liệt; 22/55 chỉ tiêu thành phần Nghị quyết đề ra đã đạt và vượt. Việc thực hiện các nhiệm vụ đạt được những kết quả nổi bật như: tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người đạt khoảng 47,45 triệu đồng (tăng 4,12 triệu đồng so với năm 2020). Toàn tỉnh có 41,5% xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 158 sản phẩm được công nhận OCOP từ 3 sao trở lên. Tổng lượt khách du lịch đến tỉnh đạt gần 2 triệu lượt người, tăng bình quân 33,2%/năm (vượt 13,2% mục tiêu Nghị quyết). Dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung đạt 99% (đạt Nghị quyết); tỷ lệ thu gom và xử lý rác thải rắn sinh hoạt tại đô thị đạt 98,2% (vượt 3,2% Nghị quyết). Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trung bình đạt 3,4%/năm, riêng huyện nghèo giảm 4,7%/năm (vượt chỉ tiêu Nghị quyết lần lượt 0,4% và 0,7%/năm). Kết nạp mới 27.004 đoàn viên, hội viên, tỷ lệ tổ chức cơ sở đạt khá trở lên chiếm 96% (vượt chỉ tiêu Nghị quyết).

bộ, ngành tặng nhiều phần thưởng cao quý như: năm 2020, tập thể Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu được Thủ tướng Chính phủ tặng danh hiệu “Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2019”; các tập thể, cá nhân của Sở cũng được các cấp, bộ, ngành trao tặng nhiều bằng khen, giấy khen. Đặc biệt, năm 2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu đã được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2017 đến năm 2021, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đây là minh chứng sống động cho sự nỗ lực, cố gắng phấn đấu không ngừng nghỉ của tập thể, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh thời gian qua; đồng thời là sự ghi nhận, động viên kịp thời để tập thể, cán bộ, công chức, viên chức ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh tiếp tục phấn đấu, tích cực thi đua hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới.

## KẾT LUẬN

60 năm qua, dưới sự quan tâm lãnh đạo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Đảng bộ tỉnh, sự giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, với vai trò là cơ quan tham mưu tổng hợp và hoạch định chiến lược của Đảng bộ tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh, các thế hệ lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của ngành là đội ngũ có tâm, có tầm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, luôn đề cao trách nhiệm chính trị, phát huy bản lĩnh, trí tuệ tập thể, không ngừng đổi mới tư duy, cộng hưởng tài năng và công sức, ngày càng khẳng định được vai trò tổng tham mưu trưởng trong xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phân bổ, quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư, gặt hái được nhiều thành tựu trên tất cả các lĩnh vực, xứng đáng với niềm tin của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc, góp phần quan trọng vào thắng lợi trong đấu tranh giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; từ một tỉnh xuất phát điểm thấp đã ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, kém phát triển, hiện nay đang trên đà phát triển nhanh và bền vững.

Giai đoạn 1963 - 1975 là chặng đường thành lập và bước đầu phát triển của ngành. Trong điều kiện mới thành lập, cơ sở vật chất thiếu thốn, khó khăn, cơ sở hạ tầng về kinh tế - xã hội được bắt đầu xây dựng, vừa mới thành lập song ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu vừa thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, vừa phải xây dựng cơ quan cùng với sơ tán, khắc phục tình trạng thiếu cán bộ nhưng ngành Kế hoạch và Đầu tư đã tham mưu cụ thể hóa thành công kế hoạch xây dựng kinh tế - xã hội 3 năm (1963 - 1965), kế hoạch chuyển thời bình sang thời chiến (1965 - 1975) phù hợp với điều kiện thực tiễn. Công tác nghiên cứu, quy hoạch làm cơ sở vững chắc để triển khai các chủ trương, chính sách, mô hình sản xuất phù hợp với từng địa phương, từng dân tộc. Luôn phối hợp chặt chẽ với các ngành để triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu về đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng cơ bản, tích cực phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, tăng cường công tác lưu



thông phân phối, tất cả vì mục tiêu ổn định sản xuất và cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Sự ra đời của các nông trường lớn như nông trường Điện Biên, nông trường Mường Ảng, công trình Đại thủy nông Nậm Rốm... là thành quả nổi bật của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ đầu thành lập tỉnh; thu hút lực lượng lớn lao động từ miền đồng bằng lên khai hoang, lao động, sản xuất, đóng góp xây dựng Lai Châu, góp phần đưa Lai Châu là hậu phương vững chắc, cùng quân dân cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ.

Giai đoạn 1976 - 1985, đất nước thống nhất, cả nước tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội với cơ chế kế hoạch hóa tập trung, đây chính là giai đoạn mà nhiệm vụ của ngành Kế hoạch và Đầu tư rất nặng nề và đóng một vai trò rất quan trọng trong điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tham mưu các kế hoạch 5 năm giai đoạn 1976 - 1980 và giai đoạn 1981 - 1985 đã cụ thể hóa chủ trương, đường lối của Đảng về việc khắc phục hậu quả chiến tranh, xây dựng một bước cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phát triển nông nghiệp và cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân. Tập trung triển khai và thực hiện có chất lượng công tác điều tra, thiết kế quy hoạch, cán bộ, công nhân viên của ngành không quản khó khăn, gian khổ, điều tra thực địa, thu thập số liệu, phác thảo nên bức tranh tổng thể về tiềm năng, tài nguyên thiên nhiên, định hướng phát triển là căn cứ vững chắc, có giá trị cho công tác xây dựng điều hành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ tiếp theo. Trong điều kiện bị cấm vận, bị nước ngoài rút vốn đầu tư, hầu hết các mặt hàng thiết yếu đều phải cân đối bổ sung từ Trung ương và phân phối bằng kế hoạch tập trung, ngành Kế hoạch và Đầu tư của tỉnh đã bám sát địa bàn cơ sở, tích cực kiến nghị với Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Vật tư và tham mưu đặc lực cho cấp ủy, chính quyền địa phương giải quyết cân đối hiện vật, đảm bảo các nhu cầu vật tư, thiết bị cơ bản của nền kinh tế; cân đối hợp lý hàng hóa, lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu theo tiêu chuẩn định lượng phục vụ đời sống nhân dân, đảm bảo ổn định chính trị, trật tự xã hội. Đồng thời, huy động nguồn lực xây dựng những công trình lớn phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, tiêu biểu như

công trình hồ Pa Khoang, thủy điện Thác Bay và một số tuyến đường giao thông quan trọng khác...

Giai đoạn 1986 - 2003, trong thời kỳ đổi mới từ Đại hội VI của Đảng (năm 1986) đất nước ta chuyển dần từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, ngành Kế hoạch và Đầu tư đã đổi mới tư duy, cả về phương pháp kế hoạch và cách tổ chức triển khai nghiên cứu xây dựng kế hoạch. Tham mưu quy hoạch, di chuyển trụ sở huyện, tỉnh để thuận lợi khai thác tiềm năng, thế mạnh để phát triển, đồng thời đảm bảo an toàn cho nhân dân. Đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng thủy lợi, thủy nông, nước sạch, trường học, y tế, thông tin... để phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân. Bước đầu đổi mới trong sản xuất của các nông, lâm trường để thích ứng với thời kỳ mở cửa. Tiếp tục tham mưu Trung ương quan tâm hỗ trợ giá cho các mặt hàng thiết yếu và phân phối đến các địa phương phù hợp. Quan tâm triển khai các chương trình định canh, định cư, kinh tế mới; tham mưu hỗ trợ cho dân tộc ít người.

Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội đã tạo được những tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngành Kế hoạch và Đầu tư tích cực tham mưu kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, các kế hoạch giai đoạn 5 năm, định hướng phát triển kinh tế - văn hóa, đảm bảo cân đối giữa các ngành, lĩnh vực của tỉnh. Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, phối hợp điều hành thực hiện các mục tiêu và cân đối chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội và an ninh, quốc phòng. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác quy hoạch vùng, ngành, lĩnh vực; chất lượng xây dựng kế hoạch, phân bổ chỉ tiêu cho từng ngành, từng địa phương đảm bảo cân đối. Phối hợp cùng các ngành đề nghị Trung ương đầu tư cho tỉnh trên các lĩnh vực, nhất là các vấn đề cấp thiết của tỉnh như phát triển giao thông vận tải, điện, nước, xóa nhà học tạm, khâu đột phá đối với Lai Châu là đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống cây trồng vào sản xuất. Phối hợp với các ngành chuyên môn đề xuất các biện pháp quản lý, các chương trình kinh tế, các dự án quốc gia trên địa bàn như: Chương trình 327 về tạo mới và bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; Chương trình 661 thực hiện dự án trồng mới 5 triệu ha rừng; Chương trình 135; Chương trình 186, định canh, định cư, phát

triển các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu và vùng xa, giáo dục, y tế, hỗ trợ đồng bào dân tộc ít người, xóa đói giảm nghèo... Thực hiện đổi mới doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp, phân bổ vốn đầu tư nước ngoài... Sự cố gắng của ngành đã góp phần vào kết quả chung của tỉnh: kinh tế phát triển ổn định và có bước tăng trưởng khá, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, thông tin, trường học, bệnh viện, trạm y tế, phát thanh - truyền hình, văn hóa thông tin... phát triển nhanh, nhiều công trình phát huy rõ hiệu quả. Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển nở nết... Những thành tích đó là nền tảng vững chắc để tỉnh bước vào giai đoạn lịch sử tiếp theo.

Giai đoạn 2004 - 2023, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước, năm 2004 tỉnh thực hiện nhiệm vụ chia tách thành 2 tỉnh Điện Biên và Lai Châu. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đã kịp thời khắc phục những khó khăn của tỉnh mới thành lập, khẩn trương ổn định tổ chức bộ máy, năng động, sáng tạo, tích cực triển khai toàn diện các lĩnh vực. Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp cùng các ngành tham mưu nghị quyết về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo, giải quyết việc làm giai đoạn 2004 - 2010, giải quyết nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa to lớn cả về chính trị, kinh tế, xã hội và quốc phòng, an ninh của tỉnh. Đồng thời, tham mưu định hướng phát triển tỉnh giải quyết vấn đề trước mắt và dài hạn, đảm bảo sự bền vững như quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2005 - 2010 và tầm nhìn 2020; Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 5 năm 2005 - 2010; 2010 - 2015; 2015 - 2020; 2020 - 2025... Tham mưu đưa tỉnh vượt qua các giai đoạn khó khăn về kinh tế, tập trung kiềm chế lạm phát, nhất là vượt qua ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Tham mưu cụ thể hóa nhiều nghị quyết, đề án, chương trình, kế hoạch của tỉnh với mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện quyết liệt, thống nhất, hiệu quả trong toàn tỉnh. Công tác quy hoạch, kế hoạch đạt nhiều thành tựu, hiệu quả, trọng tâm quy hoạch các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh, trọng tâm là các quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội thời kỳ đến năm 2020, thời kỳ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch ngành, lĩnh vực đến năm 2020; các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; Kế hoạch Đầu tư công 5 năm và hằng năm; tham mưu lập quy hoạch

tổng thể và thẩm định quy hoạch chi tiết tất cả các khu, điểm di dân tái định cư các dự án thủy điện Sơn La, Lai Châu, Huội Quảng, Bản Chát, góp phần di dân, tái định cư, ổn định đời sống cho các hộ tái định cư, đồng thời góp phần to lớn cho việc xây dựng các nhà máy thủy điện hoàn thành, vượt tiến độ đề ra. Đảm bảo cơ cấu kinh tế, cân đối giữa việc xây dựng chỉ tiêu, giữa các ngành, lĩnh vực và nguồn lực thực hiện. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đã có sự phát triển mạnh mẽ về quy mô và chất lượng, đóng góp không nhỏ trong công cuộc cải cách thể chế, tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, xây dựng và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh ngày càng thông thoáng, cởi mở, theo hướng kiến tạo phát triển. Kết quả của ngành đã góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, thu hẹp khoảng cách so với các tỉnh trong vùng và trong cả nước. Đến năm 2023, tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người đạt khoảng 47,45 triệu đồng, gấp trên 18 lần so với năm 2004; toàn tỉnh có 41,5% xã đạt chuẩn nông thôn mới; mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trung bình đạt 3,4%/năm, riêng huyện nghèo giảm 4,7%/năm... Đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng lên; cơ sở hạ tầng được quan tâm đầu tư, xây dựng; bộ mặt nông thôn ngày một đổi mới, phát triển. Năm 2010, Lai Châu ra khỏi tình trạng đặc biệt khó khăn, năm 2015 ra khỏi tình trạng kém phát triển và đang trên đà phát triển nhanh và bền vững.

Ghi nhận những thành tích, đóng góp của tập thể, cá nhân trong ngành Kế hoạch và Đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Nhà nước, nhiều bằng khen của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; rất vinh dự và tự hào, năm 2010 tập thể Sở Kế hoạch và Đầu tư được Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 - 2009 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; năm 2015, Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì do có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2010 đến năm 2014, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc; năm 2022, Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhất đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2017 đến năm 2021, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Và nhiều bằng khen

cho các phòng, cá nhân trong ngành đã có thành tích xuất sắc, nỗ lực, cố gắng cống hiến vào thành tích chung của ngành.

Trải qua chặng đường 60 năm, ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu đã luôn luôn phấn đấu đi lên, xứng đáng với niềm tin của Đảng và Nhà nước, cán bộ, đảng viên và nhân dân. Ngành đã xây dựng và tập hợp được đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ ngày càng nâng cao, có bề dày kinh nghiệm, từng bước đáp ứng được những đòi hỏi thực tiễn phát triển của địa phương. Thời điểm thành lập Ủy ban Kế hoạch, Thống kê, Kiến thiết cơ bản tỉnh Lai Châu, cơ quan có 19 cán bộ; đến năm 2020 có 52 cán bộ, công chức, viên chức; đến năm 2023, có 54 cán bộ, công chức, viên chức.

Qua 60 năm xây dựng và trưởng thành, cùng với những thành tựu đạt được vẫn còn hạn chế cần quan tâm giải quyết, ngành Kế hoạch và Đầu tư rút ra những bài học quý báu trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc như sau:

*Một là:* Phải luôn nắm vững, hiểu sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; nắm chắc điều kiện thuận lợi, khó khăn của từng địa phương, ngành, lĩnh vực; kịp thời phân tích và nâng cao khả năng dự báo để chủ động tham mưu cấp ủy, chính quyền các cấp ban hành chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn, phù hợp. Tập trung nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế của cả nước, vùng để cụ thể hóa vào điều kiện thực tiễn của tỉnh, của từng ngành, lĩnh vực để triển khai thực hiện hiệu quả. Phải rất coi trọng công tác quy hoạch và dự báo chiến lược, có tầm nhìn dài hạn để “hướng dẫn hành vi” trong công tác kế hoạch. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội qua từng thời kỳ thực sự là công cụ chủ yếu để quản lý, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, do đó phải bao quát các ngành, các cấp, các lĩnh vực, bảo đảm phát triển hài hòa, cân đối có như vậy mới phát triển nhanh và bền vững. Liên tục theo dõi và đánh giá hiệu suất của đầu tư, kế hoạch và tham mưu điều chỉnh khi cần thiết để đảm bảo tiến bộ và hiệu quả tốt nhất.

*Hai là:* Quan hệ tốt với Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tranh thủ sự giúp đỡ về chuyên môn, nghiệp vụ, vốn đầu tư cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và ngành Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu. Đồng thời, kết hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố để nâng

cao chất lượng tham mưu; đồng thời, nắm tình hình triển khai trong thực tế và đề xuất các giải pháp để kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc từ cơ sở. Đẩy mạnh việc thực hiện cải cách hành chính; nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của ngành Kế hoạch và Đầu tư.

*Ba là:* Tăng cường công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, nắm chắc quá trình phát triển của từng lĩnh vực để đổi mới, sáng tạo trong công tác tham mưu, nhất là các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá. Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và sơ, tổng kết việc triển khai thực hiện của cơ quan, đơn vị, từ đó rút kinh nghiệm và xác định nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện trong thời gian tiếp theo.

*Bốn là:* Chăm lo đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ có trình độ cao về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời tích lũy, học hỏi kiến thức và kinh nghiệm liên tục, thường xuyên cập nhật kiến thức để nâng cao chất lượng tham mưu, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao sự phát triển của xã hội, đòi hỏi bức thiết của yêu cầu nhiệm vụ mới.

*Năm là:* Làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, chức trách của cán bộ, công chức, viên chức; động viên, khuyến khích đội ngũ cán bộ, nhân viên trong ngành vượt qua khó khăn, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Luôn chăm lo cho sự tiến bộ toàn diện của đội ngũ không chỉ về chuyên môn, nghiệp vụ mà còn về quyền lợi, sự tiến bộ chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống. Hằng năm, thực hiện công tác thi đua, khen thưởng, động viên, khuyến khích cán bộ, công nhân viên kịp thời.

Thế hệ ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu hôm nay trân trọng ghi nhớ công ơn các thế hệ cha anh đi trước - những người đặt nền tảng, xây dựng và phát triển truyền thống, những phẩm chất tốt đẹp, những kinh nghiệm quý báu và nhất là tinh thần đoàn kết, ý chí vượt qua gian khổ, khắc phục khó khăn đã nối tiếp nhau viết nên những trang sử đẹp về truyền thống của ngành. Nhìn lại chặng đường đã qua và hướng tới chặng đường tiếp theo, ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu càng thấy rõ trách nhiệm của mình trong việc tham mưu cho cấp ủy đảng, chính quyền các cấp hoạch định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, cơ chế về quản lý và chính sách phát triển. Trong thời gian tới, trước những thời cơ và thách

thức to lớn, đặc biệt là quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, yêu cầu nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước ngày càng cấp thiết, từng cán bộ ngành Kế hoạch và Đầu tư phải duy trì được bản lĩnh kiên định, dám nghĩ, dám làm; phải bước đi tiên phong với tầm nhìn mới và tư duy đổi mới sáng tạo, biến khó khăn, thách thức thành cơ hội; đồng thời luôn giữ nhiệt huyết để nêu cao tinh thần đoàn kết, không ngừng nỗ lực, khát vọng, biết đồng cảm, chia sẻ và cống hiến, hướng tới vì hạnh phúc của nhân dân và hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ được giao.



## ẢNH LÃNH ĐẠO TRUNG ƯƠNG, TỈNH VỚI NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



Đồng chí Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đồng chí Giàng Páo Mỹ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy cùng các đồng chí lãnh đạo tỉnh chụp ảnh lưu niệm với tập thể công chức, viên chức Sở Kế hoạch và Đầu tư (tháng 9/2020)



Đồng chí Giàng Páo Mỹ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh, Chủ tịch HĐND tỉnh chụp ảnh lưu niệm với tập thể lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư trong Lễ kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống ngành Kế hoạch và Đầu tư (31/12/1945 - 31/12/2015) và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì (ngày 12/12/2015)



Các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh chụp ảnh lưu niệm với tập thể cán bộ, công chức, viên chức Sở Kế hoạch và Đầu tư trong Lễ kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống ngành Kế hoạch và Đầu tư (31/12/1945 - 31/12/2015) và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì (ngày 12/12/2015)



Đồng chí Đỗ Ngọc An, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy cùng Đoàn công tác chụp ảnh lưu niệm cùng với lãnh đạo, cán bộ Sở Kế hoạch và Đầu tư năm 2014





Đoàn viên, thanh niên Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu tham gia giao lưu tuổi trẻ ngành Kế hoạch và Đầu tư toàn quốc, năm 2007

## MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH



Ông Lê Trọng Quảng - Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trao Kỷ niệm chương cho các đồng chí có nhiều đóng góp xây dựng ngành năm 2005



Ông Trần Văn Phú - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thăm mô hình trồng chuối xen canh với cây cao su tại huyện Phong Thổ năm 2007





Tập thể cán bộ, công chức Sở Kế hoạch và Đầu tư dâng hoa Tượng đài Bác Hồ với đồng bào các dân tộc tỉnh Lai Châu (ngày 15/10/2009)



Ông Đặng Trần Thắng - Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư phát biểu tại buổi tổng kết nhiệm vụ công tác năm 2013





Hội thảo lấy ý kiến tham gia dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2016 - 2020)



Hội nghị đối thoại doanh nghiệp năm 2015



Quang cảnh Hội nghị tổng kết công tác năm 2015 và chia tay đồng chí Giám đốc Sở nghiệp chế độ (ngày 27/12/2015)



Đồng chí Nguyễn Quang Huy - Bí thư Đảng ủy Sở Kế hoạch và Đầu tư thay mặt Đoàn Chủ tịch phát biểu khai mạc Đại hội





Lễ khánh thành thủy điện Nậm Pạc năm 2022



Tiếp xã giao Đoàn công tác của tổ chức JICA tháng 4/2022



Đoàn công tác tỉnh Lai Châu làm việc với Liên đoàn Kinh tế vùng Kansai tháng 7/2023



Đại biểu tham quan Hội chợ Công Thương vùng Tây Bắc - Lai Châu năm 2023





Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu tổ chức Hội nghị Gặp mặt doanh nhân, đối thoại doanh nghiệp năm 2023



Tập thể cán bộ, công chức, viên chức Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu chụp ảnh lưu niệm với đồng chí lãnh đạo Đảng ủy Khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh Lai Châu



Tập thể cán bộ, công chức, viên chức Sở Kế hoạch và Đầu tư năm 2023



**CHỦ NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH, GIÁM ĐỐC  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU QUA CÁC THỜI KỲ**



Ông  
**LÊ XUÂN CẢN**  
(01/1963 - 7/1964)



Ông  
**LÂM SUNG**  
(8/1964 - 12/1964)



Ông  
**NGUYỄN NIỆM**  
(1965 - 1973)  
(1979 - 1982)



Ông  
**HOÀNG TINH**  
(1974 - 1976)



Ông  
**ĐIỀU CHÍNH TUỆ**  
(1977 - 1979)  
(1986 - 1988)



Ông  
**NGUYỄN VĂN CHẢI**  
(1983 - 1985)

**CHỦ NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH, GIÁM ĐỐC  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU QUA CÁC THỜI KỲ**



**Ông  
NGUYỄN QUANG PHỤNG**  
(1989 - 1994)



**Ông  
NGÔ VĂN HÙNG**  
(1996 - 2001)



**Ông  
NGUYỄN ĐĂNG ĐẠO**  
(2002 - 2003)



**Ông  
LÊ TRỌNG QUẢNG**  
(01/2004 - 8/2006)



**Ông  
TRẦN VĂN PHU**  
Phó Chủ tịch UBND tỉnh,  
Giám đốc Sở  
(9/2006 - 11/2008)



**Ông  
VŨ MẠNH HÙNG**  
(12/2008 - 4/2013)



**CHỦ NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH, GIÁM ĐỐC  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ LAI CHÂU QUA CÁC THỜI KỲ**



Ông  
**ĐẶNG TRẦN THẮNG**  
(4/2013 - 12/2015)



Ông  
**NGUYỄN QUANG HUY**  
(01/2016 - 10/2020)



Ông  
**PHẠM NGỌC PHƯƠNG**  
(12/2020 đến nay)

**PHÓ CHỦ NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH, PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ QUA CÁC THỜI KỲ<sup>1</sup>**



Ông

**TRẦN QUANG MINH**

được bổ nhiệm năm 1964



Ông

**NGUYỄN THỨC**

được bổ nhiệm năm 1970



Ông

**VŨ ĐỨC NHIỆM**



Ông

**TRỊNH ĐÌNH HƯƠNG**



Ông

**ĐINH VĂN HẬU**



Ông

**NGUYỄN THÁI HỒNG**

được bổ nhiệm năm 1983

---

1. Do thất lạc tài liệu nên chưa sưu tầm được ảnh và chưa xác định được thời gian công tác của một số ông/bà.

**PHÓ CHỦ NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH, PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ QUÁ CÁC THỜI KỲ**



*Ông*  
**HOÀNG NGHĨA VĨNH**



*Ông*  
**PHẠM TRỌNG BẢN**



*Ông*  
**CAO THÊM**



*Ông*  
**NGUYỄN LUYỆN**



*Ông*  
**NGUYỄN NGỌC TÍCH**



*Ông*  
**NGUYỄN QUANG PHỤNG**  
(1986 - 1989)



**PHÓ CHỦ NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH, PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ QUA CÁC THỜI KỲ**



**Ông**  
**NGUYỄN THẾ NGHĨA**  
(4/1987 - 12/2003)



**Ông**  
**TRẦN ĐÌNH TRẠI**  
(Khoảng những năm 2001)



**Ông**  
**LÊ TRỌNG QUẢNG**  
(12/2001 - 12/2003)



**Ông**  
**HOÀNG TIẾN DŨNG**  
(4/2003 - 12/2003)



**Ông**  
**ĐẶNG VĂN CHÂU**  
(8/2004 - 9/2014)  
(10/2017 - 12/2020)



**Ông**  
**NGUYỄN HỮU MAI**  
(9/2006 - 5/2014)

**PHÓ CHỦ NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH, PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ QUA CÁC THỜI KỲ**



Ông

**TRẦN VĂN QUẾ**

(02/2005 - 6/2005)



Ông

**VŨ MẠNH HÙNG**

(01/9/2006 - 30/11/2008)



Ông

**LÊ MINH TRÂN**

(01/2010 - 01/2012)



Ông

**VŨ HUY HÒA**

(15/10/2013 - 10/2017)



Ông

**NGUYỄN CÔNG BIÊN**

(6/2014 - 02/2019)



Ông

**HOÀNG ĐẠI THẮNG**

(01/2015 - 12/2021)

**PHÓ CHỦ NHIỆM ỦY BAN KẾ HOẠCH, PHÓ GIÁM ĐỐC  
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ QUA CÁC THỜI KỲ**



*Ông*  
**LÙ VĂN QUÂN**  
(10/2019 - 3/2021)



*Bà*  
**HOÀNG THỊ NGUYỆN**  
(từ tháng 4/2021 đến nay)



*Ông*  
**NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**  
(từ tháng 4/2021 đến nay)



*Ông*  
**NGUYỄN VĂN QUỲNH**  
(từ tháng 6/2022 đến nay)



## ỦY VIÊN ỦY BAN KẾ HOẠCH QUA CÁC THỜI KỲ<sup>1</sup>



Ông  
**NGUYỄN THỰ**



Ông  
**NINH ĐỨC AN**



Bà  
**TRẦN THỊ THÀNH**

---

1. Do thất lạc tài liệu nên chưa sưu tầm được ảnh và chưa xác định được thời gian công tác của các ông/bà.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tỉnh ủy - Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, *Địa chí Lai Châu*, Nxb. Lý luận chính trị, 2020.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lai Châu (1945 - 2009)*, Nxb. Chính trị quốc gia.
3. *Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2005 - 2010*.
4. Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XII*, tr.130.
5. Tỉnh ủy Lai Châu, số 206-BC/TU, ngày 11/7/2013, *Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII*.
6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lai Châu, *Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015 - 2020*.
7. *Lịch sử ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lai Châu (1963 - 2018)*, Nxb. Lao động, 2019.
8. Sở Kế hoạch và Đầu tư Điện Biên, *Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam, Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Điện Biên (31/12/1945 - 31/12/2005)*.
9. Ủy ban lâm thời PTHC tỉnh Lai Châu, *Công văn số 48/HC, ngày 14/2/1963 về phân biên chế năm 1963*.
10. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lai Châu, *Dự án ngày 28/4/1963 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phương hướng, nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu của kế hoạch 1963*.
11. Ủy ban Kế hoạch và Thống kê, *Báo cáo số 15, ngày 23/5/1964 về điều tra đời sống nông dân năm 1963*.
12. Ủy ban Kế hoạch tỉnh, số 130/KH, ngày 01/6/1966, *Báo cáo dự kiến phương hướng sơ kiểm tra kế hoạch 2 năm (1966 - 1967)*.
13. Ủy ban hành chính tỉnh Lai Châu, số 508/VP, ngày 14/11/1967 *về quản lý chi vốn xây dựng cơ bản cuối năm*.
14. Ủy ban hành chính tỉnh, số 458/UB, ngày 11/8/1969 *về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa năm 1970 của tỉnh Lai Châu*.

15. Ủy ban hành chính, số 21/KTCB, ngày 18/01/1971 về duyệt thiết kế kỹ thuật dự toán cống tiêu độc lập; số 229/KTCB, ngày 26/3/1971 về duyệt thiết kế dự toán các công trình trên kênh Nậm Rốm.

16. Ủy ban hành chính tỉnh Lai Châu, số 07/KH-TH, ngày 30/4/1976, Báo cáo phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, kế hoạch năm 1977 của tỉnh Lai Châu.

17. Phủ Thủ tướng, số 65/TTg, ngày 29/01/1976, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về phê chuẩn nhiệm vụ thiết kế xây dựng xí nghiệp cá Pa Khoang (Lai Châu); số 270/TTg, ngày 14/6/1976 về phê duyệt luận cứ kinh tế kỹ thuật thủy điện Thác Báy.

18. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 19/TB, ngày 18/4/1979 về thông báo di chuyển thị trấn huyện lỵ Phong Thổ đến địa điểm mới.

19. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 13/UB-VT, ngày 11/9/1980 về báo cáo kế hoạch thiết bị năm 1981; số 14/UB-VT, ngày 11/9/1980 về báo cáo kế hoạch vật tư năm 1981.

20. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 262/UB-KH, ngày 04/12/1981 về duyệt cấp bổ sung sấm lớp ô tô.

21. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 163/UB-QH, ngày 22/8/1981, Biên bản thông qua lập phương hướng, nhiệm vụ quy hoạch thị xã Lai Châu lần thứ nhất; số 266/KH-XDCB, ngày 14/12/1981 về duyệt xây dựng hội trường và nhà ở, làm việc Ban công nghiệp huyện Phong Thổ.

22. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 13/UB-KH, ngày 08/6/1982, Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (1976 - 1980), phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (1981 - 1985).

23. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 205/VT-KH, ngày 30/9/1983 về báo cáo dự án kế hoạch xây dựng cơ bản năm 1984; số 207/VT-KH, ngày 03/10/1983 về báo cáo kế hoạch vật tư thiết bị năm 1984.

24. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 225/KH-XDCB, ngày 21/6/1984 về phê duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật trụ sở thuế - tài chính giá cả.

25. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 182, ngày 16/9/1983 về quy hoạch vùng kinh tế mới Tam Đường; số 183, ngày 16/9/1983 về tờ trình luận chứng tiểu vùng kinh tế mới chuyên canh cây lương thực Bình Lư (Phong

*Thổ); số 184, ngày 16/9/1983 luận chứng vùng kinh tế mới Mường Ảng huyện Tuần Giáo.*

26. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 02/BC-UB, ngày 23/01/1988 về báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước năm 1987 và phương hướng nhiệm vụ mục tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1988 (Báo cáo trước HĐND tỉnh khóa VIII kỳ họp thứ V); số 01/BC-UB, ngày 26/02/1989 về báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 1988 và phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch năm 1989 (trình bày trước Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ VIII).

27. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 89/UB-KH, ngày 02/4/1986 về sắp xếp lại lực lượng ô tô hiện có và đề nghị phân phối ô tô năm 1986.

28. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 349/KH-TL, ngày 05/11/1987 về duyệt điều chỉnh kế hoạch thủy lợi nhỏ năm 1987.

29. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 41/KH-XDCB, ngày 12/12/1987 về báo cáo kế hoạch đầu tư Thác Bay năm 1988.

30. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 08/UB-BC, ngày 26/5/1988 về báo cáo tổng quyết toán ngân sách địa phương năm 1987.

31. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 02/KH-UB, ngày 03/01/1987, chỉ tiêu kế hoạch điều động lao động và dân cư năm 1987.

32. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 315/CV-UB, ngày 06/10/1987 về Nhà nước độc quyền quản lý kinh doanh một số vật tư hàng hóa của tỉnh.

33. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, số 02-UB/KHH, ngày 10/4/1991, Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 81-HĐBT, ngày 28/3/1991 của Hội đồng Bộ trưởng về việc ban hành hệ thống chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước năm 1991.

34. Ủy ban Kế hoạch tỉnh Lai Châu, số 225/BC-TH, ngày 25/12/1993 về việc báo cáo tình hình kinh tế - xã hội năm 1993 và kế hoạch 1994.

35. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 765/CV-UB-CN, ngày 12/12/1995 về việc đầu tư cho phát triển giao thông năm 1996.

36. Ủy ban Kế hoạch tỉnh Lai Châu, số 115/BC-KH-NN, tháng 7/1993 về kết quả khảo sát kinh doanh và đổi mới công tác quản lý kinh tế của 3 nông trường quốc doanh từ năm 1990 đến năm 1992.

37. Ủy ban nhân dân tỉnh, số 316/KH-DA, ngày 04/9/1992 về lập chương trình đầu tư - xây dựng mạng lưới phòng khám đa khoa.

38. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 315/KH-DA, ngày 04/9/1992 về lập dự án phủ sóng truyền hình tỉnh Lai Châu.

39. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 196/UB-CN, ngày 19/5/1995 về xin hoàn thành thủ tục thực hiện vốn viện trợ của Pháp năm 1994.

40. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 46/BC-KH, ngày 02/4/1998, Báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội 2 năm (1996 - 1997) và chủ trương, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 3 năm (1998 - 2000).

41. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 18/KH-UB, ngày 09/01/1997 về kế hoạch xây dựng phương án chia tách tỉnh Lai Châu thành 2 tỉnh.

42. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 255/VP-UB, ngày 18/7/1998, Dự án điều tra thực trạng kinh tế - xã hội các dân tộc thiểu số khu vực III tỉnh Lai Châu.

43. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 60/CV-UB, ngày 21/3/2000 về xin vốn bổ sung một số công trình quan trọng trong năm 2000.

44. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 14/KH-TH, tháng 02/1998, Báo cáo một số giải pháp và cơ chế chủ yếu thực hiện kế hoạch 1998.

45. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 785/UB-KH, ngày 12/12/1995 về trình duyệt kế hoạch vốn chương trình mục tiêu giáo dục trên địa bàn tỉnh năm 1996.

46. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 784/CV-UB-KH, ngày 12/12/1995 về báo cáo kế hoạch đầu tư XDCB năm 1996; số 131/CV-UB, ngày 25/5/2000 về xin bổ sung vốn Chương trình 135.

47. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 13/BC-UB, ngày 06/3/2003 về báo cáo triển khai thực hiện Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

48. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 19/BC-UB, ngày 08/4/2003, Báo cáo kết quả 3 năm thi hành Luật Doanh nghiệp.

49. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 776/BC-KHĐT, ngày 16/12/2009, Báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2009, phương hướng năm 2010.

50. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, Báo cáo kết quả hoạt động Công đoàn Sở Kế hoạch và Đầu tư từ khi thành lập đến nay (28/10/2004); phương hướng nhiệm kỳ 2004 - 2006.

51. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 533/BC-KHĐT, ngày 06/12/2007, Báo cáo tự kiểm tra việc thực hiện Quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan năm 2007.

52. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 22/BC-KHĐT, ngày 10/6/2004, Báo cáo về việc triển khai Nghị định số 90/2001/NĐ-CP, ngày 23/11/2001 của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

53. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 63/BC-UBND, ngày 29/4/2010, Báo cáo tổng kết kế hoạch phát triển kinh tế tập thể 5 năm (2006 - 2010), Chương trình hỗ trợ phát triển KTTT 5 năm (2011 - 2015).

54. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 1857/QĐ-UBND, ngày 12/11/2009, Quyết định phê duyệt Đề án về các chương trình hoạt động xúc tiến đầu tư năm 2010 tỉnh Lai Châu.

55. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 164/KHĐT-KTN, ngày 26/3/2010 về trình báo cáo tình hình thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2006 - 2010 và xây dựng kế hoạch 2011 - 2015.

56. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 132/BC-KH-ĐT, ngày 19/4/2004, Báo cáo tình hình thực hiện 5 năm (1999 - 2003) Chương trình 135 tỉnh Lai Châu.

57. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 184/BC-KHĐT, ngày 24/5/2004, Báo cáo tình hình thực hiện 4 năm (2000 - 2003) Chương trình xóa đói giảm nghèo tỉnh Lai Châu.

58. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, Báo cáo tình hình hợp tác giữa tỉnh Lai Châu và tỉnh Vân Nam - Trung Quốc (Kèm theo Tờ trình số 149/KHĐT, ngày 19/3/2010).

59. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 561/BC-KHĐT, ngày 09/12/2004, Báo cáo tình hình thực hiện chương trình kiên cố hóa trường, lớp học đến thời điểm 30/10/2004.

60. Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu, Nghị quyết số 45/2005/NQ-HĐND12, ngày 13/7/2005, Thông qua quy hoạch tổng thể phát triển



*kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu thời kỳ 2006 - 2020.*

61. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 210/BC-UBND, ngày 25/12/2009, Báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ di dân định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Quyết định số 33/QĐ-TT, ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ đến tháng 12/2009 trên địa bàn tỉnh Lai Châu và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo.

62. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 145/BC-UBND, ngày 30/7/2010, Báo cáo tình hình thực hiện vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006 - 2010.

63. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, số 713/UBND-VX, ngày 24/6/2009 về xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu giai đoạn 2009 - 2010.

64. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 370/TTr-KHĐT-VX, ngày 15/7/2009, Đề nghị phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Lai Châu giai đoạn 2009 - 2010.

65. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 53/BC-KHĐT, ngày 03/5/2007, Báo cáo thực hiện cơ chế một cửa tại Sở Kế hoạch và Đầu tư từ ngày 01/6/2005 đến hết 31/3/2007.

66. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Lai Châu, Tài liệu nghiên cứu Nghị quyết Đại hội XII Đảng bộ tỉnh Lai Châu.

67. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 545/BC-KHĐT, ngày 12/12/2007, Báo cáo kết quả 3 năm thực hiện Luật TĐKT.

68. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2010 - 2014, phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2015 - 2020.

69. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 30/BC-SKHĐT, ngày 17/01/2011, Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Ban hành VBQPPL của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân năm 2004.

70. Tỉnh ủy Lai Châu, số 206-BC/TU, ngày 11/7/2013, Báo cáo kiểm điểm giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII.

71. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 420/BC-SKHĐT, ngày 14/6/2013, Báo cáo sơ kết 5 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

72. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 259/BC-SKHĐT, ngày 24/4/2013, Báo cáo kết quả giúp đỡ huyện Than Uyên triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

73. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 107/KHĐT-VX, ngày 13/02/2013 về việc đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Báo cáo rà soát danh mục Đề án kiên cố hóa trường lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008 - 2012 và nhu cầu kiên cố hóa phòng học bậc mầm non tỉnh Lai Châu.

74. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 377/BC-SKHĐT, ngày 04/6/2013, Báo cáo đề xuất chương trình hành động của ngành thực hiện Nghị quyết số 22-NQ/TW, ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế.

75. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 263/KHĐT, ngày 25/3/2015 về việc ban hành báo cáo đánh giá chất lượng, hiệu quả các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức nước ngoài (ODA) đối với giáo dục và đào tạo giai đoạn 2004 - 2014 trên địa bàn tỉnh.

76. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 842/BC-SKHĐT, ngày 30/9/2013, Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về giảm nghèo, giai đoạn 2005 - 2012 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

77. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 102/BC-SKHĐT, ngày 12/02/2014, Báo cáo việc thực hiện tái cơ cấu kinh tế trong lĩnh vực đầu tư công và doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

78. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 359/KHĐT, ngày 29/5/2013 về việc hoàn chỉnh báo cáo kết quả 10 năm chia tách tỉnh Lai Châu về tình hình phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng, an ninh và định hướng phát triển xã hội đến năm 2020.

79. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 166-SKHĐT, ngày 13/02/2015 về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (lần thứ 2).

80. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 1219/SKHĐT-KTN, ngày 23/11/2015 về việc báo cáo tình hình thực hiện cơ chế đầu tư đặc thù xây dựng nông thôn mới.

81. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 981/BC-SKHĐT, ngày 30/9/2015, Báo cáo tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010 - 2015.

82. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 726a/SKHĐT-TH, ngày 26/7/2015 về việc ban hành báo cáo đề xuất cơ chế chính sách phối hợp và liên kết vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

83. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 509/BC-SKHĐT, ngày 27/7/2012, Báo cáo tổng kết công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 đến năm 2012.

84. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 465/BC-SKHĐT, ngày 11/7/2012, Báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 91/2007/NQ-HĐND, ngày 20/7/2007 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh.

85. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 475/BC-SKHĐT, ngày 22/5/2015, Báo cáo kết quả công tác cải cách hành chính giai đoạn I (2011 - 2015).

86. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 1044/BC-SKHĐT, ngày 28/11/2013, Báo cáo kết quả triển khai hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn chất lượng TCVN ISO 9001:2008 tại Sở Kế hoạch và Đầu tư.

87. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 13A/QĐ-SKHĐT, ngày 09/4/2015, Quyết định về việc công bố Hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008.

88. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 699/BC-SKHĐT, ngày 16/7/2015, Báo cáo tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.

89. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 833/SKHĐT, ngày 20/8/2015, Đề án tinh giản biên chế.

90. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 253/BC-SKHĐT, ngày 26/4/2012, Báo cáo đánh giá 8 năm thực hiện Luật Thi đua, khen thưởng.

91. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, *Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2010 - 2014, phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2015 - 2020.*

92. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 802/SKHĐT, ngày 25/7/2017, *Báo cáo tổng kết 13 năm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lai Châu.*

93. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 548/SKHĐT, ngày 31/5/2017, *Báo cáo sơ kết thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 giai đoạn 2 (2012 - 2016); Quyết định số 67/QĐ-SKHĐT, ngày 09/9/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 giai đoạn 3 (2017 - 2020).*

94. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 925/BC-KHĐT, ngày 14/9/2015, *Báo cáo sơ kết giai đoạn I thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Lai Châu giai đoạn 2012 - 2020.*

95. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 173/BC-SKHĐT, ngày 27/02/2015, *Báo cáo kết quả tổ chức triển khai hoạt động tình nguyện của thanh niên và các cơ chế, chính sách đối với thanh niên tham gia hoạt động tình nguyện.*

96. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 1176/BC-SKHĐT, ngày 11/11/2015, *Báo cáo tổng kết thực hiện Quyết định số 1374/QĐ-TTg, ngày 12/8/2011 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020.*

97. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 306/SKHĐT, ngày 30/3/2017, *Báo cáo số liệu cán bộ.*

98. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, *Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng giai đoạn 2010 - 2014; Phương hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2015 - 2020.*

99. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 792/SKHĐT-TH, ngày 22/7/2016, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ sau Hội nghị xúc tiến đầu tư và quảng bá du lịch tỉnh Lai Châu lần thứ nhất.*

100. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, Văn bản số 121/SKHĐT, ngày 03/02/2016, *Dự thảo báo cáo tham luận việc cụ thể hóa và*

triển khai thực hiện các nghị quyết của HĐND tỉnh trong nhiệm kỳ 2011 - 2016.

101. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, *Tờ trình số 185/TTr-SKHĐT*, ngày 01/3/2016 về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước tỉnh Lai Châu, giai đoạn 2016 - 2020.

102. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 796/SKHĐT, ngày 22/7/2016, Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí”.

103. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 386/SKHĐT-VP, ngày 20/4/2017 về việc xây dựng quy hoạch cán bộ nhiệm kỳ 2021 - 2026.

104. Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 - 2020.

105. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, Báo cáo đánh giá giữa kỳ đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

106. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, Báo cáo đánh giá giữa kỳ thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

107. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 351/BC-SKHĐT, ngày 19/4/2018, Tổng hợp các khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về cơ chế, chính sách liên quan đến lĩnh vực đầu tư, xây dựng cơ bản.

108. Tỉnh ủy Lai Châu, Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 01/7/2004 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

109. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 725/BC-SKHĐT, ngày 11/5/2020, Báo cáo đánh giá tác động của dịch Covid-19 đến việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lai Châu năm 2020.

110. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 2304/BC-SKHĐT, Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020, phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.

111. Sở Kế hoạch và Đầu tư, số 1616/KH-SKHĐT, ngày 09/9/2020, *Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025.*

112. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 2080/SKHĐT, ngày 19/11/2020 về đề nghị ban hành báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế xã hội các vùng và Chương trình mục tiêu hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương giai đoạn 2016 - 2020.

113. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu, số 2304/BC-SKHĐT, ngày 18/12/2020, *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020; phương hướng, nhiệm vụ năm 2021.*





# MỤC LỤC

<b>Lời giới thiệu.....</b>	<b>3</b>
<b>Chương I: Khái quát tình hình Lai Châu.....</b>	<b>5</b>
I. Vị trí địa lý, một số yếu tố tự nhiên có ảnh hưởng đến ngành Kế hoạch và Đầu tư.....	5
II. Đơn vị hành chính tỉnh Lai Châu.....	8
III. Đặc điểm về văn hóa, kinh tế.....	9
<b>Chương II: Ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ (1963 - 1975).....</b>	<b>11</b>
I. Ngành Kế hoạch và Đầu tư thành lập và kiện toàn, tích cực tham mưu góp phần hoàn thành kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất (1963 - 1965).....	11
II. Ngành Kế hoạch và Đầu tư tích cực tham mưu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần cùng quân dân cả nước đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ (1966 - 1975).....	24
<b>Chương III: Ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu trong giai đoạn khắc phục hậu quả chiến tranh, bảo vệ biên giới phía Bắc và chuẩn bị tiền đề cho việc thực hiện công cuộc đổi mới (1976 - 1985).....</b>	<b>45</b>
I. Ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu tham mưu khắc phục hậu quả chiến tranh, bảo vệ biên giới phía Bắc của Tổ quốc (1976 - 1980)	45
II. Ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu tham mưu chuẩn bị tiền đề cho việc thực hiện công cuộc đổi mới (1981 - 1985).....	57
<b>Chương IV: Ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu tích cực tham mưu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần quan trọng thực hiện công cuộc đổi mới (1986 - 2003).....</b>	<b>69</b>
I. Ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu tích cực tham mưu thực hiện công cuộc đổi mới của Đảng (1986 - 1995).....	69
II. Sở Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu thành lập, nhanh chóng ổn định tổ chức và tích cực hoạt động, góp phần đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa (1996 - 2003).....	107

<b>Chương V: Ngành Kế hoạch và Đầu tư Lai Châu đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động, góp phần thực hiện thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội qua các thời kỳ (2004 - 2023).....</b>	<b>145</b>
I. Ngành Kế hoạch và Đầu tư tích cực tham mưu triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu đưa Lai Châu cơ bản ra khỏi tình trạng tỉnh đặc biệt khó khăn (2004 - 2010).....	145
II. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đổi mới trong tham mưu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần đưa Lai Châu ra khỏi tình trạng kém phát triển (2010 - 2015).....	174
III. Ngành Kế hoạch và Đầu tư đẩy mạnh đổi mới sáng tạo trong tham mưu phát triển kinh tế - xã hội, huy động các nguồn lực xây dựng tỉnh Lai Châu phát triển nhanh và bền vững (2015 - 2023).....	214
<b>Kết luận.....</b>	<b>257</b>
<b>Tài liệu tham khảo.....</b>	<b>265</b>



# LỊCH SỬ NGÀNH KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH LAI CHÂU (1963 - 2023)

\*\*\*\*\*

## NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Số 97 Trần Quốc Toản - Hoàn Kiếm - Hà Nội: ĐT 024.38515380;

Email: info@nxblaodong.com.vn; Website: www.nxblaodong.com.vn

**Chi nhánh phía Nam: Số 85 Cách mạng Tháng Tám, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh: ĐT 028.38390970**

*Chịu trách nhiệm xuất bản: **Mai Thị Thanh Hằng***

*Biên tập: **Phan Thị Ánh Tuyết***

*Trình bày, bìa: **Nguyễn Hữu Chính***

*Sửa bản in: **Bùi Văn Đạt***

*Liên kết xuất bản*



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ TRUYỀN THÔNG VĂN HÓA VIỆT**

Trụ sở: 188E phố Yên Bình - Phúc La - Hà Đông - Hà Nội \*ĐT: 024.62974455

Văn phòng: Tầng 9 - tháp A - Tòa nhà đa năng số 197 Trần Phú - Hà Đông - Hà Nội

Website: [truyenthongvanhoaviet.vn](http://truyenthongvanhoaviet.vn)

\*Email: [vhvmedia@gmail.com](mailto:vhvmedia@gmail.com)

---

*In 200 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Công ty TNHH Phát triển Minh Đạt*

*Địa chỉ: Số 4, ngõ 41 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Hà Nội*

*Số xác nhận ĐKXB: 4123-2023/CXBIPH/04-249/LĐ*

*Số QĐXB của NXB: 1714/QĐ-NXBLĐ ngày 19/12/2023. Mã ISBN: 978-604-480-905-2*

*In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2024.*